

5522
651
VĂN - HOÁ
NGUYỆT-SAN



IN 2.000 CUỐN TẬP XIV,
Q. 5 (THÁNG 5, 1965)
IN TẠI NHÀ IN ĐỨC-SINH
173, 173A, 173B ĐƯỜNG
CỔ GIANG — SAIGON
GIẤY PHÉP XUẤT-BẢN :
NGHỊ - ĐỊNH SỐ 332
CAB/SG NGÀY 5-5-1952

Năm thứ XIV, Quyển 6

Tháng 6, 1965

Tòa Soạn : Nha Văn-Hóa (Bộ Văn-Hóa Giáo-Dục)
89, D. Lê-Văn-Duyệt, Sài-gòn. Đ.T. 20.277
Chủ-nhiệm kiêm Chủ-bút : Nguyễn-Đình-Hòa
Thư-ký : Ô.Ô. Nguyễn-Văn-Ninh, Phạm-Tất-Dạt
Phát-hành : B.B. Trịnh-Thị-Yên, Phạm-Thị-Thanh, Ngô-Thị-Luân

NHA VĂN - HOÁ
BỘ VĂN - HOÁ GIÁO - DỤC
SÀI-GÒN VIỆT-NAM

VĂN - HOÁ

NGUYỆT-SAN

TẬP-SAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHỔ-THÔNG

Loại Mới

Năm thứ XIV, Quyển 6 (Tháng 6, 1965)

NHA VĂN-HOÁ

BỘ VĂN-HOÁ GIÁO-DỤC

VĂN HOÁ NGUYỆT-SAN

TẬP-SAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHỔ-THÔNG
NHA VĂN-HOÁ BỘ VĂN-HOÁ GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN

Loại Mới

Năm thứ XIV, Quyển 6 (tháng 6, 1965)

Mục - lục

- Ước-pháp
- Hiệu-triệu của Trung-Tướng Chủ-tịch Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia.
- Tuyên-cáo của Thiếu-Tướng Chủ-tịch Ủy-ban Hành-pháp Trung-ương.

Âm-vị-học là gì ? (<i>tiếp theo</i>)	NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA	913
Tác-phẩm và thi-phẩm Hán của thi-phái Chiêu-Anh-Các	ĐÔNG-HỒ	927
Một tấm gương tiết-tháo : cụ Nguyễn-Khuyến. Phan-Sào-Nam	PHẠM-VĂN-SƠN	939
Giai-thoại văn-học và khoa-cử vẽ Phan-Sào-Nam	LÊ-XUÂN-GIÁO	947
Cung-Oán Ngâm-Khúc bình-chú (<i>tiếp theo</i>)	TRẦN-CỬU-CHẤN	956
Chính-trị-con-người	NGUYỄN-ĐÌNH-THI	962
Xây-dựng và phát-triển văn-hóa giáo-dục.	NGUYỄN-KHẮC-HOACH	971
Thi ca của ĐÔNG-HỒ, TRỌNG NHẬT, BACH-LĂNG, UYÊN-NGUYỄN, ĐẠM-NGUYỄN, HOÀI-PHƯƠNG, HUYNH-KHINH, NGỌC-TRAI, MỘNG-TUYẾT...		
Bình-luận về hội-họa cận-đại Trung-Quốc	TRƯƠNG-CAM-VINH	991
Nguyên-tử-năng	PHÙNG-LIÊN-ĐOAN	1005

CULTURE

MONTHLY REVIEW

PUBLISHED BY THE DIRECTORATE OF CULTURAL AFFAIRS
MINISTRY OF EDUCATION AND CULTURE

Vol. XIV, N° 6 (June, 1965)

Contents

- Convention
- Message of General Nguyen-Van-Thieu, Chairman of the Directory.
- Proclamation of Air Marshall Nguyen-Cao-Ky, Chairman of the Central Executive Committee

What is Phonemics ! <i>(continued)</i>	NGUYEN-DINH-HOA	913
Literary works of the Chieu-Anh-Cac School	ĐÔNG-HO	927
Nguyen-Khuyen, an example of integrity	PHAM VAN-SON	937
Anecdotes about Phan-Sao-Nam in the field of literature	LE-XUAN-GIAO	947
Annotations to Cung-Oan Ngam-Khuc "An Odalisque's Complaint" <i>(continued)</i>	TRAN-CUU-CHAN	956
Concept on 'Human Politics'	NGUYEN-DINH-THI	962
Edification and development of Education and Culture	NGUYEN KHAC-HOACH	971
Poèmes by ĐÔNG-HO, TRỌNG-NHẬT, BẠCH LANG, UYÊN-NGUYỄN, ĐAM-NGUYỄN, HOÀI-PHUƠNG, HUỲNH-KHINH, NGỌC-TRAI, MÔNG-TUYẾT...		
Modern Chinese Painting.	TRUONG-CAM-VINH	991
Atomic Energy.	PHUNG-LIEN-ĐOAN	1005

Tranh-ảnh

- *Sơn-thủy sau cơn mưa* Cao-Khắc-Cung (thế-kỷ XIII)
- *Sơn-thủy* Đông-Kỳ-Xương (1555-1636)
- *Sơn-thủy* Nghệ-Toàn (1301-1374)
- *Nguyệt hạ mai trúc* Thạch-Đào

Phụ-trương

- Katu Personal Pronouns JUDITH M. WALLACE
- Affixes in Katu NANCY A. COSTELLO



Figures and Illustrations

- *Landscape after raining* by Kao K'o Kong (XIII^e Century)
- *Landscape* by Tong K'i T'h'ang (1555-1636)
- *Landscape* by Ni Tsan (1301-1374)
- *Apricot and bamboo, in moonlight* by Che T'ao

Supplement

- Katu Personal Pronouns JUDITH M. WALLACE
- Affixes in Katu NANCY A. COSTELLO



CULTURE

REVUE MENSUELLE D'ETUDE ET DE VULGARISATION

PUBLIÉE PAR LA DIRECTION DES AFFAIRES CULTURELLES

MINISTÈRE DE LA CULTURE ET DE L'ÉDUCATION

Nlle Série

Vol. XIV, N° 6 (Juin, 1965)

Table des Matières

- Charte Constitutionnelle.
- Appel adressé à la population par le Président du Directoire.
- Proclamation du Président du Comité Exécutif Central.

Introduction à la Phonématique (<i>suite</i>)	NGUYEN-DINH-HOA	913
Oeuvres littéraires en chinois par l'Ecole Chieu-Anh-Cac	DONG-HO	927
Nguyen-Khuyen, un exemple d'intégrité	PHAM-VAN-SON	937
Anecdotes littéraires sur Phan-Sao-Nam	LE-XUAN-GIAO	947
Annotations du Cung-Oan Ngam-Khuc 'Complainte d'une Odali que' (<i>suite</i>)	TRẦN-CUU-CHÍNH	956
Une conception sur la 'politique humaine'	NGUYEN-DINH-THI	962
Edification et développement de la Culture et de l'Éducation nationale	NGUYEN-KHAC-HOACH	971
Poèmes de DONG-HO, TRONG-NHAT, BAC HANG, UYEN-NGUYEN, DAM-NGUYEN, HOAI-PHUONG, HUYNH-KHINH, NGOC-TRAI, MONG-TUYET...		
Peinture chinoise des temps modernes	TRUONG-CAM-VIHH	991
Energie atomique	PHUNG-LIEN-DOAN	1005

Planches et Gravures

- *Après la pluie, paysage* par Kao K'o Kong (XIII^e siècle)
- *Paysage* par Tong K'i Tch'ang (1555-1636)
- *Paysage* par Ni Tsan (1301-1374)
- *Prunier et bambou au clair de lune* par Che T'ao

Supplément

Katu Personal Pronouns.	JUDITH M. WALLACE
Affixes in Katu	NANCY A. COSTELLO



ƯỚC-PHÁP
(19-6-65)

Lời nói đầu:

Trong cơn nguy-biến, vì quyền sống của Dân-tộc, và vì uy danh Tê-quốc, Quân-lực Việt-Nam Cộng-Hòa đã can đảm lãnh trách-nhiệm trước quốc-dân và lịch-sử.

Đề hoàn thành sứ-mạng, Quân-lực Việt-Nam Cộng-Hòa không lấy mị dân làm phương-châm mà lấy an dân làm chánh-sách.

Quốc-dân Việt-Nam, trải bao nhiêu hy-sinh vẫn hoài bão một tề-quốc hùng-cường trong thanh-bình và tự-do.

Nhiệm-vụ của Quân-lực Việt-Nam Cộng-Hòa là thực-hiện cho bằng được hoài-bảo tha-thiết ấy, dù phải trả bất cứ giá nào. Muốn vậy, muôn người như một phải thống-nhất ý-chí và hành-động, dốc mọi nỗ-lực cho tiên-tuyên, đây lui và tiêu-diệt xâm-lược Cộng-sản. Muốn vậy hậu-phương phải ổn định đề lần lần kiến tạo cơ-sở vững bền cho một truyền-thống dân-chủ tự-do có điều-kiện này nở trong cách-mạng và trong chiến đấu.

Rút kinh-nghiệm đau thương trong quá-khứ, Ước-Pháp tạm thời dướì đây qui-định những cơ-cấu căn-bản tổ-chức Quốc-gia, nhằm thực-hiện những mục-tiêu nói trên.

THIÊN THƯ NHẬT

Tổng-tắc

Điều 1. Việt-Nam là một nước Cộng-Hòa, lãnh-thể thống-nhất và bất khả phân.

Điều 2. Trong khi chờ đợi một Hiến-pháp thiết thọ, chủ-quyền

[Năm thứ XIV, Quyển 6 (Tháng 6, 1965)]

quốc-gia, lâm thời do Đại-hội-đồng Quân-lực Việt-Nam Cộng-Hòa đảm-nhiệm

Điều 3. Việt-Nam Cộng-Hòa chấp-nhận và tôn-trọng các nguyên-tắc quốc-tế công-pháp, với điều-kiện là các nguyên-tắc này không trái nghịch với chủ-quyền quốc-gia và với cuộc chiến-đấu hiện tại của Dân-tộc.

THIỆN THỨ HAI

Đại-hội-đồng Quân-lực Việt-Nam Cộng-Hòa

Điều 4. Đại-hội-đồng Quân-lực Việt-Nam Cộng-Hòa gồm có:

Sĩ-quan cấp Tướng trong Quân-lực Việt-Nam Cộng-Hòa.

Tư lệnh các Quân, Binh Chủng.

Tư lệnh các vùng Chiến-thuật và Tư lệnh Biệt-khu Thủ-đô.

Tư lệnh các Sư-đoàn.

Điều 5. Đại-hội-đồng Quân-lực Việt-Nam Cộng-Hòa điều-hành theo một Nội-quy được ấn-định riêng.

Điều 6. Theo thể-thức của Nội-quy, Đại-hội-đồng thiết-lập một Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia gồm:

1 Chủ-tịch.

1 Tổng Thư-ký.

1 Ủy-viên điều-khiển Hành-pháp.

7 Ủy-viên khác là: Ủy-viên Quốc-phòng trong Hành-pháp, Tổng-Tham-mưu-trưởng Quân-lực, 4 Tư-lệnh Vùng Chiến-thuật và Tư-lệnh Biệt-khu Thủ-đô.

THIỆN THỨ BA

Ủy-Ban Lãnh-Đạo Quốc-Gia

Điều 7. Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia được ủy-nhiệm hành xử chủ-quyền và điều-khiển mọi công-việc Quốc-gia — Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia chịu trách-nhiệm trước Đại-hội-đồng Quân-lực về mọi quyết-định của Ủy-ban.

Điều 8. Chủ-tịch Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia đảm-trách việc đại-diện Cộng-Hòa Việt-Nam đối nội và đối-ngoại. Chủ-tịch Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia bổ-nhiệm tại Hội-đồng Ủy-viên Hành-pháp bằng Sắc-lệnh theo đề-nghị của Chủ-tịch Ủy-ban Hành-pháp Trung-ương:

- Sứ-thần các hạng.

- Viện-trưởng Đại-học.

- Đô-trưởng.

Chủ-tịch Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia bổ-nhiệm và thăng cấp tại Hội-đồng Ủy-viên Hành-pháp, các Thâm-phán xử án theo đề-nghị của Thượng-hội-đồng Thâm-phán. Theo quyết-định của Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia bổ-nhiệm và thăng cấp các sĩ-quan cấp Tướng và các sĩ-quan cấp Tá lên cấp Tướng, chiếu đề-nghị của Ủy-viên Quốc-phòng.

Chủ-tịch Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia bổ-nhiệm, theo đề-nghị của Chủ-tịch Ủy-ban Hành-pháp Trung-ương, các Tổng-ủy, Ủy-viên và Thứ-ủy trong Nội-các. Chủ-tịch Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia chiếu quyết-định của Hội-đồng An-ninh Quốc-gia tuyên-bỏ tình-trạng khẩn-trương, tình-trạng thi-t-quân-luật hoặc tình-trạng chiến tranh.

Chủ-tịch Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia, chiếu quyết-định của Đại-Hội-Đồng Quân-lực Việt-Nam Cộng-Hòa, tuyên-chiến, đình-chiến, ký hòa-ước và hiệp-ước quốc-tế.

Chủ-tịch Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia ban-hành các văn-kiện Lập-pháp và công-thứ: chấp hành cho các bản án của các Tòa-án Tư-pháp và Hành-chính.

Điều 9. Chủ-tịch Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia ban huy-chương và hành xử quyền ân-xá.

Điều 10. Trong trường-hợp Chủ-tịch Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia mệnh chung hoặc bị cản trở không thi-hành nhiệm-vụ được, Tổng Thư-ký Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia sẽ thay thế với điều-kiện là trong vòng mười (10) ngày tròn, Đại Hội-Đồng Quân-lực Việt-Nam Cộng-Hòa phải chỉ định một vị Chủ-tịch mới.

Điều 11. Tổng Thư-ký Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia lãnh nhiệm-vụ:

- Nghiên-cứu và hoạch định các chính-sách chủ-trương và đường-lối tổng-quát của Quốc-gia.

- Với sự thoả-hiệp của Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia, soạn-thảo và đề-nghị ban-hành các văn-kiện lập-pháp để thực-hiện các chính-sách chủ-trương và đường-lối của Quốc-gia.

- Triệu tập Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia họp các phiên họp định kỳ hoặc bất thường.

Điều 12. Tổng Thư-ký có nhiệm-vụ tổ-chức văn-phòng Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia và nếu cần, thiết lập các ban chuyên-môn để phụ giúp trong các nhiệm-vụ liệt-kê trong Điều 11.

Điều 13. Ủy-viên điều-khiển Hành-pháp lãnh nhiệm-vụ Chủ-tịch

Ủy-ban Hành-pháp Trung-ương đề chấp hành chính-sách, chủ-trương, đường-lối hoặc kế-hoạch do Ủy-ban lãnh-đạo Quốc-gia đề đạt. Chủ-tịch Ủy-ban Hành-pháp Trung-ương có thể đề nạp những dự-thảo-luật để Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia nghiên-cứu và ban hành.

Điều 14. Chủ-tịch Ủy-ban Hành pháp Trung-ương có toàn quyền :

- Tổ-chức cơ-cấu guồng-máy hành-pháp.
- Lựa-chọn và thay thế các nhân-viên công-quyền.

Tuy-nhiên, Chủ-tịch Ủy-ban Hành-pháp Trung-ương phải có sự chấp thuận của Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia khi có quyết-định liên quan tới những cơ-câu từ cấp Tỉnh hoặc Tổng nha trở lên, và những nhân-sự từ cấp Thứ-ủy Hành-pháp trở lên.

Điều 15. Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia chỉ định trong số các Ủy-viên Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia một người thay thế Chủ-tịch Ủy-ban Hành-pháp Trung-ương trong trường hợp Ủy-viên này mệnh chung hoặc bị cản trở không thi hành nhiệm-vụ được với điều-kiện là trong vòng mười (10) ngày tròn, Đại Hội-Đồng Quân-lực Việt-Nam Cộng-Hòa phải chỉ định một Ủy-viên điều hành Hành-pháp mới.

THIÊN THỨ TƯ

Hội-Đồng An-Ninh và Quốc-Gia

Điều 16. Hội-đồng An-ninh Quốc-gia gồm có :
Chủ-tịch Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia : Chủ-tịch.
Tổng Thư-ký Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia : Hội-viên
Chủ-tịch Ủy-ban Hành-pháp Trung-ương : Hội-viên.
Ủy-viên Quốc-phòng : Hội-viên.
Tổng Tham-mưu trưởng : Hội-viên.

Điều 17. Hội-đồng An-ninh Quốc-gia có nhiệm-vụ tổng-quát :

- Đề-nghị các biện-pháp thích-ứng để duy-trì an-ninh quốc-gia
- Đề-nghị tuyên-bố tình-trạng khẩn-trương, tình-trạng thiết-quân luật hoặc tình-trạng chiến tranh trên một phần hay toàn lãnh-thổ Quốc-gia.

Điều 18. Một sắc-luật sẽ ấn-định thể-thức điều-hành và bổ-túc nhiệm-vụ của Hội-đồng An-ninh Quốc-gia.

THIÊN THỨ NĂM

Hội-Đồng Kinh-Tế và Xã-Hội

Điều 19. Một Hội-đồng Kinh-tế và Xã-hội sẽ được thành-lập với nhiệm vụ :

IV

• Trình-bày sáng-kiến, soạn thảo kế-hoạch về các vấn-đề Kinh-tế và Xã-hội đề đưa lên Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia.

• Phát-biểu ý-kiến về những dự-án, kế-hoạch có liên hệ tới các vấn-đề Kinh-tế và Xã-hội do Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia soạn-thảo.

Điều 20. Một sắc-luật sẽ ấn-định tổ-chức và điều-hành của Hội-đồng Kinh-tế và Xã-hội.

THIÊN THỨ SÁU

Thượng Hội-Đồng Thẩm-Phán

Điều 21. Một Hội-đồng Thẩm phán sẽ được thành-lập với mục-dích bảo-đảm sự độc-lập của các Thẩm-phán xử án. Thượng Hội-đồng Thẩm-phán quyết-định và đề-nghị lên Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia các ý-kiến liên hệ tới các việc bổ-nhiệm, thuyên-chuyển, trừng-phạt kỷ-luật, thăng-thưởng và bãi chức các Thẩm-phán xử-án.

Điều 22. Một sắc-luật sẽ ấn-định tổ-chức và điều-hành của Thượng Hội-đồng Thẩm-phán.

THIÊN THỨ BẢY

Điền khoán chung kết

Điều 23. Phân nửa (1 phần 2) Hội-viên trong Đại Hội-đồng Quân-lực hoặc phân nửa (1 phần 2) Ủy-viên trong Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia có thể đề-nghị sửa đổi Ước-pháp này.

Điều 24. Đề-nghị sửa đổi Ước-pháp viện dẫn lý-do và chỉ được chấp-thuận nếu hai phần ba (2 phần 3) hội-viên trong Đại Hội-đồng Quân-lực tán-thành.

Điều 25. Ước-pháp này có hiệu-lực kể từ ngày ban-hành cho tới khi có Hiến-pháp thiết thọ.

Hiển-ước tạm thời số 1 ngày 4-11-1963 ;

Hiển-ước tạm thời số 2 ngày 7-2-1964 ;

Hiển-chương ngày 16-8-1964.

Hiển-chương Lâm-thời ngày 28-10-1964 cùng mọi văn-kiện hoặc luật-lệ ngược với Ước-pháp này đều bị hủy bỏ.



V

HIỆU-TRIỆU
của
Trung-Tướng Chủ-Tịch Ủy-Ban Lãnh-Đạo Quốc-Gia
(14-6-1965)

Thưa Quốc-dân đồng-bào,
Tổ-quốc lâm nguy !

Tại tiền-tuyến, những cuộc tàn-công của Cộng-sản xâm-lăng trên khắp các mặt-trận càng ngày càng dồn-dập và khốc-liệt. Chúng ta, con cháu bà Trưng, bà Triệu, Trần-Quốc-Tuấn, Lê-Lợi, Nguyễn-Huệ, chúng ta ai nấy đều mong muốn được góp phần mang lại một ngày mai tươi sáng cho dân-tộc.

Nay Chính-quyền dân-sự, trước tình-thế rối-loạn, không giải-quyết được cơn khủng-hoảng đã trao lại quyền lãnh-đạo Quốc-gia cho Quân-đội, Quân-đội không có quyền trốn nhiệm-vụ. Vì vậy, chúng tôi, các Tướng lĩnh trong Ủy-ban Lãnh-Đạo Quốc-Gia, có mấy lời tha-thiết kính gởi toàn thể đồng-bào, không phân-biệt Kinh, Thượng, không phân-biệt địa-phương, giai-tầng hoặc tôn-giáo.

Muốn chiến thắng Cộng-sản xâm-lăng, chúng ta phải có một hậu-phương mạnh, phải có một Chánh-phủ mạnh, dám nhận trách-nhiệm trước dân-tộc, trước lịch-sử, không lừa dối quốc-dân, không lấy *mị dân* làm phương-châm mà lấy *an dân* làm chánh-sách.

Chúng tôi long trọng tuyên-bố trước Quốc-dân và lịch-sử rằng : chúng tôi không có đầu óc độc-tài hoặc quân-phiệt, và chúng tôi lúc nào cũng tôn trọng các quyền căn-bản của con người và các quyền công-dân. Chúng tôi cam kết trước quốc-dân, trước thế-giới, và trước lịch-sử rằng : ngày nào an-ninh được vãn hồi, trật-tự được lập lại, tự-do được bảo-

[Năm thứ XIV, Quyển 6 (Tháng 6, 1965)]

đám, bọn Cộng-sản khủng-bố bị tiêu-diệt, bọn phản-quốc bị quét sạch, bọn sâu dân một nước bị loại trừ, bọn đầu-cơ thời-cuộc chỉ mong đục nước béo cò bị đào-thải, ngày ấy chúng tôi sẽ trao trả chánh-quyền lại cho những cơ-quan do toàn dân chọn lựa.

Tuy nhiên, trong tình-trạng chiến-tranh, một số quyền-lợi cá-nhân phải được hy-sinh cho quyền-lợi của đất nước.

Trách-nhiệm và bòn-phận của mỗi người công-dân trong công-cuộc cứu-quốc phải được coi là chính-yếu.

Thư đồng-bào,

Đồng-bào đã mắt thấy tai nghe, nhiều người lại từng là nạn-nhân của các hành-động bi-đi, ăn cắp, tranh xôi thịt, luồn cúi và hối-lộ những kẻ có quyền-thế, đàn-áp bóc-lột kẻ yếu kém, lãnh lương của chánh-quyền mà lẩn trốn nhiệm-vụ, bòn rút công-quỹ, chuyển lậu tài-sản ăn cắp được ra ngoại-quốc, phá-hoại kinh-tế, lũng-đoạn thị-trường, đầu-cơ hàng-hóa, lương-thực, thuốc men. Những kẻ có những hành-động đó đã kìm hãm dân ta trong vòng nghèo đói và lạc-hậu. Những kẻ đó đã gây ra những ung-nhọt độc hại cho xã-hội và làm suy-nhược sức sống của Dân-tộc ta. Chính những kẻ đó đã nổi giáo cho giặc, đã tiếp tay cho Cộng-sản thôn-tính miền Nam thân yêu của chúng ta.

Hôm nay, trước quốc-dân đồng-bào, chúng tôi nhứt quyết : những kẻ có tội với đất nước phải đền tội.

Chúng tôi đặt quyền sống của Dân-tộc lên trên hết.

Thư đồng-bào,

Dù thuộc thành-phần nào trong xã-hội, dù theo tôn-giáo nào, dù sinh-trưởng ở địa-phương nào, máu trong tim của chúng ta đều là dòng máu Việt.

Tất cả những ai mang dòng máu Việt hãy vươn lên ! hãy sát cánh ! hãy gạt phăng các tị-hiền cá-nhân ! hãy nhận rõ các thủ-đoạn của bọn phong kiến, thực-dân và cộng-sản nhằm chia-rẽ, phân-tán dân-tộc ta.

Một dân-tộc muốn sống trong vinh-quang, trong thanh-bình, và hạnh-phúc, dân-tộc ấy phải biết hy-sinh.

Các con người ưu-tú của dân-tộc hiện đang hy-sinh mỗi ngày một nhiều ngoài tiền-tuyến để chặn giặc xâm-lãng, vậy đồng-bào còn ở hậu-phương cũng phải góp phần hy-sinh xứng-đáng với xương máu của chiến-sĩ. Không có lý-do gì đang khi các chiến-sĩ gỏi súng nằm sương, chịu đựng

mọi gian khổ, mà những bọn sâu-mọt hưởng lạc, cầu an, chủ bại, lại vẫn được dung-dưỡng.

Quốc-dân đồng-bào,

Cùng nhau, chúng ta cải-tạo xã-hội này, xây dựng một nước Việt Nam mới. Cùng nhau, chúng ta đưa dân-tộc lên đường văn-minh tiến-bộ trên mọi địa-hạt để theo kịp trào-lưu của nhân-loại. Chúng ta có bòn-phận phải để lại cho thế-hệ mai sau những trang sử sáng chói, những cơ-cấu bền-vững, xây dựng trên nền-tảng tự do, công-bằng và nhân-ái.

Cùng nhau, chúng ta chung lưng sát cánh chiến-đấu để quét sạch giặc thù Cộng-sản khát máu cũng như bọn sâu-mọt phản nước hại dân.

Chúng ta hãy cùng nhau nỗ-lực, cùng đố-mô-hỏi, cùng góp xương máu, để củng-cố hậu-phương, để giữ chủ-động trên chiến-trường, làm tròn bòn-phận mà lịch sử đã giao-phó cho thế-hệ chúng ta.

Tò-Quốc Việt-Nam trường tồn !

Dân-tộc Việt-Nam quyết thắng !

Cách-mạng xã-hội thành công !



TUYÊN-CÁO

của

Thieu-Tướng Chủ-Tịch Ủy-Ban Hành-Pháp Trung-Uơng

(19 - 6 - 65)

Thưa Trung-Tướng Chủ-Tịch,

Thưa Quý Vị Tướng-Lãnh,

Thưa các Chiến-Hữu,

Thưa Quý Vị Tân-khách,

Tiếp theo việc chuyển-giao quyền lãnh-đạo Quốc-gia từ Chánh-quyền Dân-sự sang Quân-lực Việt-Nam Cộng-Hòa, tôi được ủy-nhiệm điều-khiển Ủy-ban Hành-pháp Trung-ương. Đây là một vinh-dự quá lớn cho tôi, và cũng là một bôn-phận hết sức nặng-nề mà Đại-Hội-Đồng Quân-lực đã trao phó. Là một người con của Tổ-quốc, là một người trai mang trong tim dòng máu Việt, là một chiến-sĩ trong Quân-lực, tôi xin đón nhận bôn-phận. Tôi nguyện dốc hết khả-năng để cùng các cộng-sự-viên của tôi, chúng tôi làm cho trọn bôn-phận, chấp-hành nghiêm-chính các chánh-sách mà Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia đã vạch rõ, qua lời Hiệu-triệu Quốc-dân ngày 14-6-1965 của Trung-tướng Chủ-tịch.

Trước khi bắt tay vào việc, chúng tôi xin báo-cáo với Trung-tướng Chủ-tịch và Đại-Hội-Đồng về hiện-tình của Tổ-quốc chúng ta. Sau đó chúng tôi báo-cáo về nhiệm-vụ chấp-chánh của Quân-lực cùng với chương-trình làm việc của Ủy-ban Hành-pháp Trung-ương đặng hoàn thành nhiệm-vụ đó.

[Năm thứ XIV, Quyển 6 (Tháng 6, 1965)]

Thư Trung-Tướng Chủ-Tịch,

Thư các Chiến-Hữu,

Thư Quý Vị.

Trong lời Hiệu-triệu Quốc-dân ngày 14-6, Trung-Tướng Chủ-Tịch đã nói: “ Muốn chiến thắng cộng-sản xâm-lăng, chúng ta phải có một hậu-phương mạnh đảm nhận trách-nhiệm trước Dân-tộc, trước Lịch-sử, không đả Quốc-dân, không lấy mị dân làm phương-châm mà lấy an dân làm chánh-sách”. Con đường đã vạch rõ, chúng tôi phải nỗ-lực noi theo. Bởi không lấy mị-dân làm phương-châm, không che giấu sự thật, chúng tôi xin báo-cáo một cách hết sức thẳng-thắn về tình-hình Tổ-quốc chúng ta, mặc dầu tình-hình có đen tối, kẻ địch có hiểm-độc.

Kẻ địch của Dân-tộc ta là cộng-sản xâm-lăng. Đế-quốc cộng-sản có một sách-lược tinh-vi hùng thực-hiện giấc-mộng mà chúng gọi là “ cái ngày cờ đỏ bay trên toàn thế-giới”. Nhằm xâm-lược và thống-trị các nước gặp tình-thế kém ổn-định, sách-lược chính của đế-quốc cộng-sản là “biến chiến-tranh đế-quốc thành nội-loạn”, đúng như Lê-nin đã nói.

Tuần theo chỉ-thị của đế-quốc cộng-sản, Việt-cộng tiến-hành cuộc chiến-tranh xâm-lược Việt-Nam Cộng-Hòa đúng theo qui-luật mà quan thầy của chúng đã vạch ra là đánh lâu-dài và đánh toàn-diện. Chiến-thuật mà Việt-cộng noi theo là kết-hợp đấu-tranh chánh-trị với đấu-tranh võ-trang, đặt căn-cứ ở rừng núi để không-chế và chiếm-linh nông-thôn, lấy nông-thôn bao vây thành-thị. Việt-cộng nắm vùng phối-hợp với lực-lượng từ miền Bắc vào, tấn-công ta ở cả mặt trước lẫn mặt sau. Việt-cộng khai thác những sai lầm về mọi mặt và mọi mực-độ của ta mà thu-hút quần-chúng. Việt-cộng nương theo lực-lượng quân-sự của ta mà xây-dựng lực-lượng của chúng và trau-giồi kỹ-thuật tác-chiến. Được sự chỉ-bảo kỹ-lưỡng của các quan thầy đế-quốc, lại được tiếp-tế mỗi ngày một nhiều về cán-bộ, lính-tráng, vũ-khí, đạn-dược, đến nay Việt-cộng đã đưa cuộc chiến-tranh gây loạn của chúng đến mức-độ ác-liệt nhưt.

Sở dĩ Việt-cộng đưa được một lực-lượng lớn mạnh vào Việt-Nam Cộng-Hòa như ngày nay, phần chánh cũng là vì những sai-lầm mỗi ngày một thêm phần nghiêm-trọng của chế-độ Ngô-Đình-Diệm, mà sai-lầm lớn nhất là không có sách-lược thích-hợp và kịp thời để ngăn ngừa chiến-tranh gây loạn dạng xâm-lược của cộng-sản. Sau Cách-mạng 1-11-63, sự khủng-hoảng về sách-lược chống cộng-sản xâm-lược lại càng rõ-rệt hơn, qua nhiều Chánh-phủ kế-tiếp, bởi vì sai-lầm cũ không được sửa chữa còn chống chắt

thêm những sai-lầm mới. Sự khủng-hoảng sách-lược đó đã đưa đến kết-quả thực-tế hiện nay là Việt-cộng đã mở được những trận đánh phối-hợp nhiều trung-đoàn với một hỏa-lực mạnh-mẽ, nhằm uy-hiệp những khu-vực do một vài tiểu-đoàn của ta trấn-giữ. Trận Quảng-Ngãi hồi đầu tháng 5 là một bằng-chứng, Trận Phước-Long hồi cuối tháng 5 là một bằng chứng khác và vừa đây, trận Đồng-Xoài còn hùng-hực sức nóng của súng phun lửa Trung-cộng.

Về mặt chánh-trị, trầm-trọng hơn hết là cuộc khủng-hoảng lãnh-đạo. Cuộc khủng-hoảng này hiển-hiện kể từ khi chế-độ Ngô-Đình-Diệm phơi bày rõ-rệt thực-chất phản-động, đặt quyền-lợi và lòng kiêu-hãnh cá-nhân và gia-đình lên trên quyền-lợi của Dân-tộc và danh-dự Tổ-quốc. Chế-độ đó càng ngày càng đi sâu vào con đường tội-lỗi, gian-ác, để trở thành phản-quốc. Cuộc khởi-nghĩa ngày 11-11-60 do Thiếu-tướng Nguyễn-Chánh-Thị lãnh-đạo rồi cuộc khởi-nghĩa ngày 27-2-62 do hai chiến-sĩ ưu-tú của Không-quân Việt-Nam đi tiên phong, oanh tạc sào-huyệt nhà Ngô là những cố-gắng vượt-bực nhằm giải-quyết cuộc khủng-hoảng lãnh-đạo. Những nỗ-lực đó đã được hoàn-thành bởi cuộc Cách-mạng ngày 1-11-63 với sự vươn lên của toàn thể Quốc-dân. Nhưng từ đó, cuộc khủng-hoảng lãnh-đạo lại diễn-biến dưới nhiều hình-thức khác nhau và ngày càng phức-tạp hơn. Gần 20 tháng qua, tất cả các giải-pháp đã được đem ra áp-dụng. Bắt đầu là giải-pháp chuyên-viên, rồi 3 tháng sau là giải-pháp liên-hiệp sau một cá-nhân chuyên-quyền. Tiếp theo đó, giải-pháp chính-khách hợp-tác phân-quyền đã hai lần được áp-dụng. Chỉ sau một thời gian ngắn mỗi giải-pháp đều tỏ ra không thích-ứng với tình-thế, không đáp-ứng nguyện-vọng tha-thiết của toàn-dân và tiềm-năng Quốc-gia ngày càng hao-mòn hầu như suy-kiệt.

Những khả-năng mới chưa được xây-dựng kịp, những khả-năng sẵn có tuần-tự đào-thải lẫn nhau mau lẹ một cách đáng lo-ngại. Chính bởi nguy-cơ suy-kiệt này mà chánh-quyền dân-sự đã kịp thời sáng-suốt trao lại Quân-lực quyền lãnh-đạo Quốc-gia.

Sự khủng-hoảng về sách-lược và về lãnh-đạo kéo theo sự khủng-hoảng về tổ-chức. Qui-ước cũ bị hủy bỏ, những qui-ước mới chỉ là tạm thời và vì thế không đầy đủ để ứng-dụng trước những biến-cố. Giường máy chánh-quyền rời-rạc, một số bộ-phận tan rã. Sự trạng nghiêm-trọng hơn hết là những thay đổi liên-tiếp ở kiến-trúc thượng-tầng đã làm rung-chuyển toàn-thể cơ-sở hạ-tầng. Ở nhiều khu-vực trong nông-thôn, cơ-sở hành-chánh suy-sụp khiến cho chánh-quyền mất kiểm-soát, quân-đội mất chỗ tựa, và xâm-lược lấn đất áp-bức bóc-lột lương-dân lúc nào cũng trông đợi được chánh-quyền và quân-đội che-chở.

Trong hoàn-cảnh chung đó, nền tài-chánh kinh-tế phải bị phá-sản là lẽ đương-nhiên. Tinh thể bấp-bênh, lòng người hoang-mang, việc tiếp-tế thất-thường là điều-kiện tốt cho bọn tư-bần gian-thương gia sức đầu-cơ tích-trữ thao-túng thị-trường. Nạn lạm-phát giấy bạc càng làm cho vật-giá lên cao mãi, đời sống đất-đỏ tăng thêm nỗi chật-vật của đại đa số quốc-dân, gồm nông-dân, lao-động và binh-sĩ.

Kinh-phí dự-trù cho Ngân-sách Quốc-gia tài-khoá 1965 được ấn-định là 46 tỷ 570 triệu đồng, trong khi đó tổng-số tài-nguyên đề ứng-phó chỉ được dự-trù là 37 tỷ 570 triệu đồng. Sự thâm thủng còn nghiêm-trọng hơn nữa nếu chúng ta kiểm-điểm sự hao-hụt về ngoại-tệ sò-hữu. Kề cả vàng, số ngoại-tệ sò-hữu năm 1962 là 200 triệu Mỹ-kim, đến năm 1965 chỉ còn có 120 triệu Mỹ-kim. Nếu không kể vàng, số ngoại-tệ sò-hữu hiện nay của chúng ta là 85 triệu Mỹ-kim nghĩa là chỉ đủ chi dụng trong 6 hoặc 7 tháng. Đó là tài-sản nghèo nàn của Quốc-gia mà chúng tôi nhận lãnh ngày hôm nay.

Thực-trạng xã-hội, giáo-dục và văn-hóa bi đát không kém. Hàng triệu đồng-bào miền Trung vừa bị thiên-tai nặng-nề còn phải chịu thêm dịch-họa. Hơn một trăm ngàn đồng-bào chống cộng ở Trung-nguyên Trung-phần đã phải bỏ nhà cửa, ruộng vườn ở các vùng bất an-ninh, hiện đang sống cuộc đời tản-cư tại các thị-xã và thị-trần để đợi ngày cùng với Quân-lực trở về làng xóm tiêu-diệt giặc cộng-sản. Các tệ-nạn xã-hội có từ khi chúng tôi mới biết mở mắt nhìn vào cuộc đời hầu như đến nay vẫn nguyên vẹn, cộng thêm những biến-thái mới do ảnh-hưởng chiến-tranh, do sự bế-tắc tư-tư-động, do sự thanh-niên không được hướng-dẫn về ý-nghĩa của cuộc sống.

Nơi học-đường, việc giáo-dục đã bị co-rút trong phạm-vi học-hánh. Mà ngay đến nền học-chánh cũng rất nhiều thiếu sót: trường-sở hiều, thầy kém, thi-cử bất công, tài-liệu giáo-khoa câu-thả, sinh-viên học-sinh bơ-vơ cả trường học lẫn trường đời. Con em trông mong vào cha mẹ nhưng hầu hết các bậc phụ-huynh cũng đành bó tay trong hoàn-cảnh đen tối của một xã-hội phân-hoá cùng cực. Nét điển-hình của tình-trạng nhân-tâm ly-tán nổi bật trong sinh-hoạt báo-giới. Gần 60 tờ báo hàng ngày đang xuất-bản, trong số đó có 45 tờ ra đều, và trên 300 đơn xin ra báo, trong số đó có 125 đơn hợp-lệ đang nằm chờ giấy-phép. Vậy mà đoàn-kết vẫn là khát-vọng của Quốc-dân!

Nguyên-vọng chung của Quốc-dân là chính-quyền phải cố-gắng nỗ-lực để cải-thiện tình-trạng mà chúng tôi vừa báo-cáo. Những nguyên-vọng cụ-thể nhất đã được đúc-kết trong Đại-Hội Dân-Chánh Toàn-Quốc triệu-

tập hồi trung tuần tháng 3 vừa qua. Những nguyên-vọng đó có thể rút gọn trong một câu: Thiết-lập một chánh-quyền cách-mạng có đủ quyết-tâm và đủ khả-năng đoàn-kết toàn-dân để Quốc-dân cùng nhau nô-nức đánh giặc, tốc chiến tốc thắng, đồng thời cải-tạo xã-hội.

Thưa Trung-Tướng Chủ-Tịch,

Thay mặt Ủy-ban Hành-pháp Trung-ương chúng tôi đã báo-cáo về hiện-tình. Nói cho đúng, chúng tôi chỉ diễn-giải lời mở đầu trong bản Hiệu-triệu Quốc-dân ngày 14-6-1965 của Trung-Tướng Chủ-Tịch: "Tờ-Quốc đang lâm nguy!" Tiếp theo đây chúng tôi xin báo-cáo về nhiệm-vụ chấp-chánh của Quân-lực. Nói vắn tắt thì nhiệm-vụ đó là đưa Tờ-Quốc vượt khỏi cơn nguy-biến này.

Về phần chúng tôi, sở dĩ chúng tôi dám nhận lãnh trách-nhiệm điều-kiện việc hành-pháp chấp-hành chánh-sách của Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia đặng cùng với toàn-thể Quân Dân hoàn thành thắng-lợi nhiệm-vụ, là vì chúng tôi sắt đá tin-tưởng ở *chánh-nghĩa cách-mạng* của cuộc chiến-đấu của Dân-tộc ta, là vì chúng tôi nhận chân *lý-do tất thắng* của Quân Dân ta.

Cuộc chiến-đấu của Quân Dân ta là cuộc chiến-đấu tự-vệ chống lại cuộc xâm-lược của đế-quốc cộng-sản mà Việt-cộng chính là bọn rước voi về giày mò. Hơn thế nữa, như Trung-Tướng Chủ-Tịch đã nói rõ trong Hiệu-triệu Quốc-dân ngày 14-6, rằng cùng một lúc với cuộc chiến-đấu tự vệ này, chúng ta còn chiến-đấu để đánh đổ những bất-công, tiến-hành cuộc cách-mạng cải-tạo xã-hội, để xây-dựng một nước Việt-Nam mới.

Từ 8 năm nay, dưới chế-độ phản dân hại nước của nhà Ngô, và trong tình-trạng hỗn-loạn bởi thường-trực khủng-hoảng chánh-phủ kéo dài từ khi chế-độ đó bị đánh đổ, cho đến nay Quân Dân ta vẫn không ngừng quyết-liệt chiến-đấu. Đa số quốc-dân, mặc dầu bị Việt-cộng dùng đủ mọi thủ-đoan dụ-dỗ, cưỡng-ép, khủng-bố, vẫn không tán-thành đường lối của chúng. Sự-kiện này chứng tỏ rằng Quân Dân ta có đủ quyết-tâm, đủ khả-năng để tiến-hành một cuộc chiến-tranh lâu-dài, chiến-tranh toàn-dân, chiến-tranh toàn-diện để tiêu-diệt Việt-cộng, rằng điều-kiện quyết-định để đi tới toàn thắng là phải có được sự tham-gia hưởng-ứng nhiệt-thành của đa số quốc-dân.

Quân-lực chấp-chánh để hoàn-thành cho được 3 nhiệm-vụ khẩn-cấp: Tổ-chức lại guồng máy chánh-quyền sao cho phù-hợp với thời chiến; củng-cố hậu-phương, và giữ chủ-động trên khắp các mặt trận. Ba nhiệm-vụ khẩn-cấp này phải được hoàn-thành để tạo điều-kiện thuận-lợi cho việc

hoàn-thành nhiệm-vụ trường-kỳ là tiền-hành cách-mạng cải-tạo xã-hội. Để mau chóng làm tròn 3 nhiệm-vụ khẩn-cấp đó, Ủy-ban Hành-pháp Trung-ương hòa-tốc thực-hiện chương-trình công-tác sau đây trên các địa-hạt chiến-tranh và chánh-trị, kinh-tế và tài-chánh, xã-hội, giáo-dục và văn-hóa, ngoại-giao.

A. Trên địa-hạt chiến-tranh và chánh-trị, nguyên-tắc chỉ-đạo là: động-viên toàn-lực quốc-gia để chiến-thắng cộng-sản xâm-lược, quyền-lợi của mọi cá-nhân và tập-thể phải được hy-sinh cho quyền sống của dân-tộc. Năm công-tác khẩn-cấp trên địa-hạt này là :

(1) Phát-động phong-trào toàn-dân nô-nức diệt giặc. Tổ-chức mọi giới đồng-bào ở hậu-phương thành đoàn ngũ, phân công đồng-đều, hợp-tình và hợp-lý, đặng mọi người tích-cực góp phần vào việc củng-cố an-ninh nơi mình cư-ngụ, diệt-trừ cộng-sản nằm vùng, làm nhẹ gánh cho quân lực đang cần dồn hết khả-năng ra tiền-tuyến.

(2) Rèn luyện cho mọi công-dân trong lứa tuổi chiến-đấu để cho tất cả đều có khả-năng chiến-đấu cao về quân-sự cũng như về lý-luận kháng cộng và sẵn-sàng đón nhận cách-mạng xã-hội. Võ-trang nhân-dân tại những nơi có điều-kiện, tiến tới vũ-trang toàn-dân. Lập các đơn-vị hậu-bị-quân, phục-vụ tại hậu-phương.

(3) Tạo điều-kiện, khuyến-khích và tích-cực nâng-đỡ các giới đồng-bào, đặc-biệt là thanh-niên nam và nữ, tập-hợp thành những đoàn ngũ tình-nguyện đi tiền-phong phục-vụ tiền-tuyến và phục-vụ cách-mạng cải-tạo xã-hội.

(4) Chấp-hành nghiêm-chỉnh mọi biện-pháp ban bỏ do tình-trạng chiến-tranh, xúc-tiến việc thành-lập các tòa-án đặc-biệt ở Trung-ương và các vùng Chiến-thuật để xét xử các tội vi-phạm bộ luật áp-dụng trong thời kỳ ban-hành tình-trạng chiến-tranh.

(5) Thực-hiện toàn-dân đoàn-kết nhất-trí, xóa bỏ mọi tị-hiểm cá-nhân hoặc tập-thể gây nên trong thời-kỳ khủng-hoảng vừa qua. Áp-dụng các biện-pháp khoan-hồng đối với những phần-tử nào đang bị giam giữ hoặc điều-tra nhưng không can tội trực-tiếp hoặc gián-tiếp áp-bức, bóc-lột và nô-lệ-hóa đồng-bào. Ngược lại, nghiêm-trị những kẻ nào đặt quyền-lợi và lòng kiêu-hãnh cá-nhân hoặc tập-thể lên trên quyền sống của dân-tộc và uy-danh của Tổ-quốc, làm phương hại đến cuộc kháng-chiến chống cộng-sản xâm-lược và cách-mạng cải-tạo xã-hội.

B. Trên địa-hạt Kinh-tế và Tài-chánh, nguyên-tắc chỉ-đạo là

chánh-quyền khắc-khò, quốc dân tiết-kiệm trong khuôn-khò kinh-tế chiến-tranh và cách-mạng cải-tạo xã-hội. Mọi công-tác cấp thời đều nhằm mục-tiêu chặn đứng nạn tăng-giá bất hợp-pháp, giảm giá sinh-hoạt, đồng thời bảo-đảm tăng thu cho ngân-sách quốc-gia. Mười công-tác khẩn-cấp trên địa-hạt này là :

(1) Áp-dụng biện-pháp mạnh đối với gian thương đầu-cơ tích-trữ buôn-bán chợ đen. Triệt-đề áp-dụng giá chánh-thức. Tổ-chức các đoàn và các đội kiểm-tra các kho lương-thực, hàng-hóa, nguyên vật-liệu của giới kinh-doanh tại các thành-phố thị-xã và thị-trấn. Khuyến-khích thanh thiếu-niên nam nữ tình-nguyện tham-gia các đoàn, đội kiểm-tra này, đặng thiết-thực bảo-vệ quyền-lợi của đồng-bào. Trừng-trị thật nặng những đại gian-thương, nhưng chăm-chước để cải-tạo những dân nghèo bị bọn gian-thương mua chuộc dùng làm tay sai. Giúp cho hạng người này trở lại con đường làm ăn lương-thiện góp phần tích-cực vào việc mưu-cầu thịnh-vượng chung.

(2) Ưu-tiên bảo đảm việc tiếp-tế lương-thực và thực-phẩm từ nông-thôn về thành-thị, phân-phối hàng-hóa phẩm-vật từ thành-thị về nông-thôn. Đặc-biệt quan-tâm bảo-đảm tiếp-tế đầy đủ cho Trung-phần.

(3) Kiểm-tra gấp số lượng dự-trữ sản-phẩm tiêu-thụ thiết-yếu và các nguyên vật-liệu cần dùng để ứng-đáp nhu-cầu về ăn, mặc, ở, đi lại và sức khoẻ của Quốc-dân. Thiết-lập một khối lượng dự-trữ đủ để đề-phòng nạn khan hiếm và đề bảo-đảm điều hòa tiếp-tế.

(4) Thiết-lập một cơ-quan đảm-nhiệm thu mua, dự-trữ và phân-phối lúa gạo.

(5) Trong khuôn-khò kinh-tế chiến-tranh đòi hỏi ở các tầng lớp có mực sống cao ở thành-thị một sự đóng-góp xứng đáng với khả-năng hơn nữa.

(6) Tăng thu cho ngân-sách quốc-gia bằng cách gia-tăng một số thuế tiêu-thụ đánh vào các loại hàng-hóa, phẩm-vật không cần-thiết, nhất là loại hàng có tính-chất xa-xi. Tăng thuế-quan nhập-nội.

(7) Triệt-đề khai-thác viện-trợ Mỹ. Thảo-luận ngay chương-trình viện-trợ Mỹ tài khoá 1966.

(8) Triệt-đề tiết-kiệm sở-hữu ngoại-tệ. — Cấm hẳn du-lich ngoại-quốc — chọn lọc sinh-viên ưu-tú xuất-ngoại du học những ngành mà Đại-học trong nước chưa có. Kiểm-tra sinh-viên du-học ngoại-quốc và gọi về nước những sinh-viên đang học những ngành hiện có trong nước.

(9) Thiết-lập ngay một "cơ-quan" Phối-hợp Kinh-tế để đôn-đốc, kiểm-soát và hướng-dẫn tất cả xi-nghiep quốc-doanh và các cơ-quan Quản-trị.

(10) Thảo-luận dự-án kế-hoạch phát-triển kinh-tế ngắn hạn để thực-hiện trong năm 1966.

C. Trên địa-hạt xã-hội, giáo-dục, văn-hóa, nguyên-tắc chỉ-đạo là nâng cao nhiệt-tình yêu nước khơi động tự-hào Dân-tộc của đồng-bào mọi giới, đặc-biệt là giới trẻ, lập thành đội quân tiên-phong cách-mạng cải-tạo xã-hội. Bày công-tác khẩn-cấp trên các địa-hạt này là :

(1) Xét lại toàn-bộ chế-độ trợ-cấp gia-đình từ-sí, chế-độ thương-phế-binh trên căn-bản đền đáp xứng-đáng và phúc-lợi lâu dài.

(2) Khởi sự giảm-bớt khoảng cách trong hệ-thống ngạch trật cùng chế-độ tiền lương của công-chức, quân-nhân, cụ-thể là phụ cấp gia-đình.

(3) Khởi sự tiến-hành chánh-sách nhà đất, trưng-dụng, trưng mua để thanh-toán nạn đầu-cơ nhà đất, giải-quyết nạn nhà ồ chuột.

(4) Tận diệt du-đăng, giải-quyết nạn hành-khất và thiếu-niên lang-thang, đưa lớp người này vào sản-xuất và chiến-đấu.

(5) Chấn-chỉnh nền học-chánh, xét lại chương-trình và soạn lại sách giáo-khoa, lập thêm trường-sở tại những khu đông-đảo bà con lao-động — kế-hoạch-hoá việc đào-tạo chuyên-viên cao-đẳng và đại-học.

(6) Tổ-chức học-sinh, sinh-viên, thanh-niên thành đoàn ngũ huấn-luyện cách-mạng song-song với huấn-luyện quân-sự.

(7) Khuyến-kích, cung-cấp phương-tiện và đãi ngộ xứng-đáng các nhà viết sách, làm văn-học nghệ-thuật với chủ-trương phục-vụ Dân-tộc và Cách-mạng Xã-hội, phổ-biến công-trình sáng-tác sâu rộng trong mọi giới đồng-bào và chiến-sĩ.

D. Trên địa-hạt ngoại-giao, nguyên-tắc chỉ-đạo là giữ chủ-động trên trường chánh-trị quốc-tế, trình bày với các nước bạn những bước tiến trọng đại trên đường kháng-chiến chống cộng-sản xâm-lược và cách-mạng cải-tạo xã-hội của Việt-Nam Cộng-Hòa. Bốn công-tác khẩn-cấp trên địa-hạt này là :

(1) Sát hạch toàn bộ nhân-viên ngoại-giao đang làm việc tại các sứ-quán Việt-Nam ở nước ngoài.

(2) Lập các trung-tâm hoạt-động ngoại-giao tại một số quốc-gia trọng-tâm, để hoạt-động lan rộng sang các quốc-gia kế-cận, cụ-thể là tại Nam-Mỹ, Phi-Châu, Trung-Đông và cận trụ-sở Liên-hiệp-quốc.

XVIII

(3) Cung-cấp đầy đủ các tài-liệu viết bằng tiếng Anh và Pháp, các hình ảnh và phim thời-sự, để giới-thiệu cuộc chiến-đấu cách-mạng của Việt-Nam-Cộng-Hòa.

(4) Nỗ-lực vận-động Việt-kiều hải-ngoại hưởng-ứng và tham-gia cuộc chiến-đấu cách-mạng ở nước nhà.

Thưa Trung-Tướng Chủ-Tịch,

Thưa Quý-Vị Tướng-Lãnh,

Thưa các Chiền-Hữu,

Thưa Quý-Vị Tân-Khách,

Hai mươi sáu công-tác khẩn cấp trong chương-trình mà chúng tôi vừa báo-cáo tuy chỉ là quá ít so với sự đòi-hỏi của tình-thế, và cũng là quá nặng đối với khả-năng của chúng tôi. Tuy nhiên chúng tôi nguyện sẽ đem hết quyết-tâm và tinh-thần kiên dũng để bù vào chỗ yếu kém. Với sự tin-nhiệm của Đại-Hội-Đồng Quân-Lực, dưới sự bảo-trợ của Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia, với truyền-thống tôn-trọng kỷ-luật và sẵn-sàng hy-sinh của Quốc dân, chúng tôi tin-tưởng rằng : Nếu vì lý-do gì vượt khỏi tầm tiên liệu của chúng tôi, những nhiệm-vụ mà chúng tôi đã nhận lãnh có thể không hoàn-thành được đầy đủ thì chắc-chắn chúng tôi cũng nhất quyết không làm cho Tô-quốc của chúng ta phải bị thương tổn thêm nữa, Dân-tộc phải bị khổ nhục thêm nữa.

Sau hết, nhân danh Chủ-tịch Ủy ban Hành-pháp Trung-ương, chúng tôi xin nhấn mạnh rằng : cách-mạng không phải là phá hủy, là san bằng tất cả, mà chính là xây-dựng, là cải-tạo. Cách-mạng dĩ nhiên là đổi cũ thay mới, nhưng trong cái cũ có điều hay, Cách-mạng phải phát-triển nó cũng như trong cái mới có sai lầm, Cách-mạng sửa chữa nó. Chúng tôi kính cầu xin phép Trung-Tướng Chủ-Tịch và toàn thể quý-vị Tướng-Lãnh trong Đại-Hội-Đồng Quân-Lực cho phép chúng tôi được đầu-tư tất cả vốn cũ và mới thấu góp được. Với sự chấp-thuận đó, chúng tôi thấy hiện hiện trước mắt một bình-minh mới của Dân-Tộc.

XIX

NGUYỄN-ĐÌNH-HOÀ
Giáo-sư Diễn-giảng
Đại-học Văn-khoa Sài-gòn

âm-vị-học là gì ?

(xin đọc V.H.N.S., Tập XIV, Q. 5, 1965)

3.3. Sau khi lần-lượt giải-quyết từng cặp hoặc nhóm âm khả-nghi (3.1.1 đến 3.1.11) ta đã cô-lập-hóa được mười một âm-vị vệ-âm sau đây : /b f w tr n y k x g ɲ/.

Những âm không khả-nghi đều được xếp vào mười âm-vị riêng-biệt /m t^h d s t s c ñ l h/.

Riêng tác-âm thanh-môn [ʔ] xuất-hiện trong những hoàn-cảnh sau đây : (1) trước /b-/ và /d-/ ; (2) đầu một âm-tiết và trước một mẫu-âm /-V/ ; và (3) trong một âm-tiết có thanh nặng. Thí-dụ :

(1) [ʔba] *ba* [ʔbón] *bốn* [ʔban] *ban, bang* [ʔda] *đa* [ʔdón] *đón*,
[ʔdan] *đan, đang*.

(2) [ʔaŋ] hoặc [aŋ] *an, ang* [ʔiu] hoặc [iu] *yêu*.

(3) [mqʔ] *mạ* [mqʔɲ] *mạg* [mqʔi] *mại* [mqʔo] *mạo*.

Vậy nếu gạt ngữ-âm đó ra vì nó có thể tiên-đoán được thì ta có 21 âm-vị vệ-âm sau đây :

	mỏ	chóp lưỡi	uốn	cạnh lưỡi	lưng lưỡi	thanh -mỏn
<i>Tắc-âm</i>						
điếc, có hơi gió		t ^h				
điếc, không có hơi gió		t	t	c	k	
tỏ	b	d			g	
Sát âm điếc	f	s	s		x	h
<i>Thềm-âm, đàn âm</i>			r			
Tỳ-âm	m	n		n̄	η	
<i>Biên-âm</i>		l				
<i>Bán-mẫu-âm</i>	w			y		

Bảng 1. Các âm-vị vệ-âm trong phương-ngữ Sài-gòn

3.3.1 Trong 21 âm-vị đó, cái nào cũng có thể xuất-hiện trước chính-âm và đứng một mình (C-). Trừ /b f m r h/ ra, 15 cái kia còn có thể kèm theo /w/ (Cw-).

	t ^h (w)-				
	t(w)-	t(w)-	c(w)-	k(w)-	
b-	d(w)-			g(w)-	
f (y)-	s(w)-	s(w)-		x(w)-	h-
		r-			
m-	n(w)-		n̄(w)-	η(w)-	
			l(w)-		
w-			y(w)-		

Bảng 2. Các vệ-âm đầu (onset) trong phương-ngữ Sài-gòn.

/be/ bê
/fu/ phu
/ma/ ma

/fyu/ vu

/wa/	oa, hoa		
/t ^h a/	tha	/t ^h wa/	thoa
/ti/	ti, ty	/twi/	tuy
/da/	đa	/dwa/	đoa
/sa/	xa	/swa/	xoa
/ná/	ná	/nwa/	noa
/ti/	tri	/twi/	truy
/si/	si	/swi/	suy
/ra/	ra, gia		
/cá/	cha	/cwa/	choa
/nà/	nhà	/nwa/	nhoa
/la/	la	/lwa/	loa
/ya/	gia, đa	/ywa/	đoa
/ka/	ca	/kwa/	qua
/ga/	ga	/gwa/	góa
/xa/	kha	/xwa/	khoa
/ηa/	nga	/ηwa/	ngoa
/ha/	ha		

3.3.2. Ta lại xem trong số 21 âm-vị đó, cái nào xuất-hiện sau chính-âm :

	-t	-(w)k
-b		
-m	-n	-(w)η
-w	-y	

Bảng 3. Các vệ-âm cuối (coda) trong phương-ngữ Sài-gòn

/-b/	/dáb/	đáp	/kúrb/	cư óp
/-t/	/hét/	hết	/sát/	sách
/-k/	/dák/	đạc, đạt	/kúk/	cúc
	/áwk/	óc	/áwk/	ốc

/-m/	/dám/	đám	/bứm/	bướm
/-n/	/nịn/	nhịn	/sán/	sánh
/-n/	/dàn/	đàn, đàng	/kún/	cúng /awŋ/ ong /aŋŋ/ ông
/-w/	/daw/	đào, đau	/iw/	yêu /hew/ heo
/-y/	/hay/	hai, hay	/mây/	mới /nây/ nói

Ta cũng cần thêm một nhận-xét về âm-lượng. Trừ hai mẫu-âm / / *ã* và / *Λ* / *ã*, rõ-ràng là ngắn và không bao giờ xuất-hiện cuối vắn, chín mẫu-âm kia ở cuối vắn thường là dài: *i, u, ɛ, ɔ, ɛ, ɔ, e, a, o*.

Thompson còn nghe thấy cả âm lướt: đằng sau những chính-âm *i* và *ɛ*, ông nghe thấy [i]; đằng sau *u* và *o*, ông nghe thấy [u]; và đằng sau *ɔ* và *ɛ*, ông nghe thấy [w]. Thành thử, không kể *e, a, o* (mà ông chỉ nói là dài và ghi /*ɛ a ɔ*/), ông còn có /ij ej uw ow yg əg/. VẬY không kể hai coda là /w j/, ứng với /w y/ của chúng tôi, Thompson còn có một vệ-âm cuối nữa là /g/.

3.4. Ngoài 21 âm-vị vệ-âm (mà 11 cái đã phân-tích trong 3.1) và 11 âm-vị chính-âm (đã phân-tích trong 3.2), ta còn cần biện-biệt và phân-tích các thanh và các độ nhấn trong phương-ngữ mà ta nghiên-cứu.

3.4.1. Phương-ngữ Sài-gòn có năm âm-vị thanh: cao ngang (không ghi gì), cao lên, trung lên, thấp ngang và thấp xuống.

Giáo-sư Laurence Thompson khi ghi nhận cả các biến-thái của từng âm-vị thanh đó, đã chia giọng nói trung-bình của người nói tiếng Sài-gòn là n bầy cung-bậc, đánh số từ 1 đến 7. Theo ông, năm thanh có thể có những biến-thái sau đây, căn-cứ vào độ cao lúc đầu và độ cao lúc cuối:

3.4.1.1. Thanh "cao ngang" có tới sáu biến-thái, được Giáo-sư Thompson chứng-mình trong những thí-dụ sau đây:

Khi nào ông 'đi, ..	'đi,	[54]	/... 'ɛtiy, / *
Khi nào tôi đi,...	đi,	[5]	/... ɛtiy, /
Tôi không 'đi.	'đi.	[41]	/... 'ɛtiy /

* Âm-vị /t/ của Thompson gồm luôn cả biến-thái [d], xuất-hiện trong hoàn-cảnh /# — /: "Saigon Pho emics", *Language*, 35.3 (1959). 459.

Ông có biết không?	không.	[4]	/... xawŋ /
Đi 'không?	'không?	[65]	/... 'xawŋ ? /
Tôi không 'đi.	'đi!	[61]	/... 'ɛtiy ! /

3.4.1.2. Thanh "cao lên" / / có những biến-thái [67]. Đó là thanh sắc.

3.4.1.3. Thanh "trung lên" /-/ có những biến-thái [35]. Đó là hai thanh hỏi và ngã.

3.4.1.4. Thanh "thấp ngang" /v/ có những biến-thái [2] và [23]. Đó là thanh nặng.

3.4.1.5. Thanh "thấp xuống" /v/ có những biến-thái [21]. Đó là thanh huyền.

Trong các thí-dụ dẫn trong bài này, chúng tôi nhất loạt dùng dấu hỏi để ghi cả hỏi lẫn ngã, trong khi ông Thompson dùng dấu /-/.
Chúng tôi cũng nhất-quán dùng dấu nặng để ghi thanh nặng thay vì /v/ của ông Thompson. Tuy-nhiên, nếu một âm-tiết tận cùng bằng một tắc-âm /b t k/ thì chúng tôi nghe được thanh huyền, chứ không thay thanh nặng. Thí-dụ:

đạp /dàp/,	chứ không phải */dàp/	(Thompson /ɛtapv/)
đạt /dàt/,	chứ không phải */dàt/	(Thompson /ɛtatv/)
đạc /dàk/,	chứ không phải */dàk/	(Thompson /ɛtakv/)

3.4.2. Giáo-sư Thompson còn biện-biệt cả tám âm-vị về nhấn, trong số đó 4 âm-vị chỉ cường-độ tương-đối của lúc nhấn bắt đầu là /' /, /' /, /' /, /' /, và 4 âm-vị chỉ đường uốn lượn của nhấn trong cả âm-tiết là *diminuendo* /, /, *morendo* /, /, *sostenuto* /? /, và *crescendo* /! /.

3.5. Nếu ta chấp-nhận cả tám âm-vị về nhấn đó thì âm-hệ phương-ngữ Sài-gòn sẽ có tất cả 48 đơn vị:

- 21 âm-vị vệ-âm
- 11 âm-vị chính-âm đơn
- 3 âm-vị chính-âm kép /iə uə uə/
- 5 âm-vị thanh
- 8 âm-vị về nhấn

Thật ra, "giải-pháp âm-vị" thứ nhất của G.s. Thompson đề ra cho các vệ-âm hơi khác vì trước hết nó còn có thêm âm-vị /ʔ/ mà lại không có âm-vị /d/.

Ba âm [t - t̥d-], ông xếp vào âm-vị /t/: da, đò, du, ông ghi /ʔta/ /ʔtow/ /ʔtuw/. Còn chúng tôi căn-cứ vào sự đối-nghịch giữa t- và d- mà biện-biệt hai âm-vị /t/: /d/. Và cũng vì thiết-lập âm-vị /ʔ/ nên ông xếp hai âm [-p] và [ʔb-] vào âm-vị /p/: ba, bốn, ban, ông ghi /ʔpa/ /ʔpon/ /ʔpan/.

Âm [v] ngạc-hoá, ông xếp cùng với ba bán-mẫu-âm [u u o] vào âm-vị /w/.

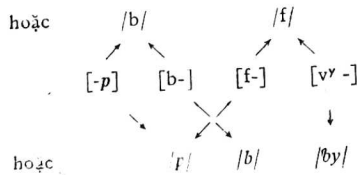
Ông Thompson đi tới một hệ-thống cân-xứng sau đây :

p	t	t̥	c	k	ʔ
f	s	s̥	j	x	
w	t̥	r	l	g	h
m	n	n̥	ŋ		

Bảng 4. Các âm-vị vệ-âm trong phương-ngữ Sài-gòn (theo Thompson)

Nếu đem so-sánh Bảng 4 này với Bảng 1 của chúng tôi thì thấy cũng ngần ấy dữ-kiện ngữ-âm, mỗi người có thể phân-tích một khác đề đi tới những hệ-thống âm-vị đại-đồng tiểu-dị. Mỗi người có thể dùng một "chiến-thuật" khác, và mỗi "giải-pháp âm-vị" đều có cái lợi, cái bất lợi.

Chẳng hạn, cũng bốn thãm-âm [p b f v], có người sẽ chủ-trương qui hai âm điếc [p f] vào một âm-vị (/p/ chẳng hạn) và hai âm tỏ [b v] vào hai âm-vị (/b/ và /b̥/ chẳng hạn). Ta sẽ có :



Nếu đoán-nhận ba là /ba/ và va là /b̥ya/, thì người ta còn có thể tiến một bước nữa mà giải-tích /c-/ thành /ty-/ và /n-/ thành /ny-/. Làm thế, sẽ tiết-kiệm được hai âm-vị. Hai ông Robert B. Jones và Huỳnh-Sanh-Thông đã đề ra những vệ-âm đơn và kép sau đây :

/ba/	ba	/b̥ya/	va
/ta/	ta	/t̥ya/	cha
/na/	na	/n̥ya/	nhà

Công-thức vần trong cột bên trái là CV, còn công-thức vần trong cột bên phải là CyV. Trong giải-pháp này, ta có ba nhóm từ-âm Cy-, so với nhóm duy-nhất /fy/ của chúng tôi. (Bảng 2).

3.6. Tóm-tắt lại, khi đoán-nhận vai trò (tức chức-năng) của một ngữ-âm nào đó trong cấu-thức một âm-tiết, ta sẽ có một vài sự lựa chọn. Một cách ta có thể nói là thế này :

Mỗi âm-tiết trong thổ-ngữ Sài-gòn gồm có các thành-tố sau đây : (1) một độ nhấn tương-đối ; (2) một "onset" tức thành-tố khởi đầu, hoặc là một vệ-âm C₁ hoặc là một nhóm C₁C₂ ; (3) một chính-âm tức mẫu-âm hạt-nhân ; rồi có thể có (4) một "coda", tức thành-tố cuối, hoặc là một vệ-âm C₃ hoặc là một nhóm C₃C₄ ; (5) một trong năm thính ; và (6) một đường uốn lượn của nhấn. Nếu ta chỉ ghi những âm-vị theo chiều dài thì công-thức tối-đa sẽ như sau :

C₁ (C₂) V (C₃) (C₄)

C₁ là một trong 21 vệ-âm ở Bảng 2. Trừ /b f m r h/, cái nào cũng có thể có /w/ kèm sau. Trừ trường-hợp /fy/, C₂ nếu có thì là /w/. V là một trong số 11 mẫu-âm hạt-nhân giữ địa-vị chính-âm.

C₃ là một trong số 10 vệ-âm ở Bảng 3.

Nếu C₄ là âm của mềm /k ŋ/ thì có thể có cả C₃, là /w/.

Lẽ tất-nhiên, nếu đề âm-vị /ʔ/ thì ta còn có những nhóm hai vệ-âm CC /ʔp- ʔt-/ như trong ¹ba, ²da và nhóm ba vệ-âm CCC /ʔtw-/ như trong ³doá.

Mặt khác, nếu ta không muốn có nhóm vệ-âm ở đầu âm-tiết thì ta có thể bảo : onset là một từ-âm thường (C₁) hoặc một từ-âm thãm-âm-hóa (C₁^w).

Phía cuối âm-tiết cũng vậy. Nếu ta không muốn có khóm vệ-âm cuối thì ta có thể bảo: coda là một từ-âm đơn C_2 . Nhưng lúc ấy phải giải-quyết chính-âm ra sao? Một là thiết-lập đẳng trước /-k/ hoặc /-ŋ/ khóm mẫu-âm VV: /au/ trong *óc, ong*, /au/ trong *óc, ông*, /iə uə uə/ trong *biết, biếng, bước, bướng, buốt, buồng*, v.v.. Lúc ấy, công-thức vẫn sẽ thành:

$$C_1(w) VV C_2$$

Khi nghiên-cứu phương-ngữ miền Bắc (giọng Vinh), Giáo-sư Emeneau đã xếp [au] vào âm-vị /o/ và [au] vào /o/.

Chúng tôi không đồng ý vì chúng tôi nhận thấy sự đối-nghịch rõ ràng giữa -oong /oŋ/ và -ong /awŋ/ cũng như giữa -ông /oŋ/ và -ông /awŋ/. Trong phương-ngữ Sài-gòn thì sự đối-nghịch còn hiển-nhiên giữa -on /oŋ/ và -ong, giữa -ôn /oŋ/ và -ông.

Còn như những khóm /iə uə uə/ thì chúng tôi đồng-ý với L.M. Lê-Văn-Lý đề coi nó là những hạt-nhân mà thôi.

Lúc ấy công-thức vẫn sẽ rút còn có:

$$C_1(w) V (\Lambda) C_2$$

Phần IV

CÁCH PHÂN-BỐ NHỮNG ÂM-VỊ

4.0. Trong khi hoặc sau khi phân-tích các âm-vị của một ngôn-ngữ, ta còn phải nói đến cách phân-bố những âm-vị trong âm-hệ đó. Nếu ta khảo-cứu âm-hệ tiếng Anh, chẳng hạn, ta sẽ cần xét xem âm-vị nào xuất-hiện (hay không xuất-hiện) trước hoặc sau âm-vị nào. Thí-dụ, ta có thể có /r/ sau một tắc-âm điếc hay một tắc-âm nỏ: /pr- tr- kr- br- dr- gr-/, như ở đầu các từ *pry, try, cry, bright, dry, gripe*. Một mặt khác, ta thấy âm-vị /l/ chỉ xuất-hiện sau tắc-âm hai-môi và tắc-âm của-mềm chứ không bao giờ xuất-hiện sau tắc-âm răng hoặ: như: ta có thể có những khóm vệ-âm /pl- kl- bl- gl-/, như ở đầu các từ *play, clay, blue, glue*, chứ không thể có */tl-/ hay */dl-/ được.

Thí-dụ, ta có ba cột từ-âm sau đây của Anh-ngữ:

A	B	C
/s/	1. /p t k/	1. /l r w/
	2. /f/	2. /y/
	3. /v m n/	
	4. /b d g θ s/	
	5. /h/	

Ta chỉ rõ những từ-âm nào có thể ghép với từ-âm nào ở đầu một từ:

A + B ₁	spy, sty, sky
A + B ₁ + C trừ /spw- stl- stw-/	splash, spray, spew — stream, stew sclerosis, screw, skewer, square

A + B ₂ /B ₃	sphere, svelte, smash, snow
------------------------------------	--------------------------------

A + C trừ /sr-/	slow, swing, sue
B ₁ /B ₂ + C trừ /pw- tl- fw-/	play, pray, pure — true, twenty, tube,

B ₃ + C ₂	clean, cry, queen, cube, flee, free, —, few view, mute, news
B ₁ + C trừ /bw- dl- θl- sl- sw- sy-/	blue brown beauty

draw dwell duty
glow grow Gwen gules
three thwack thews
shriek

huge

4.1. Bingham phân-bố sau đây cho thấy cách ghép vần (chính-âm theo sau có vệ-âm cuối) trong phương-ngữ Sài-gòn.

	Bán-mẫu-âm			Tj - âm			Tắc - âm		
	-zero	-y	-w	-m	-n	-ŋ	-b	-t	-k
/i/	i, y	-	i(ê)u	i(ê)m	in, inh	-	i(ê)p	it, ich	-
/ɪr/	ư	u(ơ) i	ư(ơ)u	ư(ơ)m	-	ưn, ưng	ưop	-	ưc, ưt
/u/	u	u(ô) i	-	u(ô)m	-	un, ung	up	-	uc
/e/	ê	-	êu	ê m	ê n	-	êp	ê t	-
/ə/	ơ	oi	-	ơ m	-	ơ n	ơ p	-	ơc, ơt
/o/	ô	ôi	-	ô m	-	ô n	ô p	-	ôt
/ɛ/	e	-	eo	em	-	en, eng	ep	-	ec, et
/a/	a	ai, ay	ao, au	am	-	an, ang	ap	-	ac, at
/ɔ/	o	oi	-	om	-	on	op	-	ot
/a/	-	-	oc, ong	ăm	anh	ăn, ăng	ấp	ach	ắc, ắt
/ʌ/	-	ây	âu, ôc, ông	âm	ênh	ăn, ăng	ấp	êch	ắc, ắt
/iʌ/	ia	-	-	-	-	iên (g)	-	-	iêc, iê t
/ɪʌ/	ura	-	-	-	-	ươn(g)	-	-	ưc, ưt
/uʌ/	ua	-	-	-	-	uôn(g)	-	-	uóc, uót

Bảng 5. Chính-âm và coda trong phương-ngữ Sài-gòn.

Coda (tức vệ-âm cuối) có thể là zéro, bán-mẫu-âm /y w/, tị-âm /m n ŋ/, tắc-âm /b t k/, hoặc nhóm /wk wŋ/ :

/ma/	ma	/may/	mai, may	/maw/	mau
/nam/	nam	/an/	anh	/aŋ/	ăn
/fáp/	pháp	/sát/	sách	/màk/	mặt, mặc
/hàwk/	học	/ʌwŋ/	ông		

Những âm-tiết trong ba cột chốt, vì coda là tắc-âm, nên chỉ có hai thình / - - /.

/dáb/	dáp	/dàb/	dap
/hét/	hết	/mèt/	mệt
/lák/	lát	/làk/	lạt

/y/ không xuất-hiện sau /i e ɛ a/ mà chỉ xuất-hiện sau /r u ə o ə ɔ ʌ/ :

/ŋy/ người /múy/ muối /mây/ mời /toy/ tôi /hay/ hai
/hây/ hỏi /nây/ nây.

/w/ không xuất-hiện sau /u ə o ɔ/ mà chỉ xuất-hiện sau /i r ə ɛ a ʌ/ (và sau /a/ trong những nhóm /wk wŋ/ :

/nɪw/ nhiều /kɪw/ cừu /néw/ nếu /hɛw/ heo
/maw/ mau /áwk/ óc /awŋ/ ong /dɔw/ đầu /ʌwk/ óc
/ʌwŋ/ ông

/n t/ chỉ xuất-hiện sau /i e a ʌ/

/lín/ lính /hét/ hết
/ít/ ít /nen/ nên
/ʔan/ anh /át/ ếch
/sát/ sách /ʌn/ ênh

/ŋ k/ không xuất-hiện sau /i e/ mà chỉ xuất-hiện sau /r u ə o ɛ a ɔ a ʌ/

/dừŋ/	đừng	/mừk/	mực
/dúŋ/	đúng	/lúk/	lúc
/həŋ/	hơn	/ək/	ớt
/ŋoŋ/	ngôn	/tók/	tốt
/dɛŋ/	đen	/dɛk/	đét
/sáŋ/	sáng	/hák/	hát
/ŋɔŋ/	ngon	/ŋɔk/	ngọt
/nəŋ/	nặng	/mák/	mắc
/ʌŋ/	ân	/mʌk/	mất

4.2. So-sánh phương-ngữ miền nam và phương-ngữ miền bắc.

Tắc-âm	môi	chóp lưỡi	mặt lưỡi	lưng lưỡi	thanh- môn
điếc, có hơi gió		th			
điếc, không có hơi gió		t	c	k	
tỏ	b	d		g	
Sát-âm, tỏ	v	z			
điếc	f	s		x	h
Tỳ-âm	m	n	n̄	ŋ	
Biên-âm		l			
Bán-mẫu-âm	w		y		

Bảng 6. Các âm-vị vệ-âm trong phương-ngữ Hà-nội

So với phương-ngữ Sài-gòn, phương-ngữ Hà-nội (tiêu-biểu cho phương-ngữ miền bắc) có sát-âm /v/, âm-vị này tương-xứng với /fy/ [vj] hoặc /by/ [bj] tùy chỗ ta đoán-nhận âm đầu của va là "f ngạc-hoá" hay "b ngạc-hoá".

Khác với phương-ngữ Sài-gòn, phương-ngữ Hà-nội còn có sát-âm /z/, âm-vị này tương-xứng với cả /ra/, /ya/ và /za/ của phương-ngữ Sài-gòn.

th(w)-				
t(w)-	c(w)-	k(w)-		
b-	d(w)-	g(w)-		
v-	z(w)-			
f-	s(w)-	x(w)-	h(w)-	
m-	n(w)	n̄(w)-	ŋ(w)-	
	l(w)-			
w-				

Bảng 7. Các vệ-âm đầu (onset) trong phương-ngữ Hà-nội

Trong phương-ngữ Hà-nội, bán-mẫu-âm /w/ đứng trung-gian sau một vệ-âm và trước một chính-âm. Tất cả các từ-âm không phải là từ-âm môi (b, v, f, m) đều có thể có âm trung-gian /w/, và ta có cả /hw-/ (hoa, huệ, hê, huy, v.v.).

Phương-ngữ Sài-gòn thì không có /hw-/, và chỉ có /gw-/ và /kw-/ thôi: oá, hoá, quả goá, /wá hwá kwá gwá/ nhiều khi đều phát-âm thành /gwá/.

Phương-ngữ Hà-nội không có hai âm uốn lưỡi /t s/ mà cũng không có âm vỗ hoặc âm rung /r/. Cả tr- lẫn ch- đều phát-âm thành /c-/. Cả s- lẫn x- đều phát-âm thành /s-/.

**NHỮNG SÁCH BÁO DO HỘI NGHIÊN-CỨU
HÀNH-CHÁNH XUẤT-BẢN**

Hội Nghiên-Cứu Hành-Chánh với sự cộng-tác của Học-Viện
Quốc-Gia Hành-Chánh và các Giáo-sư tại Học-Viện
đã xuất-bản các sách sau đây :

1. Tờ-chức Hành-Chánh V.N.	Giáo-sư Lê-Văn-An	150\$
2. Niên-Giám Hành-Chánh 1963 (cập-nhật-hóa đến 22-11-63)		65\$
3. Nghiên-cứu về Hành-Chánh Công	Dwight Waldo	40\$
4. Rút kinh-nghệm của các nước tiên-tiên	Giáo-sư Nghiêm-Đặng	20\$
Ngoài ra Hội vẫn tiếp-tục bán các sách sau :		
5. Tài-Chánh-Học Đai-Cương	Giáo-sư Nghiêm-Đặng	150\$
Quyển I. Ngân sách		150\$
II. Công phí		150\$
III. Tài-nguyên Quốc-gia		100\$
6. Hiến-Pháp Lược-Khảo	Giáo-sư Ng-Quang-Quỳnh	60\$
7. Hành-Chánh Nhập-Môn	Giáo-sư Trương-Ngọc-Giàu	150\$
8. Phương-Pháp Thông-Kê (Anh Việt đối-chiếu)	Snyder	50\$
9. Nghệ-Thuật Quản-Đốc (Anh Việt đối-chiếu)	J.D. Millett	80\$
10. Nghiên-cứu một Cộng-đồng Thôn-xã Việt-Nam		80\$
Phần Hành-Chánh	LLoyd W. Woodruff	80\$
Phần Kinh-Tế	J. B. Hendry	50\$
Xã-Hội-Học	G. C. Hickey	55\$
11. Nguyệt-San Nghiên-Cứu Hành-Chánh		660\$
Công-sở : I cuốn		40\$
I năm		540\$
Tư-nhân : I cuốn		
I năm (cả cước-phí bảo-đảm)		

Hội Nghiên-Cứu Hành-Chánh 10, Trần-Quốc-Toàn, Sài-gòn.
Đ.T. 23119

ĐÔNG-HỒ

**tác-phẩm và thi-phẩm Hán
của thi-phái Chiêu-anh-các**

Ở bài trước, chúng ta đã thấy rồi mối tương-quan giữa văn-chương Hán và văn-chương Nôm của thi-phái Chiêu-anh-các.*

Thơ Hán và thơ Nôm của thi-phái này có ảnh-hưởng lẫn nhau như sao, chúng ta đã biết. Ở bài này, chúng ta hãy nhìn khái-quát một vài bài thơ Hán đề làm mốc, rồi về sau, chúng ta sẽ đi sâu vào rừng thơ Chiêu-anh-các của đất cổ-Hà-tiên văn-vật.

Trước khi nhìn riêng từng thi-phẩm, chúng ta lại phải nhìn chung cả tác-phẩm để thấy xuất xứ.

Theo các tài-liệu về Hà-tiên, thì nhóm Chiêu-anh-các đã sáng-tác được 6 bộ sách, gồm có 3 tập truyện và 3 tập thơ. Tài-liệu không kể rõ đó là sáng-tác bằng tiếng Hán hay bằng tiếng Nôm. Chắc-chắn phần lớn bằng Hán-văn. Nhưng mà, hiện nay, đã thất-lạc gần hết.

Ở đây, chúng ta chỉ xét về sách *Hà-tiên thập vịnh toàn tập* và sách *Minh-Bột di-ngư thi-thảo*.

河 仙 十 咏

Sách Hà-Tiên Thập Vịnh

Chúng ta đã có dịp kiểm-điểm ý-nghĩa 10 cảnh Hà-tiên, do vị Minh-chủ Chiêu-anh-các là Mạc Thiên-Tích mệnh đề, thì khi đó, chúng ta đã thấy được phần nào thi-tứ của *Hà-tiên thập vịnh* rồi.

Thơ Hán-thi vịnh 10 cảnh này thì nhiều lắm. Về phẩm cũng như về lượng đều phong-phú.

Khởi thủy, Mạc Thiên-Tích thủ xướng 10 bài. Mỗi vị trong số 31 vị trong Chiêu-anh-các, họa văn, mỗi vị 10 bài, nhân thành $31 \times 10 = 310$ bài thơ. Tổng số cả xướng cả họa là 320 bài.

* V.H.N.S., Tập XIV, Quyển 5 (tháng 5, 1965).

Vì số tác-giả 31 vị họa vận này, mà có nhiều tài-liệu lấy số 31 vị làm số danh-sách nhân-vật Chiêu-anh-các. Thực sự, thì còn có 5 vị nữa, đang tên trong bản danh-sách Chiêu-anh-các mà không thấy có thơ họa. 320 bài này góp lại thành tập, khắc bản ấn-hành tại Hà-tiên, mùa hạ năm Đinh-tị, 1737. Sách này do Mạc Thiên-Tích đề tựa, và 2 vị văn-nhân khác đề hai bài bạt. Bản khắc ấn-hành này, cùng với lời tựa lời bạt chúng ta sẽ có dịp trở lại kỹ hơn.

Nghe con số 320 bài thơ, chúng ta chưa tưởng-tượng được bao nhiêu. Muốn thấy rõ cụ-thể, chúng ta cầm lên một tập thơ nào mới xuất bản, đang bày bán ở các hiệu sách, như cuốn *Hoa đăng*, cuốn *Nhạc để* hay cuốn *Mưa gió sông Tương* chẳng hạn. Độ 50 bài thơ mà thôi, tác-giả đã cho in thành một quyển sách đẹp, khá dày. Đó là chưa kể đến những tập thơ chỉ có độ trên dưới 30 bài mà cũng đã in thành tập thơ đến 60 trang trên giấy đại-bản, như tập *Trình-trắng* chẳng hạn. Nếu tập *Hà-tiên thập vịnh* của Chiêu-anh-các mà đem xuất-bản, trình bày phung-phí theo lối sách đẹp bây giờ, thì in thành năm sáu cuốn có thừa.

Về 10 đầu-bài này, đến 18 năm sau, khoảng năm 1755, Nguyễn Cư-Trình, tác-giả sách *Sãi Vãi* (1750), vào Nam, giao-thiệp với Họ Mạc ở Hà-tiên, họa thêm 10 bài nữa.

Có người lầy lợm là 10 bài họa của Nguyễn Cư-Trình không thấy chép trong sách *Hà-tiên thập vịnh*. Vì một lẽ dễ hiểu là 10 bài này làm sau thời kỳ sách trên khắc bản đã lâu, tức là làm sau những 18 năm, cho nên chưa kịp in chung vào một tập.

Nhưng đến 20 năm sau nữa, năm 1775, Lê Quý-Đôn theo trong đạo quân Chúa Trịnh Sâm vào chiếm đất Thuận-Quảng, có bắt gặp tài-liệu về Chiêu-anh-các, mang hết về Bắc-hà. Năm 1776, làm sách *Phủ-biên tạp-lục*, họ Lê có chép thêm cả thơ của Nguyễn Cư-Trình.

Nhờ đó mà ngày nay chúng ta có tất cả 330 bài *Hà-tiên thập vịnh* gồm những thơ của thi phái Chiêu-anh-các và thơ của Nguyễn Cư-Trình.

明 勃 遺 漁

Sách Minh-Bột Di-Ngư

Trong những bài trước, khi kiểm-điểm cảnh *Lư-khê ngư-bạc*, chúng ta có nói đến *Lư-khê nhân-diều*. Tại sao đã có *Lư-khê ngư-bạc* rồi lại còn có *Lư-khê nhân-diều*,* có phải là do sao chép sai lầm chăng? Thực sự

* V.H.N.S., Tập XIV. Q.2 (Tháng 2, 1965).

không phải sao chép sai lầm. Đây là cùng một cảnh *Lư-khê* và mang hai đầu bài.

Sau thời-kỳ khắc bản *Hà-tiên thập vịnh*, tức là đã có thơ *Lư-khê ngư-bạc* lâu rồi, Mạc Thiên-Tích đối với cảnh *Lư-khê*, đặc-biệt thường-thức, có dựng ở đó một ngôi điều-đình, mượn thú nhân câu đề tiêu-đạo tuế-nguyệt di-dương tâm-tinh.

Với một đề-tài *Lư-khê nhân-diều* này, Mạc Thiên-Tích đã làm nên 32 bài thơ Đường-luật, gọi là *Lư-khê nhân-diều tam thập nhị thủ*.

Và một bài phú dài hơn 100 câu, gọi là *Lư-khê nhân-diều phú*.

Thơ và phú này về sau, khắc bản, in thành một tập riêng, tên sách là *Minh-bột di-ngư* 明 勃 遺 漁.

Bộ sách này rất quý, và chung quanh hãy còn nhiều điều phải khảo cứu nữa. Chúng ta sẽ có dịp trở lại.

Nhân đây, chúng ta xét về một điểm làm-lấn rất quan-hệ của người sau đối với tên sách.

Trần Trọng-Kim, khi soạn sách *Việt-Nam Sử-lược*, nơi chương nói về thư tịch dưới thời vua Minh-Mệnh, có một đoạn như thế này:

“Vua Thánh-Tồ (Tức vua Minh-Mệnh) mới lên ngôi, đã lo việc làm sách vở; Ngài đặt ra quốc-sử-quán để góp nhặt những chuyện làm quốc-sử. Ngài lại lưu-ý về việc tường lệ cho những người làm ra sách vở. Bởi vậy, ngài xuống chiếu: hễ ai tìm được sách cũ, hay làm ra sách mới, thì được ban thưởng. Từ đó, ông Trịnh Hoài-Đức dâng sách: *Gia-định thông-chí* và sách *Minh-bột di-hoán văn thảo v.v.*”

Câu chốt này cho chúng ta hiểu là sách *Gia-định thông chí* và một cuốn sách khác nữa tên là *Minh-bột di-hoán* đều do Trịnh Hoài-Đức sáng-tác hay biên-soạn.

Sau đó, sách *Văn-đàn bảo-giám* do nhà Nam-ký ở Hà-nội xuất-bản cũng căn cứ theo tài-liệu của Trần Trọng-Kim, nên trong bảng *Hán-việt văn-biêu*, cũng thấy ghi rằng: Sách *Minh-bột di-hoán văn-thảo* là của Trịnh Hoài-Đức sáng-tác, dưới thời Nguyễn-triều. (*Văn-đàn bảo-giám*, quyển ba, trang VI, Nam-ký thư-quán Hà-nội, 1934).

Đó toàn là những điều sai lầm, về sách *Minh-bột di-ngư* 明 勃 遺 漁 của Mạc Thiên-Tích sáng-tác, ở Hà-tiên về thời Chiêu-anh-các. Bởi vì, chữ *ngư*, 漁, lúc chép tay, có khi viết là 漁, viết chữ đại thay cho bốn *chấm chùn*, nhìn qua giống chữ *hoán* 渙 như đúc. Cho nên tên sách *Minh-bột di-ngư* mới thành sách *Minh-bột di-hoán* 明 勃 遺 渙.

Còn thêm một điều lạ-lùng nữa là, đến năm 1949, nhà xuất-bản Tân-việt ở Sài-gòn tái bản sách *Việt-Nam Sử-lược* của Trần Trọng-Kim, chỗ đoạn văn nói về sách này, thì chữ di 遺 in làm thành chữ khiên 遣 (khiên là sai-khiên, điều-khiên) (*Việt-Nam Sử-lược*, Trần Trọng-Kim, Tân-Việt tái bản lần thứ ba, Sài-gòn, 1949, trang 436, dòng thứ năm, con-chữ Tàu đúc ở Chợ-lớn).

Thành ra, khi mới sáng-tác ở Hà-tiên hồi thế-kỷ XVIII thì tên sách là *Minh-bật di-ngư*; đến giữa tiền-bán thế-kỷ XX đã trở thành *Minh-bật di-hoán* ở Hà-nội, rồi đến đầu hậu-bán thế-kỷ của chúng ta, nó đã trở thành *Minh-bật khiên hoán* ở Sài-gòn. Mà toàn là những điều lăm-lẫn do sách có giá-trị cả, mới đáng cho chúng ta cảnh-giác. Xem thế thì chúng ta há chẳng nên thận-trọng trong việc sao chép ần-loát hay sao!

Đó là việc lăm-lẫn tên sách. Còn việc lăm-lẫn tên tác-giả lại còn quan trọng hơn nhiều. Vì sao mà sách *Minh-bật di-ngư* là tác-phẩm của Mạc Thiên-Tích mà Trần Trọng-Kim lại tưởng lầm là tác-phẩm của Trịnh Hoài-Đức; cho nên mới kê chung với những sách *Gia-định thông-chí*, *Cần-trai thi-tập* v.v...

Điều lăm-lẫn này, có lý-do của nó. Như chúng ta đã biết, sách *Minh-bật di-ngư* sáng-tác vào khoảng giữa thế-kỷ XVIII. Nhưng đến cuối thế-kỷ XVIII đó thì đất Đàng-trong của chúa Nguyễn bị binh của Chúa Trịnh Sâm xâm-phạm. Đất Thuận-Quảng thất-thủ. Chúa Định vương Nguyễn Phúc Thuần xuất-bôn. Kế tiếp đó, họ Tây-son nổi lên chiếm lĩnh Miền nam. Thừa cơ, Xiêm-la vào xâm-phạm Hà-Tiên. Đất Hà-Tiên thất thủ, bị Xiêm-la chiếm lĩnh. Họ Mạc xuất-bôn. Sau đó, Mạc Thiên-Tích tuấn-tiết ở Vọng-các. Nhóm Chiêu-anh-các Hà-tiên từ đó tan rã.

Trải qua cuộc binh-đao khời lửa hồi cuối thế-kỷ XVIII, thư-tịch ở Hà-tiên bị tàn phá nặng-nề, gần như bị thiêu hủy hết sạch. Chẳng những riêng thư-tịch của Hà-tiên mà thư-tịch của cả Đàng-Trong, cả Miền-nam này, cũng đều lăm vào tình-trạng "lửa thành cá ao" đó.

Chúng ta cứ nhìn thấy hiện-thời trong mấy năm, từ sau phen quốc-biến 1945 đến nay thì biết. Và hãy chưa yên đâu.

Sách vở tài-liệu đã trải qua bao nhiêu lần mất mát. Tình-trạng loạn ly có như tình-trạng loạn-ly hồi cuối thế-kỷ thứ XVIII, thời Lê-mạt, Trịnh, Nguyễn, Tây-son tranh hùng.

Nếu so sánh thêm thì lại thấy rằng số phận sách vở của chúng ta bây giờ cũng còn may-mắn hơn thời trước rất nhiều.

Bởi vì, sách của chúng ta bây giờ in ra, ít lắm cũng được vài ba nghìn bản, phát hành được khắp toàn quốc, lại còn bị bắt-buộc nạp bản, tàng trữ ở thư-khố, thư-viện Nhà-nước. Cho nên, có mất ở nhà này cũng hi-vọng lại tìm thấy được ở nhà khác.

Chúng ta được hơn ngày xưa rất nhiều.

Ngày xưa, sách chỉ chép tay, hay in mộc-bản; mộc-bản cũng là in tay. Khi phân phát, lại cũng chuyển tay nhau. Giấy in càng nguy lắm. In trên giấy bản, giấy bạch mỏng tanh, không kè khi chịu đựng một tí mưa gió là rã-rời, còn là món mồi ngon cho loài mối mọt.

Nhưng mà được có điều may-mắn là các vua chúa, chính-quyền của chúng ta thời xưa, đều là những ông vua hay-chữ, những ông vua văn-học. Nếu vua không yêu văn-học nữa, thì đã có các quan học-sĩ văn-nhân yêu quý văn-học. Vua và cả triều-đình đều lưu-ý lo nghĩ đến việc sưu-tầm sách vở. Cho nên, mỗi sau những cơn lửa binh tàn-phá, sau những thời-kỳ biến-cổ, triều-đình thường hạ chiếu cho dân-gian sao chép sưu-tầm lại những sách vở vừa bị thiêu hủy, vừa bị thất lạc.

Khoảng cuối thế-kỷ XVIII, Đàng-Trong và miền Nam trải qua biết bao cơn lửa binh tàn phá. Bắc-hà đánh vào, Nam-hà thất thủ, Tây-Son phạt Bắc bình Thanh; rồi hai họ Nguyễn, Nguyễn Tây-Son và Nguyễn Phúc-Ánh, đánh nhau thêm một thời-kỳ chót nữa.

Đến khi vua Gia-long thống nhất được cả đất Bắc và miền Nam, thì đất nước gần như tan-tành hết.

Suốt thời vua Gia-long (1802-1819) trị vì thì Triều-đình bận lo-lắng về việc đánh dẹp, về việc tổ-chức hành-chánh, về việc cai-trị nhiều hơn, chưa lưu-ý kịp đến Văn-hóa. Cho mãi đến khi vua Minh-mạng (1820-1840) lên nối ngôi, trong nước đã tạm ổn định, Triều-đình mới nghĩ đến việc Văn-học, hạ chiếu truyền cho nhân-dân khắp nước, sưu-tầm sách vở rộng lớn.

Bài chiếu này của vua Minh-mệnh cũng là một bản văn quan-trọng về Văn-học. Chúng ta sẽ có dịp trở lại.

Nhân có bài chiếu này, và nhân năm Minh-mệnh thứ hai (1821) Triều-đình thiết-lập Quốc-sử-quán, Trịnh Hoài-Đức cho in lại sách *Minh-bật di-ngư thi-thảo* và dâng vua.

Khi in lại sách này, Trịnh Hoài-Đức, có làm bài tân-tự dài, vừa tán thưởng tác-giả họ Mạc, vừa tự sự việc mình gặp được những sách của Chiêu-anh-các Hà-tiên còn sót lại. Bài đề-tự này cũng là một tài-liệu văn-học quan-trọng, chúng ta sẽ có dịp trở lại sau.

Bởi nhân có bài tân-tự của Trịnh Hoài-Đức đề trên đầu sách *Minh-bật di-ngư*, cho nên người sau vì không đọc kỹ nội-dung sách, cứ định-ninh sách *Minh-bật di-ngư* là của Trịnh Hoài-Đức soạn-thảo, như *Việt-Nam Sử-lược* hay *Văn-đàn bảo-giám* đã chép lầm, mà chúng ta đã thấy trên kia.

Hai bài Hán-thi tiêu-biểu cho hai tác-phẩm

Chưa có thể khảo cứu khắp các thi-phẩm Hán của thi-phái Chiêu-anh-các, chúng ta tạm trích lấy trong mỗi tác-phẩm một bài để làm tiêu-biểu.

Một bài trích ở sách *Hà-tiên thập vịnh* :

屏山疊翠
Binh sơn điệp thúy

龍 蕙 草 木 自 峴 峴
Long-thông thảo mộc tự thiêu nghiêu

疊 嶺 深 開 紫 翠 谿
Điệp lĩnh bình khai tử thúy kiều

雲 霧 匝 光 山 勢 近
Vân ái tấp quang sơn thế cận

雨 餘 夾 麗 物 華 饒
Vũ dư giáp lệ vật hoa nhiều

老 同 天 地 鏡 靈 久
Lão đồng thiên địa chung linh cửu

榮 共 烟 霞 屬 望 遠
Vinh cộng yên hà chúc vọng diêu

龍 道 河 仙 風 景 異
Cảm đạo Hà-tiên phong cảnh dị

嵐 推 勢 勢 樹 蕭 蕭
Lam đôi uất uất thụ tiêu tiêu

Dịch nghĩa xuôi:

Câu đầu : Cây cỏ rậm-rợp tự vượt lên cao chót vót. *Long thông* là rậm-rợp. *Thiêu nghiêu* là cao chót vót.

Vừa tả cảnh cây cối núi rừng, vừa tả sức sanh sống mạnh mẽ thiên nhiên, tự vươn mình lên chỗ cao khoáng.

Câu hai : Núi chông chất, như tấm bình-phong mở ra một màu tia xanh mềm-mại. *Tử* là màu tia. *Kiều* là non mơn.

Câu thứ hai này tả rõ được đầu bài bốn tiếng *Binh sơn điệp thúy* là núi dựng như tấm bình-phong màu thúy. Màu xanh của cây cỏ phủ ra như bức bình phong căng bằng the bằng lụa xanh mơn mơn.

Câu ba : Mây đùn vây quanh một màu sáng-sủa rực rỡ, thế núi gần-gần rõ-ràng. *Ái* là mây đùn. *Tấp* là vây quanh. Tả cảnh mây rắng bao quanh đôi núi, vừa làm cho núi thêm đẹp, vừa làm cho núi thêm thân-mật khả-ái.

Câu bốn : Mưa tàn rồi, còn rớt lại, ghép thêm vẻ xinh đẹp kiều lệ, làm cho cảnh sắc thêm phong phú, thêm rườm rà. *Giáp* là ghép thêm vào. *Câu 3* tả mây. *Câu 4* tả mưa. *Đều* là những ý-cảnh phụ, điền nhiệm cho núi tăng phần linh-dộng.

Câu năm : Già lâu như tuổi trời đất chung đúc nên khí linh-tú trường cửu. Vừa tả khí-thế bền lâu, cảnh-tượng mạnh đẹp của núi, vừa tự hào khí-thế của mình, thêm ý cầu mong sự nghiệp được vững bền lâu dài như tuổi non núi.

Câu sáu : Phồn thịnh góp với mây khói nắng rắng, hi vọng xa xôi. *Vinh* là phồn thịnh. *Chúc vọng* là ao-ước cầu mong.

Tả cảnh cây lá phồn vinh, pha lẫn với sắc khói màu mây, bóng trời vẻ rắng, tâm mắt như càng mênh-mông bát-ngát, khiến cho lòng người càng thêm có những niềm ước vọng xa-xôi. Vừa tả cảnh vừa tự nói tâm chí viễn đại của mình, vẫn mong muốn tương lai còn hơn nữa.

Câu bảy và câu tám : Đầu đám bảo rắng phong-cảnh Hà-ti n có gì lạ-lùng khác thường. Nhưng mà chỉ một màu lam mơn-mơn êm ái tinh-mịch thôi cũng đủ. *Đôi* là chất thành đống.

Hai câu thúc kết ý rằng núi Binh-san, tuy là không dám sánh với những danh-sơn tuần-lãnh khác, nhưng mà một ngọn đôi nhỏ-nhỏ, một màu xanh nhẹ-nhàng thôi, cũng đủ là một cảnh đặc-biệt, có một bản sắc riêng.

Câu 8 này hô ứng với *câu 2*, nhắc lại lần nữa ý đầu-bài, làm nổi rõ màu sắc của ngàn xanh điệp thúy.

DỊCH THƠ BÌNH SƠN ĐIỆP THUY

Cây xanh ngấn-ngát vút cao cao
Ngọn dựng bình giăng đẹp mĩ-miêu

Mây sáng vây quanh hình núi rõ
 Mưa tàn thêm nổi bóng non theo
 Đất trời bền vững nền linh-tú
 Mây khói vờ xa nổi ước ao
 Danh thắng Hà-tiên đâu dám bảo
 Cây ngàn môn môn biếc xanh gieo.

ĐÔNG-HỒ dịch

Văn thơ thiếu nghiêm của Bình-sơn điệp thụy bằng Hán-thi này, Mạc Thiên-Tích đã họa vận thơ Nôm. Chúng ta chép vào đây luôn cho biết thơ Hán và thơ Nôm cùng một tác-giả, cùng làm một đề-tài, mà ý tứ lời lẽ khác nhau như thế nào :

BÌNH SƠN ĐIỆP THUY
 (họa văn thơ Hán thi)

Một bước càng thêm một thú yêu
 Lăn cây vết đá vẽ hay thêu
 Mây từng khói liễu chông rồi chấp
 Đàn suối ca chim thấp lại cao
 Luật ngọc Trâu-ông chẳng phải trời
 Ngồi xong Ma-Cật đã thua nhiều
 Đến đây mới biết lâm tuyền qui
 Chẳng trách Sào Do lánh để Nghiêu

MẠC THIÊN-TÍCH

Một bài Hán thi khác trích ở sách Minh-bộ di-ngư.

鱖溪閒釣

LU KHÊ NHÀN ĐIỀU

鱖溪泛泛夕陽東
 Lư Khê phiếm phiếm tịch dương đông
 冰線閒拋白練中
 Băng tuyến nhàn phao bạch luyện trung

鱖裂頻來粘玉餌
 Lân liệt tần lai niêm ngọc nhĩ
 烟波長自控扶風
 Yên ba trường tự khống thu phong
 霜橫碧鑿虹初霽
 Sương hoành bích địch hồng sơ tế
 水浸金鉤月在空
 Thủy tâm kim câu nguyệt tại không
 海上斜頭時獨笑
 Hải thượng xiá đầu thời độc笑傲
 遺民天外有漁翁
 Di dân thiên ngoại hữu ngư ông

DỊCH NGHĨA XUÔI

Câu đầu : Thả lenh-đính trên dòng Lư-kê, buổi tịch dương, từ hướng tây qua hướng đông. Câu 1 này tả cảnh chiều trên sông nước, ánh trời tà phản chiếu bàng-bạc từ tây sang đông, và con thuyền câu cũng thả lenh-đính từ tây sang đông.

Câu hai : Sợi băng, ném trong lụa bạch.

Câu 2 này tả sợi dây câu thả trên mặt nước, nhìn như sợi chỉ trắng như băng, buông trên mặt tấm lụa bạch. Những tiếng băng tuyết bạch luyện gợi lên một hình ảnh trắng đẹp của chỉ của lụa : sợi dây câu so với chỉ và dòng nước trong so với lụa.

Câu ba : Loại có vây có vây thường đềm ăn mồi. Lân 鱖 là vây có ; liệt 裂 là hai vây hai bên mang cá.

Câu bốn : Khói sóng tự khống-chế được ngọn gió thu. Câu 3 và câu 4 ý rằng mình có thao-lược, có kinh-luân, kiểm chế cho mọi nơi đều khuất-phục. Như con cá cũng mắc vào câu, sóng gió cũng không nổi dậy.

Câu năm : Sương giăng ngang cần câu làm bằng ống trúc, cong cong như hình cầu-vòng (mống trời).

Dịch 鑿 là ống trúc ; dừng lằm với địch 笛 là ống sáo. Bích dịch 碧 鑿 là ống trúc xanh. Câu 5 này vừa tả chiếc cần câu uốn dượn đường nét nên thơ, vừa so sánh với đường cầu-vòng hiện trên nửa vòm trời quang tạnh.

Câu sáu : Nước ngâm chiếc móc câu vàng, như mảnh trăng non lơ lửng trên không. Câu này vừa tả hình dáng lưỡi-câu, vừa so sánh với trăng liềm, từ trên không soi bóng xuống lòng nước trong-trẻo.

Câu năm : So-sánh chiếc cần-câu với móng câu-vòng. Câu 6 so sánh chiếc lưỡi-câu với mảnh trăng-non, vừa tả thực-trạng việc câu cá, vừa tả cảnh-sắc buổi nhàn-câu, vật-sắc với ý-cảnh tương-quan, nhân-sự với thiên-nhiên hoà đồng.

Câu bảy : Trên biển, thình thoảng nghiêng đầu, cười vui một mình.

Câu tám : Ngoài trời, có ông câu-cá là người dân còn sót lại. Di 遺 là còn sót, còn sót lại. Đừng lầm với di 移 là dời. (Di dân 移民 là người dân di-cư, đem dân ở một nơi này dời đến ở một nơi khác trừ mật hơn.)

Hai câu thúc kết ý rằng : Minh tự lấy làm sung-sướng thoả-thích được hoạt động thung-dung riêng một cõi biển trời khoáng dãng.

Hai tiếng *hải thượng*, còn có nghĩa là trong một nước, một quốc-gia, như tiếng *hải nội*. Ví dụ *Hải-thượng lân ông* là biệt hiệu của Lê Hữu-Trác, danh-nho và danh-y, thời Lê mạt, đời chúa Trịnh Sâm. Tiếng *hải* còn có nghĩa là một nước, như tiếng *quốc*. Ví dụ : Sách *Nam-hải dị nhân* của Phan Kế-Bính.

Hai câu 7 và 8 này : Mạc Thiên-Tích biểu lộ tâm-sự ý chí mình là một kẻ di-thần nhà Minh, chiếm riêng một cõi tiểu-quốc, tự-nhiệm tung hoành không từng phục nhà Mãn Thanh Trung-quốc, cũng không lệ thuộc Đàng-trong chúa Nguyễn.

Là lối thơ ký-thác ngôn-chí.

DỊCH THƠ LƯ-KHÊ NHÂN ĐIỀU

Sông Lư băng-lãng ánh dương hồng

Ném sợi băng trên tấm lụa trong

Mỗi ngọc đã làm ngon miệng cá

Gió thu đầu đề nổi cơn giông

Câu vòng cần trúc hơi sương đượm

Trắng uốn vành câu bóng nước lơng

Lắm lúc ngửa-nghiêng cười với biển

Bên trời riêng một cõi ngư-ông

ĐÔNG-HỒ dịch



một tâm gương tiệt-thảo : cụ Nguyễn-khuyên

Vua Tự-Đức băng-hà vào 1883. Cho tới năm này thành Thăng-Long hai lần thất-thủ : lần thứ nhất với Francis Garnier (Nguyễn-Tri-Phương nhện ăn mà chết sau khi bại trận), lần thứ hai với Henri Rivière (Hoàng-Diệu mất thành tuấn-tiết không thua gì họ Nguyễn để rửa thẹn cho vua cho nước). Hai biển cớ-cách nhau 10 năm (1873-1883) và biển-cớ chót là quân Pháp vượt cửa Thuận tiến vào kinh thành Huế trong khi thi-hài vua Dục-Tông còn đang quàn tại nội-diện...

Là một nhà nho thuộc giới người yêu nước nông-nhiệt, Nguyễn-Khuyên nhận rõ như ai đại-cục nước nhà đã đổ vỡ tới chín phần mười, nửa do quân địch quá mạnh, sức kháng-chiến của triều-đình Việt-Nam và của nhân dân sút giảm dần, nửa do bọn Việt-gian cộng-tác với giặc mỗi ngày một đông, ông thất-vọng nên khi Nguyễn-Hữu-Độ Kinh-lược-sứ Bắc-kỳ tuân-lệnh Thủy-sư Đô-đốc Courbet triệu ông ra thay Nguyễn-Đình-Nhuận làm Sơn-Hưng-Tuyên Tông-đốc, ông nấn-ná không đi trụ chức rồi vào Kinh (Huế) vận-động về hưu.

Sự việc này được ghi trong *Quê-Sơn thi-tập* và cũng nhân-dịp có mặt ở Thuận-Hóa ông tới thăm Khiêm-lãng tức *Vạn-Niên-Cơ*, một công-trình tương đối vĩ-đại thuở ấy của vua Dục-Tông đã khiến bao nhiêu sĩ-dân phải nổi lòng công-phân bởi nó đã làm tổn hao không ít tiền-bạc, mồ-hôi nước mắt và cả sinh-mạng của dân-chúng nữa. Rồi ít lâu sau anh em Đoàn-Trung con rể của Tuy-Lý-Vương đã dựa vào đó mà gây cuộc đảo-chánh. Họ đã tung ra hai đầu ca-đạo đề chuẩn-bị tư-tướng cách-mạng cho nhân-dân vùng Thừa-Thiên thuở ấy :

Vạn-niên là vạn-niên nào ?

Thành xây xương linh hào trào máu dân...

Ông về hưu năm ấy mới 50 tuổi. Nhiều lần bị bọn quan-lại tay

[Năm thứ XIV, Quyển 6 (Tháng 6, 1965)]

sai của Pháp khuyển-nài ra cộng-tác với tân trào nhưng ông vẫn cương-quyết tránh né cái miếng cơm thừa, bát canh cận của địch. Đã có lần ông phải làm thân với Kinh-lược Quận-công Hoàng-Cao-Khải mượn y làm cái bìa đỡ đạn cho mình bằng cách vào làm gia-sư cho y. Lật *Quế-son thi-tập*, ta thấy có hai bài thơ của ông gửi cho môn-đệ Hoàng-Mạnh-Trí là trưởng-tử của Hoàng.

Từ giai-đoạn cáo quan về ở ẩn, họ Nguyễn sáng-tác được nhiều thi-văn bằng chữ Hán cũng như chữ Nôm để bày tỏ ý mình với thời-cuộc, về nhân-sự và thế tình khi mùa-mai, khi chua chát cay đắng.

Người ta kể có lần Nguyễn xuống chơi Nam-Định với Vũ-Văn-Báo, Tổng-đốc tỉnh này (Vũ-Văn-Báo là bạn đồng song và là con hay cháu thầy học của Nguyễn) gặp tên Công-sứ Pháp cũng có mặt ở đó. Tên Công-sứ sau lời giới thiệu của Vũ-Văn-Báo hỏi ông sao không ra làm quan. Ông trả con là Nguyễn-Hoan nói: "Đã có con tôi thay tôi rồi!" chuyện này được ghi trong 2 câu thơ rất ngộ-nghe:

Hốt đáo nhi môn phùng nhi cẩu,

Cấp tương ngô tử thế ngô thân.

Tổng-đốc Nguyễn-Đình-Quang đã tặng ông một bài thơ có ý dò dẫm tâm-sự của ông. Bài thơ này cũng phản ảnh dư-luận của sĩ-phu thuở đó đối với ông như sau:

Ngất ngưỡng کیا ai đội mũ ni,

Ráp ranh nhưng cũng chưa qua thì.

Chuyện đời đã muốn hai tai lấp,

Nợ nước còn mong chín chữ ghi.

Bề bạc biết đâu kẻ bến đậu,

Lòng son hồ để kiếm đường đi.

Mấy lời kính hỏi thăm quan cụ,

Gặp gỡ rồi ra cũng có khi.

Nguyễn-Khuyến dịch ra chữ Hán:

Nga nga thầy trước lão tăng quan,

Dục giác trần duyên vị quá quan.

Thế sự hà năng song nhi tái,

Quốc ân do ký thốn tâm đan.

Hứa đa ngân hải xu phàm lỗ,

Tuyết thiền chu lung chấn vũ hàn.

Trần trọng nhất thư ký tương văn,

Tương kỳ tảo văn dục tương hoan.

Tạm dịch xuôi bài này như sau:

Ngất ngưỡng کیا ai đội mũ ni,

Mới biết trần duyên giữ chưa hết,

Việc đời sao bít được hai tai.

Nợ nước còn ghi vào đan tâm một tấc,

Bao nhiêu thuyền buồm xô nhau trên biển bạc,

Rất ít người có thể giương lòng cánh trong cái lồng son.

Bức thư trần trọng gửi thăm hỏi,

Hẹn nhau sớm tối có lúc vui cùng nhau.

Chúng ta nghiên-cứu bài thơ này không khỏi nghĩ rằng thái độ chánh-trị của Nguyễn đối với thời cuộc bây giờ là bất cộng-tác với nguy-quyển đầu che đậy cách nào thì thời-nhân cũng đã rõ. Bọn nho giả vong bản tuy thế cũng vẫn mến ông ở chỗ đạo cao đức trọng, họ cố níu ông vào nhập tịch với họ cho đỡ cái nhục làm tôi Pháp và việc này cũng thuộc ý muốn của quan thầy Pháp nữa là không muốn để cho những phần-tử trí-thức và có nhiều uy-tín với nhân-dân đứng ngoài vòng. Nếu chúng thu hút được nhiều nhân vật danh vọng bao nhiêu thì thanh thế của kháng-chiến bấy giờ dễ bị suy giảm bấy nhiêu. Đó là một yếu-tố quan trọng trong kế-hoạch của thực-dân ở xứ này cũng như ở khắp lãnh-thổ khác trên con đường xâm-lược của chúng.

Tóm lại nguy-quyển thực-dân muốn lôi cuốn những nhân vật thượng lưu của xã-hội Việt-Nam vào guồng máy thống-trị của họ, bọn tay sai thi-hành chủ-trương này, lấy cảm tình, lấy lễ khôn dại ra ve-vãn họ Nguyễn và một số khoa-mục đồng thời. Riêng Nguyễn trước cũng như sau vẫn cương-quyết tìm cách khéo-léo khước từ.

Khước từ miếng đỉnh-chung, khước từ danh cao vị cả, ông đã bi đời cho là ngu, là dại, là làm-câm v.v... và cũng nhận sự chê-bai, khiêu-khích hay sự hiểu lầm của thời nhân, Nguyễn biểu-lộ tâm-sự qua những bài thơ dưới đây mà chúng tôi trích từng câu hoặc in toàn bài:

Bài thơ vịnh "Cánh Mùa Hè" có 2 câu đáng chú ý :

Uyên-Minh¹ ngâm vịnh đa quy tửu,

Từ-Hậu khâu-khê tận vị ngư.

(dịch xuôi : Những bài thơ của Đào-Tiền tức Đào-Uyên-Minh làm ra là do rượu mà có. Việc dạo chơi gò suối của Liễu-Tông-Nguyễn đều chỉ vì ngu dại).

Theo bản thơ của Yên-Đồ ta thấy chép :

Thơ Đào ngâm vịnh nhiều câu rượu,

Xóm Liễu quanh chơi chịu tiếng khờ.

Liên với việc Đào-Tiền uống rượu làm thơ hay lấy rượu trợ hứng cho thơ, Nguyễn dịch bài "Phú Túy Ông Đình" nổi tiếng của Âu-Dương-Tu đời Tống :

Hay say mà tuổi lại già,

Cho nên tự gọi tên là Túy-ông.

Ông cũng rượu mà không ham rượu,

Ý tình đâu những nẻo non sông.

Non sông nào những quanh lòng,

Chẳng qua mượn rượu vui cùng kẻ trơ.

(Nguyễn văn : "Àm thiều triệp túy nhi niên hựu tối cao, cổ tự hiệu viết túy ông dã. Túy ông chi ý bất tại tửu, nhi tại hồ sơn thủy chi gian dã. Sơn thủy chi lạc, đắc chi tâm nhi ngụ chi tửu dã" (Uống ít bèn say liền, tuổi trời lại cao cho nên tự gọi là Túy-ông (Ông say). Cái say của Túy-ông không phải vì rượu mà do sống giữa cảnh non và nước. Cái vui của cảnh non nước hưởng ở trong lòng mà gửi vào rượu).

Bài này tỏ rõ Nguyễn có cái tâm sự của Âu-Dương-Tu cũng như bài trên của ông đã nhắc ta ông tự liệt mình vào loại Đào-Tiền, Liễu-Tông-Nguyễn không muốn nhập thế cuộc vì xã-hội đời bây giờ không hợp với ý muốn của ông. Tuy nhiên tâm-sự của Nguyễn có khác tâm-sự của

¹ Uyên-Minh là một thi-nhân nổi tiếng đời Tấn. Liễu-Tông-Nguyễn tự là Từ-Hậu (773-819) cũng có nhiều thành tích về văn-nghệ đời Đường. Cả hai đều là đạt-sĩ của thứ thời. Từ-Hậu là tác-giả tập thơ *Ngu-Khê* kể chuyện bị vua bắt tội về nghi ở một cái gò suối và tự cho mình là ngu mà nên tội, rồi đặt tên suối là Ngu-Khê, cái gò mình hay dạo chơi là Ngu-Khâu. Thực ra cả hai đều không theo đạo tùy thời mà vương lụy rồi rút mình ra khỏi vòng danh lợi, mặc sự khen chê của thế nhân.

các cao-nhân, ăn-sĩ trên kia là Nguyễn không chịu ra cộng-tác với địch ; ông hơi giống Văn-Thiên-Tường đời Tống mặt, chỉ khác Văn-Thiên-Tường là không công vua nhà xuống biển Đông để cùng chết trước cái cảnh nhà tan nước mất. Rồi ông mượn rượu, mượn thơ để khuấy-khỏa tâm hồn và dãi bày cả tấm lòng yêu nước một cách kín-dáo, tế-nhi, mặc cho thế-gian khen-ngợi hay mai-mĩa.

Bản vẽ khí-tiết của Yên-Đồ, ta thấy còn căn nêu 2 bài thơ mà ngày nay nhiều người trong bọn chúng ta thường nhắc tới. Đó là bài thơ *Lời gái góa và mẹ Mốc* :

Bài I

Chàng chẳng biết gái này gái góa?

Buồn năm xuống sông cả áo com.

Khéo thay cái mũ tá-ôm,

Đem chàng tuổi trẻ ép làm lừa dối.

Chàng tuổi trẻ chơi bời quên nhạc,

Gái già này sức vóc được bao?

Muốn sao mà chẳng được sao,

Trước tuy xum họp, sau nào được lâu.

Lấy chồng vốn nhờ cầu ăn mặc,

Chẳng ngờ rằng đời rách hồng người.

Vốn xưa cha mẹ dặn lời :

Tư bốn chẳng khỏi kẻ cười người chê.

Hỡi mẹ hỡi, thương chi thương thế?

Thương thì hay nhưng kẻ chẳng hay.

Thương thì gạo vãi cho vay,

Lấy chồng thì gái già này xin van!

Bài II

So danh giá ai bằng mẹ Mốc?

Ngoài hình hài, gấm vóc cũng thêm ra.

Tấm hồng nhan đem lấm xóa nhà,

Làm thế để cho qua mắt tục.

Ngoại mạo bắt cầu như mỹ ngọc

Tâm trung thường thủ tự kiên kim.
 Nhớ chồng con muốn đậm xa tìm,
 Giữ son sắt, êm đềm một tiết.
 Sạch như nước, trắng như ngà, trong như tuyết,
 Mảnh gương trinh vàng-vặc quyết không nhờ
 Đắp tai ngảnh mặt làm ngơ,
 Rằng khôn cũng kệ rằng khờ cũng thầy.
 Khôn em dễ bán đại này!

Hai bài này được Nguyễn đã làm ra để trả lời trực tiếp hay gián tiếp sự ve-vãn của thời-nhân nhưng có khi tác-giả cũng thấy rằng thái-độ "ương ngạnh" của mình có thể mang lại những hậu quả bất lợi nên tác-giả thường làm ra vẻ ngơ-ngẩn hay làm-câm và tiêu-cực đối với chuyện đời. Nhà nho thường hay có chiến-lược, chiến-thuật này không phải là không khôn-khéo mỗi khi lâm vào nước cờ bí. Xin bạn đọc bài "Ông Phổng Đá" dưới đây để hiểu cái trò giả ngây, giả dại hoặc tiêu-cực đó của Yên-Đồ :

Người đâu tên họ là gì?
 Khéo thay trích-trích tri-tri nực cười.
 Giang tay ngảnh mặt lên trời,
 Hay còn lo tính sự đời chi đây?
 Thấy phổng đá lạ lòng muốn hỏi,
 Có làm sao lên lời đến chi đây?
 Hay là vui hoa cỏ nước non này,
 Chí cũng rắp dang tay vào hội lạc.
 Thanh sơn tự tiểu đầu trương hạc,
 Thương hải thùy tri ngã diệp âu.
 Thôi cũng đừng chấp chuyện đầu đầu,
 Túi vũ-trụ mặc đàn sau gánh vác.
 Duyên kỳ-ngộ là duyên tuổi tác,
 Chén chú, chén tôi, chén anh, chén bác,
 Cuộc tình say, say tình một vài câu,
 Nên chăng đá cũng gặt đầu ?

Nếu ngày nay ta quan-niệm rằng Yên-Đồ ham vui, trốn lẩn việc đời, đây trách nhiệm cho bọn hậu sinh thì không khỏi có sự hiểu lầm Yên-Đồ cũng

như Cao-Bá-Quát, Nguyễn-Công-Trứ đều xuất thân ở cửa Không sân Trình đã rõ hơn ai hết cái lẽ xuất xử ở đời là con người Nho-già sinh ra để phục vụ nhân-quần xã-hội, lúc cần vui thì vui có khi hơn hết thầy mọi ai, mà đến lúc phải gánh vác phận-sự với nhà với nước thì chết cũng chẳng từ huông hồ sợ khổ ngại khó mà lẩn tránh. Hoàng-Diệu, Nguyễn-Tri-Phương chẳng là tiêu-biểu cho cái "Dũng" và cái tinh-thần phục-vụ quê-hương xứ-sở đến chỗ tuyệt-đối đó sao? Nhưng gặp cái thời nhớ-nhãng, tài bất cập chí, lúc đất nước ngửa nghiêng thì đành nuốt lệ rút về nơi thôn-dã lấy rượu, lấy thơ, lấy non xanh nước biếc làm bầu bạn cho quên cái sầu vạn cổ. Lại nữa, kẻ nho-già cũng muốn bằng cái nếp sống bề ngoài có vẻ tiêu-cực đó giữ lấy cái tiết của mình và cáo lỗi với người đương thời và hậu thế. Rồi cái tâm-sự bi thảm này đã luôn luôn được bộc lộ trong thị-ca của tác-giả mà máy văn thi dưới đây đã nêu lên một cách rõ-rệt :

NGÀY XUÂN DẶN CON CHÁU

Tuổi thêm thêm được tóc râu phờ,
 Nay đã năm mươi có lẽ ba,
 Sách vở ịch gì cho buổi ấy,
 Áo xiêm nghĩ lại thẹn thân già.
 Xuân về ngày loạn còn lơ-láo,
 Người gặp khi cùng cũng ngắt-ngờ.
 Làn thân lấy chi đền tấc bóng,
 Sao còn đàn hát với say sưa ?

Và khi sắp từ giã cõi đời Yên-Đồ đã như con cháu làm ma chạy giản-dị, triệt bỏ sự huyền-hoang nhưng cũng không thể ngăn mình thổ lộ một lần chút cái tâm-sự nào-nề của một chiến-sĩ bại trận qua một vài lời di-chức như sau :

Kém hai tuổi xuân đầy chín chục,
 Số thầy sinh phải lúc dương cung.
 Phận thầy tuy mỏng mỏng mong,
 Tuổi thầy lại sống hơn ông để thầy.
 Nhớ ngày trước ông may cũng đỡ,
 Hóa bây giờ cho bố làm nên.
 Ông vua một chút chưa đến,

Cúi trông thẹn đất, ngửa lên thẹn trời.
 Sống không hề tiếng đời ta thán,
 Chết được về quê quán hương thôn.
 Cho hay mọi sự vuông tròn,
 Quan tài để đó chết chôn ngại gì?
 Khâm niệm chẳng quân chi xấu tốt,
 Kín chân tay dấu gót thì thôi.
 Cỗ đừng to lắm con ơi!
 Ai mà chạy đến khuyên mời siêng năng.
 Tể cũng chớ viết văn mà đọc,
 Trưởng, đối đừng gấm vóc làm chi.
 Minh-tinh con cũng bỏ đi,
 Mời quan đê-chủ con thì chớ nên.
 Đồng-môn chớ bỏ tiền đặt giấy,
 Bạn của thầy cũng vậy mà thôi.
 Bạn con đừng viết thiệp mời,
 Ai đưa bạc phúng con thời chớ thu.
 Chẳng qua nợ để cho người sống,
 Chết đi rồi còn ngóng vào đầu.
 Và mang cái tiếng to đầu,
 Khi nay bày biện khi sau chề bàn.
 Còn cờ biền vua ban ngày trước,
 Lúc đưa thầy con rước đầu tiên.
 Lại thuê mấy đứa thợ kèn,
 Vừa đi vừa thổi mỗi bên vài thằng.
 Việc tống táng lảng nhãng qua quít,
 Càng cho thầy một ít rượu hoa.
 Sống còn chết hóa ra ma,
 Thịt xương rồi cũng hóa ra đất bùn.
 Khi giỗ tết cỗ bàn chớ vẽ,
 Sách vở nhà con giữ làm ghi.

Biên vào mấy chữ trong bia :

Rằng quan nhà Nguyễn cáo về đã lâu.

Trong khi viết bài này, chúng tôi chỉ có chút ít tham-vọng nhắc đến cái tiết-thảo của ông cha chúng ta, những con người xuất-thân ở Nho-học có thể rằng chủ thuyết của Nho-giáo ngày nay có vài điểm lỗi thời nhưng cái nhân-phẩm của kẻ sĩ nêu trong Nho-giáo vẫn là bất hủ và cao quý.

Ngày nay chúng ta bước sang con đường tâm-học, nhiều quan niệm hành-động, xử thế khác xưa quá nhiều, khiến ta đã phải so sánh mà nêu ra câu hỏi : Người xưa làm hay ta làm ?

NHỮNG TÁC-PHẨM DO SỞ HỌC-LIỆU
XUẤT-BẢN

Cây cỏ miền Nam Việt-Nam. G.S. Phạm-Hoàng-Hộ	50\$
Lịch-sử Triết-học Đông-phương, Tập IV. G.S. Nguyễn-Đặng-Thục	20\$
Lão-tử Đạo-đức-kinh. G.S. Nghiêm-Toản phiên-giải	70\$
Lê-Triều Lịch-khoa Tiến-sĩ đề danh bí ký. Võ-Oanh	
Quyển I	85\$
Quyển II	75\$
Quyển III	70\$
Công-du Tiếp-ký. Nguyễn-Đình-Diệm	
Quyển I	50\$
Quyển II	40\$
Quyển III	50\$
Quốc-triều đăng-khoa lục. Lê-Mạnh-Liêu	80\$
Tang-thương ngẫu lục. Đạm-Nguyên	75\$
Tiếng cười (Le rire của Bergson). Phạm-Xuân-Độ	32\$
Đạo-đức-học (Ethique de Nicomade của Aristote). Đức-Hình.	75\$
Xã.Uớc (Du Contrat social của J.J. Rousseau). Nguyễn-Hữu-Khang	32\$
Vạn pháp tinh lý (L'Esprit des lois của Montesquieu).	
Trịnh-Xuân-Ngạn	30\$
Khảo về linh-hồn theo thể luân-lý (Phédon ou de l'Âme : genre moral của Platon). Trịnh-Xuân-Ngạn	60\$
Kháng-biện-luận về tu-từ-pháp (Gorgias của Platon).	
Trịnh-Xuân-Ngạn	48\$
Cung-oán ngâm-khúc (dịch ra Pháp-văn). Huỳnh-Khắc-Dụng	28\$
Chính-phụ-ngâm (dịch ra Pháp-văn). Huỳnh-Khắc-Dụng	40\$
Thượng-chí Văn-tập (toàn bộ 5 quyển của Phạm-Quỳnh)	
Từ quyển I đến quyển IV mỗi quyển giá	35\$
quyển V giá	25\$
Anh-Ngữ Đệ-Thất (High School English Series, Book One)	
G.S. Nguyễn-Đình-Hòa	40\$
Speak Vietnamese, Book One (Revised Edition, 1963).	
G.S. Nguyễn-Đình-Hòa	100\$
Anh-Ngữ Đệ-Lục (High School English Series Book Two)	
G.S. Nguyễn-Đình-Hòa	50\$

Những sách này có bán tại tất cả các hiệu sách ở Thủ-đô, các Tỉnh và tại Sở Học-Liệu số 240, đường Trần-Bình-Trọng, Sài-gòn.

LÊ-XUÂN-GIÁO

*giai-thoại văn-học và khoa-cử
về phan-sào-nam tiên-sinh*

Cụ Phan-Bội-Châu bút-hiệu Sào-Nam, tục danh là San, nguyên xuất-thân con nhà hàn-nho hiếu-học, đã tỏ ra rất thông-minh dĩnh-ngộ khi còn tuổi nhi-đồng.

Thân-sinh cụ là cụ Tú-tài Phan-Văn-Phổ, một tay học-giỏi có tiếng nhưng nhà rất nghèo, quanh năm chỉ sống bằng nghề gỡ đầu trẻ, quê ở làng Đan-Nhiêm, huyện Nam-Đàn, tỉnh Nghệ-An. Còn thân-mẫu cụ Sào-Nam thì chỉ có nghề quay gánh trên vai chạy chợ buôn-bán vật qua ngày.

Thân-sinh cụ Sào-Nam thấy con mình có thiên-tư minh-mẫn hơn các đồng-bố trong địa-phương, nên xiết kể vui mừng đến nỗi quên cả gia-đình bần-bạc, cố-gắng nuôi con ăn học cho thành-tài, và thường ngày nói với thân-bằng cố-hữu rằng : "San nhà tôi may ra có thể sẽ hơn tôi nhiều và có thể sẽ làm nên công-danh sự-nghiệp rạng-rỡ cho gia-đình và họ-hàng sau này".

Đến khi San lên 15 tuổi — lúc bấy giờ đã có tiếng "Thần-đồng" đất Vạn-An (tức Nam-Đàn) — thân-phụ không dạy nổi nữa, bèn cho lên học ở trường Huấn-đạo huyện Nam-Đàn, rồi theo học ở trường Đốc-học tỉnh Nghệ-An. Học ở đâu, San cũng áp-đạo được các sĩ-tử ở đó, và đến năm 18 tuổi, đã nổi tiếng hay chữ rồi đỗ Đầu-xứ trong một kỳ hạch tuyển các thí-sinh tại tỉnh Nghệ-An.

Năm 19 tuổi, vừa lúc phong-trào kháng-chiến chống Pháp do cụ Phan-Đình-Phùng cầm đầu lan rộng ở các tỉnh Thanh-Hóa, Nghệ-An, Hà-Tĩnh và Quảng-Bình, Đầu-xứ San cùng các bạn đồng-học bí-mật tổ-chức một đội-quân lấy danh-nghĩa "Sĩ-tử Cần-vương" để lâm-thời xuất-hiện đánh Pháp. Nhóm này tập-luyện rất công-phu.

Chẳng được bao lâu, nhóm sĩ-tử dưới hiệu cờ Cần-vương ấy bị tan-rã bởi vì thời-cơ chưa thuận-tiện, và vì bọn thực-dân phong-kiến khủng

bố quá chừng, Đền-xứ San phải lẩn-tránh một lúc rồi lại trở về con đường học-vấn như cũ.

Cụ Tú Phò vốn biết rõ con mình hơn ai hết là không phải hạng người tâm-thường chỉ biết cầu-vinh trục lợi, mà lại có chí-khí lớn-lao toan vá trời lấp bể, lưu tiếng ngàn thu nữa là khác, nên đã đòi ba phen ăn bữa dặn-bảo con rằng: "San! Con hãy lo trang-trả món nợ khoa-trường cho xong đi đã, rồi con muốn làm gì thì làm, cha không ngăn-cản, vì lẽ nhà ta đã mấy đời nấu sừ sôi kinh, đọc ngang trường-ốc, thế mà chưa có một ai làm nên Khôi, Thám (Khôi-nguyên và Thám-hoa). Nay cha kỳ-vọng vào con đó."

Tuân lời huấn-thị kể trên, Đền-xứ San chăm-chỉ học-hành, trau-giồi nghiên-bút, lạc đạo vong bản, đến ngoài 20 tuổi đã nổi tiếng hay chữ bậc nhất trong vùng Nghệ-An và Hà-Tĩnh. Tuy nhiên Đền-xứ San không bao giờ thờ-ơ với thời-cuộc nước nhà.

Lúc này, Đền-xứ San có làm bài thơ "Người canh nước ao tự thán" như sau:

*Cang-hạn trời làm thật đã lâu,
Ngồi mà canh nước, nước còn đâu?
Ghét loài cha ếch ngồi trông mắt,
Cảm nỗi thân lợn lủi lấm đầu.
Mẹ diếc đăm quàng nên trọt mãi,
Chú trẻ nhày ngược lại vênh râu.
Chết treo sau ót mà không biết,
Lớn nhỏ đường còn cần nuốt nhau.*

Mượn lời người canh nước ao tự-thán, Phan tiên-sinh đã nói lên nỗi lòng ưu-thời mẫn thế của mình.

Tuy học giỏi văn hay, tài cao chí lớn hơn người, nhưng Đền-xứ San vẫn cứ bị hồng bay luôn mấy khoa Hương-thí (cứ 3 năm đến 1 khoa thi), không biết làm cách nào để thực-hiện cho được những lời chỉ-giáo của nghiêm-đường.

Suy đi tính lại mãi rồi Đền-xứ San mới đi thụ-giáo với cụ Sơn ở lũng Đông-Chủ, huyện Nghi-Lộc, tỉnh Nghệ-An một thời-gian, để nhờ sửa-chữa lối hành-văn cho hợp với thể-thức khoa-trường, ngõ hầu đoạt được giải khoa Hương-thí năm sau, cho khỏi phụ lòng ao-ước của thân-phụ.

Cụ Sơn tên là Nguyễn-Thúc-Tự, hiệu Đông-Khê, một bậc chân-nho

và là một nhà chí-sĩ ở đất Hồng-Lam, nguyên đỗ Cử-nhân dưới triều vua Tự-Đức rồi làm quan đến chức Chánh-sứ Sơn-phòng (Hàm tam-phẩm ngang hàng chức Bộ-chánh). Đến năm Ất-dậu (1885), sau khi vua Hàm-Nghi xuất-bôn (tháng năm), cụ liền treo ấn từ quan về nhà mở trường dạy học, các vị khoa-mục đương-thời ở vùng Nghệ-Tĩnh hầu hết đều là môn-hạ của cụ. Cụ Sơn chỉ đỗ cử-nhân, song học-trò của cụ thì đỗ đại-khoa và khôi-nguyên không biết mấy mà kể, là do cụ có biệt-tài đào-luyện.

Văn-chương của cụ Sơn cũng như con người của cụ, một nhà mô-phạm điển-hình, bao giờ cũng đúng mực thước, và hợp qui-cú. Cụ được các bậc sĩ-phu trong hai tỉnh Nghệ-Tĩnh đều là coi bậc thầy về "kinh sử" và bậc thầy về "nhân-cách" nữa, nên chỉ sau khi cụ từ trần đám môn-hạ có xây-đựng bia đá đề kỷ-niệm công-đức của cụ mà bài "Bi ký" do Phan Sào-Nam Tiên-sinh làm, tựu-trung có hai câu chính-yếu: "經師易得人師難尋" "Kinh sư dị đắc, nhân sư nan tìm" nghĩa là "thầy về kinh điển còn dễ có, đền thầy về nhân-cách thì thật khó tìm" vậy.

Mấy ngày đầu tới tập bài với cụ Sơn, Đền-xứ San làm bài nào cũng bị phê "liệt" cả.

Tức mình, và cũng không hiểu vì lẽ gì mà văn bài của mình cứ bị phê "liệt" mãi như vậy, Đền-xứ San mới hỏi tôn-sư:

"Thưa thầy, San tuy không tài giỏi, hay-ho gì hơn ai, song các sĩ-phu trong Hoan-Châu đều công-nhận San là kẻ có học-thức ít nhiều, chẳng rõ vì lẽ gì mà từ ngày tới tập bài với thầy đến giờ, không làm được bài nào mà khỏi bị phê "liệt" cả?"

Cụ Sơn đáp:

"Tôi cũng công-nhận anh học giỏi và hay chữ hơn tôi. Song anh chưa đỗ thi Hương, mà đã hành yán theo lối thi Đình, thi Hội, nên tôi phải phê "liệt", để anh nhớ mà thay đổi lối văn-chương cho đúng-tuyên mà thôi."

— Vậy thì xin thầy chữa cho một bài để làm kiểu-mẫu.

— Được, tôi sẽ sửa cho anh một bài để anh bắt-chước. Hành-văn trước hết cần phải gạt-bỏ những chữ phủ-phiểm, đừng cầu-kỳ lập-dị, và nhưt là phải sát với đề-mục.

Sau khi được bậc mô-phạm chữa cho một bài làm mẫu, Đền-xứ

San bèn thay-đổi hẳn lối hành-văn của mình, rời từ đây trở đi, kỳ tập bài nào cũng được phê "Ưu" hay "Bình" cả.

Một hôm, cụ Sơn ra bài cho các sĩ-tử viết hương, nghĩa là phải làm xong bài và nộp quyền trước khi cây hương tàn, với đề-mục bài phú là "Ngũ hành" "五行賦" và bài kinh nghĩa là "Di đức báo oán" "以德報怨", đề tập làm bài cho kịp hạn, ngộ hầu sang năm sau đi ứng-thí cho khỏi bị ngoại-hạn và cho có hiệu-quả.

Kỳ thi viết hương này, Đầu-xứ San được phê một "ưu" và một "bình" lớn, văn-chương quán trường và được đứng đầu bảng yết-danh. Về bài phú "Ngũ hành", Đầu-xứ San làm rất dài, đến đoạn thích-thực có mấy câu như sau:

讀虞書之六府減穀而符
參月令之曰時乙旺乃備
Độc Ngu-thư chi lục-phủ, giảm cốc nhi phú¹
Tham Nguyệt-linh chi tứ thời, kỳ vương nãi bị².

Nghĩa là:

Độc đến Lục-phủ ở sách Ngu-thư, bỏ Cốc đi thì vừa phù-hợp.
Tham cứu Tứ thời ở thiên Nguyệt-linh, thêm thổ vào thì mới đủ-dầy.

Cụ Sơn cho là thích-thực bài phú "Ngũ hành" như thế là hay vô-cùng, rồi Cụ khuyên son dày và phê chữ "ưu" đó thật lớn.

Còn bài kinh-nghĩa "Di đức báo oán", Đầu-xứ San cũng làm dài lắm, đến giữa thân bài có mấy câu như sau:

雖怨讐無不報英雄之恨無遺
而德惠有可施君子之心有別
Tuy oán-thù vô bất báo, anh-hùng chi hận vô-di.
Nhi đức-huệ hữu khả thi, quân-tử chi tâm hữu-biệt.

Nghĩa là:

Tuy oán-thù thời phải trả, hận anh-hùng chẳng sót nơi nào.
Nhưng đức-huệ càng nên làm, lòng quân tử vốn là có khác.

¹ Lục-phủ trong Kinh Thư là kim, mộc, thủy, hỏa, thổ và cốc. Kim, mộc, thủy, hỏa, thổ là ngũ-hành. Cốc là lúa, bỏ cốc đi thì còn ngũ-hành.

² Nguyệt-linh là một thiên trong Kinh Lễ-ký. Tứ thời là xuân, hạ, thu, đông, tức là kim, mộc, thủy, hỏa, nay thêm kỳ-vương (Thổ) vào, thì vừa đủ Ngũ-hành.

Cụ Sơn cho là bài làm sát với đề-mục, lời văn trôi-chảy, và đối cân từng chữ, từng câu, nên cụ phê "bình" lớn.

Cứ ba tháng một lần, cụ Sơn ra bài thi viết hương cho các môn-sinh làm như thế.

Lại có một hôm, sáng đến, cụ Sơn và các sĩ-tử mới vào phòng học, bỗng có một người bạn khăn đen áo dài, mang tràu rượu tới xin cụ một đôi câu đối đề phúng-điếu Nhạc-đường, cụ Sơn liền bảo các học-sinh làm mỗi người một câu, rồi cụ sẽ coi câu nào hay hơn thì chọn lấy mà trao cho người nọ.

Trong khi các sĩ-tử đương cặm-cui nghĩ-ngợi chưa được, thì Đầu-xứ San đã làm xong hai câu như sau:

女則曰無, 天理豈應無痛恨
子雖云半, 人情誰可半哀思
Nữ tác viết vô, thiên-lý khởi ưng vô thống-hận.³
Tử tuy vân bán, nhân-tình thùy khả bán ai-tư⁴.

Nghĩa là:

Con gái được coi không, nhưng lẽ trời há lại không đau xót?

Con rề tuy là phần nửa, nhưng lòng người ai nỡ nửa sầu thương?

Cụ Sơn khen-ngợi Đầu-xứ San thật là hay chữ, và chọn lấy câu ấy đưa cho người nọ.

Trong thời-gian học với cụ Sơn, Đầu-xứ San đã khéo huấn-luyện cho mấy người con cụ đều trở thành chí-sĩ cách-mạng như hai ông Nguyễn-Thức-Đường và Nguyễn-Thức-Canh (đều theo Phan Sào-Nam tiên-sinh sang Nhật năm 1905) hay là có cảm-tình với cách-mạng như các ông Cử-nhân Nguyễn-Thức-Độ, Tú-tài Nguyễn-Thức-Thứ, thí-sinh Nguyễn-Thức-Đình (bị Cộng-sản sát-hại năm 1953). v.v.

Đến cuối năm học-tập, cụ Sơn bảo Đầu-xứ San rằng:

"Anh hãy thu-xếp mà về nghỉ-ngợi một đôi tháng để đến tháng 3 năm sau đi dự-thí Hương-khoa (Khoa Đinh-dậu, 1897). Thế nào anh

³ Tục lệ xưa: "nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô", như vậy là có con gái cũng coi như không có con.

⁴ Rề là bán-tử, tức là con nừa.

cũng giết giải-nguyên trường Nghệ-An. Quyết không tay nào tranh được anh đâu."

Các sĩ-tử trong trường cụ Sơn đều tin-trưởng như thế. Vâng lời sư-trưởng, Đầu-xứ Sơn cấp sách để-huê trở về nhà quê, và sắm-sửa lều-chõng để đến ngày đi ứng-thí Hương-khoa.

Sang tháng 3 năm Đinh-dậu thời bắt đầu vào trường thi với bao nhiêu hy-vọng đoạt-giải Thủ-khoa!

Qua trường đệ nhất, Phan tiên-sinh làm bảy bài Kinh nghĩa và nạp quyển trước hội trống thu-không. Các bài ấy đều được các quan so-khảo, phân-khảo, phúc-khảo và giám-khảo chấm phê "ru" và "bình" cả.

Rồi qua trường đệ-nhị, Phan tiên-sinh đương chăm-chú làm bài, thì bỗng có một người thí-sinh đóng lều gần đầu đó bỏ lại lều tiên-sinh để hỏi-han một đôi điều gì, vừa có mây tên lính phòng-thành đi khám-xét trường thi, người thí-sinh nọ sợ bị bắt liền vứt tập sách viết chữ kiến (chữ nhỏ như con kiến) ở cạnh lều Phan tiên-sinh mà chạy mất dạng.

Thế là Phan tiên-sinh bị bắt quả-tang đem sách vào trường thi và bị giải-giam cứu, đã phải bỏ dở cuộc thi mà còn bị kết án "Hoài-hiệp vãn-tự" xử tiên-sinh "chung-thân bất đắc ứng-thí" là trọn đời không được đi thi nữa.

Oái-oăm thay! Bản-án oan-khúc ấy làm cho Phan tiên-sinh mất hết hy-vọng thực-hiện mấy lời giáo-huấn của nghiêm-đường.

Cái tin Phan tiên-sinh bị bắt và bị kết án oan-uổng như vậy làm xôn-xao dư-luận trong đám làng văn ở đất Hồng-Lam, và thấu đến tai cụ Sơn cùng các sĩ-tử trong trường cụ, cụ chất lười, lắc đầu mà nói: "奇冤難白" "Kỳ-oan nan bạch" nghĩa là "oan-khúc lạ-lùng, khó mà biện bạch cho được", rồi cụ lại thờ dài mà nói: "Thật là học tài thi phận".

Lúc bấy giờ công-việc làm cách-mạng để cứu-quốc đòi-hỏi Phan tiên-sinh phải góp phần tích-cực và đặc-lực hơn nữa, nhưng việc khoa-cử đương dở-dang như thế thì làm sao đây?

Giang-sơn một gánh tình thêm nặng,

Hiếu nghĩa đôi bên lẽ phải tròn.

Nghĩ không ra kể để giải-oan cho mình, tiên-sinh bất-đắc-dĩ mới viết cho cụ Cao-Xuân-Dục (Đương làm chức Tam-Tuyên Tổng-đốc, quán làng Thịnh-Mỹ, phủ Diên-Châu, tỉnh Nghệ-An) một bức thư bằng Hán-văn mục-đích yêu-cầu quan Tổng-đốc họ Cao nghĩ tình châu-quận, xét cảnh oan ức của kẻ thư-sinh, và dùng quyền-hạn sẵn có của một vị trọng-thần, can-

thiệp thế nào cho tiên-sinh thoát khỏi cái án vô nghĩa-lý ấy, bởi quan Tổng đốc nọ vốn biết tiên-sinh là người hay chữ bậc nhất trong châu-hạt mà gặp phải sự rủi-ro. Và lại vị đại-thần ấy cũng có lòng chiêu-hiến đãi-sĩ hơn các ông quan lớn khác.

Sau khi được phúc-thư của Cao-Xuân-Dục đại-ý nói "vô phương giải-cứ", tiên-sinh bèn lội suối trèo non, đi bộ vào Thừa-Thiên (Huế) để kiếm nơi tạm-trú dung-thân rồi sẽ tìm người giúp-đỡ sau. Nhờ có kẻ giới-thiệu, tiên-sinh được ngồi nhà một người họ Tôn-thất để dạy học cho mấy đứa con nhà ấy.

Bởi có văn-tài học lực hơn người, Phan tiên-sinh vận-động được vào trường Quốc-tử-giám (Đại-học buổi xưa) rồi cũng do văn-chương lỗi-lạc mà các quan đại-thần biết đến, mới tâu lên vua Thành-Thái tiêu-hủy bản án kỳ-quặc ấy cho tiên-sinh.

Lại được quan Tế-Tửu (Hiệu-trưởng trường Giám) là cụ Khiếu-Năng-Tĩnh (quê xã Chân-Mỹ, huyện Đại-An, tỉnh Nam-Định, nguyên đồ Tiến-sĩ thứ hai khoa Hội-thí Canh-thìn (1880) dưới triều vua Tự-Đức) hết sức biệt-đãi và nâng-đỡ nữa, nên tiếng-tâm của tiên-sinh lại càng chấn-động khắp cả đất Thần-kinh.

Mặc dầu công việc sách-đền và khoa-cử đương đề nặng tâm-trí của Phan tiên-sinh, nhưng tiên-sinh cũng không quên làm những bài ca ái-quốc, bài phú Vãn-thiên (hỏi trời) và tập "song-tuất-lục" ghi chép cuộc khởi-nghĩa Cần-vương ở Nghệ-An do hai nhà lãnh-tự là ông Mai và ông Tấn khởi-xướng vào khoảng 1885. Những áng văn này vẫn được bí-mật truyền-tụng và lưu-hành trong nước.

Giữa lúc này, tiên-sinh có làm bài thơ "ăn sung ngồi gốc cây sung, lấy anh thì lấy nằm chung không nằm" như sau:

Thời-thế xui nên giả vợ chồng,

Lấy nhau chưa để đã nằm chung.

Ừ chơi cho nó toi đồng bạc,

Há để cho ai nắm má hồng.

Cười gượng nhiều phen ra nước mắt,

Khóc thầm một nỗi khác tơ lòng.

Một mai duyên mới thay duyên cũ,

Hòa-thuận cùng nhau tát bể Đông.

Thấm-thoát ngày qua tháng lại, đến năm Canh-tý (1900), Phan tiên-sinh trở về tỉnh nhà nộp đơn xin ứng-thí Hương-khoa. Lại được quan Tế-Tự Khiếu-Năng-Tĩnh phụng mạng xung chức Chánh chủ-khảo trường Nghệ-An nhứt quyết không để Phan-Bội-Châu bị hồng oan nữa, nên tiên-sinh càng vững lòng yên-trí thế nào cũng thành danh kỳ này.

Khoa ấy, khi mới bước chân vào cửa trường thi, tiên-sinh đã nghe các thí-sinh loan truyền rằng: "Không có mặt nào giựt được Giải-nguyên của Phan-Bội-Châu đâu". Quả nhiên, khoa ấy bài vờ của tiên-sinh quán trường một cách quá rọc-rỡ là được phê 20 "ưu" và "bình", không có một bài nào phải phê "thứ" cả.

Kết-quả tiên-sinh đỗ Thủ-khoa và được đứng riêng một mình một bảng yết-danh là việc xưa nay chưa từng thấy trong khoa-cử.

Một số đồng thí-sinh, sau khi nghe xướng-danh và treo bảng rồi, đi tìm cho được Phan-Bội-Châu để họ cồng-kênh lên vai vừa chạy vừa hoan-hô khắp bốn phía trường thi cho bổ lòng hâm-mộ kẻ tài-danh.

Có người đã tặng Phan tiên-sinh một câu-đối như sau:

雙 載 三 元 天 下 有
獨 名 一 榜 世 間 無
Song tải tam nguyên thiên-hạ hữu.
Độc danh nhứt bảng thế-gian vô.

Nghĩa là:

"Trong thiên-hạ vốn có người nội hai năm được ba lần đỗ Khôi-nguyên.

Giữa thế-gian chưa có ai được một mình đứng riêng một Kim-bảng"

Cụ Sơn cũng thân-tặng kẻ cựu môn-đệ tài-danh một đôi câu đối sau khi Phan tiên-sinh làm lễ bái môn⁵ như sau:

黃 榜 豈 無 奇 緣, 鄉 解 三 年 遂 我 望
青 雲 如 有 夙 約, 家 兒 一 舉 適 科 同
Hoàng bảng khởi vô kỳ-duyên, Hương-giải tam niên tri ngã vọng
Thanh-vân như hữu túc-ước, gia-nhi nhứt cử thích khoa đồng.
Xin tạm dịch như sau:

"Bảng vàng há không có duyên may, chắc Hương-giải tay Ngươi, đã ba năm cứ chờ tin mãi.

5 Buổi xưa, hễ ai thi đỗ rồi, thi phải làm lễ bái môn, tức là bái cửa thầy học cũ.

"Đường mây như đã có hẹn sẵn, trong gia-đình của ta có một trẻ vừa đỗ khoa này."

Đỗ Thủ-khoa trường Nghệ-An rồi, Phan tiên-sinh được tin anh rẻ mặt, nên làm một đôi câu-đối nôm phúng-điếu như sau:

"Trên vì nước, dưới vì nhà, anh có lẽ nào quên; mây đình Ngự, nguyệt sông Hương, trời bề bề vờ hờn cảm-cửu;

Chị khóc chồng, cháu khóc cha, em không buồn sao dặng; nhận non Hồng, chim bãi Phổ, đêm ngày giėjo-giắt tiếng hoài-nhân.

Đến đây, Phan Sào-Nam tiên-sinh đã trang-trả xong món nợ thư-đăng, đáp được lời di-chức của tiên-nhân gởi, tiên-sinh bèn xếp hẳn việc bút-nghiên đèn sách để dốc toàn lực vào công việc làm cách-mạng cứu quốc, bôn-ba hải-ngoại, hoán-tĩnh đồng-bào mà ý-chí sắt đá đã được nổi lên trong bài thơ này:

Buồn biết bao nhiêu, giận biết bao,
Việc chung, chung phải tính làm sao?
Thà không trời đất không gì cả,
Còn có non sông có lẽ nào.
Hãy quyết ra tay chèo kéo lại,
Đề cho khắp mặt ngó trông vào.
Tiên rồng con cháu hăm lăm triệu,
Cũng mái đầu đen, giọt máu đào.

Vậy để kết-thúc bài giải-thoại này, tôi xin mượn hai câu của cụ Minh-viên Huỳnh-Thúc-Kháng tế sống cụ Phan Sào-Nam như sau:

Đất linh-tử non Hoành bề Quế, sanh đấng vĩ-nhân,
Trời cạnh-tranh gió Mỹ mưa Âu, nhớ người hướng-lộ.

TRẦN-CỬU-CHẤN

Tiền-sĩ văn-chương

Đại-Học-Đường Paris

cung oán ngâm khúc

bình chú

(xin đọc V.H.N.S từ tập XII, Q. 8, 1963)

- 145 Đệm hồng thúy thơm tho mùi xạ,
146 Bóng bội hoàn lấp ló trắng thanh.
147 Mây mưa mấy giọt chung tình,
148 Đình trầm hương khóa một cảnh mẫu đơn.

bình chú

145 Đệm. Đệm (nệm) là một thứ chiếu ở trong có lót bông gòn dùng nằm cho ấm lưng.

Hồng thúy. Hồng 紅 là đỏ. Thúy (túy) 翠 là xanh. Hồng thúy tức là chim phi-thúy, cũng gọi là chim trả, trong Nam gọi là chim thàng chài, một loài chim thân nhỏ mỏ dài lông có sắc đỏ và xanh rất đẹp, thường đậu theo bờ sông ao bắt cá, tiếng pháp gọi là 'martin-pêcheur.'

Đệm hồng thúy. Ba chữ này có thể hiểu với hai cách :

(1) Chiếc đệm thêu bằng lông chim hồng thúy cho đẹp mắt.

(2) Bề mặt chiếc nệm thêu hình chim hồng thúy cho có vẻ sang trọng. Trong bài "Tần cung nữ oán Bái công" có câu : 'Đệm thúy kia lại ngó cùng hoa'.

Xạ. Xạ 麝 là một thứ hương thơm ngát ở trong da bụng con xạ thuộc về loài dê, xưa dùng ướp quần áo, chần nệm hay làm thuốc, tiếng pháp gọi là 'musc'.

Trong bài "Tần cung nữ oán Bái công" có câu : "Tắm la y nào mùi xạ có phải."

[Năm thứ XIV, Quyển 6 (Tháng 6, 1965)]

146 Bội hoàn. Bội 佩 là mang, đeo. Hoàn 環 là cái vòng. Bội hoàn là một thứ nữ-trang bằng ngọc có chạm hình, đàn bà sang trọng đeo hai bên cườm tay hoặc cườm chân. Truyện Kiều có câu thơ số 409-410 nói :

Nàng rằng trộm liếc dung quang,
Chẳng sân ngọc bội cũng phường kim môn.

Hai chữ ngọc bội 玉佩 dùng nói xưa nhà quân-tử thường đeo ngọc để tỏ ra đức hạnh thanh cao.

Hai câu thơ số 145-146 ý nói trong cung cấm toàn là vật quý báu để dành riêng cho cung-phi, như giường trái nệm hồng thúy ướp hương xạ và ngọc bội-hoàn của cung-nhân chói lóng-lánh dưới bóng trăng.

Câu thơ số 146 lặp lại bốn chữ lấp ló trắng thanh nói rồi trong câu thơ trên số 142, cách lặp lại chữ đã viết rồi ở đây không đem sự gì mới mẻ cho câu thơ (146) đọc có vẻ khô-khan.

Phạm-Gia-Kính dịch chữ bội thành 'éclatantes', 'brillantes'. Đó là sai, vì chữ bội có nghĩa là mang, đeo vào, chứ không phải chói sáng.

Trong hai câu thơ số 145-146 chữ xạ ở cuối câu thất nhất (145) phải hòa vận trắc với chữ ló trong câu thất nhì (146), nhưng vì không đồng âm cho nên có thể coi như cưỡng-vận. Hai câu thơ số 145-146 đối nhau từng chữ từng ý rất hay :

đệm	=	bóng
hồng thúy	=	bội hoàn
thơm tho	=	lấp ló
mùi xạ	=	trắng thanh

147 Chung tình. Chung 鍾 là chửa, hạp, đúc lại, rót vào. Tình 情 là mối tình trong lòng. Chung tình là ái-tình riêng chửa chan rót hết vào một người, nghĩa bóng trở người yêu.

Trong Tấn thơ 晉書 có câu :

情之斯鍾正在吾輩
Tình chi sở chung chính tại ngô bối.
Mối tình đúc lại chính ở bọn ta vậy.

Truyện Kiều có câu thơ số 791-792 nói :

Biết thân đến bước lạc loài,
Nhị đào thà bề cho người tình chung.

Trong hai câu thơ số 146-147 chữ *thanh* ở cuối câu thất nhị (146) phải hòa vận với chữ *tinh* ở cuối câu lục (147), nhưng vì không đồng âm cho nên có thể coi như chuyêt-vận.

148 *Đình trầm hương*. Đình 亭 là cái nhà nhỏ. Trầm - hương

沉香 là tên một cái nhà lục-giác bằng gỗ thơm trầm-hương của vua Minh-Hoàng nhà Đường dựng lên ở trong cung đề nàng Dương-Quí-Phi ngồi xem hoa mẫu-đơn tại vườn Thượng-Uyển trong đêm xuân.

Khóa. Khóa là giữ ở trong đóng cửa lại không cho ra ngoài.

Mẫu đơn. Mẫu đơn 牡丹 là tên một thứ hoa đẹp hơn các loài hoa, gọi là hoa-vương, ngày xưa có tên là mộc-thực-độc 木芍藥. Cây cao hai thước, lá có năm chĩa, hoa nở đầu mùa hạ, có nhiều cạnh, màu vàng, đỏ, trắng, hương thơm ngào ngạt, tiếng Pháp gọi là 'garance'.

Có nhiều tên riêng như :

(1) Quốc sắc thiên hương 國色天香, vì màu tươi đẹp và hương kỳ lạ.

(2) Phú quý hoa 富貴花, vì có vẻ sang trọng rực rỡ.

(3) Diêu hoàng Ngụy tử 姚黃魏紫 là tên hai họ Diêu và Ngụy đã tìm được hoa màu vàng và màu tím đẹp hơn hết.

Mẫu đơn thường dùng vì người con gái tuyệt đẹp. Truyện Kiều có câu thơ số 1425-1426 nói :

Dạy rằng cứ phép gia hình,

Ba cây trấp lại một cành mẫu đơn.

Có bản chép :

Đình trầm xuân khóa một cành mẫu đơn.

Chữ *xuân* ở đây không đem một ý-nghĩa gì thêm cho câu thơ, trái lại có thể làm lu mờ tên cái đình Trầm-hương.

Hai câu thơ số 147-148 ý nói cung-phi khoe mình được chung tình cùng vua trong một cuộc mây mưa nồng nàn, và sánh mình với nàng Dương-Quí-Phi xưa được vua Minh-Hoàng nhà Đường trọng yêu như hoa mẫu-đơn.

149 *Tiếng thánh thót cung đàn thụy dịch,*

150 *Giọng nỉ non ngôn dịch đan trì.*

151 *Càng đàn càng dịch càng mê,*

152 *Càng gay gắt điệu càng tê tái lòng.*

binh chú

149 *Thánh thót*. *Thánh thót* là tiếng đôi đờ nói tiếng nước gió từng giọt nghe êm tai. Truyện Kiều có câu thơ số 1779-1780 nói :

Linh lời nàng mới lựa dây,

Nỉ non thánh thót dễ say lòng người.

Cung đàn. *Cung* 宮 là một trong ngũ-âm : cung, thương, đốc, trủy, vũ, trong nhạc Tàu gọi là hồ (tồn), lưu, xáng, xể, cồng, tức năm bậc của tiếng đàn tiếng hát. *Đàn* 彈 là cây đàn. *Cung đàn* là tiếng đàn.

Truyện Kiều có câu thơ số 31-32 nói :

Cung thương lầu bạc ngũ âm,

Nghề riêng ăn đứt Hồ cầm một chương.

Thụy dịch. *Thụy* 翠 là xanh pha lục. *Dịch* 掖 là tòa nhà xây bên cạnh. *Thụy dịch* là cung-thụy sơn màu xanh dành riêng cho cung-nhân ở, cũng gọi là cấm-dịch, tiếng Pháp gọi là 'harem' hay 'sérail.'

Phạm-Gia-Kính dịch sai chữ *thụy* là 'retiré', 'au fond de', cũng vì theo Đinh-Xuân-Hội làm mẫu viết chữ *thụy* ra 遂. Đây phải hiểu chữ *thụy* là màu xanh bích và viết ra 翠 dùng đối với chữ *đan* 丹 (đỏ) trong câu thơ sau (150).

Trong hai câu thơ số 148-149 chữ *đơn* ở cuối câu bát (148) phải hòa vận với chữ *đàn* trong câu thất nhất (149), nhưng vì không đồng âm cho nên có thể coi như chuyêt-vận.

150 *Nỉ non*. *Nỉ non* là tiếng đôi đờ nói tiếng nghe thắm thiết như tiếng người than vãn.

Truyện Kiều có câu thơ số 1369-1370 nói :

Nỉ non đêm ngắn tình dài,

Ngoài hiên thờ đã non đôi ai ngắm gương.

Ngón địch. Ngón là mảnh khoé riêng.

Địch 笛 là tên một thứ kèn xưa làm bằng ống trúc có bảy lỗ cầm ngang mà thổi kêu thanh như tiếng chim phượng, tức là ống sáo của ta bây giờ, tiếng Pháp gọi là 'flûte'.

Thuở trước vua Huỳnh-Đế sai ông Linh-Luân đi lấy trúc ở Côn-Khê chế ra làm ống *địch* dùng rất giản tiện để thay thế nhã-tiêu có 23 ống và tụy-tiêu có 16 ống thổi rất khó khăn.

Trong "Chinh Phụ Ngâm Khúc" có câu thơ số 280 nói:

Nghê thôi ngón địch véo von bên lầu.

diễn dịch câu thơ số 328 trong nguyên-văn Hán của Đặng-Trần-Côn tiên-sinh viết:

微雨江樓笛一聲
Vi vũ giang lâu địch nhất thanh.

Trong đám mưa nhỏ nghe tiếng địch nơi lầu bên sông.

Đan trì. Đan (đơn) 丹 là đỏ. Trì 埤 là cái thêm nhà. Đan trì hoặc đan bệ là cái thêm sơn màu đỏ của nhà vua trong cung-diện. Truyện "Hoa Tiên" có câu thơ số 1595-1596 nói:

Sao không tâu đến đan trì,
Họa là tình biểu chút gì trả nhau.

Hai câu thơ số 149-150 ý nói cung-phi trong lúc say mê với nhà vua tai nghe cung đàn êm ái nơi thúy-dịch và ngón địch ai non chốn đan trì. Ấy là một cảnh khoái lạc hiếm có. Hai câu thơ số 149-150 đối nhau rất hay từng chữ từng câu:

tiếng = giọng
thánh thót = ní non
cung đàn = ngón địch
thúy dịch = đan trì

151. Câu thơ số 151 nhắc đến ảnh-hưởng sâu xa của ca nhạc. Xưa nay người ta thường dùng âm-nhạc để phát-biểu nỗi lòng mà hai tiếng vui sầu gồm tất cả tâm tình của nhân-loại, như các nhạc-sĩ trứ-danh Beethoven, Schubert, Schumann, Chopin, Brahms, Liszt, Johann Strauss...

Vậy âm-nhạc có thể làm lòng trí mê mang khi sung sướng khi buồn rầu, làm rung-động cả thân-thể như nửa tỉnh nửa say.

Trong hai câu thơ số 150-151 chữ *trì* ở cuối câu thất nhl (150) phải hòa vận với chữ *mê* ở cuối câu lục (151), nhưng vì không đồng âm cho nên có thể coi như cưỡng-vận

152 *Gay gắt.* Gay là căng quá, gắng co.

Gay gắt là tiếng đôi để nói tiếng đàn nghe sôi nổi, thúc giục mạnh mẽ.

Tê tái. Tê 痺 là tay chân mỗi mệt nặng nề. *Tê tái* là tiếng đôi để nói lòng trí người trở nên say mê chán chường vì tâm-tình tràn ngập.

Hai câu thơ số 151-152 ý nói cung-phi nghe đàn và địch hoà điệu nổi lên bao nhiêu, thì lòng vui sướng lại lắng bấy nhiêu, không khác gì Kim-Trọng lúc lắng tai nghe Thúy-Kiều gảy đàn trong câu thơ số 487-488:

Khi tựa gối khi cúi đầu,

Khi vờ chín khúc khi chau đôi mày.

Trong hai câu thơ số 151-152 chữ *càng* lặp lại năm lần theo cách điệp-tự để nhấn mạnh sự khoái lạc cứ tăng thêm mãi, như trong truyện Kiều có câu thơ số 557-558 cũng dùng cách lặp lại một chữ để nói sự gì còn ghi tạc khằng khằng trong lòng:

Còn non còn nước còn dài,

Còn về còn nhớ đến người hôm nay.

Câu thơ số 152 chia ra làm hai vế đối nhau từng chữ từng ý rất sát nghĩa:

càng = càng
gay gắt = tê tái
điệu = lòng

Phạm-Gia-Kinh dịch không đúng câu thơ số 152 thành: '*Plus leurs airs étaient langoureux, plus s' amollissait mon coeur*', cần dịch lại như vầy cho sát nghĩa hơn: '*Plus vif était le rythme de la musique, plus mon coeur était grisé de plaisir*'.

(còn tiếp)

chính-trị-con-người

Không làm chính-trị cũng là một thứ chính-trị, nhưng có khi làm chính-trị mà không có chính-trị nào cả. Vậy, vấn-đề không chỉ hệ ở chính-trị, nhưng cốt-yếu là ở con người, và rộng hơn là ở tương-quan giữa con người và chính-trị. Cốt yếu và tương-quan đó không phải là một định-luật bất-dịch, nhưng là một thực-tại biến-chuyên và ở một giai-đoạn lịch-sử có một hình-thức riêng. Chính trong ý-thức và viễn-quan này mà Edgar Morin vừa cho xuất-bản quyển *Dẫn vào chính-trị-con-người*¹. Ý-thức nhu cầu triết-lý chính-trị ở Việt-Nam hiện nay và đề góp phần vào việc trao đổi tư-trưởng chính-trị chúng tôi nêu ra ở đây một vài nhận-định khá quan-trọng của Edgar Morin.

Hiện-tượng chính-trị

Kể từ hơn một thế-kỷ nay, các chủ-trương chính-trị đã nôi đuôi nhau làm thành một lịch-sử chính-trị. Nhưng trong hiện-tại, có hai hiện-tượng vừa xung-khắc vừa bổ-túc nhau: đó là sự-kiện phân tán của các chính-trị thông-thường và sự thành hình của một chính-trị mới.

Nhìn lại lịch-sử, chúng ta thấy cách đây không lâu, chính-trị nhân-bản dân-chủ của cách-mạng Pháp đóng vai dẫn đường, nhưng rồi nó đã bị một chính-trị khác có tính-cách bao hàm các sinh-hoạt xã-hội lấn-át: đó là chính-trị Mác-xít. Nhưng ngày nay, Mác-xít lại khủng-hoảng, bế-tác. Nghi hoặc có khuynh-hướng ngự-trị trên mọi lãnh-vực. Những khẩu-hiệu "dân-chủ" "tiến-bộ" "văn-hóa" đã mất dần sức mạnh thần-bí ban đầu. Sự-trạng khủng-hoảng này có mặt ở hết mọi bình-diện sinh-hoạt, và hình như quan-niệm chính-trị trở nên một quan-niệm mông lung nếu không phải là trống rỗng. Người ta không khỏi tự hỏi: đã đến lúc hành-chánh, kỹ-thuật khoa-học đến chiếm chỗ của chính-trị ngày xưa? hay đã đến lúc

¹ Introduction à une politique de l'homme, Seuil, Paris, 1965.

chính-trị xâm-lấn vào hết mọi lãnh-vực kỹ-thuật khoa-học? Hiện-tượng này thực ra không phải là một đờ vỡ hoàn toàn, nhưng là một hiện-tượng phân tán.

Chính-trị phân tán, nhưng đồng thời chính-trị cũng đang thành hình. Có cảm tưởng chính-trị là một quan-niệm trống rỗng vì ngày nay mọi vấn-đề trở thành vấn-đề chính-trị. Vì thế, đi song song với hiện-tượng phân tán, có hiện-tượng thành hình của một chính-trị mới: chính-trị-con-người.

Nói chính-trị-con-người, tức ý-thức chính-trị-con-người toàn-diện: từ chính-trị hạ tầng (sinh-lý kinh-tế) đi lên, hoặc từ chính-trị thượng tầng (những vấn-đề triết-lý, ý-nghĩ cuộc đời v.v.) đi xuống. Nói khác đi, tính-cách toàn-diện của chính-trị-con-người có đặc-tính một đi kèm hội-tụ của mọi sinh-hoạt. Con người toàn-diện còn là con-người trong xã-hội. Vì thế, nói chính-trị-con-người nhất thiết phải quan-tâm đến yếu-tố xã-hội trong chính-trị.

Sự thành hình của chính-trị mới này còn đưa ra ánh-sáng một khía-cạnh nữa: đó là vấn-đề phát-huy con người. Nói "chậm-tiến", nói "phát-triển" chính là nói đến khía-cạnh này. Nhưng chính-trị-phát-triển không thể là một chính-trị què-quặt. Nó cần phải quan-tâm đến con người đôi cơm, nhưng cũng phải lưu ý đến con người đôi tình, phải lo-lắng đến khu-vực chậm-tiến Á-phi, nhưng không vì thế mà lăm-tường Âu-Mỹ đã sống hạnh-phúc. (Thiên-đàng dưới thế chưa có ở những nước gọi là tiền tiến này.) Mà không phải chỉ có một việc phát-triển đất đai màu-mỡ, nhưng ngày nay chính-trị còn đi vào đường phát-triển không gian. Tất cả những hình-thức phát-triển đó nhằm vào một trung điếm là phát-huy con người.

Nhưng phát-huy con người ngày nay phải có thêm một bình-diện rộng lớn là bình-diện thế-giới. Chính-trị quốc-tế hiện nay với những thám hiểm không-gian của Nga Mỹ đưa con người vào một vũ-trụ bao-la vượt qua tầm dự-đoán. Ý-thức con người trở thành một ý-thức liên-đối cộng-đồng.

Ba yếu-tố con người toàn-diện, con người phát-huy trưởng thành và con người thế-giới trở thành trung tâm của chính-trị mới. Trong viễn quan này, có thể nói rằng nếu Mác đã khai nguyên một chính-trị triết-lý thì ngày nay kỹ-nguyên triết-lý chính-trị bắt đầu.

Đề nhận rõ đặc-tính của chính-trị-con-người mới này, cần phải nhìn lại quan-niệm của Mác và Freud về con người và chính-trị.

Con người sản-xuất và con người tâm-linh

Theo Edgar Morin, chính-trị của Mác đang có tính cách chính-trị triết-lý, chính-trị nhân luận, chứ chưa có tính cách chính-trị con-người.

Thực ra con người ở Mác khá phức-tạp nhưng không phải là con người toàn diện vì nòng cốt của con người ở Mác quá đơn-giản; Mác xác định nòng cốt đó là con-người-sản-xuất. Vì tích cách đơn-giản này mà Mác cắt nghĩa con người quá dễ-dàng, Mác không còn có thái-độ ngạc nhiên lúc nhìn thân phận con người. Những câu hỏi bản-khoản của Pascal về con người không được Mác quan tâm mặc dầu những vấn-nạn đó động chạm đến con người toàn diện. Vì thế, một chính-trị xây dựng trên một con người què-quặt, hệ-thống-hoá, ý-thức-hệ-hoá, sẽ là một chính-trị què quặt, bị cưỡng ép trong một hệ-thống, gò bó trong một ý-thức-hệ và lúc đó kết quả sẽ không còn là đích theo đuổi.

Con người nơi Mác vì thế đang là một con người nửa chừng: nửa triết-lý, nửa thực-nghiệm khoa-học. Nhân-loại-học của Mác chưa phải là nhân-loại-học quyết định. Nó đang còn bị giới hạn nếu không phải là hẹp hòi. Cần phải khai triển nó theo bề sâu và bề rộng.

Đáng khác, biện-chứng lịch-sử của Mác đã bị lịch-sử cho rõ thực hư. Giai-cấp thợ thuyền rất đông đảo ở các nước tư-bản phương Tây đã không làm cách-mạng như Mác nghĩ. Họ đang chia rẽ hoặc đang trở thành quý tộc. Ở Liên-xô cũng như ở các nước xã-hội dân-chủ khác, giai-cấp thợ thuyền bị cưỡng bức lao-động và đã không làm tròn nhiệm-vụ lịch-sử của Mác tiền-hở. Tất cả những thay đổi, những thích ứng, những phong-trào xét lại của chủ-nghĩa Mác cũng không thể nào làm cho người ta làm tưởng rằng sự thực-hiện của Mác-xít trong lịch-sử chính là sự thực-hiện của lịch-sử trong Mác-xít.

Chỉ lấy con người sản-xuất làm nòng cốt, nhân luận của Mác vì thế không bền vững. Cần phải lưu tâm đến một nòng cốt thứ hai là con người tâm-linh ở Freud.

Nếu nòng cốt của con người ở Mác là sản-xuất thì ở Freud là tâm-linh. Hai nòng cốt cấu tạo hai hạ tầng: một bên cấu tạo dụng-cụ, một bên mộng-mơ. Hai hạ tầng kiến-trúc này lệ-thuộc nhau, nhưng không thể nào cắt nghĩa cái này bằng cái kia.

Đối với Freud, ở con người có cả tốt lẫn xấu và hai yếu-tố đó tạo thành một biện-chứng-pháp nhân-sinh và lịch-sử. Con người sinh ra vừa bị bệnh thần-kinh vừa là con người lành-mạnh. Cái trước là điều-kiện của

cái sau. Từ đầu, ý-thức về sự chết đã ám-ảnh con người và theo con người suốt cả cuộc đời. Rồi trong sự tương giao với vũ-trụ và tha-nhân đã dẫn đến tương quan ma-thuật. Vì thế, mâu thuẫn ở tại con người sinh-vật và con người xã-hội. Con người xã-hội đã không thích ứng được với con người sinh-vật có thể chết, và con người sinh-vật không thể thích ứng được với số phận con người xã-hội bị ức chế.

Lịch-sử vì thế là sự diễn tiến của con người vừa lành vừa bệnh. Những cấu xé ở ngay nội bộ mỗi nhóm. Chiến-tranh giữa phe này với phe kia, căm thù quá độ, tin tưởng quá độ v.v. tựu trung cũng chỉ là những hiện-tượng của sự phát-triển lịch-sử bằng bệnh hoạn. Điều khác biệt giữa Mác và Freud mà chúng ta cần quan-tâm ở điểm này là trong lúc Mác chỉ nhìn thấy trong các hiện-tượng lịch-sử, những hình-thức bóc-lột, phóng-thể, phá-hủy, thì Freud lại nhấn mạnh đặc-tính thân-tượng vô hình nhưng dè bẹp con người: đó là thân-tượng quốc-gia, dân-tộc, gia-đình, giá-trị v.v. Vì thế, sự trạng người bóc lột người không phải chỉ có tính cách xã-hội, nhưng còn do cơ-cấu nội tại của con người tạo nên.

Nhưng Mác và Freud còn khác nhau ở chỗ là một bên đi đến chủ trương cách-mạng, một bên không. Mác muốn vượt qua tình-trạng bị-quan-bằng tạo nên một hy-vọng mặc dầu có tính-cách ảo-vọng. Trái lại, Freud lại im lặng. Vì thế chủ-nghĩa Freud có thể gọi là một chủ-nghĩa hiền-triết. Freud khám-phá chiều sâu và chiều rộng của con người, nhưng rồi không làm sao để có thể quên được những gì mình đã khám-phá.

Vậy, nhìn lại sơ quan-niệm của Mác và Freud, chúng ta thấy rằng ở Mác thiếu con người tâm-linh, trái lại ở Freud lại thiếu con người sản-xuất con người hành-động. Muốn có một chính-trị-con-người toàn-diện cần phải nối kết cả hai nòng cốt đó. Phải chăng đây là vấn-đề cách-mạng?

Cách-mạng: con người cách-mạng và cách-mạng con người

Nói đến chính-trị-con-người tức phải nói đến vấn-đề cách-mạng. Một hiện-tượng lịch-sử đáng chú-ý là hiện tại có hai khủng-hoảng: đó là khủng-hoảng vì cách-mạng và cách-mạng bị khủng-hoảng.

Những cuộc cách-mạng nối đuôi nhau đây đó đã dẫn cách-mạng vào một tình-trạng khủng-hoảng. Chúng đã diễn ra dưới mọi hình-thức, ôn-hòa có, đẫm máu có, nhưng hình như đang ở trạng-thái dò-dẫm. Từ ý-tượng cách-mạng con người đã làm cách-mạng, nhưng có lẽ cốt đi tìm cách-mạng: con người làm cách-mạng đang đi đến chỗ tìm cách để cắt

mạng con người. Vì thế, mọi cuộc cách-mạng đã có trong lịch-sử đang ở vào tình-trạng khủng-hoảng. Cách-mạng Mác-Lê là một cuộc cách-mạng có tính-cách hệ-thống, ý-thức-hệ, chứ không phải là cuộc cách-mạng con người. Cuộc cách-mạng này đang bị lịch-sử đào-thải ở Đông cũng như ở Tây. Nó đang chết mòn ở nơi nó đã thành-công cũng như ở miền nó bị thất-bại. Nhưng không phải vì thế mà thanh-toán được vấn-đề cách-mạng.

Thế-giới đang bị khủng hoảng vì cách-mạng do những cuộc cách-mạng văn-minh, khoa-học, kỹ-thuật đem lại. Những cuộc cách-mạng này có tác-dụng mạnh trên thiên-nhiên, trên xã-hội và trên cả con người.

Hai hiện-tượng khủng-hoảng đó đẩy chúng ta vào một ngõ bí: một đàng không thể chịu được thế-giới này, đàng khác lại không chịu được cách-mạng. Mâu-thuân này đòi buộc con người phải giải-quyết, nghĩa là phải làm cách-mạng nữa, 'một cuộc cách-mạng chân-chính'. Nhưng đâu là đặc-tính của cuộc cách-mạng đó?

Trước tiên, phải công-nhận rằng cách-mạng là một vấn-đề cam-go, nhưng cũng là vấn-đề thực-tế mà chính-trị-con-người không thể bỏ qua. Thứ đến, cần phải ý-thức rằng không có những giải-quyết có sẵn cho vấn-đề cách-mạng. Cần phải tiếp-tục lên đường tìm kiếm, chất-vấn những đòi hỏi mới của cách-mạng, công-nhận nó, bắt nó đương đầu với một nhân-loại-học toàn-diện và đà tiên-triển của thế-kỷ thứ XX này.

Từ trước tới nay, nói đến làm cách-mạng người ta đã nói nhiều đến tính-cách tiêu-cực, nhưng cần-thiết, của việc hủy bỏ cảnh người bóc lột người, nhưng phải chăng cần phải vượt xa hơn nữa? Đó chính là khía-cạnh tích-cực của cuộc cách-mạng mới. Con người làm cách-mạng nhưng đến lúc phải ý-thức đến việc cách-mạng con người mà Edgar Morin cho rằng *tình thương và khoa-học* là hai yếu-tố quyết-định.

Tình thương và khoa-học: nòng-cốt và biên-giới mới của cách-mạng

Mác chỉ nhận một nòng-cốt là con người sản-xuất nên Mác không thể hoàn thành cuộc cách-mạng con người. Freud chỉ xoay quanh con người tâm-linh nên đã không đi đến cách-mạng. Vậy vấn-đề cách-mạng ngày nay cần phải đặt lại một cách toàn-diện và dưới một bộ mặt lịch-sử mới mà *tình thương và khoa-học* vừa là nòng-cốt vừa là biên-giới.

Nếu các cuộc cách-mạng của Mác thực-hiện dưới khẩu-hiệu căm-thù thì cuộc cách-mạng mới phải thực hiện dưới sự dẫn đạo của *tình thương*. *Tình thương và cách-mạng* không mâu-thuân nhau. *Thương không*

phải là xúy-xóa nhưng có khi phải "cho roi cho vọt". Cách-mạng *tình thương* chính là đi vào cuộc cách-mạng bên trong: cách-mạng con người. Vì thế *tình thương* không phải là một cái gì đã có nhưng mất đi và bây giờ tìm lại, nó cũng không phải là một giải đáp có sẵn, nhưng nó chính là vấn-đề hành-động, vấn-đề cách-mạng. Những khủng-hoảng hiện tại do các cuộc cách-mạng đem lại chỉ có *tình thương* mới giải quyết nổi bằng cách làm cuộc cách-mạng *tình thương*. *Tình thương* đòi tự cải-tạo, đòi phát-triển, đòi thực-hiện hạnh-phúc nhân-loại.

Muốn thế phải có một chính-trị *tình thương*. *Chính-trị tình thương* không phải là một *tình thương chính-trị*. Vấn-đề được đặt ra ở đây là làm sao thực hiện được sự chu lưu điều-hòa của *tình thương* và sử-dụng hết mọi năng-lượng của *tình thương* trong việc xây-dựng hạnh-phúc xã-hội. Nói rõ hơn, cần phải đem tính cách khoa-học vào việc sử-dụng và phát-huy *tình thương*. Cho đến nay, năng-lượng *tình thương* đã hao tổn rất nhiều hoặc vì chủ-trương một chính-trị thù-hằn hay tiêu phá *tình thương* vào những mê-tin, thần chú, vào bản-năng phong tình v.v. Mà trong những công-tác nói lên nội-dung của *tình thương* ở thế-kỷ này chúng ta phải kể đến khoa-học.

Giáo-dục, luân-lý, tình yêu, triệt-hủy tư-bản hay triệt-hủy chủ-nghĩa Mác-Lê... Những công-tác đó không thể thay đổi được hoàn toàn những tương-quan con người. Cần phải đi hẳn vào một công-tác vừa đề phát-huy ý-thức vừa đề phát-huy *tình thương* là khoa-học.

Khu-vực khoa-học là một khu vực cách-mạng nhưng đồng-thời cũng là một yếu-tố làm cách-mạng thế-giới và con người. Với đặc-tính này, khoa-học vừa là một yếu-tố đáng yêu vừa đáng sợ, vì nó có thể đi đến chỗ giúp con người thống-chế vũ-trụ nhưng cũng có thể hủy-diệt cả con người. Vậy cần phải có một ý-thức cách-mạng để điều-khiển khoa-học đồng thời phải sử-dụng khoa-học để thực-hiện cách-mạng.

Muốn thế phải có một chính-trị khoa-học. Chính-trị này một đàng tìm cách phát-huy và sử-dụng khoa-học, đàng khác phải biết hướng-dẫn khoa-học.

Khoa-học ngày nay đã đề lộ chân-tướng của nó. Đã có một thời khoa-học được coi là thần thánh, bây giờ khoa-học lại đặt ra vấn-đề thân phận con người. Làm chính-trị-con-người phải có khoa-học nhưng không hạn hẹp chính-trị vào khoa-học thôi.

Tình thương và khoa-học vì thế cần bổ-túc cho nhau và không thể thay thế nhau. Cả hai trở thành những nòng-cốt mới của chính-trị. Coi

nhệ một trong hai, chính-trị sẽ trở nên què-quặt. Cả hai đồng thời là biên-giới mới của chính-trị. Nói khác đi, chính-trị tinh thương và chính-trị khoa-học sẽ là một chính-trị vô biên-giới. Tinh cách tự hợp đại-đồng mà Mác và Teillard de Chardin nguyên-ước và dự phóng chỉ có thể thực-hiện bằng chính-trị-con-người đó là chính-trị lấy tinh-thương và khoa-học làm động-lực, làm tiêu-chuẩn để xác-định tinh-cách thực-tế và hợp nhân-tạo của chính-trị.

Tinh cách hành-trình của chính-trị-con-người

Sau khi nhìn lại chính-trị-con-người dưới những nguyên-tắc dẫn đạo sấm cổ, Edgar Morin đã cố vạch ra một vài ý hướng mới cho chính-trị mà một trong những ý-hướng căn-bản là *tinh cách hành-trình*.

Hành-trình không có nghĩa là tiếp tục theo con đường mòn cũ, cũng không phải liều mình vào ngõ bí, nhưng là một quan-niệm về cuộc sống và lối sống : muốn sống thiết đầy đủ năm tháng trời cho bằng cách chú trọng đặc biệt tới hiện-tại và tương-lai.

Vì thế, hành-trình ám chỉ một ý-thức cách-mạng, nhưng cách-mạng không phải là mục-đích hành-trình theo đuổi. Sống không có nghĩa là chỉ dựa vào hoài-vọng được giải-thoát bằng những chế-độ tương lai, nhưng hy-vọng vẫn là một lẽ sống. Vì đặc-tính đó, hành-trình chấp nhận thực-tại bằng cách tìm phương-thế vượt qua vì nghĩ rằng nếu thành-công có thể đem đến thất-bại thì thất-bại vẫn có thể là mẹ thành-công.

Cũng vì thế mà hành-trình chú trọng đến những điều-kiện thực-tế và bài trừ tính ý-lại vào những hứa hẹn hay mộng mơ ở các giải-pháp ở mục-tiêu theo đuổi. Ở phạm vi chính-trị, đây là một cuộc cải-tạo tâm-thức. Đã từ lâu, những tập-quán chính-trị, quân-sự, tôn-giáo... có lúc làm cho người ta tưởng lầm rằng : bất cứ vấn-đề gì cũng đã sẵn có giải-đáp và nguyện-vọng gì cũng có thể được thỏa-mãn. Thực ra, họ quên rằng : mục-đích nằm ngay trong phương-tiện đích diểm ở ngay trên đường đi. Vì thế tinh cách hành-trình của chính-trị-con-người đòi buộc một cuộc trở lại đặc biệt về mặt tâm-lý, cần phải đem mục-đích vào ngay trong phương-tiện, cần phải loại bỏ huyền-thoại về một giải-đáp từ trời rơi xuống hay ben ngoài đưa lại, nhưng không vì thế mà quên cố gắng đi tìm giải-đáp.

Tinh cách hành-trình như thế đòi buộc phải đặt lại vấn-đề triết-lý : cần phải có một quan-niệm động và sáng-tạo về cuộc sống : sống là hành-trình là đi tìm chân-lý, vì thế những kiến-thức cần được canh tân không ngừng. Muốn thế, phải có một triết-lý động, triết-lý hành-trình.

Hành-trình còn ngầm chứa lòng hy-vọng, lòng tin. Nhưng điều quan-hệ ở đây là không phải hy-vọng, tin-tưởng để sống, nhưng sống tạo nên hy-vọng và tin-tưởng.

Phát-huy con người

Nguyên-lý gây-căn nhất của đặc-tính hành-trình là phát-huy. Phải coi phát-huy là một hiện trạng tự nhiên của đà tiến-hóa, đồng-thời là một nguyện-vọng, một nhu-cầu của đà nhân-hóa. Một chính-trị phát-huy là một chính-trị đúng và cốt-yếu của đà sống loài người.

Vì thế, nói đến phát-huy phải nói đến nhân-loại và làm một chính-trị phát-huy, tất nhiên phải có một nhân-luận. Thực ra ở đây, đặc-tính hành-trình và phát-huy gắn chặt với nhau : phát-huy con người chính là một mặt của đặc-tính hành-trình ; nhân-luận về phát-huy nằm trong nhân-luận hành-trình.

Vì thế, có rất nhiều hiện-tượng chậm-tiến và do đó có nhiều công-tác phát-huy khác nhau, nhưng tất cả đều là thể-hiện của đặc-tính hành-trình. Trong lúc ở các nước Á-Phi, nói đến phát-huy là nói đến việc phát-huy kinh-tế trái lại nạn chậm-tiến ở Âu-Mỹ châu lại thuộc về khu-vực tinh-thần tâm-lý, vì thế, ở các nước này, vấn-đề phát-huy lại chú-trọng đến thể quân-bình tâm-lý và việc nâng-cao đời-sống tinh-thần. Vậy ở cả hai khu-vực đều có tình-trạng chậm-tiến : một bên về kinh-tế, một bên về nội-tâm của con người. Muốn giải-quyết cái này phải giải-quyết cái kia. Giải-quyết được nạn chậm-tiến tâm-hồn tức có thể giải-quyết kịp-thời nạn chậm-tiến vật-chất. Như thế, *đề ý-thức đúng về sự phát-huy cần phải có một sự phát-huy về ý-thức*.

Nhưng phải nhớ rằng : chính-trị phát-huy quan-tâm đến nhu-cầu của con người, nhưng luôn ý-thức đặc-tính hành-trình của con người. Lòng người vô đáy, được voi đòi tiện, chính-trị-con-người không có thể nào đáp lại hết được mọi nguyện-vọng nối đuôi nhau đó, nhưng nó giúp con người hành-trình, thực hiện sứ-mệnh. Vì thế, hành-trình không loại trừ bản-khoản xao-xuyến. Để giải-quyết, chính-trị hành-trình đề-nghị cần phải vận-dụng tình-yêu và sự tham-dự.

Tóm lại, chính-trị hành-trình bao gồm chính-trị phát huy. Con người luôn đi và vừa đi vừa học, vừa lớn. Thể quân-bình của con người cũng như của nhân-loại không thể có được ở một trạng-thái tĩnh. Dừng lại là thụt lùi hay chết. Sống là tìm một thể quân-bình mới. Làm chính-trị-con-người là giúp con người và xã-hội có được thể quân-bình đó.

Chính-trị đa-diện

Tính cách hành-trình và phát-huy của con người đòi hỏi một tính-cách khác: đó là tính-cách đa-diện của con người trong không-gian và thời-gian.

Chính-trị-con-người phải là một chính-trị bao-hàm hết mọi mặt của cuộc sống. Chế-độ độc-tài thực ra chỉ là hiện-tượng của một chính-trị què-quặt, một mặt. Người chiến-sĩ chính-trị không phải chỉ là người ăn rồi đi rải truyền-đơn hay làm mưu-mô, ăn miếng trả miếng v.v... nhưng là người có một tác-phong khác biệt và cốt giúp người khác có một tác-phong cao đẹp hơn. Có lẽ đã đến lúc cần phải xét lại những lối nói 'cao chính-trị' hay 'làm chính-trị'.

Xét theo không-gian, chính-trị đa-diện tức phải bao gồm cả chính-trị Đông, Tây và khu-vực chậm-tiến. Đây là một công-tác khó-khăn nhưng quan-trọng. Cần phải vượt qua những khu-vực chật hẹp nhưng đồng-thời phải thực-tiến.

Với những thám-hiêm không-gian, với những tiến-bộ khoa-học và kỹ-thuật đặc-tính đa-diện về không-gian đang biến-chuyển rất nhanh.

Xét theo thời-gian, chính-trị đa-diện phải nhắm chính-trị tức thời, chính-trị cỡ trung và chính-trị trường-kỳ. Ở đây tùy theo hoàn-cảnh của mỗi nước, nhưng đại-khái chương-trình của chính-trị tức thời nhằm vào thực-tế hành-động và khâu-hiệu thi-hành là cứ dùng phương-pháp gì tương-đồng hoàn-hảo nhưng hiệu-nghiệm hơn; chính-trị cỡ trung nhằm vào những nguyên-tắc dẫn đạo, cần phải thiết-lập những phương-châm hành-động để phát huy dựa vào những biến-chuyển cụ-thể. Còn chính-trị trường-kỳ nhằm vào việc thực-hiện cuộc cách-mạng con người.

Đọc 'chính-trị-con-người' của Edgar Morin, đầu muốn hay không từ địa-hạt thực-tế, chúng ta phải bước sang địa-hạt tinh-thần, từ những nhận-xét cụ-thể về chính-trị hiện tại, chúng ta bước sang triết-học chính-trị. Phải chăng, Edgar Morin đang đi tìm một ý-thức-hệ mới thay thế cho những ý-thức-hệ chính-trị cũ? Và phải chăng ở đây cũng là vấn-đề quan-trọng của chúng ta trong hiện tại và mai ngày?

NGUYỄN-KHẮC-HOẠCH

Khoa-trường

Đại-học Văn-khoa Sài-gòn

**xây-dựng và phát-triển
văn-hóa giáo-dục***

Khi suy-nghĩ và đặt kế-hoạch cho việc phát-triển văn-hóa giáo-dục ở Việt-Nam, chúng ta không nên quên nhận-định về hoàn-cảnh đặc-biệt của chúng ta, hoàn-cảnh một quốc-gia Đông-Nam-Á kém-mở mang cần theo kịp đà tiến-hoá mới của nhân-loại, nhưng vẫn là "Văn-hiêm chi bang", có một di-sản tinh-thần khá kính cần được khai-thác và hiện-đại-hoá đúng mức.

Chúng ta phân-tích những dự-kiến hiện thời, tâm-niệm bài học về phát-triển văn-hóa dưới những triều-đại lớn như Lý, Trần, Lê, Nguyễn xưa, đồng thời không quên học hỏi những kinh-nghiệm quý báu tại các nước tiên-tiến. Từ công việc phức-tạp và tế-nhỉ đó chúng ta đã rút ra được một số nguyên-tắc định hướng nhân-bản, dân-tộc, khai-phóng, khoa-học và dân-chủ...

Nền văn-hoá và giáo-dục của chúng ta nhất định sẽ bắt nguồn từ những truyền-thống đích thực, sức mạnh của Dân-tộc đồng thời vẫn coi mở khai-phóng, bởi chúng ta đã có những Lê-Quý-Đôn và Nguyễn Trường-Tộ, những người đi trước thời-đại, những người Việt-Nam, Việt-Nam hơn ai hết, nhưng vẫn không quên rằng những xã-hội khai-phóng—mà sau này Bergson cũng nghĩ tới mặc dầu hoàn-cảnh suy-luận có khác—là những xã-hội tiến-bộ... Hoạt-động của chúng ta sẽ hướng về con người, lấy con người làm căn-bản, làm trọng-tâm, làm cứu-cánh. Nhân-bản... Tất cả cho sự thăng tiến của con người... Tất cả để đưa tới sự hình thành một con người toàn diện không phải chỉ là một thực-thể vật-chất mà còn là một giá-trị tinh-thần, một thực-thể siêu-linh cần được tôn trọng. Sau hết tinh thần dân-chủ và khoa-học—hiểu theo nghĩa rộng—sẽ giúp nền văn-hoá giáo-dục của chúng ta theo kịp đà tiến của các quốc-gia tiên-phong để chúng ta khỏi là những cung đàn lỗi nhịp giữa thời-đại năng-lực nguyên-tử và vệ

* Nguyên văn bài thuyết-trình của ông Khoa-trường Đại-học Văn-khoa tại Hội-đồng Quốc-gia Giáo-dục.

tinh nhân-tạo này.

Đó là những nét lớn về chính sách văn-hóa giáo-dục của chúng ta một chính-sách tôn-trọng phẩm-giá con người, tôn-trọng di-sản của tiền nhân, tôn trọng những giá-trị văn-hóa khác, luôn-luôn chú-trọng đến sự thăng tiến của đa số, một chính-sách mà chúng ta đã và sẽ sử-dụng như một lợi-khí, mỗi ngày một hoàn-hảo hơn, trong cuộc chiến-đấu chống những ý-thức hệ phi nhân-bản, phi dân-tộc và phi tinh-thần của những đoàn-thể sống dưới chế-độ độc-tài.

Dân-tộc, nhân-bản, khai-phóng, dân-chủ, khoa-học... Những chiếc kim-chỉ-nam, những ngọn đuốc sáng đó chúng ta đã đề-cập tới chúng trong rất nhiều buổi thảo-luận, trong rất nhiều bài báo và khảo-cứu, và không ai phủ-nhận giá-trị của chúng.

Nhưng, vì nghĩ rằng chúng ta không phải là những thuật-sĩ chỉ việc hô to tên một sự vật là nắm ngay được sự vật đó trong lòng bàn tay; nên hôm nay chúng tôi thấy có bổn-phận phải thực-tế hơn, phải tạm quên những suy-luận triết-lý và siêu-hình về những danh-từ trừu-tượng ở những miền cao-siêu — một thói quen tinh-thần của anh em văn-khoa chúng tôi — để chỉ rất tầm thường, rất thực-tế, đi là-là mặt đất, cốt sao cho những ngôn-từ huyền-ảo kia có một nội-dung cụ thể, cốt sao cho chúng khỏi còn là bầu vật mà ta chỉ được chiêm-ngưỡng từ một vị-tri xa-xôi.

Và, như vậy chỉ có cách là quay lại nhìn bước đường đã qua, kiểm-điểm thực-trạng văn-hóa, giáo-dục Việt-Nam, bắt mạch, tra hỏi đề do đó có những dữ-kiện cần-thiết, hầu phác-họa ra một kế-hoạch hoạt-động và suy nghĩ về những phương tiện thực-hiện trong tinh-thần định-hướng kể trên.

Là những người ý-thức trách-nhiệm và không hề sợ sự-thực, tất cả chúng ta đều đã nói rất nhiều về những ưu và nhất là khuyết-điểm của văn-hóa, giáo-dục Việt-Nam hiện đại. Nào là sự nghèo-nàn túng thiếu của những hoạt-động văn-hóa, nhất là về phẩm, nào là tính-cách kém lành-mạnh hay là không theo kịp thời-đại của một vài bộ-môn, nào là sự đảo lộn những giá-trị, chân, ngụy, tà, chính, khó phân biệt... Còn về giáo-dục, đáng-lý phải coi là một bộ-phận của văn-hóa hiểu theo nghĩa rộng, nhưng ở đây chúng ta đề tách rời ý-niệm đó ra ngoài khuôn khổ ý-niệm văn-hóa như tổ-chức UNESCO đã làm, còn về giáo-dục thì quang-cảnh ra sao? Chúng ta đã không ngớt lời nhấn mạnh lên những khiếm-khuyết của nó như thiếu cán-bộ, thiếu trường-sở và học-liệu, thi cử nặng-nề phiến-toái, đạo-đức học-đường suy-vi, giáo-dục thiên về tư chương và không hữu hiệu...

Bản cáo-trạng đó dội lên những âm vang bi-đát, đưa chúng ta lại gần hai thế-kỷ trước, giống như thời mà Phạm-Đình-Hồ, trong *Vũ-trung tùy-bát*, và Bùi-Huy-Bích, trong *Lữ-trung tạp-thuyết*, đã nói lên những lời tâm huyết nhưng vô cùng gay-gắt đối với nền văn-hóa giáo-dục và nho-phong sĩ-khí trong buổi hoàng-hôn của Lê-Triều...

A. Xây-dựng và phát-triển giáo-dục

Rất nhiều buổi hội-thảo đã nêu lên những phương-thức cần-thiết để cải tạo giáo-dục. Ở đây, chúng tôi chỉ bàn đến những điểm chính yếu của chương-trình và thêm vào đó những nhận-xét riêng tư:

(1) Rất nhiều người đã nói về sự cần thiết cải-tổ hệ-thống giáo-dục và chương-trình học. Nhưng theo thiên ý, đây là một vấn-đề trọng đại. Phải suy-nghĩ chín-chắn, áp-dụng khôn-khéo nghĩa là phải *một thời-gian lâu dài!* Chúng ta không nên cứ một vài năm lại cải-tổ và cải-tổ tùy theo thời thượng. Rút cục lại chỉ còn là vá vúi và xáo-trộn tai hại cho học-sinh. Nên tìm những nguyên-do suy đồi ở nơi khác nữa: năng-lực cán-bộ giáo-dục, hoàn-cảnh thời-đại v. v. và đừng chỉ vội quy tội tất cả cho hệ-thống giáo-dục và chương-trình học.

(2) Xây cất thêm trường-sở, cung-cấp thêm học-liệu nhất là ở nông thôn.

(3) Đào-tạo cán-bộ giáo-dục và nâng cao đời sống giáo-chức. Về điểm này xin Hội-nghị chú-trọng đặc biệt đến giáo-chức tỉnh và nông-thôn và nghĩ đến chuyên quan-hệ là nâng cao mức độ, khả-năng giáo-huấn của *một số* cán-bộ (bằng những khóa tu-nghiệp không phải chỉ hình-thức).

(4) Cải-tổ thi-cử. Làm sao thi-cử được nghiêm minh và bớt phiến-toái trong tổ-chức.

(5) Học-bồng hay trợ cấp du-học. Trong giai-đoạn đầu của việc kiến-thiết quốc-gia vấn-đề du-học phải được đặt đúng tầm quan-trọng của nó, nhất là đối với các môn học không có giảng dạy ở quốc-nội.

(6) Thành-lập các tổ-chức giáo-dục và xã-hội để giúp đỡ sinh-viên học-sinh.

(7) Phát-triển giáo-dục tráng-niên bằng cách mở nhiều lớp tối và nếu có thể, miễn-phi, soạn tú sách phổ-thông và thiết lập các thư-viện lưu-động để áp-dụng nguyên-tắc dân-chủ-hóa giáo-dục.

(8) Kỹ-luật và đạo-đức học-đường: không ai phủ-nhận rằng học-đường Việt-Nam hiện đang trải qua những cơn bão-táp. Khủng-hoảng

uy-quyền, đạo-lý suy-vi. Một phần lớn vì hoàn-cảnh thời-đại, một phần vì tính-tình bằng-bột, rất có thể đưa đến chỗ cũng như đến chỗ xấu, của những người tuổi trẻ, một phần vì tác-phong không có gì là gương-mẫu của một số người thuộc lớp đàn anh. Nhưng cấp lãnh-đạo giáo-dục rất mong sự lắng đọng, thanh-bình trở lại trong các tâm-hồn nhờ sự phối-hợp chặt-chẽ giữa học-đường với giới phụ-huynh.

Ngoài các điểm kể trên, những điểm gần như cũ-điển, chúng tôi muốn thêm vài nhận-xét về Trung và Đại-học. Trung-học là nền-móng, là căn-bản của các hệ-thống giáo-dục vì gồm nhiều năm, xấp-xi từ 13 đến 20 tuổi, những năm trọng-đại trong cuộc đời một cá-nhân về thể xác cũng như về phần hồn. Cho nên muốn phê-phán nền giáo-dục một Quốc-gia người ta thường nhìn xem tổ-chức và kết-quả thâu lượm được ở Trung-học ra sao.

Ở Việt-Nam sự yếu kém của bậc Trung-học có nhiều nguyên-do : thứ nhất phải nghĩ đến sự thiếu-thốn giáo-chức nhất là tại các trường quận và tỉnh nhỏ, thứ đến những tệ-đoan như chuyên học nhầy, học tủ, như việc thương-mại-hóa học-đường tại một số cơ-sở tư-thực... Lẽ dĩ-nhiên phải có những giải-pháp thích-nghi để cứu-vãn tình-thế.

Ngoài ra muốn cho bậc Trung-học thực hữu-hiệu cần một mặt đưa các phần-tử ru-tú lên Đại-học, một mặt chuyên-hướng một phần Trung-học phổ-thông từ-chương ra Trung-học chuyên-nghiệp và kỹ-thuật rất cần cho các nước chậm tiến : chuyên-viên và cán-bộ kỹ-thuật trung-cấp sẽ là sức mạnh kinh-tế của chúng ta, cũng như tầng lớp trung-lưu là sức mạnh của nhiều tổ-chức xã-hội...

Ở cấp bậc Đại-học và Cao-đẳng, theo thiên-ý, nên dung-hòa quan-niệm giáo-huần gần như tương-phản, một bên là truyền-thống giáo-dục nhân-bản và "quý-tộc" của các Đại-học Âu-châu, một bên là ý-hướng giáo-dục chuyên-môn, thực-tế, hữu-hiệu của các Đại-học Mỹ (thực ra sự khác biệt giữa hai loại Đại-học đó càng thu hẹp dần nhất là từ hậu chiến đến nay...)

Sự dung-hòa đó có thể giúp ta tạo nên những con người vừa có căn-bản học-văn tổng-quát, nhân-bản, vừa đủ kiến-thức chuyên-môn cần-thiết trong một xã-hội càng ngày càng phức-tạp.

Cũng nên ghi nhớ thêm ở lãnh-vực này những cố-gắng của các cấp lãnh-đạo Đại-Học để kiện-toàn các ban giảng-huấn còn khiêm-khuyết, để phát-triển sâu rộng phong-trào nghiên-cứu ngõ-hầu đáp ứng những nhu-cầu Quốc-gia trong nhiều địa-hạt.

Vì, một mặt chúng ta nhấn mạnh lên vai-trò quan-trọng của cán-bộ trung-cấp trong một xã-hội đang chuyển mình, một mặt chúng ta cần có những khát-vọng trí-thức cao-cả, những cố-gắng vượt bực để vươn tới những đỉnh cao nhất của Văn-hóa. Đại-học có nhiệm-vụ xây-dựng đó. Và chúng ta sẽ không phân-bội Đại-học nếu không tự coi mình như những đò trang-trí xa-hoà, mà là những thực-thê luôn luôn gắn bó với đoàn-thê xã-hội.

B. Xây-dựng và phát-triển văn-hóa

Về những hoạt-động văn-hóa khác, không nhất thiết bao-hàm ý-niệm giáo-dục đề cập ở trên, chúng ta có thể tạm chia ra ba ngành khác nhau :

- Ngành khảo-cứu, học-thuật bao gồm đa số là các môn học nhân-văn và xã-hội.
- Ngành sáng-tác : Văn và Nghệ.
- Ngành khoa-học chính-xác : Nghiên-cứu thuần-túy và ứng dụng kỹ-thuật.

1. Ngành khảo-cứu, học-thuật.

Địa-hạt này sẽ bao gồm rất nhiều hoạt-động biên-khảo và dịch-thuật liên-quan đến rất nhiều bộ môn thuộc các khoa-học nhân-văn và xã-hội : sử-học, địa-lý dân-số-học, triết-học, luật-học, chính-trị-học, kinh-tế, xã-hội-học, tâm-lý-học, ngữ-học, nhân-chúng-học, khảo-cổ-học... Đây là chưa kể những nghiên-cứu uyên-bác về Văn-học-sử và về Mỹ-nghệ-sử.

Công việc làm có thể hướng theo hai chiều : một mặt khai-thác những yếu-tố Việt-Nam, một mặt nghiên-cứu văn-hóa thế-giới trong tinh-thần dân-tộc khai-phóng kể trên.

Để phát-triển nghiên-cứu và dịch-thuật việc khởi đầu là phải theo phương-pháp kinh-tích-chí kê-khai tất cả những tài-liệu (Vật-chất, bút-ký, khâu-truyền) cần khai-thác, là bỏ-tức việc khai-thác đó bằng những điều-tra phỏng-vấn tại chỗ và đặt thứ-tự ưu-tiên cho những công-trình khảo-cứu, tránh phí-phạm nhân-lực và tài-lực, tóm lại phải đặt kế-hoạch nghiên-cứu.

Ở đây các các cơ-quan văn-hóa công, tư và nhất là các Đại-học như Văn-khoa và Luật-khoa sẽ đóng một vai-trò quan-trọng. Nhiệm-vụ chính yếu là thành-lập tủ sách Đại-học và Cao-đẳng bằng Việt-ngữ và đào-tạo

một thể-hệ chuyên-viên nghiên-cứu với một tinh-thần yêu nước, một căn-bản ngoại-ngữ, và một phương-pháp khoa-học vững-chắc. Về điểm này chúng tôi tha-thiết mong các nhà hữu-trách đứng đê công việc nghiên-cứu bị tê-liệt bởi những thủ-tục hành-chánh và kế-toán quá ư máy-móc. Vì không ai lạ rằng Đại-học, ngoài bổn-phận giáo-huấn còn có nhiệm-vụ nghiên cứu và phổ-biến kết-quả nghiên-cứu đó trong đoàn-thể xã-hội.

Làm sao cho có một phong-trào trước-tác biên-khảo, và dịch-thuật sâu rộng và có giá-trị thực-sự như "con sóc-rét trí-thức hiểu-học" thời Phục-Hưng Tây-phương, thời Khang, Lương, Trần, Hồ hay Nhật-bản cận-đại, như quang-cảnh Sùng-Chính-Viện thời La-Sơn Phu-Tử, như phong-trào chấn-hưng văn-hóa, phong-trào dâng sách của thời Lê-Ngô-Cát, Trịnh-Hoài-Đức và Đặng-Huy-Trứ, trong đó những "dân chỉ công bợc" kiếm học-giả hay văn-nghệ-sĩ, tuy ngày tháng mòn-mỏi nơi biên-cương u-tịch và quê-lậu, một ngày nào đó cũng sẽ được Nội-các nhắc nhở đến bởi vì đã trước-tác, bởi vì đã đóng góp vào việc xây-dựng văn-hóa dân-tộc.

Tất cả kho-tàng văn-hóa trong quá-khứ, cũng như những thực-hiện có giá-trị ở thời-đại chúng ta, cần được tồn-trữ trong những cơ-quan như thư-viện, văn-khố, bảo-tàng-viện v.v...

Cần mở thêm nhiều thư-viện tại các địa-phương, thiết-lập những bảo-tàng nhân-chúng, bảo-tàng mỹ-nghệ và truyền-thống dân-gian, bảo-tàng kỹ-thuật, bảo-tàng văn-hóa hiện-đại... bên cạnh những viện bảo-tàng đã có.

Cần đặt việc bảo-tồn cổ-tích và danh-lam thắng-cảnh thành một quốc-sách. Có ai tưởng-tượng được nỗi đau buồn và tức giận của những người văn-hóa khi thấy một phần cổ tháp Phú-Hải ở Phan-Thiết bị tô hồ si-măng và quét vôi hồng, hay mái Điện Thái-Hoà đổ vỡ tan-hoang dầm mưa dãi nắng trong suốt mấy tháng trường? Có ai thấu nỗi lo-âu của những người say-mê "non sông gấm vóc" quê-hương khi nghĩ rằng có thể có những bàn tay phá-hoại vì vô-ý-thức làm tan hấn cái đẹp của những ngọn núi Bạch-Mã, Túy-Vân, Ngũ-Hành-sơn, những dòng thác Pongour, những bãi biển Hà-Tiên, Đại-Lãnh một khi những thắng cảnh đó chưa được liệt kê như một bộ-phận của di-tích văn-hóa, thuộc vào tài-sản của toàn-dân...

2. Văn-nghệ, sáng-tạo thuần-t túy.

Một quốc-gia sẽ có một nền văn-nghệ phong-phú nếu người làm văn-nghệ được sinh-hoạt trong những điều-kiện thuận-lợi. Chúng ta chỉ cần nhớ đến cảnh-trí rực-rỡ của văn-nghệ Nhã-diễn thời Périclès, đến những phút huy-hoàng của lịch-sử Florence với dòng

họ Médicis, đến triều-đại các vị vua nghệ-sĩ đời Đường nhất là Đường Minh-Hoàng với Lý, Đỗ, Liễu, Hàn... đến những vì sao sáng-chói nên trời Việt trong những niên-hiệu Hồng-Đức và Quảng-Thuận... Những người cầm vận-mệnh nhân-dân trong các thời đó đã sáng-suốt nhận rõ hai điểm căn-bản là văn-nghệ-sĩ cần được nâng-đỡ về vật-chất và cần được sáng-tạo trong tinh-thần tự-do, không gò bó, không ép ường.

Nên có những Nhà Văn-hóa, Cư-xá Văn-nghệ-sĩ, Câu-lạc-bộ Văn-ngi ệ, thiết-lập trong một tinh-thần thẳng-thần, không có ản-ý, làm nơi cho văn-nghệ-sĩ gặp-gỡ trao-đổi kinh-nghiệm sáng-tác và khỏi phải luôn luôn nghĩ đến vấn-đề sinh-kế. Nên gắng lập được, hay đúng hơn, gắng tạo điều-kiện phát-sinh cho những nhóm và khu văn-nghệ trong các đô-thị lớn như khu Greenwich village ở Nữ-Uớc, khu Montparnasse thời tiền-chiến ở trung tâm Paris, thôn Vỹ-giạ quý-phái và tài-hoa của Nguyễn-triều trên bờ sông Hương, nhóm Chiêu-Anh-Các thời Mạc thị-trấn ngự vùng Hà-Tiên biên-viên...

Khi văn-nghệ-sĩ được giúp đỡ thực-tế, được tự-do sáng-tạo, và thấy mình không phải là những con chim tù-túng trong lồng son đẹp-đẽ của các chế-độ độc-tài, khi quần-chúng được giáo-dục thấu-đáo về văn-nghệ, chúng ta chắc-chắn có thể gây nên được một bầu không-khí văn-nghệ tung-bùng.

Những việc có thể thực-hiện được và cần phải thực-hiện kể sao cho xiết. Ví-dụ thứ nhất là ta cần mở nhiều trường đào-tạo chuyên-gia về các ngành nghệ-thuật, khai-thác thi, ca, vũ và mỹ-nghệ của nhân-gian để tìm ở đây một nguồn sinh-lực cho sáng-tạo văn-nghệ mới đúng theo tinh-thần dân-tộc. Sau nữa phải kín-đáo và tế-nhị giúp văn-nghệ-sĩ tự đào-tạo thêm và tìm những phương-hướng sáng-tạo mới, giúp họ đổi hoàn-cảnh trí-thức và tình-cảm ví-dụ có người cần từ-giã khí-hậu giá-tạo, ngọt-ngọt và óm-yếu của những đô-thị lớn, về quay về nông-thôn bùn lầy nước đọng và vùng cao-nguyên đầy bụi hoàng-thỏ, hay đắm mình vào không-khí hào-hùng của một nơi đồn-trú quân-sự hẻo lánh.

Phải mở nhiều cuộc diễn-thuyết, triển-lãm, hội-hoạ, trang-trí và tiêu-công-nghệ, và trình-diễn ca, nhạc, kịch, phải giúp đỡ các văn-nghệ-sĩ thể-hiện tác-phẩm, về phương-diện vật-chất; với một giá-rẻ để tránh nạn trung-gian, bằng cách trợ giúp cấp tiền mua sản vật-liệu dụng-cụ hay cho ấn-hành tác-phẩm tại các quốc-gia ấn-quán. Phải tổ-chức những giải-thưởng văn-nghệ, văn-nghệ đích-thực, do chính giới văn-nghệ-sĩ và các nhà văn-hoá đứng-đầu đứng ra đảm-nhận. Phải khuyến-kích

văn-nghệ-sĩ bằng cách giúp đỡ những tạp-chi văn-nghệ đứng-đầu, phản-ảnh trung-thực của cuộc sống văn-nghệ, bằng cách dịch-thuật để giới-thiệu văn-nghệ-phẩm Việt-Nam với nước ngoài, bằng cách cho văn-nghệ-sĩ ru-tú xuất ngoại trau-giồi kiến-thức và kỹ-thuật, ngõ hầu hiện-đại-hoá và làm phong-phú thêm những yếu-tố truyền-thống của dân-tộc.

Như đã nói ở trên, cần nâng-đỡ văn-nghệ-sĩ đồng-thời cần đem văn-mỹ-nghệ vào cuộc đời thường nhật. Làm sao cho quần-chúng văn-nghệ hiểu thế nào là nguồn mỹ-cảm như quần-chúng thời Bạch-Cử-Dị mê thơ và say vũ, như người dân quê Nhật-Bản chất-phác nhưng giàu nghệ-sĩ-tính. Làm sao cho lớp người trưởng-giá, sẵn tiền nhưng thiếu thâm-quan, hiểu thế nào là một ngôi biệt-thự đẹp, thế nào là một phòng khách bài-trí khá-dĩ coi được, thế nào là một chi-tiết phục-sức trang-nhà. Làm sao cho dân-gian cũng tham-dự vào cuộc sống văn-nghệ, có ý-thức văn-nghệ ngay từ trong mỗi hành-vi nhỏ, ngay từ mỗi đồ dùng thường nhật. Bởi vì chúng ta đã từng chứng-kiến nhiều cá-nhân, nhiều sự-vật, nhiều hành-vi phân-bội mỹ-thuật trong cuộc đời và những cọ-sát đó làm chúng ta đau buồn vì không ai lạ rằng Chân Thiện Mỹ chỉ là một và Chân Thiện Mỹ là những yếu-tố làm cho cuộc đời đáng sống hơn.

3. Các ngành khoa-học chính-xác. Nghiên-cứu thuần-túy và áp-dụng kỹ-thuật.

Đây là một đề-mục mà tổ-chức UNESCO xếp bên cạnh danh-từ 'Culture' như một thực-thể riêng biệt nhưng vì quan-niệm văn-hoá theo một nghĩa rộng nên chúng ta cũng đề-cập tới ở đây.

Chúng ta nghĩ đến nhiệm-vụ của các tổ-chức như Đại-học Khoa-học, Đại-học Y, Dược, Nha, Trung-tâm Nghiên-cứu Khoa-học, Trung-tâm Nghiên-cứu Nguyên-tử-lực, Trung-tâm Quốc-gia Kỹ-thuật Phú-Thọ, Hải-học-viện Nha-Trang, trường Nông-Lâm-Súc và Nha Kỹ-thuật Học-vụ...

Các cơ-quan này cũng như những cơ-quan công, tư sẽ mở thêm cần được phát-triển trong sự phát-triển toàn-thê để có thể phục-vụ ngành nghiên-cứu thuần-túy cũng như nghiên-cứu ứng-dụng thực-tế và kỹ-thuật. Một mặt, những người hữu-trách cần lo đào-tạo chuyên-viên cao-cấp mức-độ không kém chuyên-viên tương-đương ở ngoại-quốc, một mặt cần mở thêm trường đào-tạo thực rất nhiều cán-bộ trung-cấp kỹ-thuật cơ bản-sự, đốc-công để thỏa-mãn nhu-cầu một quốc-gia muốn thoát khỏi tình-trạng chậm-tiến.

Đoàn quân chuyên-viên cần được tung ra các công-trường, nông-

trường, các trạm y-tế nông-thôn hơn là để ngồi bàn giấy tại Thủ-Đô một cách phi-lý, vì như vậy chỉ làm đông-đảo thêm hàng ngũ nhân-viên thuộc 'khu-vực tam đẳng' theo như bản phân chia của Colin-Clark, một hiện-tượng mà chúng ta coi là tối-ky, một 'chứng bệnh hai nhi' của các quốc-gia thiếu mở-mang mới giành được độc-lập.

Cần có nhiều học-bổng cho các chuyên-viên đi tu-nghiệp nhưng đồng-thời họ phải sống nhiều, sống thân-mật, sống gắn-gửi với hoàn-cảnh dân-tộc, hưởng những nghiên-cứu của họ vào các thực-thể Việt-Nam: Y, Dược sẽ nghiên-cứu nhiều về y-dược nhiệt-đới, hải-dương-học sẽ liên-quan mật-thiết với ngư-nghiệp Việt-Nam, các phòng thí-nghiệm Hóa-học, Sinh, Thực-vật-học Đại-học Khoa-học và Nông-Lâm-Súc, sẽ chú trọng nhiều đến đất-đai, thảo-mộc, sinh-vật Việt-Nam giúp cho việc cải-tiến nông-thôn quốc-gia hơn là làm những nghiên-cứu không tương, sách vở xa lìa hoàn-cảnh thực-tiền Việt-Nam. Như vậy các Đại-học và Trung-tâm nghiên-cứu không còn là những tháp-ngà mà đã làm trọn nhiệm-vụ đối với đoàn-thê xã-hội.

4. Một dự-án thành-lập Viện Văn-Hóa cơ-quan phối-hợp, tượng-trưng cho việc xây-dựng và phát-huy văn-hóa.

Tất cả những hoạt-động văn-hóa rải-rác kể trên, tất cả những cơ-quan văn-hoá công và tư đã đề-cập, đều không ít thì nhiều, sống một cuộc sống riêng-rẻ, có thể phung-hại đến sự tiến-bộ nhịp-nhàng của toàn thê công việc văn-hóa. Nói thế là nêu lên sự cần-thiết sáng lập một cơ-quan phối-chí, liên-lạc, điều-hòa, có tinh-cách tượng-trưng cho việc xây-dựng văn-hóa dân-tộc.

Danh-từ Hàn-Lâm-Viện vẫn dính liền với những ý-niệm bảo-thủ, già nua, chức tước phong-kiến, do đó chúng ta sẽ gọi cơ-quan kể trên là Viện Văn-Hóa.

Việc có thể bao gồm ba Ban:

- (1) Khảo-cứu, Học-thuật.
- (2) Văn-nghệ.
- (3) Khoa-học, Kỹ-thuật.

Viện không có nhiệm-vụ đặt ra một loại cơ-quan nghiên-cứu song song với những cơ-quan đã có sẵn, bởi như vậy những cố-gắng chung trong toàn-quốc có thể bị phân-tán và suy-yếu, và lại chúng ta không đủ nhân-sự và tài-chính để làm như thế.

Nhiệm-vụ lý-tưởng của Viện là đóng vai liên-lạc, phối-chí, điều-hòa. Các chuyên-viên của Viện trong mỗi Ban thuộc 3 ban kể trên sẽ liên-lạc với tất cả cơ-sở nghiên-cứu công-cứng như tư đã có sẵn và thuộc về khu-vực hoạt-động của Ban, thảo-luận kế-hoạch nghiên-cứu với các cơ-sở đó để tránh những công-việc trùng điệp, hướng nghiên-cứu đến những khu chưa khai-thác, đặt thứ tự ưu-tiên cho các vấn-đề... Các cơ-quan nghiên-cứu vẫn giữ nguyên cơ-cấu hiện tại của mình và vẫn độc-lập đối với Viện nhưng trong những buổi Hội-đồng do Viện triệu-tập có đại-biểu của mọi tổ-chức, nêu toàn thể đã quyết-định chấp thuận kế-hoạch nào thì tất cả đều phải tôn-trọng sự phân công nghiên-cứu đó.

Viện sẽ tự-trị và có tính cách pháp nhân như vậy có quỹ riêng và có thể nhận các tặng-phẩm. Viện sẽ quản-trị Nhà Văn-hóa Trưng-ương... nơi hoạt-động văn-hóa tại thủ-đô và các Nhà Văn-hóa địa-phương ở các thành-phố lớn như Huế, Đà-nẵng, Qui-nhơn, Nha-trang, Dalat, Cần-thơ, Mỹ-tho, v.v.. vì đem văn-hóa tới địa-phương là một việc cần-thiết.

Ngoài nhiệm-vụ liên-lạc, phối-chí kể trên, Viện có thể thực-hiện một số công việc mà với tư-cách Cơ-quan Văn-hóa Trưng-ương Viện có đủ uy-tín để đưa tới kết-quả: soạn những tác-phẩm căn-bản như Bách-khoa Toàn-thư Việt-Nam, Văn-phạm Việt-Nam, các loại tự-điền, đặt các giải-thưởng khảo-cứu và sáng-tác khoa-học và văn-ngệ, cấp học-bổng cho các nhà khoa-học, học-giả và văn-ngệ-sĩ, trao đổi văn-hóa với nước ngoài, v.v...

Chúng tôi nghĩ như vậy Viện không dẫm chân lên các cơ-quan khác, không đòi hỏi một ngân-khoản khổng-lồ mà vẫn có uy-quyền của một cơ-quan trung-ương xây-dựng văn-hóa.

Kết-luận

Qua những phân-tích trên, chúng ta tạm kết luận là đã biết rõ những đường-hướng hoạt-động, nay chỉ cần bắt tay vào việc, qua từng giai-đoạn cấp-thời và trường kỳ để dần dần thể-hiện toàn-bộ chương-trình.

Lẽ dĩ nhiên cần biết đầu là những điều-kiện thực-hiện, đầu là những khó khăn phải chễ-ngự, vì những yếu-tố đó sẽ quyết-định sự thành-công hay không của chương-trình.

Vấn-đề thứ nhất, thực-tiên nhất là tài-chính. Phải có ngân-khoản thì những dự-định mới không còn là ảo-tưởng. Ngân-quỹ quốc-gia dành cho các

hoạt-động văn-hóa giáo-dục cần được tăng-cường. Đã đành hiện giờ vấn-đề ưu-tiên là quân-sự; nhưng chiến-tranh là chiến-tranh toàn-bộ và có cả một mặt-trận văn-hóa nữa. Nên nghĩ rằng Nã-Phá-Luân giữa thời chinh-chiến liên-miễn, vẫn đủ thời giờ và phương-tiện để thực-hiện một công-trình văn-hóa giáo-dục vĩ-đại mà điển-hình là Bộ Dân-Luật và tổ-chức các trường 'Lycées' đã và hiện đang còn chi-phối cuộc sống nhân-dân Pháp.

Về phần này ta có thể trông đợi ở ngân-quỹ quốc-gia và sự viện-trợ của các nước bạn... Chỉ cần đưa ra một ví-dụ để thấy tính cách quan-trọng của vấn-đề: Đại-học Hạ-Uy-Di, một Đại-học trung-bình ở Mỹ năm nay có một ngân-quỹ lên tới 30 triệu Mỹ-Kim, tạm gọi là 3000 triệu đồng Việt-Nam, trong khi Đại-học Sài-gòn với sĩ-số đông đảo hơn chỉ được tiêu có 70 triệu... Đã đành không nên so-sánh với những Đại-học Mỹ về phương-diện tài-chính, nhưng dù sao sự sai biệt quá chênh-lệch cũng làm chúng ta buồn tui...

Công việc thứ nhì là phải sửa soạn dự-luận làm sao cho giới hữu-trách cũng như quần-chúng ý-thức được tầm quan-trọng của giáo-dục và văn-hóa. Làm sao cho mọi người hiểu được rằng 'đầu-tư giáo-dục và văn-hóa' là thứ đầu-tư hệ-trọng cho vận-mệnh một quốc-gia và kết-quả của nó tuy chưa thấy ngay nhưng sẽ trường-cửu trong tương-lai.

Khi sự thông-cảm và hòa-đồng đã có thì các chương-trình xây-dựng và phát-huy văn-hóa giáo-dục cũng dễ thực-hiện.

Vấn-đề thứ ba là chế-ngự bản thân, kiện-toàn đạo-đức trí-thức. Vì chương-trình đẹp biết mấy cũng không thể-hiện được nếu không có thiện-chí, nếu không có ngọn lửa thiêng trong tâm lòng nếu không gột rửa hết đầu óc bẻ phái, đố-kỵ, nếu không vô-tư trong sạch, nếu không có khả-năng tổ-chức và óc sáng-kiến linh-động. Giá-trị một tổ-chức, một chương-trình là ở giá-trị những cán-bộ. Đó là một chân-lý.

Chúng tôi chầm dứt bản thuyết-trình này với hoài-vọng tha-thiết là sẽ được chứng-kiến trong tương-lai gần đây một quang cảnh phục-hưng văn-hóa và giáo-dục thật là tung-bừng, trong một quốc-gia Việt-Nam thanh-bình, gồm toàn những con người yêu văn-hóa, biết tôn-trọng những giá-trị tinh-thần, những giá-trị vĩnh-cửu và thiêng-liêng nhất của con người, một thực-thể không phải chỉ là vật-chất mà còn luôn luôn hướng tới những vùng cao-cả của trí-tuệ và tâm linh.

SÁU MƯƠI

Ai sáu-mươi mình cũng sáu-mươi
 Tinh làm chi chuyện tháng ngày trôi
 Ngày nào còn hưởng ngày vui đó
 Chuyện đã qua coi chuyện hết rồi
 Nghĩa lý càng say trang sách đọc
 Tuyết sương thêm đẹp bóng gương soi
 Tị Tần dám dè tin xuân vắng
 Nhật cánh hoa đào thả nước xuôi

ĐÔNG-HỒ

HU KHÔNG

Chữ dẫu ghi đầy trang giấy mỏng
 Lòng sao chưa thấy hiện màu thơ
 Đờn chiêu lạc giữa hai mùa loạn
 Chí mỗi tàn theo một giấc mơ
 Mấy bữa gió lên trào biển hận
 Bao phen hoa nở lạnh hương chờ
 Thôn nào hư-áo đan sấu rụng
 Vắng bút-tiền-thân gọi tóc tơ

TRỌNG-NHẬT

BÀI THƠ VẠN 'UYÊN'

Hương ngả trâm xanh bóng thạch-tuyền
 Nhạc-sao từng giọt gợn u-uyên
 Gieo vàng-thông-cảm hồn thơ trắng
 Khép ngọc-giao-linh ánh mắt huyền
 Ai cất nhịp cầu chia cổ-quận
 Ta tìm cõi mộng gửi tiên-duyên
 Mười năm bâng-bạc mấy hoài-vọng
 Mâu đã khô rồi, lệ đỏ-quyên

TRỌNG-NHẬT

Năm thứ XIX, Quyển 6 (Tháng 6, 1965)

SAY TRĂNG

Em lịm dần trong ánh nồn-nường
 Trăng nằm thiêm-thiếp lạnh trong sương
 Rèm mi mở lối trời xây mộng
 Khoé phượng nghiêng chiều gió nức hương
 Cung khuyết màng chi ly ngọc chuỗi
 Khung trần mắc phải sợi tình vương
 Đường qua sông lạ hai chiều khuất
 Len-lỏi con đò chờ xót thương.

BẠCH-LĂNG

THAM-VỌNG

Tôi muốn mây ngưng trôi
 Gió ngừng thổi
 Tôi muốn nhìn cánh chim ngàn trời nổi
 Giữa trời cao, lạc lõng ở đại-dương
 Tôi muốn thời gian dừng lại ở cuối đường
 Và dòng lệ ngừng rơi trên khéo mắt
 Tôi muốn đứng giữa trời xanh bao la bát-ngát
 Ôm vầng trăng
 Nằm lấy những vì sao
 Tôi và trăng rơi xuống tận vực sâu
 Tôi kêu cứu nhưng rồi đành tuyệt vọng
 Vầng trăng ngọc vỡ tan thành mảnh vụn
 Mảnh sao sầu đường như cũng vỡ đôi
 Tôi không muốn người dầy xéo tim tôi
 Người hãy để tôi yên dù cho tình vô vọng
 Tôi lang-thang trên các đường phố vắng
 Nhật những cánh hoa rơi đưa lên môi và ép sấu vào lòng
 Tôi không muốn ngắm mây trời lồng-lộng
 Vì tôi sắp sửa ra đi
 Tìm âm-thanh của tiếng nói dị kỳ
 Trong thế-giới u-huyền ảo-mộng

UYÊN-NGUYỄN

KIỀU BỊ ĐƯA VỀ CHÂU-THAI

Cười nói, nghe ra, cũng ngọt ngào
 Mà cùng tỏ quí, biết toan sao
 Thôi thà sớm liệu cho êm ấm
 Chớ để sau này, phải gắt gao
 Vận bị, lọt vào tay bợm sỏ
 Đường cùng, chỉ ngại bước gian lao
 Ai hay : nội mỗi tờ vò nhũ
 Đã gỡ ra xong, lại buộc vào

TỪ-HẢI GẶP KIỀU

Lần theo gió mát với giăng trong
 Bỗng một làng chơi : Khách Việt-Đông
 Tài sắc trở trên người thực-nữ
 Phong ba đắm đuối, kẻ anh-hùng
 Nay lân, mai lữa, bao âu yếm
 Trước lạ, sau quen, hoá mặt nông
 Cá nước, duyên ưa, là thể thể
 Rày xem phỏng đã được cam lòng

KIỀU NHỜ UY TỪ-HẢI

Vinh hoa cho tỏ lúc phong trần
 Tướng sĩ tung bìng, nổi nhạc quân
 Sân lạn cờ treo, cùng trướng rủ
 Uy nghi đảo dựng, với gươm trần
 Bạc, vàng muôn lạng, đến cho xứng
 Ân oán đôi đường, thế cũng cần
 Một sớm tình xưa đem diễn lại
 Trời kia, âu cũng khéo xoay vần

ĐẠM-NGUYỄN

LẠC HƯƠNG MÂY TÀN

Từ hôm trông bóng anh lên đường
 Tôi cũng mong về thăm cố-hương
 Những tưởng hồn quê mòn mỏi đợi
 Mấy tuần trống khuyết, mấy tà-dương
 Tôi từ thơ trẻ biệt lều tranh
 Rồi lớn và yêu giữa thị-thành
 Một buổi anh về, tôi ở lại
 Ngậm ngùi chợt nhớ lũy tre xanh
 Hình như xưa ở xóm quê nhà
 Có những đồng rau cải cúc hoa...
 Ngõ gạch, sân rêu, đình ngôi đồ
 Vui, buồn, ta có cảnh làng ta
 Quê ôi ! Còn nhớ đến bao giờ
 Những buổi trưa hè, tiếng vông đưa
 Câu chuyện đêm trường bên giếng nước
 Tiếng buồn, ai hát giọng đò đưa ?
 Đông lúa ngô kia, cánh ruộng này...
 Mùi hương thôn-dã thể mà say
 Mỗi năm dư vị mùi hoa cỏ
 Thoảng gió đưa về, lại đến đây
 Ta đã xa quê nửa cuộc đời
 Không mong gần nữa — cố-hương ơi
 Nhà xưa để mất dăm người bạn
 Mỗi kẻ ra đi một phía trời
 Tôi quen hò-hững ở trên đường
 Nay mới hay mình không cố-hương
 Thấy đục hồn quê — quê chẳng thấy
 Bạc màu mây trắng khuất ngàn phương

HOÀI-PHƯƠNG

CÁNH THIẾP MIỀN TRUNG

Cánh thiệp đầu xuân tự chốn nào
 Nghe từng nét mực ửng chiêm bao
 Trang thơ buồn lững lời tâm-sự
 Lòng giấy xoay nghiêng ngọn hải-trào
 Hạo khí miền Trung rừng núi ngắt
 Thiên phong nẻo trước ý tình trao
 Lưng trời ném bút : câu năm nhịp
 Vượt sóng mà lên giữa nắng dào

THỜI CUỘC CẢM HOÀI

I

Đất Việt toi bờ giữa gió mưa
 Cỏ hoa xơ-xác, nước non mờ
 Thờ-than đêm lạnh, đau hồn quốc
 Lặn-lội ao sâu, xót phận cò
 Ngọn nển đương bình, chưa tản khói
 Cuộc cờ còn rối vẫn vò tơ
 Hoà-bình tái-lập nào đâu thấy
 Ngẫm họa binh đao, tóc bạc phờ

II

Mai nở mừng xuân, đượm vẻ xinh
 Mà ta cảm thấy dạ buồn tênh
 Nước non nghìn dặm, hai hàng lệ
 Con cháu đồng tông, một mối tình
 Mãi đợi tin hồng, phơ tóc bạc
 Chỉ trông mây xám khuất trời xanh
 Hoà-bình thế-giới nào đâu thấy
 Thấy cuộc tang-thương, lưỡng giết mình

Hồng-Khanh HUYNH-KHINH

TIẾNG CHIỀU

Khi buổi chiều còn lại
 trên ngọn cỏ cánh cây
 trên niềm đau quần quai
 của tuổi trẻ hôm nay

Khi buổi chiều còn lại
 bằng hơi thở hư vô
 trên quê hương đau xót
 trên lưng cây, cháy khô

Khi buổi chiều còn lại
 những giọng ca mùa đông
 mang đầy vết thương đại
 đi giữa chiều mênh mông

Khi buổi chiều còn lại
 mẹ tôi và các em
 bên mái nhà xiêu rách
 bên nỗi buồn không tên

Khi buổi chiều còn lại
 những cánh đồng triền miên
 hoa màu ung, thối, nát
 sau những ngày nước lên

Khi buổi chiều còn lại
 tôi đi tìm bạn bè
 trong trang thư cũ nát
 từ những ngày xa quê

Khi buổi chiều còn lại
 nhớ cha tôi phương trời
 NGƯỜI ra đi để lại
 nỗi đau buồn trong tôi...

NGỌC-TRAI

DỊCH THƠ

RECUEILLEMENT

Sois sage, ô ma Douleur ! et tiens-toi plus tranquille.

Tu réclamaï le Soir ; il descend ; , le voici :

Une atmosphère obscure enveloppe la ville,

Aux uns portant la paix, aux autres le souci.

Pendant due des mortels la multitude vile,

Sous le fouet du Plaisir, ce bourreau sans merci,

Va cueillir des remords dans la fête servile,

Ma Douleur, donne-moi la main ; viens par ici,

Loin d'eux. Vois se pencher les défuntes Années,

Sur les balcons du ciel, en robes surannées ;

Surgir du fond des eaux le Regret souriant ;

Le soleil moribond s'endormir sous une arche,

Et, comme un long linceul trainant à l'Orient,

Entends, ma chère, entends la douce Nuit qui marche.

CHARLES BAUDELAIRE

(Les Fleurs du Mal)

BÌNH TÍNH

Hãy chớ băn-khoăn ! Đau-khổ ơ !

Mình mong, Chiều đã xuống đây rồi :

Thị thành nép dưới màn đen tối,

Có kẻ sầu lo, kẻ thành-thời.

Trên lưng hèn đón lũ người đời,

Nhục-dục bạo tàn đang vút roi,

Xô đến truy-hoan cho hối-hận,

Mình ơ ! Đau-khổ ! Lại đây thôi !

Xa họ, Rồi mình hãy ngẩng coi !

Kìa Năm-tháng-cũ đứng trên trời

Cúi nhìn, khoác áo thời gian trước

Đáy nước kìa Thương-tiếc mím cười.

Dưới nhịp cầu đang lặn mặt trời,

Mình nghe, lặng-lẽ tiếng Đêm-dời

Như đang kéo ở Phương-Đông đó

Tấm phủ-quan lê trượt-thướt dài.

MỘNG-TUYỆT, Thất-tiều-muội dịch

Subscribe now and make sure of each issue

VANHOA NGUYETSAN (CULTURE)

Directorate of Cultural Affairs
V.N. Ministry of Education and Culture
Saigon, Republic of Vietnam

Please send me VAN-HOA NGUYET-SAN for

one year — US dollars 8.00 (postage included)

two years — US dollars 16.00 (postage included)

starting with the _____ issue
(month) (year)

I enclose _____ to the order of NGUYEN-DINH-HOA,
(remittance) Director of Cultural Affairs

NAME _____
(please print)

ADDRESS _____

Address all correspondence to :

DIRECTOR OF CULTURAL AFFAIRS
MINISTRY OF EDUCATION AND CULTURE
89 LE-VAN-DUYET STREET
SAIGON, VIETNAM

VŨ-ĐIỀN

TRƯƠNG-CAM-VINH

biên-luận về hội-họa cận-đại trung-quốc¹

Tình-trạng suy-vi của nền mỹ-thuật cận-đại Trung-Quốc được nhận thấy từ giữa triều Minh, nay lại càng rõ-rệt thêm nữa, thứ nhất trong ngành hội-họa và trong những ngành nào phải cần đến trí tưởng-tượng. Trong các nền mỹ-thuật nguyên-thủy tại Trung-Quốc và Nhật-Bản, những tượng-ý trang-trị đều bắt nguồn từ ngành mỹ-thuật trung-ương, tức ngành điêu-khắc. Sáu thế-kỷ thứ VIII, trong hai nền mỹ-thuật này, hình vẽ đặc-biệt được định-đoạt bởi những nguyên-nhân đã chi-phối sự sáng-tạo ra chúng, tức là hội-họa.

Nhưng trong những thế-kỷ chót tại Trung-Quốc và cả trong một vài thế-kỷ gần như trống-rỗng về mỹ-thuật cận-đại Nhật-Bản, chúng ta có thể bảo rằng lần đầu tiên hình vẽ tách-lìa những tượng-ý đã thật sự cổ-xúy hứng-cảm và phụ-thuộc nhiều vào tài khéo tay hơn là vào những

¹ Bài này tiếp theo bài "Hội-họa dưới triều Minh và Thanh" trong *V.H.N.S.*, quyển 5 (tháng 5-1965). Biên-luận này là của một phê-bình-gia vô-danh viết sau triều Mãn Thanh (sau 1911) và trong thời cách-mệnh tại Trung-Hoa. Từ năm 1911 đến nay, nền hội-họa Trung-Hoa có thay đổi và sự dung-hòa giữa hai nền mỹ-thuật Âu-Á đã đưa đến ít nhiều kết-quả khá-quan về phương-diện chuyên-môn và tài-nghệ. Ít nhất chúng ta nhận thấy ba khuynh-hướng chính do tình-trạng chính-trị tại Trung-Hoa gây ra. Trước tiên là khuynh-hướng cách-mạng về hội-họa trong thời chánh-phủ Quốc-gia còn cầm quyền trên lục-địa. Khuynh-hướng này đã được tán-thưởng và phổ-biến mạnh nhờ họa-pháp và tài-nghệ của mấy danh-họa mà tác-phẩm với tính-cách tân-kỹ hấy còn được các sưu-tập-gia Trung-Hoa và quốc-tế ngày nay tha-thiết tìm mua. Mấy danh-họa này đều đồng-thời và gồm có : Cao Kiếm Phu, Cao Kỳ-Phong, Trần-Thụ-Nhân, Triệu-Thiếu-Ngang, Quan-Sơn-Nguyệt, Lê-Cát-Dân, Dương-Thiện-Thâm v.v.. Thứ đến hội-họa của Trung-Hoa Quốc-gia ở Đài-Loan, rồi đến hội-họa của Trung-Hoa Cộng-Sản trên lục-địa. Chúng ta thường có dịp thưởng-thức họa-pháp cùng tài-nghệ của nhiều họa-sĩ Trung-Hoa ở Hồng-kông và Đài-Loan trong các cuộc triển-lãm. Trong những danh-họa thời cách-mạng, riêng Triệu-Thiếu-Ngang là đặc-biệt được hoan-nghênh và bắt chước nên ông rất nhiều đồ-đệ trực-tiếp hay gián-tiếp. Chúng ta có thể nhận thấy phép vẽ của ông qua nhiều tác-phẩm của các họa-sĩ thời nay, thứ nhất phép vẽ thảo-trưng và hoa-điền rất linh-hoạt của ông, Bạch-Thạch-Lão Nhân cũng là một họa-sĩ nổi-tiếng.

Điều đáng chú-ý là bài biên-luận này do một cá-nhân ngoại-quốc viết cách đây khoảng 45 năm, như vậy giá-trị của nó chỉ nên tính đến ngày nó được phổ-biến, nếu chúng ta đồng quan-điểm với tác-giả.

[Năm thứ XIV, Quyển 6, (Tháng 6, 1965)]

quan-hệ chính-yếu giữa các nét kiến-tạo. Không thật vậy về phần mỹ-thuật Korin (Nhật), nhưng chắc-chắn đúng về phần kiến-trúc Tokugawa (Nhật) đặc-biệt tại các đền thờ, và còn đại-dề đúng hơn về phần những đám mực 'đã thành món hàng cũ' của nền hội-họa cận-đại Trung-Quốc. Tuy-nhiên, chính điều này mà những sưu-tập-gia quốc-tế đã mạnh tìm và cũng vì thế nên hình vẽ gọi là đặc-trưng Trung-Quốc đã bị họ coi như tối-tệ nhất.

Cũng trong chiều-hướng ấy, khi nghiên-cứu mỹ-thuật Trung-Quốc-người Âu-châu đã áp-dụng những phương-thức tìm-hiểu thấp kém của các quan-lại Tàu cận-đại và nhất-thiết không ý-thức đến trí tưởng-tượng kỳ-diệu và mãnh-liệt của các thời-đại xưa. Để giữ nguyên chỗ cao tuyệt-đỉnh ấy trước mắt, nên ta phải nhìn cao trên những đồi thấp, mặc dù chúng có thể thấp hơn tầm mắt của ta. Giáo-sư Hirth có phen chống qua-loa ý-kiến bảo rằng hội-họa cận-đại Trung-Quốc suy-đổi, điều mà Giáo-sư Giles công-nhận. Hẳn rằng chúng ta sẵn danh-sách những họa-sĩ cận-đại dưới triều Thanh, với *Họa-Pháp Truyền-Thống* sẵn có, với tiêu-sử đầy-đủ, như hết chúng ta ngày nay biết nhiều về tiêu-sử của bất cứ một kịch-gia bình-dân cận-đại hơn là tiêu-sử của Shakespeare. Nhưng nếu chúng ta thử đặt một vài tiêu-chuẩn tổng-quát trong phạm-vi nghệ-thuật như viên-thị-lực, tính cách thông-suốt sự-vật, màu sắc mãnh-liệt, chúng ta sẽ thấy quả-tình hội-họa cận-đại Trung-Quốc đã suy-lạc tới độ yếu-hèn bạc-nhược, tượng-trưng vô-hiệu, cũng gần tới độ suy-lạc của nền mỹ-thuật Thiên-Chúa-giáo tại Âu-châu trong những đồ khảm tâm-hương nhất của đế-quốc Byzance. Thật quả mỹ-thuật Trung-Quốc bắt đầu từ cảnh hoa-niên đầy hứa-hẹn đề rồi rớt vào cảnh ấu-trĩ vô-vọng.

Đĩ-vãng Trung-Quốc đã thật-sự tách-lìa với hiện-tại vào thế-kỷ thứ XVI dưới triều Minh sau khi đã truyền cho mỹ-thuật Ashikaga Nhật những giá-trị truyền-thống cao-nhã nhất của mình. Nếu đem so những hỗn-loạn gây ra bởi nhiều xung-đột địa-phương tại Nhật với những hỗn-loạn khác tại Trung-Quốc do cuộc xung-đột giữa một đế-quốc suy-tàn và rợ Hồ phương Bắc, chúng ta sẽ thấy quả-tình có sự tương-đồng vận-mạng giữa hai quốc-gia.

Một điều đã xảy ra tại Trung-Quốc dưới triều Minh là sự thất-bại hoàn-toàn của các khuynh-hướng sơ-khởi hầu văn-hồi tinh-thần kháng Nho, đặc-tính kỳ-diệu của nền văn-minh Hàng-Châu và phần-hưng của nó dưới triều Nguyên. Vua Minh Thái-Tổ tái-lập kinh-đô tại Nam-Kinh tức là thị-trấn xưa của triều Lương hùng-mạnh trong thế-kỷ VI. Toàn-dân hoan-hỉ vì rường chằng bao lâu sẽ trở lại những ngày tươi sáng ở Hàng-Châu, nhưng tiếp



Số 1

Chánh-phủ Trung-Hoa

SƠN THỦY SAU CON MƯA
của Cao-Khắc-Cung (làm việc vào nửa sau thế-kỷ thứ XIII)
Thủy-mặc trên giấy — Cao 1m22, Ngang 0m81



Số 2

Chánh-phủ Trung-Hoa

SƠN THỦY
của Đông-Kỳ-Xương (1555-1636)
Thủy-mặc trên lụa

đó là những thất-vọng chua-cay bởi sau cuộc quấy-phá của quân Nguyên, tâm-trí người Trung-Quốc đã thật khác xưa. Còn đâu thiên-tài đề văn-hội triết-lý của thời Tống, còn đâu lý-tưởng ở con người thời Minh hầu chịu nỗi tình-trạng căng-thẳng ấy!

Hội-họa thời Minh từ năm mươi năm đến một trăm năm đầu là dựa theo nghệ-thuật của Mã-Viên và Hạ-Khuê. Nhưng đường nét lại thô-kịch so với những nét linh-hoạt và trang-nhã của thời Nguyên. Và lại, còn biệt hướng nào mà theo giữa không biết bao nhiêu tranh chép lại? Nhân-vật hãy còn nét khá, song tỷ-lệ cân-xứng về thân-thê lại thiếu quy-tắc hơn tỷ-lệ của thời Nguyên. Các họa-sĩ khá về nhân-vật là Cửu-Anh và Đường-Dần.²

Một trăm năm sau triều Minh.sơ, sự phục-hưng ấy không những hết mà còn bị lãng-quên, vì từ năm 1421, đã phải chịu thiệt-hại nặng-nề do việc thiên-đô từ miền đông-bằng sông Dương-Tử lên miền Đông-Bắc xa xôi, tức là nơi dựng nên kinh-đô Bắc-Kinh ngày nay. Sân nằm quyền-hành tại triều-đình, Nho-phái đã khéo khuyên vua Minh Thánh-Tổ quyết-định thiên-đô lên Bắc-Bình, đất của rợ Mông-Cổ và cũng là đất dụng-võ của Nho-phái. Trước thời có giặc Kim và giặc Mông-Cổ, Bắc-Bình đâu phải là kinh - đô của Trung-Quốc! Bắc-Bình không có một đại công-trình mỹ-thuật nào, một sưu-tập cổ - ngoạn nào. Dân Bắc-Bình hoàn - toàn thuộc dòng máu rợ và tru-thể truyền-thống Mông-Cổ là một nền văn - minh vật-chất lộng-lẫy bề ngoài, chứ không phải lý-tưởng thâm-kín. Điều đáng mừng là Sesshu, một thiên-tài của Nhật-Bản, một tu-sĩ của đạo Thiên, đã sớm tới Trung-Quốc từ năm 1466, trước khi Nho-phái làm đảo-lộn tất cả. Ít lâu sau, khác nào như có tấm màn buồng che cự thế-giới và một nền mỹ-thuật mới xuất-hiện như trên một hành-tinh khác.

Đó là những lý-do đã khiến Bắc-Bình trở thành một địa-lợi cho Nho-phái thủ-cự triều Nguyên. Đặt vào thế-thủ bởi nhà Bắc Tống, bắt-đắc-dĩ cải-hoá bởi nhà Nam Tống, lần này Nho-phái nhảy lên đầu ngựa Mông-Cổ, hướng-dẫn chánh-trị, cho cuộc đua tài của những chú ngoại-bang. Điều dị-kỳ là cả người Mông-Cổ lẫn người Mãn-châu đều chịu khó lắng nghe những lời tuyên-truyền thoái-hoá của Nho-phái bảo-thủ và ngược lại, làm tiêu-hao tất cả những gì mà lý-tưởng Phật-Lão đã bồi-dưỡng cho trí tưởng-tượng của người dân Trung-Quốc. Bọn

² Xin xem ghi-chú số 13-14 và tờ phụ-trang số 1-2, bài 'Hội họa dưới triều Minh và Thanh trong V.H.N.S. quyển 5 (tháng 5, 1965).

Nho-sĩ trung-can có ý muốn biến Trung-Quốc thành một bộ máy luân-lý, khiến mỗi kỹ-nghệ, mỗi phong-tục, mỗi lễ-nghi, và ngay cả mỗi suy-nghĩ đều phải hạn-chế bởi những định-thức sẵn thiết-lập.

Lý-tưởng của họ là nhất-luật, là bất-biến, dấu hiệu của họ là uy-quyền, chứ không phải tự-do tìm hiểu sự-vật, quan-niệm văn-thơ của họ chỉ thu gọn trong từ-điển. Mối ác-cảm của họ dành cho mọi phát-biểu tự-do cá-nhân.

Chúng ta thử ngẫm xem những điều đó sẽ đem lại những gì cho mỹ-thuật? Các quan ghét mọi dấu hiệu sinh-khí ần trong những thành-công của triều Minh-sơ. Nghệ-thuật Hàng-Châu đối với họ là một chiếc nhục-kỳ.

Đến nửa sau triều Minh, người ta thử cho phát-triển một Nho-phái tân-hoạ-pháp hoàn-toàn trái ngược với các phép vẽ truyền-thống của Hàng-Châu. Họ thành-công và chính nghệ-thuật của Nho-phái đã thống-trị suốt triều Thanh. Nó tương-tự như nghệ-thuật mà chúng ta vẫn gọi tại Nhật là Bunjingwa, vừa lẫn tính-cách mọi-rợ và Tây-Tạng Phật-Giáo, vừa có vị tá-thực Mông-Cò và trang-trí sống-sượng.³

Chúng ta nghĩ sao về luồng gió mới ấy của Trung-Quốc, về loại mỹ-thuật riêng ấy của Nho-phái triều Minh? Không phải mọi truyền-thống cần phê-trừ. Về nghệ-thuật, họ không thề nhất-thiết quay về tận thời đức Thánh Khổng, bởi về thời Ngải, làm gì đã có mỹ-thuật? Khờ đầu, họ hãy hưởng về một tiền-triều gần nhất, đó là triều Nguyên, rồi họ có cái cảm-tưởng rằng triều này đã phát-minh được một học-chế hoạ-khieu vừa chống cả vật-chất chủ-nghĩa lẫn tinh-thần của thời Tống. Đó là một phép vẽ sơn-thủy khá tự-do: dùng những vết mực để làm nổi những đám sáng bóng tương-phản của mây và sương-mù không có hình-thể định sẵn.⁴

3 Đó là loại sự-tích-hoạ rất có nhiều vào thời Càn-Long và rất được khách tìm mua vì lý-do trang-trí và sự-tích: tích Tam-Đa, Ma-Cô hiện thọ, Phong trần tam-hiệp, Ngũ tử du-hí, Ngũ tử đoạt-khôi, Ngự tiêu canh độc, Nhị-thập-tứ hiếu, v.v... Giá-trị nghệ-thuật hầu như không có. Nguồn-gốc của phép vẽ này là văn-nhân-hoạ với mục-dịch chức-tụng, khuyến-thiện,...

4 Xin xem tờ phụ-trang số 1. Đây không phải là tác-phẩm của một văn-nhân-hoạ mà là một trong những nguyên-thủy hoạ-khieu của văn-nhân-hoạ, Cao Khắc-Cung (Kao K'ò Kong làm việc vào nửa sau thế-kỷ thứ XIII) bắt đầu học theo phép vẽ của hai cha con họ Mễ, sau đó học phép vẽ của Lý-Tĩnh và Đông-Nguyên. Cao Khắc-Cung còn có những tên khác là Cao Ngạn, Kinh (Kao Yea King) và Cao Phong-Sơn (Kao Fong Chan),

Sự thật, kiểu vẽ này gạt bỏ tất cả hiểu biết chính-xác mọi hình-thể, mọi trạng-hướng biến-đổi trong cảnh-vật mà chỉ còn là một ấn-tượng hoạ-khieu. Tuy nhiên, tính-cách đơn-giản và đồng nhất của nó cũng đủ làm say-mê các hoạ-sinh, mặc dù rất tầm-thường và vô-vị. Trong một nghệ-thuật như thế, nói trắng ra, khác nào như nếu Shelley đã viết một bài thơ về mây, tất cả các thi-sĩ tương-lai muốn xướng với tên tuổi đó, sẽ phải gắng làm như vậy. Nhờ cố gắng của Mễ-Phế và của con ông là Mễ Nguyên Chương dưới triều Tống, kiểu vẽ này đã phát-triển, và tuy cũng khá, nhưng lại hóa thiên-cận bởi Nho-phái văn-nhân-hoạ thời Nguyên. Qua lối hiệu của mấy nhà ái-quốc thời Minh, kiểu vẽ ấy thành nguyên-nhân khiến Vương-An-Thạch trở nên trung-tâm đối-kháng Mễ-Phế, Tô-Đông-Pha, Văn-Đông và tất cả các Nho-sĩ trung-can ở Khai-Phong trong thế-kỷ thứ XI.⁵

Bấy giờ có một số văn-nghệ-sĩ về triều Minh-mạt cố biện-minh cho thuyết ấy và dẫn-chứng rằng thật-sự có một nền mỹ-thuật chân-chính Trung-Quốc, đó là hoạ-pháp triều Nguyên.

Cầm đầu những người này và cũng là người cõ-xúy cho phong-trào là một văn-sĩ có-tên là Đông-Kỳ-Xương⁶ mà tư-tưởng đã làm lụn-bại tất cả bình-luận Trung-Quốc từ đấy. Ông không chịu chỉ gán nguồn-gốc của kiểu vẽ này cho Mễ-Phế thời Tống mà thôi, và trái hẳn với sự thật hiển-nhiên, ông còn lùi xa nguồn-gốc ấy đến tận thời Đường rồi gĩa cho nó mối quan-hệ mật-thiết với hoạ-pháp đáng thương-hại của Vương-Duy, bởi thực-tình Vương-Duy là một thi-sĩ tiền-phong vẽ sơn-thủy⁷. Như vậy tất phải đặt một tên cho cái toàn-xưng hoạ-phái Trung-Quốc ấy, đó là Nam-Phái, có lẽ bởi vì nguồn-gốc chính của sơn-thủy văn-nhân hoạ-phá và của mỹ-thuật là ở phương Nam.

5 Mễ-Phế, Tô-Đông-Pha. Văn-Đông tuy là những thi-sĩ kiêm hoạ-sĩ, nhưng chỉ về một cách tài-tử, chứ không thuộc một phái nào (vấn-đề 'Phái' chưa được đặt ra trong thời Tống). Nếu các nhà ái-quốc thuộc Nho-phái văn-nhân-hoạ thời Minh lại kéo họ vào phái mình, thì đương nhiên họ trở thành đối-lập bất-đắc-đĩ với cái-cách-gia Vương-An-Thạch, bởi Vương chống Nho-phái bảo-thủ.

6 Xin xem tờ phụ-trang số 2. Xin xem thêm ghi chú số 2, trang 835 bài 'Hội-hoạ dưới triều Minh và Thanh' trong V.H.N.S quyển 5 (tháng 5, 1965).

7 Thật vô-lý là xếp Vương-Duy vào văn-nhân-hoạ phái vì phép vẽ của Vương hoàn-toàn khác phép vẽ của phái này, mặc dù Vương là một thi-sĩ vẽ sơn-thủy. Ý tác-giả bài bình-luận này là Đông-Kỳ-Xương vì cố tìm nguồn-gốc thật xa cho văn-nhân-hoạ phái, nên đành nhẽ gĩa nó cho Mễ-Phế, ông lại gĩa cho Vương-Duy, viện cớ rằng Vương là một thi-sĩ tiền-phong vẽ sơn-thủy.

Đối-chiếu với phong-trào gọi là chính-thống ấy, Đồng-Kỳ-Xương cho rằng có thêm một phái nữa gọi là Bắc-phái mà ông giả-định bắt nguồn từ những kiểu vẽ truyền-thống của rợ Hồ theo đạo Phật ở các tỉnh miền Bắc và của Ngự-tiền họa-viện do vua Huy-Tôn lập ra dưới triều Bắc-Tống. Cứ theo lý-luận ấy, thì Mục-Khê, Hạ-Khuê, Mã-Viên, mặc-dù nguyên-quán tại miền Nam, đều là những họa-sĩ tiên-phong của Bắc-phái, bởi nghệ-thuật của họ phát-nguyên từ những định-thức của Ngự-tiền họa-viện. Những người này đều vô nguyên-tác, vô tinh-thần, đều được đặt dưới quyền bảo-trợ của Hoàng-đế. Một nền mỹ-thuật cao-quý phải hoàn-toàn độc-lập, phải có tinh-thần, phải chống lại lối vẽ của Ngự-tiền họa-viện, nghĩa là phải do những công-tác rất đáng phàn-nàn của những người đối-lập. Bởi vì đã là chuyên-nghiệp tất chống mạnh Nho-phái và thật đích-đáng là những gì giống thế, kể cả thi-họa, đều nên vứt bỏ như những đồ chơi tầm-thường của trẻ con vậy. Sau cùng, Đồng-kỳ-Xương nghĩ ra và dùng theo lời ông hiểu một tên riêng cho họa-phái của ông : đó là Văn-nhân-họa-phái.

Kỳ thay một lần-lần nghiêm-trọng về lịch-sử gây ra bởi cái luận-thuyết cận-đại ấy của Trung-Quốc về mỹ-thuật. Nó đã thử gán cho danh-từ Nam-phái tất cả uy-thế của nền văn-minh Khai-Phong và Hàng-Châu tức cũng lại là những trung-tâm Phật-giáo Thiên-Na, kẻ thù hăng say của Nho-phái. Tất cả sơn-thủy-họa đại-học-phái Trung-Quốc, thật gốc từ miền Nam, họa-phẩm của Vương-Duy, Ngô-Đạo-Tử, Lý-Thành, Quách-Hy, Hạ-Khuê, đúng là tương-phản với tất cả những gì mà Đồng-Kỳ-Xương ưa thích và thực ra ông khinh-bí bởi coi như thuộc Bắc-phái. Ngay cả sơn-thủy của vua Huy-Tôn triều Bắc-Tống cũng chỉ có được bởi đã xuất-xứ từ miền Nam. Tóm lại, theo thuyết của Đồng-Kỳ-Xương, điều gì ông bảo là Bắc, thì bản-chất lại là Nam, điều gì ông bảo là Nam thì thật sự nguyên-lai từ Nho-phái ở phủ Khai-Phong miền Bắc.⁸

⁸ Đoạn này bề ngoài có vẻ mâu-thuẫn với đoạn trên. Theo lý-luận của Đồng Kỳ-Xương, nguồn gốc văn-nhân-họa pháp là Vương Duy từ thời Đường, bởi Vương là một thi-sĩ đầu tiên vẽ sơn-thủy (xin xem ghi-chú số 7). Lối vẽ sơn-thủy của văn-nhân-họa được Đồng-Kỳ-Xương liệt vào Nam-phái, nhưng theo tác-giả thì văn-nhân họa-pháp bắt nguồn từ phép vẽ, của Nho-phái ở phủ-Khai-Phong dưới triều Bắc-Tống.

Sau đó, Đồng-Kỳ-Xương liệt vào Bắc-phái những phép vẽ truyền-thống của rợ Hồ theo đạo Phật ở các tỉnh miền Bắc và của Ngự-tiền họa-viện. Trong khi Đồng-Kỳ-Xương liệt vào Bắc-phái tất cả những đại danh-họa về sơn-thủy của Ngự-tiền họa-viện thuộc cả hai triều Nam-Bắc Tống, thì Nam-phái của ông lại chép những họa-phẩm của các danh-họa trên theo một sáng-tác họa-kiểu riêng của Nho-phái. Như vậy, những bản chép những tác-phẩm của Nam-phái (hay Nho-phái văn-nhân-họa) còn những nguyên-bản thành những tác-phẩm của Bắc-phái.

Dù sao, những ý-kiến về quá-khứ cùng cách phân-loại ấy không đặt trên một nền-tảng vững-chắc nào. Đành rằng Mễ-Phế đã chẻ ra một kiểu vẽ riêng nhưng đâu dành cho các Nho-sĩ đồng-thời phải theo, và đâu để dùng làm nền-tảng cho một học-chế họa-kiểu trước thời Nguyễn. Không có lý-do nào lại giả-định rằng những bạn đồng-thời với Mễ như Tô-Đông-Pha, Văn-Đông-Đã nghĩ chẻ ra trong sơn-thủy-họa điều gì hoàn-toàn trái với Quách-Hy, Lý-Long-Miền, một nhóm bạn đồng-liều khác của họ. Điều khác-biệt duy nhất ở chỗ họ là những nghệ-sĩ tài-tử và tự hạn-chế trong một thiều số đề-từ i. Nhưng truc của Đông-Pha chẳng hạn, không phải bản-lai khác truc của Mục-Khê, Mã-Viên, hay của tất cả hội-họa đại-học-phái của triều Nam-Tống.

Tóm lại, chính danh từ văn-nhân-họa đủ chứng-minh chân-tướng của nó để buộc tội nó. Đó là một lối nghĩ thì phải hơn, một chuyên-biến, chứ không phải là một đại trào-lưu của thị-giác suy-trường.

Đây cũng như chúng ta bảo là ngựa bức vẽ một đừa bé tượng-trưng con ngựa. Đối với một tâm-hồn văn-chương thuần-tuý, hội-họa chỉ là dấu hiệu của tư-tưởng, nghĩa là một lối phát-biểu khác. Họ không muốn biết và không cần lưu tâm đến tất cả những gì ẩn-tàng trong các đường vẽ căn-bản của bức họa, bởi đối với họ, đó chỉ là chuyên-môn thuần-tuý.

Làm sao chúng ta có thể dung-hòa những ý-tưởng ấy với tâm-tư của các đại-danh-sư thuở xưa? Những vị này, nếu được biết đến là nhờ có những bản chép của những bản chép. Chỉ cần chép đi chép lại mấy lần, theo kiểu văn-nhân-họa là có thể chứng-minh rằng chính những cựu danh-sư cũng chỉ là văn-nhân-họa mà thôi.

Nói vậy không phải có ý bảo rằng trong mọi trường-hợp hay ít ra trong nhiều trường-hợp, những khuynh-hướng ấy gốc có tà-ý. Họ muốn thẳng thắn tìm ra một lợi-ích nào trong con đường phỏng-tạo ấy. Không phải họ tìm cách theo sát thật đúng đường nét và cả bút-ý của nguyên-bản, mà là diễn-tả chúng bằng một sáng-tác họa-kiểu riêng của họ, khác nào như một thi-nhân cũng dùng phép ấy để dịch tác-phẩm của một thi-nhân-tài ngoại-quốc. Nói một cách khác, họ đọc tìm trong các nguyên-bản xưa những nét có vẻ ít nhiều thích-hợp với lối nhìn riêng của họ, của văn-nhân-họa, một lối không thành hình gì cả, thật rộng-tuếch. Bởi vậy cho nên trong biết bao những bản chép ấy, tất cả những gì là đẹp là hùng ở hình vẽ của nguyên-bản đều tiêu-ma và chỉ còn cho thấy sự quá-dáng phi-lý của những nét yếu-duối nhất. Cũng không nên hoài-công đi tìm một lý-do nào khác cho điều mà một phần lớn những bản-phông cổ-họa trong thời Thanh, được chứng-thực rành-rành trên lục-khoản là phỏng lại những bản

phong khác, chỉ còn cho thấy phép cấu-tạo rất sơ-đẳng của loại tranh cận-đại: một vài nét bút thiếu hẳn vết-tích tương-tượng và chẳng còn chút liên-hệ nào với những điều đã được tìm kiếm bởi các danh-sư phi-thường trong những triều-đại trước, ngoại-trừ mấy danh-họa thời Nguyễn.

Chẳng bao lâu phép vẽ khinh-xuất của văn-nhân-họa ấy ăn sâu vào trí tưởng-tượng của tất cả họa-sinh Trung-quốc và điều tai-hại do đó gây ra là mỹ-thuật đã thoái-hoá rất mau, đến nỗi tới triều Minh-mạt, người ta khó lòng còn tìm thấy một tác-phẩm chân-chính, ngoại-trừ một loại tranh non-mót tả những hoa đẹp. Mỹ-nhân biến thành một lũ búp-bê với đầu to và nặng quá, với cổ bé quá, với hai vai quá xuôi như không xương, với vẻ mặt ngơ ngẩn, và tất cả tỷ-lệ cân-xưng, ý-tình trong nét vẽ đều dạt trôi đầu mất. Đối với một họa-sĩ nhiệt-tâm với văn-nhân họa-pháp trong thời Minh-mạt và Thanh, tất cả những tính-chất cao quý của nền mỹ-thuật Trung-quốc đều không được biết đến hay bị hiểu sai đi. Nhà nghệ-sĩ Âu-châu sẽ thấy đầu lòng biết chừng nào khi phải so-sánh những gì đã được tăng-bớt như là kiệt-tác của thời Thanh với những nguyên-bản tâm-thường nhất của thời Tống. Mặc dù các họa-sĩ tiên-nhiệm thời Nguyễn chỉ thành danh-nhân vì một số nét rất hạn-chế trong hình vẽ của họ và phải được các mỹ-thuật-gia trên thế-giới coi như vậy, nhưng các họa-sĩ thừa-kế thời Thanh, bởi đã mất hẳn căn-xưng thị-giác-quan, nên trước những tác-phẩm thời Nguyễn, không thể ngờ đến những lý-do khiến các họa-sĩ thời Nguyễn trở nên danh-tài.⁹ Đối với những họa-sĩ thừa-kế họa-pháp của Đồng-kỳ-Xương, điều thiết-yếu là chõng những ngọn núi bất-thành-hình lên trên những ngọn khác, chứ không phải là tài-tình đặt các làn mây bao quanh những ngọn núi ấy. Tóm lại, đối với họa-sĩ Trung-Quốc cận-đại, bút-ý và cả thực-hình đều không còn. Bút-ý nói đây là những đám-tối đám-sáng trên các tranh ngày nay chẳng còn chút liên-lạc nào với những chỗ tối chỗ sáng thiên-nhiên nữa và chỉ đáng tán-thường tùy theo tỷ-lệ biến-đổi của chúng so với sự biến-đổi liên-tiếp của nét chữ trên một bản thiệp. Chúng ta có thể bảo rằng hậu-quả di-nhiên của văn-nhân-họa thuyết là xoá bỏ mọi khác-biệt giữa thư-họa.

Nhưng không phải chỉ lịch-sử hội-họa và tác-phẩm mỹ-thuật phải chịu

⁹ Xin xem tờ phụ-trang số 3. Xin xem trang 296, đoạn nói về Nghệ-Toàn, bài "Hội-họa thời Nguyễn" trong *V.H.N.S.*, quyển 2 (tháng 2-1965).

lụn-bại bởi năm mươi năm thăng-thế của Nho-phái. Bình-luận mỹ-thuật cũng suy-lạc đến nỗi các phê-bình viết sau năm 1550 đã không còn chút liên-quan nào với cách hiểu của các phê-bình giá-trị thời xưa, cũng như những bản văn tấp-nham cận-đại so với lời của Aristote. Ngay trong các biên-tập gọi là giá-trị của triều Thanh viết theo thể văn Trung-Quốc về mỹ-thuật, những ý-kiến trong các phê-bình cận-đại đều được dẫn-chứng song hàng với những ý-kiến của cổ-nhân, hoàn-toàn không ý-thức đến cái vực thẳm tinh-thần và tương-tượng đã cách biệt chúng. Đền nỗi rằng nhà bác-học Âu-châu có thể mắc lầm một cách dị-kỳ khi trình-bày phê-bình của văn-nhân-họa cận-đại như tương-đương với phê-bình xưa về vấn đề mỹ-thuật.

Cuộc kinh-quá của văn-nhân-họa phái trên đất Trung-Quốc trong những thế-kỷ thứ XVI và XVII thật như một tia lửa sáng ngời vụt qua để trút lại sau một sa-mạc đầy tro. Cả một tài nguyên vi-đại của nền mỹ-thuật Trung-Quốc không những bị bỏ rơi mà còn bị đóng kín lại. Kề cũng đáng tiếc rằng một biến-thiên trong tâm-lý, tuyệt-đối đến thế, lại có thể xảy ra ở một dân-tộc hùng-mạnh đến vậy. Khổn thay chúng ta cũng có một tỷ-dụ tương-tự tại Âu-châu trong sự biến-tình của tinh-thần mỹ-thuật Hy-Lạp thành những phái ở Byzance.

Dường như ngày đấng-quang của vua Khang-Hy sẽ đem lại một kỳ-nguyên vẻ-vang cho Trung-Quốc. Không những người Mãn-Châu là một giống hoàn-toàn mới, có khí-lực, lại sẵn trí thông-minh chưa từng được rèn-luyện, thêm nữa, các nhà truyền-giáo Thiên-Chúa người Âu-Châu đã hiện-diện tại Trung-Quốc từ triều Minh-mạt, nay lại thấy ảnh-hưởng của họ thêm mạnh dưới triều này. Lớn-lao thay kỳ-vọng của Thiên-Chúa giáo, đó bởi họ còn nhớ những lễ-nhượng ân-cần mà trước đây ba trăm năm, người Mông-Cổ đã dành cho họ. Một trào-lưu liên-lạc với Âu-châu theo hai chiều: Ma-Cao, một hải-àng của Bồ-Đào-Nha, Canton và Whampoa được mở rộng cho người Âu-Châu lui tới.

Thật là một điều tượng-phản lạ-lùng với Nhật-Bản, một quốc-gia đã bế-môn tạ-khách trước Thiên-Chúa giáo, quyết-liệt chống-báng mọi tân-trào. Đường như dĩ-nhiên rằng Nhật-Bản, trong cái thế cô-lập kiên-trì và hãnh-diện ấy, sẽ phải rút vào cảnh khảnh-tận suy-tàn, trong khi Trung-Quốc tiến sâu vào con đường văn-hoá thế-giới, sẽ chóng vượt xa đảo-quốc địch-thủ của mình. Chúng ta có thể chứng-kiến kết-quả: Nhật-Bản thấy chủ-nghĩa bảo-thủ bồi-dưỡng cho thế-chất tinh-thần và đạo-lý của mình. Trung-Quốc vì tự-do để tán-chả xiềng-xích câu-nệ của chính mình.

Câu trả lời cho điều này là triều Khang-Hy được khai-nguyên dưới bao kỳ-vọng rõ-ràng cho Thiên-Chúa-giáo và cho Trung-Quốc, thì lại kết-thúc vào những ngày đen tối, những ngày ngược-đầu tiên các Thiên-Chúa giáo-dồ. Các nhà truyền-giáo, rất khôn-ngoaan về chánh-trị, đã cố thủ dung-hoà cái gì là sinh-lực trong tổ-chức xã-hội Trung-quốc với phần chủ-yếu của đạo Thiên-Chúa. Chính-sách khoan-dung của họ đưa đến sự cải-đạo nhanh chóng của nhiều thế-gia Trung-Quốc và ngay cả Hoàng-đế, với ít nhiều điều-kiện cũng có thể theo đạo. Vua Khang-Hy duy-trì liên-lạc mật-thiết với vua Louis XIV. Người Pháp rất cố thế-lực trong triều-đình Khang-Hy. Nhưng khi Tòa-Thánh tuyên-bố rằng người Trung-Quốc muốn theo đạo phải coi như đương-nhiên từ bỏ phong-tục của họ, lễ thờ cúng tổ-tiên và Khổng-giáo, thì toàn dân Trung-quốc, kể cả những người vẫn sẵn cảm-tình với Thiên-Chúa giáo, cũng đều vùng lên phản-đối.

Vua Khang-Hy đã long-trọng cảnh-cáo Âu-châu về cái lỗi-lầm trọng-đại mà Âu-châu sẽ mắc phải, nhưng Âu-châu vẫn mắc. Năm 1700, Trung-Quốc gần thành Âu-hoá, nhưng đến năm 1722, dưới triều vua Ung-chính, lại ban-hành sắc-chỉ tàn-bạo chống Thiên-chúa giáo-dồ, bất-luận là người bản-xứ hay ngoại-quốc.

Cũng vẫn cái chủ-nghĩa bảo-thủ xưa đã từng chống thần-bí Phật-giáo thời Đường, lý-tưởng Phật-giáo thời Tống, sự phục-hưng của văn-minh Hàng-Châu thời Minh, thì nay đối-diện với một tân-dịch-thủ sẵn một lý-tưởng tôn-giáo có phần cảm-động không kém lý-tưởng Thiên-Na, thêm những đường lối cai-trị và giáo-dục có phần cấp-tiến hơn Vương-An-Thạch. Lòng yêu nước của dân Trung-quốc khuyến-cáo vua Khang-Hy, người bạn Mãn-châu của người Âu-châu, rằng những tục-lệ Trung-quốc không thể thay đổi. Như vậy, Trung-quốc vẫn đứng trước một vấn-đề lịch-sử, nhưng lần này yếu-tố tự-do lại từ bên ngoài vào. Âu-châu, vì cố-chấp, đã không biết nghe theo lời kêu gọi thiết-tha của các nhà truyền-giáo và vô-tình trúng kế Nho-phái.

Triều Khang-Hy sáng-lạng về nhiều mặt, không phải vì sản-xuất những thiên-tài sáng-tác, mà trái lại, những người ham đọc, giàu chữ hơn tư-tưởng. Bởi vậy sinh ra những biên-tập giá-trị, những bách-khoa toàn-thư, những tự-diễn. Vua Khang-Hy, người Mãn nhưng thật-sự lại Tàu hơn cả Nho-phái có thể mong-ước, đã không để tâm-trí tê-liệt vì bệnh cố-chấp. Nhà vua biết tìm hiểu lấy và dường như muốn Trung-Quốc tự-giáo-ngộ trong lúc nhà vua tìm cách nhập-nội những phương-pháp cải-cách Âu-châu. Một chánh-sách kháng-Nho rất có hiệu-quả là cầm giữ Nho-



Số 3

Chánh-phủ Trung-Hoa

SƠN THUY

của Nghệ-Toán (1301-1374)

Thủy-mặc trên giấy — Cao Om73, Ngang Om35

Câu trả lời cho điều này là triều Khang-Hy được khai-nguyên dưới bao kỳ-vọng rõ-ràng cho Thiên-Chúa-giáo và cho Trung-Quốc, thì lại kết-thúc vào những ngày đen tối, những ngày ngược-đầu đầu tiên các Thiên-Chúa giáo-dồ. Các nhà truyền-giáo, rất khôn-ngoaan về chánh-trị, đã cố thủ dung-hoà cái gì là sinh-lực trong tổ-chức xã-hội Trung-quốc với phần chủ-yếu của đạo Thiên Chúa. Chính-sách khoan-dung của họ đưa đến sự cải-dạo nhanh chóng của nhiều thế gia Trung-Quốc và ngay cả Hoàng-đế, với ít nhiều điều-kiện cũng có thể theo đạo. Vua Khang-Hy duy-trì liên-lạc mật-thiết với vua Louis XIV. Người Pháp rất có thế-lực trong triều-dình Khang-Hy. Nhưng khi Toà-Thánh tuyên-bố rằng người Trung-Quốc muốn theo đạo phải coi như đương-nhiên từ bỏ phong-tục của họ, lễ thờ cúng tổ-tiên và Khổng-giáo, thì toàn dân Trung-quốc, kể cả những người vẫn sẵn cảm-tình với Thiên-Chúa giáo, cũng đều vùng lên phản-đối.

Vua Khang-Hy đã long-trọng cảnh-cáo Âu-châu về cái lỗi-làm trọng-dại mà Âu-châu sẽ mắc phải, nhưng Âu-châu vẫn mắc. Năm 1700, Trung-Quốc gần thành Âu-hoá, nhưng đến năm 1722, dưới triều vua Ung-chính, lại ban-hành sắc-chỉ tàn-bạo chống Thiên-chúa giáo-dồ, bất-luận là người bản-xứ hay ngoại-quốc.

Cũng vẫn cái chủ-nghĩa bảo-thủ xưa đã từng chống thần-bí Phật-giáo thời Đường, lý-tưởng Phật-giáo thời Tống, sự phục-hưng của văn-minh Hàng-Châu thời Minh, thì nay đối-diện với một tân-dịch-thủ sản một lý-tưởng tôn-giáo có phần cảm-động không kém lý-tưởng Thiên-Na, thêm những đường lối cai-trị và giáo-dục có phần cấp-tiến hơn Vương-An-Thạch. Lòng yêu nước của dân Trung-quốc khuyên-cáo vua Khang-Hy, người bạn Mãn-châu của người Âu-châu, rằng những tục-lệ Trung-quốc không thể thay đổi. Như vậy, Trung-quốc vẫn đứng trước một vấn-đề lịch-sử, nhưng lần này yếu-tố tự-do lại từ bên ngoài vào. Âu-châu, vì cố-chấp, đã không biết nghe theo lời kêu gọi thiết-tha của các nhà truyền-giáo và vô-tình trúng kế Nho-phái.

Triều Khang-Hy sáng-lạng về nhiều mặt, không phải vì sản-xuất những thiên-tài sáng-tác, mà trái lại, những người ham đọc, giàu chữ hơn tư-tưởng. Bởi vậy sinh ra những biên-tập giá-trị, những bách-khoa toàn-thư, những tự-điền. Vua Khang-Hy, người Mãn nhưng thật-sự lại Tàu hơn cả Nho-phái có thể mong-ước, đã không để tâm-trí tê-liệt vì bệnh cố-chấp. Nhà vua biết tìm hiểu lấy và dường như muốn Trung-Quốc tự giá-ngộ trong lúc nhà vua tìm cách nhập-nội những phương-pháp cải-cách Âu-châu. Một chánh-sách kháng-Nho rất có hiệu-quả là cầm giữ Nho-



Số 3

Chánh-phủ Trung-Hoa

SƠN THỦY
của Nghệ-Toàn (1301-1374)
Thủy-mặc trên giấy — Cao 0m73, Ngang 0m35



Số 4

Hàng-Tùng Các-Tàng

NGUYỆT HẠ MAI TRÚC
của Thạch-Đào (làm việc từ 1660-1710)
Thùy-mặc trên giấy (một trong 12 tờ họa-phở)

sinh trong những cuộc sưu-tám vô-hạn, biên-tập liên-miên để họ chẳng còn mấy thời giờ âm-mưu chánh-trị. Thật quả vua Khang-Hy biết léo-lái con thuyền quốc-gia trên những lớp đá ngầm hiểm nghèo.

Nhưng khi Âu-Châu vương phải sắc-lệnh của Tòa Thánh vào năm 1702, khi vua Khang-Hy, một người bạn đáng tiếc của các giáo-sĩ, đã thăng-hà, và khi Ung-Chính thấy cần phải đem đạo quân bảo thủ Trung-Quốc ra đối-phó với ảnh-hưởng nguy-hiêm của Thiên-Chúa-giáo, thì Nho-phái tự cảm thấy đặt vào một vị-trí ảnh-hưởng rất lớn. Họ sẵn trong tay đủ mưu-chước và họ chỉ cần phụ-lực cho những định-luật nghiêm-nhất nhất của họ, hầu xách-động các nhà ái-quốc. Mặc dù rất uyên-bác lại thêm trí-tuệ vượt trên các quan hạng trung-bình, trong suốt triều Người, vua Càn-Long chỉ biết nghe theo những lời khuyên-dụ của Nho-phái. Bởi vậy, thời Càn-Long không phải như thời Khang-Hy, một thời thí-nghiệm đầy hứa-hẹn, mà là một thời th-1-súc. Không thể nào còn quan-niệm được một tâm-thức cho Phật-giáo hay Đạo-giáo. Hứng-cảm Trung-Quốc thế là khánh-tận và chỉ còn có thể được lấp lại.

Sau khi vua Càn-Long thoái-vị vào năm 1796, lịch-sử Trung-Quốc không có một phát-triển nội-bộ đáng kể nào, mà chỉ có những cố-gắng liên-tục chống xâm-lăng Âu-châu, Trung-Quốc có thể e bị phân-chia vào cuối thế-kỷ thứ XIX, nhưng lại chính bấy giờ thì Nhật-Bản nhảy lên vũ-đài. Và ta có thể tự hỏi không biết ngày nay Trung-Quốc liệu còn lo-ngại những tiến-bộ và cải-cách của Nhật-Bản bằng xưa kia đã lo-ngại những điều mà Âu-Châu muốn tiết-lậu cho Trung-Quốc nữa chăng? Trong thời-kỳ dài ấy, mỹ-thuật Trung-Quốc dưới triều Thanh có thể chia làm ba thời-kỳ: thời thí-nghiệm Khang-Hy đầy hứa-hẹn; thời Càn-Long kiên-chí trước vận-hạn; thế-kỷ thứ XIX, chẳng còn gì, vô-vọng.

Mỹ-thuật thời Khang-Hy không phải do hứng-cảm mà ra, nhưng là sự phối hợp của nhiều khuynh-hướng khác nhau, và có thể chia ra như sau:

(1) Trở lại các kiểu vẽ xưa đã được đề-cao trong thời Minh-sơ; thời tả nhân-vật có phong-thái uy-nghi với tính cách độc-sáng; sơn-thủy-hoạ bị Nho-phái độc-chiếm; các hoạ-sĩ khác đành tả bằng màu những hoa-diều mỹ-miệu; nếu còn tả mỹ-nhân thì đó là một búp-bê vô-hồn như ta vẫn thấy trên các binh-phong sơn.

(2) Một nghệ-sĩ đứng hàng đầu là Uẩn-Thọ-Bình¹⁰ giá-trị bằng

¹⁰ Xin xem ghi-chú số 21, trang 840 và tờ phụ-trang số 4, bài 'Hội-họa dưới triều Minh và Thanh' trong V.H.N.S., quyển 5 (tháng 5 1965).

các danh-hoạ tả-thực thời Nguyên như Triệu-Từ-Ngang. Nhưng ngay trong phạm-vi của ông là hoạ, với ý-tình rõ-rệt trong đường nét, trong tỷ-lệ cân-xúng, ông còn lưu lại gì khác hơn là một loạt đồ-hoạ như để ghép vào một tập thực-vật khải-luận?

(3) Ảnh-hưởng của các nhà truyền-giáo Thiên-Chúa, và nhờ họ, ảnh-hưởng của hội-hoạ sơn dầu Tây-phương. Hình như ảnh-hưởng này có định-đoạt phần nào cho tính-cách phong-phú của những màu trầm ở hội-hoạ cận-đại Trung-Quốc¹¹.

(4) Sự tồn-tại của những kiểu vẽ mọi rợ trong mỹ-thuật Phật-giáo miền Bắc, như Mông-Cổ, Mãn-Châu. Ngày nay chúng ta còn thấy sự hiện-diện của chúng dưới những hình-thức mỹ-thuật Phật-giáo cận-đại ở Triều-Tiên. Chính cũng lại những hình-thức mỹ-thuật này trở thành những hình-thức mỹ-thuật của các-tu-viện Lạt-ma-giáo ở Tây-Tạng, sau cuộc chinh-phục của Thanh-triều và đã góp phần thành-lập một nền kỹ-thuật tỉ-mỉ vô-vị ở Trung-Quốc.

(5) Phong-trào văn-nhân-hoạ phái. Đó là một phép vẽ sơn-thủy bằng mực và nguyên-lai từ mỹ-thuật thời Minh. Có thể nói, lối vẽ này thiếu hiểu biết về kỹ-thuật hội-hoạ. Lạc-khoản buồn thiu vì gần giống nhau cả. Không gây được cảm-giác viễn-cận, cách-biệt. Mực dùng nhiều quá, lại rất vụng-về. Có thể gọi là một xảo-thủ thì phải hơn. Định-thức quá nhiều, nhưng lại áp-dụng một cách mù-quáng. Khán-giả đến phát chán vì thấy quá-ư vô-biến-hóa, quá ư thiếu tinh-thần và cá-tính.¹²

(6) Một khuynh-hướng đáng được chú-ý dưới triều Khang-Hy là việc áp dụng một phép vẽ có tính-cách chiết-trung vào công-tác trang-trí ở các ngành mỹ-nghệ. Ngành kiến-trúc là ngành đầu tiên được hưởng lợi-ích của phép trang-trí đó. Ngành này đã hiến cho ta quang-cảnh tráng-lệ của những sân thượng bằng đá cẩm-thạch, những cửa sổ hình bán-nguyệt, những mái cong lợp ngói ống bằng sành tráng men. Nền mỹ-thuật suy-vi của Trung-Quốc đã lấy hứng-cảm và tượng-y ở những nguyên-tuyền nào? Ở những đồ-thuợng-cổ bằng thau. Những thành phần trang-

¹¹ Các màu trong bóng tối.

¹² Tác-giả ám-chỉ phép vẽ sơn-thủy của văn-nhân-hoạ. Triều-Thanh còn lưu lại một số văn-nhân hoạ rất được người Trung-Hoa kính-mộ vì nhân-cách, vì có tài thi-thư và họa mai lan trúc như Bát-Đại Sơn-Nhân, Trịnh-Bản-Kiều, Thạch-Đào.... Để biết họa-pháp của những người này, xin xem 'Thu-pháp Trịnh Bản Kiêu' trong V.H.N.S số 75 (tháng 11-1962) và xin xem hình Mai-trúc ở tờ phụ-trang số 4.

trí tối-cổ của các nền kỹ-thuật ở Thái-Binh-Dương đã được ghi vào mục-lục Trung-Quốc từ thời Hán và chẳng bao giờ bị lãng quên. Được sửa lại chút ít, chúng lại hợp thành những tài-liệu trang-trí cho những thời Minh và Thanh, tỷ-dụ như tượng-y trừu-tượng 'con triện' giống như răng chia khóa cũng chỉ là một lối giải-thích hay chế-biến hình-tượng con rồng, đầu con thao-thiết¹³, hay đám mây chạm trên các đồ xua bằng thau của những quân-đạo ở Thái-Binh-Dương.

Chúng ta có thể xác-định rằng sau triều Minh-sơ, không còn tối cao mỹ-thuật ở Trung-Quốc nữa và chỉ còn kỹ-thuật đồ gốm dưới triều Minh-mạt và triều Thanh-sơ. Nói đúng ra, nền tối-cao mỹ-thuật đã không sống-sót sau triều Tống và triều Nguyên-sơ. Như vậy, nền mỹ-thuật Trung-Quốc đã suy tàn trong một thời-gian dài đến nhiều thế-kỷ.

¹³ Thao-Thiết (T'ao T'ie). Người ta đã tìm thấy ở tỉnh Hồ-Nam những khúc xương và ngà voi từ thời Ân và có khắc hình chính-diện của thao-thiết. Ngoài ra, hình này cũng được nhận thấy trên các đồ tế-khi bằng thau thuộc những thời Chu, Tần, Hán.

THẺ-LỆ MUA VĂN-HOÀ NGUYỆT-SAN

Mỗi số (Tư-nhân) :	12\$	1 năm	(12 số) :	120\$
		nửa năm	(6 số) :	60\$
Mỗi số (Công-sở) :	24\$	1 năm	(12 số) :	240\$
		nửa năm	(6 số) :	120\$

Gửi bảo-đảm, mỗi số tính thêm 8\$

- Các cơ-quan hoặc tư-nhân tại ngoại-quốc mua dài hạn trả 8 Mỹ-kim một năm (12 số), kể cả cước-phí gửi bằng đường thủy.
- Độc-giả mua dài hạn xin gửi phiếu mua báo và ngân-phiếu về Ông Giám-Đốc Nha Văn-Hóa (89, Lê-Văn-Duyệt, Sài-gòn).

SAY IT IN VIETNAMESE

(Second Printing, 1965)

by NGUYEN DINH HOA, Ph. D.

A truly practical Phrase Book designed to give you no deadwood, but only useful sentences and phrases.
134 pages. Index. VN\$ 80.

SPEAK VIETNAMESE

(Revised Edition, Second Printing, 1965)

by
NGUYEN DINH HOA, Ph. D.

A standard textbook based on the techniques of modern linguistics, and designed for an integrated course in the spoken language of Vietnam.

The author is Associate Professor of Linguistics and English at the Faculty of Letters, University of Saigon.

388 pages

VN\$ 100.

READ VIETNAMESE : A Graded Course in Written Vietnamese

by

NGUYEN DINH HOA, Ph. D.

The second book aiming at familiarizing you with the language of Vietnam

A sequence to **SPEAK VIETNAMESE**

202 pages

VN\$ 80.

Please order from

- DIRECTORATE OF CULTURAL AFFAIRS,
MINISTRY OF EDUCATION AND CULTURE
89 Le-Van-Duyet Street, Saigon, Vietnam
- EDUCATIONAL MATERIALS SERVICE,
MINISTRY OF EDUCATION AND CULTURE
240 Tran-Binh-Trong Street, Saigon, Vietnam
- VIETNAMESE-AMERICAN ASSOCIATION,
55 Mac-Dinh-Chi Street, Saigon, Vietnam
- THE BOOKSHOP, Eden Arcade, Saigon, Vietnam

PHUNG-LIEN-DOAN

Kỹ-sư

Trung-tâm Nghiên-cứu Nguyên-tử

Đà-Lạt

nguyên-tử-năng

Mở đầu

Trong nửa thế-kỷ vừa qua, con người đã đạt được những bước tiến vĩ-lại trên địa-hạt khoa-học qua những khám-phá, tìm-hiểu và chế-ngự các sức-mạnh thiên-nhiên. Quan-trọng vào bậc nhất trong những bước tiến này là việc khảo-cứu về sự cấu-tạo và tính-chất của các nguyên-tử. Đây là một chuyển phiêu-lưu rất khó-khăn trong một thế-giới li-ti bé nhỏ đến nỗi những kính hiển-vi mạnh nhất trên hoàn-cầu cũng không sao thấy nổi. Nhưng chuyển phiêu-lưu này có một giá-trị vô cùng quan-hệ cho loài người, quan hệ cho sự sống còn của nhân-loại, cho sự phồn-thịnh của thế-giới ngày mai. Quyền-lực của nguyên-tử-năng rất rộng lớn đến nỗi chưa có ai dám quyết-đoán những ích-lợi và tai-hại mà chủ-nhân-ông của nguồn năng-lượng đó là con người sẽ gặt-hái. Ngày nay, năng-lượng nguyên-tử đóng một vai-trò chủ-chốt trong các quyết-định về chính-trị, quân-sự, kỹ-nghệ và kinh-tế của các quốc-gia. Vai trò này sẽ không hề suy-giảm mà còn càng ngày càng quan-trọng hơn. Trong những năm sắp tới, nhiều quốc-gia khác với các cường-quốc hiện tại sẽ có vũ-khí nguyên-tử, và sự sinh-tồn của nhân-loại sẽ bị đe-dọa trầm-trọng hơn. Mặt khác, các ứng-dụng hòa-bình của nguyên-tử-năng đang và sẽ phát-triển rất nhanh. Thế-giới sẽ có thể đào kinh phá núi dễ-dàng, lọc nước ngọt từ nước biển để canh-tác các vùng khô-khan, sẽ có điện-lực dồi-dào và rẻ tiền do các lò phản-ứng nguyên-tử cung-cấp, sẽ có tàu bè đầy bằng nguyên-tử lâu cả năm trời mà không sợ hết nhiên-liệu. Nhờ đồng-vị phóng-xạ, vấn-đề khám-bệnh, chữa bệnh sẽ nhanh chóng và hiệu quả hơn. Ngành canh-nông sẽ được phát-triển, mức sản-xuất được nâng cao và nhiều phương-pháp canh-tác mới được áp-dụng.

* Tài-liệu thuyết-trình tại Trung-tâm Văn-hóa Hoa-Kỳ ngày 14-4-1965.

[Năm thứ XIV, Quyền 6 (Tháng 6, 1965)]

Đề hiểu rõ hơn về thế-giới của nguyên-tử-năng, chúng ta sẽ lần-lượt duyệt qua lịch-trình tiến-triển của khoa nguyên-tử, nguồn-gốc của nguyên-tử-năng, xạ-tuyến và đồng-vị phóng-xạ, cùng những ích-lợi và tai-hại mà nguyên-tử-năng mang lại.

I. Lịch-trình phát-triển của khoa nguyên-tử

Khoa nguyên-tử trải qua ba giai-đoạn phát-triển chính. Giai-đoạn thứ nhất từ thượng-cổ thời-đại cho tới thế-kỷ XIX là giai-đoạn lý-thuyết nguyên-tử chớm nở và thành-hình. Giai-đoạn thứ hai khởi đầu từ đầu thế-kỷ XIX cho tới giữa thế-kỷ XX là giai-đoạn khoa nguyên-tử phát-triển và thành-công. Giai-đoạn thứ ba từ sau đại chiến thế-giới thứ hai cho tới nay là giai-đoạn nguyên-tử-năng phục-vụ nhân-loại.

1. Giai-đoạn thứ nhất : Từ thượng-cổ cho tới Dalton.

Bất cứ vật gì trong trời đất đều được cấu-tạo bởi vật-chất, hay nói khác đi, thế-giới của ta là một thế-giới vật-chất. Vậy vật-chất là gì? tại sao hết thảy mọi vật lại không phải là vàng mà còn có than, có chì, có sắt? Con người thượng-cổ thời-đại đã cố-gắng trả lời những câu hỏi này, và đã đi từ căn-bản siêu-hình, triết-lý cho tới căn-bản khoa-học ngày nay.

Từ thời văn-minh Hy-Lạp toàn-thịnh đã có những nhà triết-học quan-tâm đến sự cấu-tạo của các hình-thức vật-chất và tâm-linh. Empedocle (500 - 440 B.C), Anaxagore (488 - 428 B.C), Aristote (384 - 322 B.C), cho rằng có bốn chất cơ-bản là đất, nước, không-khí và lửa. Bốn chất này tạo nên tất cả các chất khác và các cảm-giác. Thượng-cổ Trung-Hoa cũng tin rằng vũ-trụ có hai thái-cực là âm và dương. Các chất căn-bản là kim, mộc, thủy, hỏa, thổ có thứ thuộc dương thứ thuộc âm, chung nhau mà tạo nên vạn-vật. Democrite (470 - 400 B.C) cho rằng vũ-trụ gồm những nguyên-tử và khoảng-không mà thôi. "Ta có ngọt, ta có chua, ta có màu sắc, ta có nóng lạnh, nhưng sự thật ta chỉ có những nguyên-tử và khoảng-không". Epicure (327 - 270 B.C) đồng ý với Leucippe và Democrite về khái-niệm nguyên-tử là phần nhỏ nhất của vật-chất. Ông còn nói linh-hồn gồm những nguyên-tử tròn, được nuôi-dưỡng bằng hơi thở. Nhưng khi hơi thở ngừng thì những nguyên-tử tròn đó cũng chết đi. Zenon (khoảng 300 B.C) quan-niệm có chất âm dương trong vạn-vật, làm mọi vật chuyển-động. Sự ghét biểu-hiệu âm thịnh. Sự yêu là biểu-hiệu dương thịnh.

Sự tò-mò về cấu-tạo của vật-chất được diễn-tả bằng một ví-dụ sau đây : Nếu ta xẻ đôi một miếng bánh, ta có hai miếng. Nếu ta lại xẻ đôi những miếng bánh này, ta có bốn miếng bánh nhỏ và tiếp tục như thế mãi mãi. Ví-dụ ta có đủ phương-tiện, hỏi có khi nào ta hết xẻ được những miếng bánh nữa không? Nói một cách khác, có tới một khi nào mà ta xẻ thêm một miếng bánh, ta sẽ có kết-quả không còn là bánh nữa? Cứ theo phép suy-luận từ lớn đến nhỏ, ta bảo nếu những miếng bánh lớn có thể xẻ làm đôi thì miếng bánh nhỏ đến đâu cũng có thể xẻ làm đôi, và dĩ-nhiên bánh vẫn là bánh. Nhưng sự thật không phải thế. Khoa-học ngày nay cho biết miếng bánh có những đơn-vị nhỏ-nhất, nếu bị phân-tách ra thì không còn là bánh nữa.

Những lý-luận về sự cấu-tạo của vật-chất phần lớn đặt trên căn-bản triết-học từ thời Hy-Lạp cho tới thế-kỷ XIX. Mãi cho tới năm 1804 mới có một giáo-viên người Anh tên là John Dalton đem những lý-luận đó đặt trên căn-bản khoa-học. Nhờ những thí-nghiệm hóa-học của ông, Dalton tin rằng quả thật vật-chất có những phần nhỏ nhất là nguyên-tử. Ta biết rằng trong hóa-học có các đơn-chất và các hợp-chất. Các hợp-chất do các đơn-chất tạo-thành, còn các đơn-chất không thể nào phân-tích ra thành một chất nào khác nữa. Sau nhiều thí-nghiệm kỹ-lượng, Dalton nhận thấy rằng các đơn-chất chỉ hợp với nhau theo một tỷ-lệ nhất-định để thành các hợp-chất. Ông suy ra rằng các đơn-chất hoá-học gồm những phần-tử rất nhỏ gọi là nguyên-tử, không thể phân chia nhỏ hơn nữa nếu không mất tính-chất của đơn-chất đó. Tất cả các nguyên-tử của một đơn-chất giống nhau như đúc. Khi hai đơn-chất hoá-học gặp nhau, những nguyên-tử của chúng liên-kết thành những hợp-tử. Sự liên-kết này có một thứ-tự và phân-lượng nhất-định. Các hợp-tử cùng loại cũng đều giống nhau.

2. Giai-đoạn thứ hai : Từ thế-kỷ XIX cho tới giữa thế-kỷ XX.

Lý-thuyết của Dalton (1804) được nhiều nhà khoa-học đồng-thời hưởng-ứng. Các khảo-cứu khoa-học có xu-hướng rời bỏ dần-dần phạm-vi cổ-diễn để dồn nghị-lực vào cuộc thám-hiềm thế-giới nguyên-tử. Các khám-phá lần-lượt được thực-hiện, mới đầu còn rời-rạc nhưng dần-dần được chấp nối một cách mạch-lạc, hợp-lý, để sau cùng đi tới thời-đại cực-thịnh. Với khuôn-khò của bài này, chúng ta chỉ lược-kê những biến-cổ chính của giai-đoạn phát-triển này :

Năm	Khám phá, phát minh	Người khám phá	Nơi khám-phá
1804	Thuyết nguyên-tử	Dalton	Anh
1854	Ống kín không có không-khí	Geissler	Đức
	Tia âm-cực	Thomson *	Anh
1895	Tia X	Roentgen *	Đức
1896	Phóng-xạ	Becquerel *	Pháp
1898	Radium	Curies *	Pháp
1903	Cát-nghiã phóng-xạ	Soddy * và Rutherford	Gia-Nã-Đại
1905	Thuyết tương-đối	Einstein *	Thụy-Sĩ
1909	Tia Alpha	Rutherford *	Anh
1912	Phòng mây độ phóng-xạ	Wilson *	Anh
1913	Đồng-vị vững-bền	Thomson *	Anh
	Vũ-trụ-tuyến	Hess *	Áo
1919	Phản-ứng nguyên-tử	Rutherford *	Anh
1924	Cơ-học ba-động	De Broglie *	Pháp
1926	Cơ-học nguyên-lượng	Schrodinger * Born *	
		Heisenberg *	Đức
1928	Ống Geiger-Muller	Geiger và Muller	Đức
	Giải-thích tia Alpha	Gamow	Đức
		Gurney * Condon	Mỹ
		Cockroft * Walton	Anh
1930	Bán hạt-tử gia-tốc đề		
	chuyển-hoán nhân-tử		
1931	Máy gia-tốc Van De Graaff	Van De Graaff	Mỹ
1932	Cyclotron	Lawrence *	Mỹ
	Deuterium	Urey *	Mỹ
	Trung-hoà-tử	Chadwich *	Anh
	Dương điện-tử	Anderson *	Mỹ
	Cấu-tạo nhân-tử	Heisenberg *	Đức
1934	Đồng-vị nhân-tạo	Joliot * Irène * Curie	Pháp
	Lý-thuyết tia beta	Fermi *	Ý
1935	Phương-pháp trùng-thì	Bothe *	Đức
	đo phóng-xạ	Von Baeyer	
	Thuyết Meson	Yukawa	Nhật
1936	Thuyết nhân-tử	N. Bohr	Đan-Mạch

* Những người có giải thưởng Nobel.

Năm	Khám phá, phát minh	Người khám-phá	Nơi khám-phá
1937	Mu-meson trong vũ-trụ tuyến	Neddemeyer và Anderson *	Mỹ
1938	Đo từ-tính của nhân	Rabi *	Mỹ
1939	Đo phân-hạch	Hahn * và Strassmann	Đức
1940	Neptunium và Plutonium	Seaborg *	Mỹ
1941	Betatron	Kerst	Mỹ
1942	Lò phản-ứng nguyên-tử	Fermi *	Mỹ
1944	Synchrotron	Veksler, M. Millan	Mỹ
1945	Bom nguyên-tử	Mỹ	Mỹ

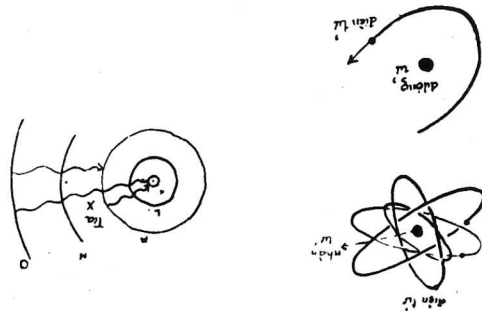
3. Giai-đoạn thứ ba : Nguyên-tử-năng phục-vụ con người.

Giai-đoạn này cũng thường gọi là thời-đại nguyên-tử, bắt đầu từ khi Fermi hoàn-thành phản-ứng phân-hạch dây chuyền lần đầu tiên năm 1942. Đây là thời-kỳ con người chế-ngự được năng-lượng nguyên-tử phân-hạch và khai-thác được một phần nào năng-lượng nguyên-tử hợp-nhân để dùng vào các mục-tiêu chiến-tranh hoặc hòa-bình. Các biện-cố quan-trọng trong thời-kỳ này là :

- 1945 Bom nguyên-tử phá hoại Hiroshima và Nagasaki
- 1952 Bom khinh-khí
- Điện-lực nguyên-tử (Nga)
- 1953 Mỹ khởi xướng phong trào Nguyên-tử Phụng-sự Hòa-bình tại Liên-Hiệp-Quốc
- 1954 Tàu ngầm nguyên-tử Nautilus (Mỹ)
- 1955 Hội-nghị lần thứ nhất về Ứng-dụng Hòa-bình của Nguyên-tử-năng (Liên-Hiệp-Quốc)
- 1957 Nguyên-tử-lực Cục Quốc-tế thành-lập
- 1958 Hội-nghị lần thứ hai về các Ứng-dụng Hòa-bình của Nguyên-tử-năng (Liên-Hiệp-Quốc)
- Tàu phá băng Lénine (Nga)
- 1959 Tàu buồm nguyên-tử Savannah (Mỹ)
- Tàu ngầm nguyên-tử bán hóa-tiên (Mỹ)
- 1961 Bình điện nguyên-tử dùng trong vệ-tinh (Mỹ)
- 1962 Nhà máy điện nguyên-tử tại Nam-Cực (Mỹ)

1964 Hội-nghị lần thứ ba về các Ứng-dụng Hòa-bình của Nguyên-tử-năng (Liên-Hiệp-Quốc).

Ngày nay ta biết rằng vật-chất trong vũ-trụ do hơn 100 nguyên-tố hóa-học tạo-hành. Mỗi nguyên-tố có một phần-tử nhỏ nhất mang đầy-đủ đặc-tính của nguyên-tố đó. Vậy vật-chất có hơn 100 loại nguyên-tử khác nhau. Nguyên-tử gồm một nhân ở giữa chứa dương-tử và trung-hòa-tử. Chung quanh âm có các âm-điện-tử xoay trên quỹ-đạo với vận-tốc rất nhanh.



Hình 1. Cấu-tạo của nguyên-tử

Nhân Bán-kính khoảng 10^{-12} cm, chứa dương-tử (nặng 1 amu, có +1 esu điện) và trung-hòa-tử (nặng 1 amu, không có điện).

Điện-tử Rất nhẹ (1/1840 trọng-khối của nhân), quanh trên quỹ-đạo quanh nhân như trái đất quay quanh mặt trời, có điện-âm (-1 esu cho mỗi điện-tử).

II. Nguồn-gốc của nguyên-tử-năng

1. **Vật-chất và năng-lượng.** Trước thế-kỷ XX các nhà khoa-học đều tin rằng vật-chất là những thứ có trọng-khối và tính-y (quán-tính), còn năng-lượng là những thứ có sức mạnh làm việc. Hai thứ đó hầu như khác nhau hoàn-toàn, cũng như thời-gian và không-gian khác nhau. Thế mà năm 1905 Einstein nêu ra thuyết tương-đối nói về liên-quan giữa vật-chất và năng-lượng, thời-gian và không-gian. Einstein nói vật-chất chỉ là một

trạng-thái tĩnh của năng-lượng cũng như nước đá là trạng-thái đặc của nước. Theo Einstein vật-chất có thể biến thành năng-lượng và ngược lại năng-lượng có thể biến thành vật-chất. Chúng tương-quan với nhau bằng công-thức:

$$E = mc^2$$

trong đó E là năng-lượng tính bằng erg (10^{-7} joule), m là trọng-khối tính bằng gram và c là vận-tốc của ánh sáng.

Bảng 1

ALBERT EINSTEIN

Sinh	1879 tại Ulm, Đức
Mất	1955 tại Princeton, Mỹ
Thọ	76 tuổi
Nobel	1921 về "Các khảo-cứu thuần-lý và đặc-biệt về hiện-tượng quang-điện"
Nổi tiếng	Thuyết tương-đối Chuyển-động Brown Hiện-tượng quang-điện Nhân-sinh-quan
Viết	Rất nhiều tờ trình khoa-học, rất nhiều sách khoa-học và nhân-sinh.

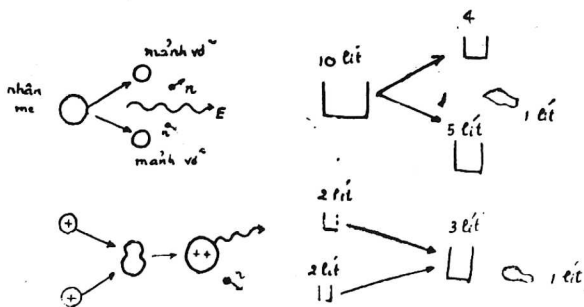
Vậy một gram vật-chất tương-đương với :

$$E = 1 \text{ (gm)} \times (3 \times 10^{10} \text{ cm/see})^2 = 9 \times 10^{20} \text{ erg} \\ = 9 \times 10^{13} \text{ joules.}$$

Năng-lượng này có thể dùng thắp sáng 3000 ngọn đèn 100 watts trong 10 năm liên-tiếp.

Mặc dầu vật-chất chứa năng-lượng nhiều như vậy nhưng không phải là ta có thể khai-thác một cách dễ-dàng. Ta có thể khai-thác một phần li-ti khối năng-lượng khổng-lồ đó bằng những tiêu-xảo mà ta gọi là "phương-pháp khoa-học". Những tiêu xảo này dựa trên hai khám-phá quan trọng về tính-chất của các nhân-tử. Các nhân-tử nặng như uranium, plutonium không được "bó chắc" cho lắm nên có thể vỡ thành hai mảnh. Tổng-số trọng-khối của hai mảnh vỡ (hai nhân-tử khác) nhỏ hơn trọng-khối của nhân-tử mẹ. Sự sai-biệt về trọng-khối tự-động biến-thành năng-lượng dưới các dạng cơ-năng, xạ-năng và nhiệt-năng. Đó là năng-lượng

nhân-tử phân-hạch. Mặt khác, các nhân-tử nhẹ như hy-rô, deuteron dưới sức nóng hàng triệu độ có thể hợp lại với nhau thành một phân-tử khác. Trọng khối của nhân-tử này nhỏ hơn tổng-số trọng-khối của hai nhân-tử kết-tạo, và sự sai-biệt về trọng-khối cũng tự-động biến-thành năng-lượng theo công thức của Einstein. Đó là năng-lượng nhân-tử hợp-nhân.

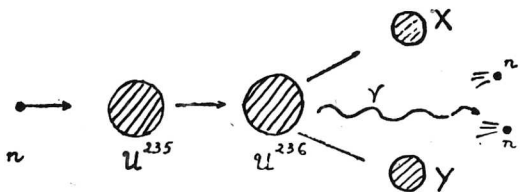


Hình 2. Điện-hình hiện-tượng phân-hạch và hợp-nhân

Sau đây chúng ta sẽ xét hai hiện-tượng này một cách chi-tiết hơn.

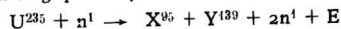
2. Hiện-tượng phân-hạch. Nhân-tử uranium hay plutonium hấp-thụ một hạt trung-hòa-tử rồi "chịu không nổi" và vỡ ra làm hai mảnh không đều gọi là những mảnh vỡ. Những mảnh vỡ đều có tính-chất phóng-xạ, phát ra các tia beta, gamma... trước khi trở về trạng-thái của nhân-tử vững bền. Năng-lượng của sự phân-hạch rất lớn, do một phần trọng-khối biến-thành theo công thức của Einstein.

Ta có thể biểu-diễn lược-đồ của sự phân-hạch trong hình 3.



Hình 3. Lược đồ sự phân-hạch

và viết phản-ứng phân-hạch :



Phản-ứng trên chỉ có tính-cách tương-trung và hai mảnh vỡ X và Y có thể có trọng-khối từ 80 đến 150 amu tùy trường-hợp. Hơn nữa, có những phản-ứng phát ra hai hạt trung-hòa-tử, có những phản-ứng phát ra ba hạt, hoặc ít hoặc nhiều hơn cũng tùy trường-hợp. Tính đồ-đồng một sự phân-hạch nhân uranium-235 phát ra 2,5 hạt trung-hòa-tử, một sự phân-hạch nhân plutonium-239 phát ra ba hạt trung-hòa-tử.

Bất-cứ trường-hợp nào, dù X và Y có thay đổi đến đâu thì nguyên-lý bảo-toàn năng-lượng và trọng-khối vẫn được tôn-trọng. Nghĩa là phản-ứng phân-hạch phải có trọng-khối chẵn (tính bằng amu) cân bằng ở hai vế của phương-trình. Năng-lượng trước và sau phản-ứng cũng phải được bảo-toàn.

Thí-dụ trong phản-ứng trên :

Bảo-toàn trọng-khối chẵn : $235 + 1 = 95 + 139 + 2$ (amu)

Bảo-toàn năng-lượng : $E(U^{235}) + E(n) = E(X) + E(Y) + E(2n) + E$

Năng-lượng E phát ra dưới các dạng động-năng, quang-năng, nhiệt-năng vân vân... do sự sai-biệt về trọng-khối tính lẻ biến-thành. Các phép đo chính-xác đã cho biết :

Trọng-khối $U^{235} = 235,124$ amu

Trọng-khối $X^{95} = 94,945$ amu (molybdenum)

Trọng-khối $Y^{139} = 138,955$ amu (lanthanum)

Trọng-khối $n^1 = 1,009$ amu

Số lượng trọng-khối biến-thành năng-lượng trong phản-ứng trên là:

$$\begin{aligned} \Delta m &= (U^{235} + n^1) - (X^{95} + Y^{139} + 2n^1) \\ &= (235,124 + 1,009) - (94,945 + 138,955 + 2,018) \\ &= 0,215 \text{ amu.} \end{aligned}$$

Công-thức $E = mc^2$ cho ta : $1 \text{ amu} = 1.67 \times 10^{-24} \text{ gm} = 931 \text{ Mev.}$

Vậy năng-lượng do phản-ứng phân-hạch đặc-biệt trên phát ra là :

$$E = \Delta m \times 931 = 198 \text{ Mev.}$$

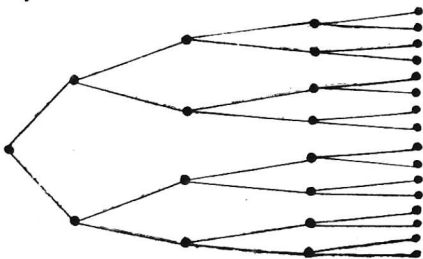
Phép tính trên chỉ có tính-cách đại-lượng nhưng cũng có thể tương-trung cho tất cả các hiện-tượng phát năng-lượng của sự phân-hạch. Trung bình một hiện-tượng phân-hạch của nhân uranium phát ra 200 ± 6 Mev. Năng-lượng này được chia ra như sau :

Bảng II

Sự phân-phối năng-lượng phân-hạch uranium

Các hình-thức	Năng-lượng (Mev)
Động-năng của các mảnh vỡ	160 ± 5
Tia Gamma	5 ± 1
Động-năng của các trung-hòa-tử	5 ± 0.5
Tia Beta của các mảnh vỡ	6 ± 1
Tia Neutrino	10
Cộng.....	201 ± 6

Đứng trên phương-diện muốn sử-dụng năng-lượng của sự phân-hạch, nghĩa là chế-ngự năng-lượng ấy tùy sở-thích, ta cần chú-ý đến các trung-hòa-tử do sự phân-hạch phát ra. Người ta làm chậm các trung-hòa-tử này lại bằng các chất giảm hoạt như graphite, nước... để chúng có thể giờ tác-dụng với các nhân nguyên-tử uranium khác. Đây là hiện-tượng phân-hạch liên-hoàn hay dây chuyền (hình 4).

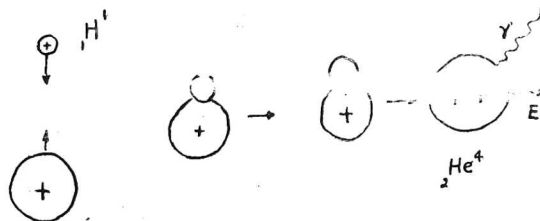


Hình 4. Lược-đồ hiện-tượng phân-hạch dây chuyền

3. Hiện-tượng hợp-nhân. Mặt trời chỉ là một vì sao nhỏ trong vũ-trụ, vậy mà đã phát ra những số năng-lượng khổng-lồ cả tỉ năm nay. Trái đất xa mặt trời tới 150 triệu cây số mà cũng nhận được tới $3,5 \times 10^{23}$

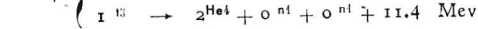
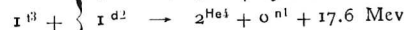
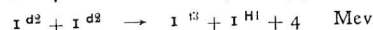
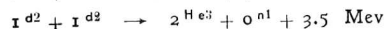
joules quang-năng trong mỗi giây đồng hồ, đủ cho thế-giới dùng trong 10.000 năm nếu có thể chế-ngự hoàn-toàn năng-lượng đó (hiện tại mỗi năm thế-giới dùng khoảng $2,52 \times 10^{19}$ joules năng lượng). Vậy năng-lượng đó mặt trời lấy ở đâu ra ? Thưa rằng đó là do những phản-ứng nhiệt nguyên-tử (réactions thermonucléaires) cũng thường gọi là hiện-tượng hợp-nhân (fusion).

Hiện-tượng hợp-nhân xảy ra khi hai nhân-tử nhẹ bay thật nhanh (để vượt sức đẩy của điện) đụng vào nhau rồi hợp thành một nhân-tử khác (hình 5). Tổng-số trọng-khối hai nhân-tử lớn hơn trọng-khối nhân-tử đồng hợp và sự chênh-lệch về trọng-khối biến-thành năng-lượng. Bất-cứ nhân-tử nào nhẹ hơn sắt đều có tính-chất hợp-nhân phát-năng trên, nhưng khi các nhân-tử càng nặng thì sức đẩy của điện càng nhiều và sự gần nhau càng khó. Vì vậy người ta chỉ chú-ý đến những chất nhẹ nhất là khinh-khí deuterium và tritium để thực-hiện các phản-ứng nhiệt nguyên-tử.



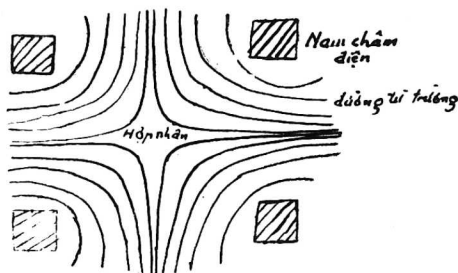
Hình 5. Lược-tả hiện-tượng hợp-nhân

Phản-ứng hợp-nhân căn-bản nơi những chất nhẹ là :



H^3 là tritium, cũng còn viết là H^3 , d^2 là deuterium, cũng còn viết là H^2 .

Muôn hai nhân-tử điện dương lại gần được nhau chỉ có một cách duy nhất là "nấu" chúng thật nóng để chúng bay với một tốc-độ thật nhanh. Nhiệt-độ cần thiết để gây nên phản-ứng nhiệt nguyên-tử lên tới hàng trăm triệu độ, nóng bằng hay hơn nhiệt-độ tại trung-tâm mặt trời. Với nhiệt-độ này không có chất gì còn chịu nổi mà không bốc thành hơi. Vì vậy lò hợp-nhân phải có những bức tường siêu vật-chất, gây ra bởi từ-trường và điện-trường (hình 6).



Hình 6. Nguyên-tắc lò hợp-nhân

Khi các phản-ứng nhiệt nguyên-tử xảy ra, sự hợp-nhân ngay một tăng-gia theo phản-ứng dây chuyền. Mỗi sự hợp-nhân phát ra nhiệt, nhiệt này làm lò nóng thêm, và vì nóng thêm nên nhiều phản-ứng khác xảy ra. Hiện-tượng tiếp-tục như thế mãi để tạo-thành những số năng-lượng kích sù. So với sự phân-hạch (0,1% trọng-khối biến-thành năng-lượng), sự hợp-nhân phát ra nhiều năng-lượng hơn (0,7% trọng-khối biến-thành năng-lượng). Hơn nữa, nhiên-liệu nhiệt nguyên-tử là deuterium trong nước biển, có rất nhiều và rất rẻ. Vì vậy nhiệt nguyên-tử sẽ là nguồn năng-lượng tiềm-tàng nhất cho loài người trong tương-lai.

Hiện nay năng-lượng hợp-nhân mới được dùng vào các mục-dịch phá-hoại (bom khinh-khí) vì chưa có phòng thí-nghiệm nào trên thế-giới duy-trì được một phản-ứng nhiệt nguyên-tử lâu dài theo ý muốn. Trong kỳ hội-ngộ lần thứ ba về các Áp-dụng-Hòa-bình của nguyên-tử-năng, các nhà khoa-học toàn thế giới đồng ý rằng trong giai-đoạn hiện tại, còn rất nhiều yếu-tố kỹ-thuật cần phải giải-quyết để mong chế-ngự năng-lượng hợp-nhân.

II. Xạ-tuyến và phóng-xạ

1. *Phóng-xạ là gì?* phóng-xạ là hiện-tượng nhân nguyên-tử phát ra các xạ-tuyến. Các xạ-tuyến này bay nhanh, mang theo năng-lượng, vì vậy các xạ-tuyến cũng là một hình-thức của nguyên-tử-năng. Khi bị cản lại, động-năng của xạ-tuyến được biến-thành nhiệt.

Có nhiều loại xạ-tuyến. Các xạ-tuyến từ-điện như tia gamma, tia X không có trọng-khối, truyền đi theo hình sóng với vận-tốc của ánh sáng. Năng-lượng của chúng có hệ $E = h\nu$, trong đó h là hằng-số Planck ($6,62 \times 10^{-34}$ joule sec) và ν là tần số ba-động (cycle/sec). Muốn cản các xạ-tuyến từ-điện, nhất là các xạ-tuyến cao năng ta phải dùng những lớp cản thật dày và thật nặng (như chì).

Các xạ-tuyến hạt-tử là các hạt vật-chất bay nhanh như tia dương-tử, tia trung-hoà-tử, tia alpha, tia beta. Năng-lượng của chúng là động-năng, tính bằng công-thức $E = \frac{1}{2}mv^2$ khi vận-tốc không cao quá. Nếu vận-tốc v khá cao mà m nhỏ (như trường-hợp tia beta) động-năng là E tính theo công-thức:

$$E = m_0c^2 \left(\frac{1}{\sqrt{1 - \beta^2}} - 1 \right); \beta = \frac{v}{c}$$

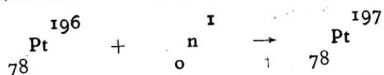
trong đó m_0 là trọng-khối của hạt-tử ở trạng-thái-tĩnh.

Các xạ-tuyến hạt-tử có mang điện như tia dương-tử, tia alpha, tia beta đã bị cản lại vì hiện-tượng tạo iông của chúng khi đi qua vật-chất. Xạ-tuyến trung-hoà-tử rất khó cản lại vì chúng không tác-dụng với vật-chất một cách dễ dàng. Các chất nhẹ như nước, nên được dùng để cản các tia trung-hoà-tử, dựa vào các tính-chất giảm-tốc bằng sự đụng độ của các tia trung-hoà-tử với các nhân-tử nhẹ

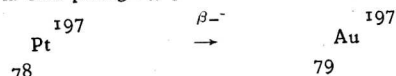
Dựa theo tính-chất của các xạ-tuyến khi tác-dụng với vật-chất người ta chế ra các xạ-kế để dò chúng. Xạ-kế Geiger-Muller dò beta, xạ kế nhấp-nháy dò gamma, và tia x, xạ-kế tỉ-lệ dò trung-hoà-tử là một vài ví-dụ.

Chất phóng-xạ hay đồng-vị phóng-xạ là những chất có nhân-tử phát ra xạ-tuyến. Các chất phóng-xạ có thể ở trạng-thái thiên-nhiên như uranium, radium (phát ra tia alpha) nhưng hầu hết các đồng-vị phóng-xạ ngày nay đều là nhân-tạo. Người ta dùng các máy gia tốc, lò phân-ứng nguyên-tử để chuyển-hoàn các chất đồng-vị vững bền thành những đồng-

vị khác có tính-cách phóng-xạ. Thí-dụ, đặt chất platinum-196 vững bền vào lò nguyên-tử, ta điều-chế được platinum-197 theo phản-ứng:



Platinum là chất phóng-xạ, phát ra tia beta âm để biến-thành vàng:



Các đồng-vị phóng-xạ đặc-biệt ích-lợi trong các công-cuộc khảo-cứu, vì người ta có thể định rõ vị-trí và phân-lượng của chúng dù có bé nhỏ đến đâu. Tại Trung-tâm Nghiên-cứu Nguyên-tử Đà-Lạt, nhiều đồng-vị phóng-xạ đặc-biệt hữu-ích đã có thể điều-chế bất cứ lúc nào, ví-dụ Na-24, P-32, Cr-51, Br-82, I-131 và các chất khác. Những chất này đã được dùng tại Việt-Nam để làm các khảo-cứu trong y-học, canh-nông, sinh-vật, khoáng-vật, thủy-tinh và các ngành khác.

2. Ảnh-hưởng của xạ-tuyến. Xạ-tuyến có những ích-lợi đặc-biệt không thể có thứ gì bì kịp trong các ngành khảo-cứu, nhưng hầu hết các ảnh-hưởng tai-hại của nguyên-tử đều do xạ-tuyến gây ra. Chúng ta sẽ xét qua một vài ảnh-hưởng tai-hại của xạ-tuyến trước khi đề-cập những ích-lợi chúng có thể mang lại.

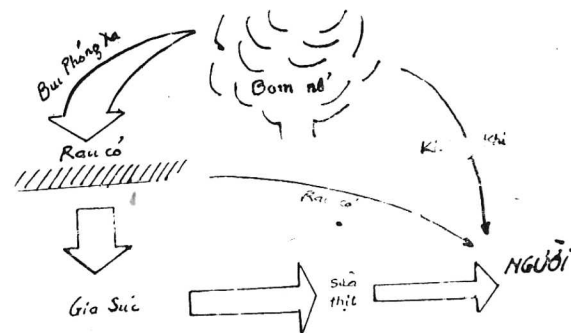
Trong vòng một năm sau khi Roentgen khám-phá tia X (1895) người ta đã nhận thấy ảnh-hưởng tai-hại của xạ-tuyến. Những người điều-khien phòng rọi kiến dần dần bị ốm, tay bị cháy xám và sưng phồng. Kế đến những người thích thú với sự khám-phá chất radium, thường mang những vật chứa radium trong túi. Có người bị đau nặng tới chết. Với những kinh-nghiệm đó, từ đầu thế-kỷ này, người ta đã bắt đầu khảo-cứu ảnh-hưởng của xạ-tuyến đối với con người.

Đơn-vị ảnh-hưởng của xạ-tuyến roentgen. Tùy theo lượng phóng-xạ nhiều hay ít mà sự nguy hại nặng hay nhẹ. Tất cả mọi sinh vật sẽ chết tức-khắc nếu bị một lượng phóng-xạ một triệu roentgen (như trung-tâm lò phản-ứng nguyên-tử), lượng phóng-xạ trên 500 roentgen làm cho tế-bào hủy-hoại, sưng phồng và chảy nước. Con người sẽ chết từ vài giờ đến vài tháng.

Khi tế-bào bị phóng-xạ, sự hư hại có tính-cách nhục thể hay di-truyền. Khi tế-bào bị thương trên phương-diện thể-chất, tế-bào đó có thể chậm lớn, mất tính-cách phân bào, hoặc biến thể hoặc tan rữa. Khi tế-bào

bị thương trên phương-diện di-truyền, các đặc-tính thuần-túy của tế-bào bị thay đổi đôi chút, gây một vài ngẫu biến khiến những tế-bào con trở nên quái-dị. Đó là trường-hợp phóng-xạ gây ung-thư máu, ung-thư xương ung-thư thịt. Khi các tế-bào sinh-dục bị phóng-xạ, các hiện-tượng quái-thai xảy ra. Có một vài quái-thai tỏ ra tốt hơn cha mẹ chúng, như trường-hợp các cây cỏ mới có khả-năng sản-xuất rất cao do phóng-xạ tạo ra, nhưng phần lớn các quái-thai nơi động-vật, thực-vật do phóng-xạ gây ra đều xấu trái với mức sống bình-thường.

Bụi phóng-xạ là danh-từ mới được đặt ra sau khi có võ khí nguyên-tử. Danh-từ này chỉ-định những mảnh vụn, những bụi bặm chứa chất phóng-xạ tạo ra khi một quả bom nguyên-tử nổ. *Khi bom nổ trong khí-quyển, một số lớn nhiệt phát ra rất nhanh, làm vật-chất xung quanh bốc thành hơi, gây áp-suất rất lớn. Quá nửa sự thiệt-hại về sinh-mạng và tài-sản ở Hiroshima và Nagasaki (450.000 người chết 270.000 nhà cửa bị hư hại) là do nhiệt và áp-suất ghê gớm này. Đồng-thời với sự truyền nhiệt và áp-suất đi tứ phía, chất hơi có chứa nhiều hạt vật-chất mang phóng-xạ cũng theo gió mà rải-rác mà đi khắp nơi. Chất hơi này dần dần nguội đi, đọng lại thành các hạt nhỏ, và theo nước mưa và gió mà rơi xuống mặt đất, làm nhiễm-xạ không-khí, cây cỏ thảo-mộc, khi con người thở không-khí nhiễm xạ hoặc ăn rau quả có dính bụi phóng-xạ, hoặc uống sữa bò ăn phải cỏ có bụi phóng-xạ, con người mang các chất phóng-xạ đó vào cơ-thể.



Hình 7. Lược-tả sự xâm-nhập của bụi phóng-xạ vào người

Các chất phóng-xạ nguy-hại nhất trong bụi phóng-xạ là iodine-131, strontium-90, strontium-89, cesium-137 và carbon-14. Chất iodine-131 có bán sinh ngắn thành cũng đờ, chi nguy-hiêm trong những ngày đầu kế-tiếp bom nổ mà thôi. Chúng có đặc-tính là khi vào cơ-thể rồi thì tụ-tập ở các hạch giáp trạng nơi cổ và vì xạ-tuyến phát ra rất mạnh nên cả hạch đó có thể bị hư-hại, gây nguy hại đến tính-mạng. Chất strontium, cesium và calcium phóng-xạ theo thực-phẩm vào tụ-tập trong xương, gây bệnh ung thư xương.

Mặc dầu với những nguy hại đó do phóng-xạ gây ra, các nhà chuyên-môn cho rằng mức-độ phóng-xạ ngày nay con người bị nhiễm nhiều hơn thời xưa nhưng không nhiều hơn bao nhiêu (Trung bình 9,5 roentgen trong xương so với 9,0). Trừ trường-hợp có chiến tranh nguyên-tử toàn-diện, tai hại do các cuộc thử bom gây ra hãy còn ít. Hiện nay các chính-phủ trên hoàn-cầu đặc-biệt quan-tâm với vấn-đề kiểm-soát phóng-xạ. Các cơ-quan kiểm-soát phóng-xạ đã được lập ra để kiểm-soát phóng-xạ và đề-nghị các biện-pháp đề-phòng. Năm 1961, Mỹ và Nga ký thỏa-ước ngưng thí-nghiệm vũ-khí nguyên-tử trong khí-quyền. Thỏa-ước này được hầu-hết các quốc-gia khác hưởng-ứng.

Các lò phản-ứng nguyên-tử, các nhà máy biến-chè nhiên-liệu phóng-xạ, các cơ-sở nguyên-tử như tàu buôn, hòa-tiên cũng có thể gây tai hại cho người làm việc nói riêng và đại-chúng nói chung. Nhưng khi lập các cơ-sở đó, nhiều biện-pháp đề-phòng đã được áp-dụng rất chặt-chẽ. Kinh-nghiệm của hơn mười năm của các nhà máy nguyên-tử cho ta biết những tai-nạn về nghề-nghiệp không đáng kể, và những tai-nạn xảy ra cho đại-chúng không có gì. Các nhà chuyên-môn tin-tưởng tính-cách an-toàn của các con số nguyên-tử một cách hoàn-toàn.

(còn tiếp)

phụ-trương

JUDITH M. WALLACE

Katu personal pronouns

0. Introduction
1. Components of Pronouns
2. Description of Animate Pronouns
3. Inanimate Pronoun
4. Locational Pronouns
5. Pronoun Expansions
6. Syntactic Functions of Pronouns
7. Other Pronoun Forms

0. Introduction

The purpose of this paper is to present the personal pronoun system of Katu¹. There are eleven regular pronouns in Katu, as shown on chart 1, divided by number (singular, dual, and plural) and person (first, first-second, second, and third). The first-second person (first person inclusive) occurs only in dual and plural.

Of particular interest is the way that the dual and plural pronouns can be broken down into meaningful components (see sec. 1). Also noteworthy is the use of affixed locational words as personal pronouns (sec. 4).

A personal pronoun in Katu is a word which can generally be used in place of a noun while retaining the meaning of the noun. It functions syntactically like a noun, with the following restrictions. A pronoun cannot

¹ Katu [kətu] is a member of the Mon-Khmer language family and is spoken by an estimated thirty thousand people in Quang-Nam province of Vietnam.

I am indebted to David Thomas and Richard Watson for their help in the analysis and writing of this paper. Dinh Voiq Kiméët, my Katu language teacher, has been the source of nearly all the Katu language material in this paper.

be possessed. It cannot be modified by adjectives as nouns can. A pronoun cannot occur in the complement position of an equational expression.

1. Components of Pronouns.

As we examine the eight forms of the Kату dual and plural pronouns, it becomes apparent that they are composed from seven components as shown in chart 2.

	Singular	Dual	Plural
1st person	ku/dai	yra	yi
1st-2nd person		nhang	he
2nd person	mai	nhura	pe
3rd person	(dó) ²	nhi (dó)	pi (dó)

Chart 1. Regular Animate Pronoun Forms

	Dual		Plural	
1st	y	ura	y	i (e)
1st-2nd	nh	ang	h	e
2nd	nh	ura	p	e
3rd	nh	i	p	i (e)

Chart 2. Pronoun Components

nh- marks dual and is present in all dual forms except first person.³

2 In this paper, symbolization generally follows Vietnamese orthography with these exceptions *q* indicates a final glottal stop

ḃ and *ḍ* indicate preglottalized *b* and *d* respectively.

d indicates a simple voiced alveolar stop.

doubled vowels indicate length.

The vowel phonemes of Kату are (high to low): front *i, ɛ, e*; central *u, ɔ, ʌ, a*; back *u, ɔ, ɔ̄, ó*. All vowels can be long or short. (See J. M. Wallace, 'Kату Phonemes', to be published.)

3 Sandra K. Watson, 'Personal Pronouns of Pacóh', in *Mon Khmer Studies I*, Saigon, 1964. *nh-* also marks dual and *-e* marks plural in the pronouns of Pacóh. This article was very helpful because of the many similarities between Pacóh and Kату.

- e. marks plural and is present in all four plural forms. *-e* morphophonemically becomes *-i* in first person and third person (see *y-* and *-i* below).
- y-* marks first person in both dual and plural forms. This initial *y-* is apparently the conditioning factor causing the *-e* 'plural' in the expected *'ye* 'first person plural' to become *-i*, forming *yi*.
- i* marks third person in both dual and plural forms. The vowel *-i* in the plural form is apparently a portmanteau from the *-e* plural and *-i* third person components. The expected **pei* becomes *pi*.
- p-* marks non-first persons in the plural.
- ra* marks in dual number the inclusion of* a third person either with first or with second person, i.e. 'he and I' or 'he and you'.
- ang, them* are unique components marking first-second person in dual and plural respectively.

2. Description of Animate Pronouns.

The term 'animate' is used here to refer to humans and animals and to exclude plants and non-living objects. (cf. secs. 3.4)

- ku* 'I' (first person singular). *ku chō* 'I return'. *ku* has a less used allomorph *dai* which can occupy any place *ku* can. *dai chō* 'I return'. The function of *dai* is not yet clear but may be to focus attention on the speaker. It is often but not always used in quotation.
- mai* 'you' (second person singular). *mai chō* 'you return'.
- dó* 'he, she, or it' (third person singular). *dó chō* 'He, she, or it returns'. Because *dó* functions somewhat differently from the other animate pronouns, it is charted in parentheses on chart 1. Besides functioning as a simple pronoun, *dó* also occurs frequently in complex pronouns with *nhi* and *pi*, resulting in *nhi dó* 'those two' and *pi dó* 'they (plural)'.
yra 'I and someone else' (first person dual) *yra chō* 'He and I return'.
nhang 'I and you' (first second person dual). *nhang chō* 'You and I return'.
nhura 'you and someone else' (second person dual). *nhura chō* 'You and he return'.
nhi 'he (she or it) and someone else' (third person dual). *nhi dó chō* 'Those

two return'. *nhi* is a bound pronoun and the limitations on its occurrence are discussed below.

- yi* 'I and others' (first person plural). *yi chō* 'We (I and others) return'.
- he* 'I, you', and one or more others' (first-second person plural). *he chō* 'We (I, you, and others) return'.
- pe* 'you and others' (second person plural). *pe chō* 'You and others return'.
- pi* 'he (she or it) and others' (third person plural). *pi dó chō* 'They return'. *pi* is a bound pronoun.

The two pronouns *nhi* 'third person dual' and *pi* 'third person plural' are bound to *dó*, the third person singular form, forming the complex pronouns *nhi dó* 'they two' and *pi dó* 'they plural'. When *nhi* or *pi* occurs in subject position, *dó* can be omitted, but it is not possible to focus on the pronoun or to extract it from the clause without restoring *dó*. *nhi* and *pi* cannot take normal pronoun expansions in their contracted (without *dó*) forms.

ḥoor 'two' can replace *dó* after *nhi* 'third person dual' and act the same as *dó*. *nhi dó*, *nhi ḥoor* 'they two'. This is the only occurrence of a number functioning in this way.

3. Inanimate Pronoun.

dó is the only one of the above pronouns which can be used in referring to plants or non-living objects and it can be used indiscriminately for both singular and plural number. *puan nlóng yaal* 'four trees (are) tall' can be replaced by *dó yaal*. Although plural is not usually distinguished from singular in inanimate pronouns, it can be shown by the use of *nôq*, a general pluralizer. *nôq dó yaal* 'They (are) tall.'

4. Locational Pronouns.

Locational pronouns are locational words, such as *di* 'here' and *dek* 'there (nearby)', which when affixed can function in the place of third person pronouns. To do this, they are prefixed by *a-*. If nothing further is added, the *a-* form is singular. *adi* 'this one (here)'. For dual or plural number, the singular *a-* prefixed form is further prefixed by *nh-* or *p-*, the dual and plural pronoun components, forming *nhadi* 'these two

or *padi* 'these (plural)'. Plural can also be shown by using *nôq* 'plural' (sec. 5) before the singular form, as *nôq adi* 'these (plural).'

di 'here.'

adi chō 'he (she or it) (here) returns.'

nhadi chō 'These two (here) return.'

padi chō 'They (here) return.'

nôq adi chō 'They (here) return.'

dek 'there (nearby)'

adek chō 'He (she or it) (there) returns.'

nhadek chō 'Those two (there) return.'

padek chō 'They (there) return.'

nôq adek chō 'They (there) return.'

The singular form of locational pronouns can be used for plural non-human referents. 'Non-human' includes animals, plants, and non-living objects. (This is different from the animate-inanimate distinction in regular pronouns which groups animals and humans in the same category (sec. 3).)

puan jong gamak 'Four back-baskets (are) large.'

adi gamak 'These (are) large.'

Although number is not usually distinguished for non-human locational pronoun forms, it can be specified by a preceding numeral. This also contrasts with the inanimate regular pronoun which can show number only by the use of the pluralizer *nôq*.

puan adi gamak 'These four (are) large.'

The locational words which function like *di* and *dek* that have been found so far are:

di, dik 'here'

dek 'there (nearby)'

tôôh, tôk 'there, level with the speaker'

têêh, chik 'there, upward from the speaker'

chooh, chok 'there, downward from the speaker'

5. Pronoun Expansions.

Possible expansions of the animate and locational pronouns are given

in the following maximum formula: (Inanimate and locational non-human pronouns can be expanded only as given in secs. 3,4.)

± number	± classifier	± focus	± pronoun	± specific referent
<i>pe</i>	<i>nak</i>	<i>a-</i>	<i>yi</i>	<i>adi ano</i>
three	(person cl.)	(focus)	we	brothers sisters

'we three, brothers and sisters.'

(a) The *number* slot can be filled by numerals, *bət* 'all', or *ʃək* 'many'.

pe yi 'we three'

bət yi 'all of us'

ʃək yi 'many of us'

ʃək 'many' may be expanded by intensifiers *long* or *kuaq*.

ʃək long yi 'very many of us'

ioək kuaq yi 'very many of us'

(b) The *classifier* slot can be filled by *nak* 'person classifier' or *panong* 'animate classifier'. Classifiers are used only after numerals and *ʃək* 'many', but not after *bət* 'all'. They are not obligatory and do not alter the meaning.

pe nak yi 'we three'

ʃək nak yi 'many of us'

pe panong pi dō 'three of them (animals)'

(c) The *focus* slot can be filled by *a-* 'focus marker' or *nōq* 'plural'. *a-* 'focus marker' can occur as a prefix on any pronoun in any syntactic usage and will mark that pronoun as the center of attention or focus of the sentence.

ayi 'we'

ayi chō 'we (emphasized) return'

anuq chō leq ayi 'the dog returned with us (emphasized)'

nōq 'pluralizer' can optionally precede plural pronoun forms, possibly indicating emphasis. It never precedes an *a-* prefixed pronoun form except an *a* prefixed locational pronoun.

nōq yi 'we (emphasized plural)'

nōq dō 'they (emphasized plural for either animate or inanimate)'

nōq adi 'they'

nōq can also be used before a person's name or *mzi* 'second person singular' with the meaning of 'that person and his group (family, friends, or those with him)'.

nōq Kimêêt 'Kimêêt and his group'

nōq mai 'you and your group'

(d) *Specific referent* specifies more precisely the individuals being referred to by the pronoun. It can be filled by a noun or pronoun phrase or a *du* phrase and can occur after any pronoun. The *du* phrase can contain adjectives but these are referents, not modifiers.

yi, adi ano, chō 'we, brothers and sisters, return'

dō, du yaal, chō 'he, the tall one, returns'

dō, du plak yung, chō 'he, the one who broke his foot, returns'

With two pronouns, *nhura* 'you and someone else' and *yra* 'I and someone else', the specific referent can specify both the individuals included or only the 'someone else'.

nhura, mai Kimêêt, chō 'you two, you and Kimêêt, return'

nhura, Kimêêt, chō 'you two, (you and) Kimêêt, return'

6. Syntactic Functions of Pronouns.

(a) Pronouns can be the subject of the verb. *dō leng manuih* 'He killed the man'.

(b) Pronouns can be the object of the verb. *manuih leng dō* 'The man killed him'.

(c) Pronouns can be the object of a preposition, *manuih chō leq dō* 'The man returned with him'.

(d) Pronouns can be possessors. *manuih dō* 'his person' (his wife); *akoon mai* 'your child'.

(e) Pronouns can be the subject of a noun or modifier complement. *dō manuih* 'he (is) a man'; *dō yaal* 'he (is) tall'.

(f) Pronouns can replace the names in the following relationship idioms;

harau Krêp diq Kimêêt 'What is Krêp's relationship to Kimêêt?' (lit. what Krêp to Kimêêt).

harau dó diq mai 'What is her relationship to you?' (lit. what she to you).

Krêp, ama diq Kimêêt 'Kimêêt is Krêp's father.' (lit. Krêp father to Kimêêt).

dó, ama diq ku 'I am her father.' (lit. she, father to I).

(g) Prestatement of the pronoun subject, with a temporal or adverbial element between the two occurrences of the pronoun subject.

yi, ɸoor pe jaal yi chô 'We, two or three times we returned'.

dó, dâh dó gamak 'He, quickly he becomes big'.

7. Other Pronoun Forms.

Three seldom used pronoun forms have been found: *ngeh* 'first person singular', *meh* 'second person singular or plural', and *peh* 'third person plural'. The informant considers these forms 'old' and is unable to make impromptu sentences using them.

"CULTURE LIBRARY"

Published by the Directorate of Cultural Affairs
Ministry of Education and Culture

1. *SÛ-LIỆU VIỆT-NAM* (Documents on Vietnamese History)
by *Tuần-Lý Huỳnh-Khắc-Dụng* (246 pages) . . . 25\$
- 2.8. *ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : LỤC-TỈNH NAM-VIỆT*
(Complete Monograph of the Great Vietnam Unified :
The 6 provinces of South Vietnam)
translated by *Tu-Trai Nguyễn-Tạo*.
Part I (152 pages) 20\$
Part II (132 pages) 15\$
- 4.5. *ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN*
(Complete Monograph of the Great Vietnam Unified :
Province of Thanh-Hoa)
translated by *Á-Nam Trần-Tuấn-Khai*.
Part I (122 pages) 15\$
Part II (174 pages) 15\$
6. *ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN*
(Complete Monograph of the Great Vietnam Unified :
Central Vietnam)
translated by *Tu-Trai Nguyễn-Tạo*.
The Capital (96 pages) 15\$
- 7.8. *CỔ-ĐỒ HUẾ* (Huế, the Ancient Capital)
(History, Monuments, Sites and Anthology) by *Thái-Văn-Kiểm*
(487 pages, 53 illustrations and maps) 70\$
- 9.12. *ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN*
(Complete Monograph of the Great Vietnam Unified :
Central Vietnam)
translated by *Tu-Trai Nguyễn-Tạo*
Provinces of Quang-Tri and Quang-Binh
(208 pages) 20\$
Province of Thua-Thien Part I (144 pages) 15\$
Part II (152 pages) 15\$
Part III (134 pages) 15\$
- 13.14. *VIỆT-NAM NHÂN-VẬT CHÍ VŨNG-BIỂN*
(Glossary of Vietnamese Historical Figures)
by *Thái-Văn-Kiểm & Hồ-Đắc-Hàm* (290 pages) 55\$

15. HIGHER EDUCATION IN THE REPUBLIC OF VIETNAM
"VIETNAM CULTURE SERIES" No. 6
by Nguyễn-Đình-Hòa (32 pages) 6\$
16. LA LITTÉRATURE VIETNAMIENNE
(Introduction to Vietnamese Literature)
"VIETNAM CULTURE SERIES" No. 7
by Nguyễn-Khắc-Kham (26 pages) 6\$
17. DEMOCRACY IN TRADITIONAL VIETNAMESE SOCIETY
"VIETNAM CULTURE SERIES" No. 4
by Nguyễn-Đặng-Thục (12 pages) 6\$
18. INTRODUCTION TO VIETNAMESE POETRY
"VIETNAM CULTURE SERIES" No. 3
by Lý-Chánh-Trung (20 pages) 6\$
19. INTRODUCTION TO VIETNAMESE CULTURE
"VIETNAM CULTURE SERIES" No. 1
by Nguyễn-Khắc-Kham (28 pages) 6\$
20. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN
(Complete Monograph of the Great Vietnam Unified :
Central Vietnam)
translated by Tu-Trai Nguyễn-Tạo
Province of Bình-Đinh (196 pages) 38\$
21. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN
(Complete Monograph of the Great Viet-nam Unified :
Central Vietnam)
translated by Tu-Trai Nguyễn-Tạo
Province of Quang-Nam (282 pages) 25\$
22. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ, TRUNG-PHẦN
(Complete Monograph of the Great Vietnam Unified :
Central Vietnam)
translated by Tu-Trai Nguyễn-Tạo
Province of Quang-Ngai (212 pages) 25\$
23. ĐẠI-NAM NHẤT THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN
(Complete Monograph of the Great Vietnam Unified :
Central Vietnam)
translated by Tu-Trai Nguyễn-Tạo
Provinces of Phu-Yen and Khanh-Hoa
(242 pages) 25\$

On sale in all bookshops of the Capital and the Provinces, at
the Directorate of Cultural Affairs (89 Le-Van-Duyet Street, Saigon).

NANCY A. COSTELLO

affixes in katu

0. Introduction
1. Affixes on Verb Roots
2. Affixes on Adjective Roots
3. Affixes on Adverb Roots
4. Affixes on Noun Roots
5. Affixes on Numbers

0. Introduction.

In Katu¹ there are many affixes, occurring mainly on verb roots but also on adjective, adverb and noun roots, and on numerals and locatives. Combinations of prefixes can occur in Katu, which is fairly rare in Mon-Khmer languages. Each of the main prefixes — causative, reciprocal, adjectivizer and involuntary — is able to occur in combination with the causative prefix. The combination of prefixes occur most extensively on verb roots, but are also able to occur on adjective and noun roots.

A word in Katu has a maximum of four syllables, made possible when two prefixes are added to a two syllable root. It is expected that some unidentified presyllables will later be found to be prefixes, but until the root of a word is determined, these syllables will be treated as non-morphemic presyllables. Prefixes occur on one and two syllable roots.

<i>nhor</i> 'to love'	<i>tanhor</i> 'to love each other'
<i>daloong</i> 'to call'	<i>padaloong</i> 'to cause to call'

¹ Katu is a language of the Mon-Khmer family spoken by about 15-30,000 people in Quảng Nam and Quảng Tín provinces west of Danang. Thanks is given to Kimêtt, from An Điền, Quảng Nam, who served as language informant for most of this paper. I am indebted to David Thomas for help in the organization and writing of this paper.

The symbolization used in this paper is the same as that in J.M. Wallace, 'Katu Personal Pronouns', in this same volume.

<i>saruum</i> 'to fall'	<i>tapasaruum</i> 'to cause each other to fall'
<i>pajuaq</i> 'to persuade'	<i>tapajuaq</i> 'to persuade each other'
<i>karuaq</i> 'to hurt'	<i>pakaruuaq</i> 'to cause to hurt'

1. Affixes on Verb Roots.

1.1 Nominalizer -an-

1.1.1 Function of -an-. The infix forms derived nouns from verb, noun or adjective roots. (See also 2.1, 4. 1). Sometimes the derived noun has the meaning of *result*, or that which is acted upon, the direct object of the root action.

ḥ aó ḥ óch 'to sing'	<i>banóoch</i> 'song'
<i>cha</i> 'to eat'	<i>chana</i> 'food'
<i>chiam</i> 'to feed'	<i>chianiam</i> 'food given'
<i>chóór</i> 'to make groove on cross bow'	<i>chanóór</i> 'groove on cross bow'
<i>chuul</i> 'to make sound'	<i>chanuul</i> 'sound of animals, music'
<i>ḍak</i> 'to eat meat'	<i>danah</i> 'meat for eating'
<i>dóók</i> 'to name'	<i>danóók</i> 'a name'
<i>duruk</i> 'to wear headband'	<i>danuruk</i> 'headband'
<i>gi</i> 'to plan'	<i>gani</i> 'a plan'
<i>jur</i> 'to care for'	<i>janur</i> 'some thing cared for'
<i>klám</i> 'to urinate'	<i>kalám</i> 'urine'
<i>kuuk</i> 'to wear necklace'	<i>kanuuk</i> 'necklace'
<i>maq</i> 'to prechew food'	<i>manaq</i> 'prechewed food'
<i>póh</i> 'to sew red thread into cloth'	<i>panóh</i> 'red thread sewn into cloth'
<i>praaq</i> 'to speak'	<i>paraaq</i> 'words'
<i>seei</i> 'to judge'	<i>saneei</i> 'judgment'
<i>seet</i> 'to wear string around waist'	<i>saneet</i> 'string worn around waist'
<i>sóón</i> 'to wear earring'	<i>sanoón</i> 'earring'
<i>tá ip</i> 'to begin'	<i>tanááp</i> 'beginning'

<i>iêêng</i> 'to work'	<i>tanêêng</i> 'work'
<i>tóóm</i> 'to wrap'	<i>tanóóm</i> 'package'

Sometimes the derived noun has the meaning of *instrument*, that used to perform the action of the verb.

<i>gap</i> 'to cut with scissors'	<i>ganap</i> 'scissors'
<i>glák</i> 'to carry (by two people)'	<i>galák</i> 'pole for carrying'
<i>juut</i> 'to rub'	<i>januut</i> 'cloth for rubbing'
<i>kliang</i> 'to lock door'	<i>kaliang</i> 'wood to lock door'
<i>kuaq</i> 'to turn a key'	<i>kanuaq</i> 'key'
<i>panh</i> 'to shoot'	<i>pananh</i> 'crossbow'
<i>piih</i> 'to sweep'	<i>paniuh</i> 'broom'
<i>pruung</i> 'to blow fire'	<i>paruung</i> 'pipe to blow fire'
<i>ten</i> 'to hammer'	<i>tanen</i> 'a hammer'

Sometimes the derived noun has the meaning of *location*, the place where the action is performed.

ḥ êch 'to sleep'	<i>banêch</i> 'bed'
<i>chô</i> 'to return'	<i>chanô</i> 'road'
<i>pleh</i> 'to turn on road'	<i>paleh</i> 'crossroads'
<i>toot</i> 'to sit'	<i>tanoot</i> 'stool'

1.1.2 Differentiation of meanings.

The *result*, *instrumental*, *locational*² meanings of the derived nouns can be differentiated structurally when the undertived verb root and the derived noun are used together in a sentence.

The *result* type of derived noun can immediately follow the verb, root, and no preposition ever occurs between them.

ku praaq paraaq 'I speak words'

2 A similar distinction between result, instrument, and location is noted in Bahnar by Elizabeth Banker, 'Bahnar Affixation', in *Mon-Khmer Studies I*, Jacob 's' object mode' appears similar to our 'result', and her 'utensil' to our 'instrument', in J.M. Jacob, 'Prefixation and Infixation in Old Mon, Old Khmer, and Modern Khmer', in *Linguistic Comparison in South East Asia and the Pacific*, ed. H.L. Shorto. See also Saundra K. Watson, 'Verbal Affixation in Pacôh', in *Mon-Khmer Studies II*.

<i>ku ðah ðanah</i>	'I eat meat'
<i>ku kuuk kanuuk</i>	'I wear necklace'

The *instrumental* type of derived noun may also immediately follow the verb root, but can be distinguished from the *result* type in that the preposition *lɔq* 'by means of' can be inserted between the verb root and the derived noun.

<i>ku ten (lɔq) tanen</i>	'I hammer with the hammer'
<i>ku kuaq (lɔq) kanuaq</i>	'I turn lock with key'
<i>ku pruong (lɔq) paruung</i>	'I blow with the blowing pipe'

The *locational* type of derived noun may also immediately follow the verb root but can be distinguished from both the *result* and *instrumental* types in that the preposition *diq* 'in, on', can be inserted between the verb root and the derived noun.

<i>ku tɔɔt (diq) tanɔɔt</i>	'I sit on the stool'
<i>ku chɔ (diq) chand</i>	'I return on the road'
<i>ku ʃ êch diq banêch</i>	'I sleep on the bed'

All nominalized verbs fit one of these patterns. Only one form *ganiauq* has been found with more than one of these patterns.

<i>ku giauq (diq) ganiauq</i>	'I roast (meat) on roasting sticks'
<i>ku giauq (lɔq) ganiauq</i>	'I roast (meat) with roasting sticks'

The infix is still active in Kату, as seen in such modern innovations as :

<i>chanui</i> 'eraser'	from <i>chui</i> 'to erase'
<i>ganap</i> 'scissors'	from <i>gap</i> 'to cut hair'

Infixes may be added to loanwords from Vietnamese such as *ganh* 'to carry'.

<i>geng</i> 'to carry with pole'	<i>ganeng</i> 'carrying pole'
	<i>ganeng</i> 'a load carried'
	<i>geng pe ganeng</i> 'carry 3 loads'

This word is of interest because the derived noun can function either as *re sultor instrument*. Perhaps later the language may absorb this nominalizer into one of these categories and drop the other usage.

1.1.3 Allomorphs of *-an-*, *-an-* is the most common form of the nominalizer, but it also has the allomorphs *-a-* and *pa-* *-an-* becomes *-rn-* in some dialects : *tanɔɔt*, *trnɔɔt* 'stool'. *-an-* reduces to *-a-* before *r* and *l* because *nl* and *nr* sequences do not occur in Kату.

<i>pruong</i> 'to blow fire'	<i>paruung</i> 'pipe for blowing fire'
<i>praaq</i> 'to speak'	<i>paraaq</i> 'words'
<i>kliang</i> 'to lock door'	<i>kaliang</i> 'wood to lock door'
<i>klâng</i> 'to put a prop under'	<i>kalâng</i> 'prop'

The allomorph *pa-* has been found with only two words, *ɔɔk* and *gan*. These fit the locational type of nominalizers since the preposition *diq* can occur between the root word and derived noun.

<i>ɔɔk</i> 'to go west'	<i>pɔɔk</i> 'ground facing west'
<i>gan</i> 'to go on flat ground'	<i>pagan</i> 'flat ground'

When an infix is added to words beginning with *dy* or *n*, the initial consonant changes to *j*.

<i>dyru</i> 'to carry in pig basket'	<i>januru</i> 'pig basket'
<i>dyiik</i> 'to clear ground'	<i>janiik</i> 'cleared ground'
<i>niich</i> 'to wear belt'	<i>janiich</i> 'belt'

When verb roots beginning with preglottalization occur with the nominalizing infix, the preglottalization is lost.

<i>ʃ êch</i> 'to sleep'	<i>banêch</i> 'bed'
<i>ʃ aq</i> 'to carry on back'	<i>banaq</i> 'cloth for carrying baby on back'

1.2 Causative Prefix

pa- occurs with verbs giving them a causative meaning. (See 2.2 for *pa-* with adjectives, 4.2 for *pa-* with nouns.) *pa-* may occur with almost any transitive or intransitive verb'.

1.2.1 With transitive verbs.

When the causative prefix occurs with a transitive verb, it is followed by an intermediate causer and an object. (cf. 1.9)

<i>Mêêt ih ao</i>	'Mêêt sews shirt'
<i>Mêêt pa-ih Rim</i>	'Mêêt makes Rim sew'
<i>Mêêt pa-ih Rim ao</i>	'Mêêt makes Rim sew shirt'

pa- occurs with transitive roots such as :

<i>uach</i> 'to dig hole'	<i>pa-uach</i> 'to cause to dig hole'
<i>cha</i> 'to eat'	<i>pacha</i> 'cause to eat'
<i>glàk</i> 'to carry'	<i>paglák</i> 'cause to carry'
<i>tech</i> 'to chop tree'	<i>patech</i> 'cause to chop tree'
<i>nhor</i> 'to love'	<i>panhor</i> 'cause to love'
<i>kol</i> 'to buy'	<i>pakol</i> 'cause to buy'
<i>hur</i> 'to wreck'	<i>pahur</i> 'cause to wreck'
<i>goot</i> 'to cut hair'	<i>pagoot</i> 'cause to cut hair'
<i>looq</i> 'to peel'	<i>paloq</i> 'cause to peel'
<i>chen</i> 'to cook'	<i>pachen</i> 'cause to cook'
<i>rôq</i> 'to pull out weeds'	<i>parôq</i> 'cause to pull out weeds'
<i>kapuat</i> 'to squeeze'	<i>pakapuat</i> 'cause to squeeze'
<i>iat</i> 'to cut animate things'	<i>pa-iat</i> 'cause to cut animate things'
<i>chiat</i> 'to cut inanimate things'	<i>pachiat</i> 'cause to cut inanimate things'

1.2.2 With intransitive verbs

When the causative prefix occurs with an intransitive verb, it is followed by an intermediate causer (cf. 1.9)

ku mut 'I run'

ku pamut Rîm 'I cause Rîm to run'

pa- occurs with such intransitive roots as

<i>val</i> 'to return'	<i>paval</i> 'cause to return'
<i>ruuh</i> 'to fall'	<i>paruuh</i> 'cause to fall'
<i>chô</i> 'to return'	<i>pachô</i> 'cause to return'
<i>mut</i> 'to run'	<i>pamut</i> 'cause to run'
<i>sooq</i> 'to flee'	<i>pasooq</i> 'cause to flee'
<i>duanh</i> 'to go east'	<i>paduanh</i> 'cause to go east'
<i>nhiim</i> 'to cry'	<i>panhiim</i> 'cause to cry'
<i>môt</i> 'to enter'	<i>pamôt</i> 'cause to enter'
<i>ntôq</i> 'to fall'	<i>pantôq</i> 'cause to fall'
<i>rââm</i> 'to hope'	<i>parââm</i> 'cause to hope'

<i>nôik</i> 'to be foolish'	<i>panôik</i> 'cause to be foolish'
<i>ul</i> 'to be hungry'	<i>pa-ul</i> 'cause to be hungry'

1.2.3 Minor allomorphs. *pa-* is the most frequent form of the causative prefix, but it has the allomorphs *ta-* and *ka-* which occur with a more limited number of verbs. Most of these same verbs can also occur non-contrastively with *pa-*.

<i>ta-</i>	<i>ku tagoot Rîm sok</i>	'I cause Rîm to cut hair'
	<i>ku pagaot Rîm sok</i>	'I cause Rîm to cut hair'
	<i>ku tamôt jong</i>	'I put basket' (cause to enter)
	<i>ku pamôt jong</i>	'I put basket' (cause to enter)

Only the following roots have been found with *ta-* causative. *ablâk* 'to awake', *aguun* 'to curl up', *ḥaq* 'to carry on back', *ḥêch* 'to sleep', *ḥlêi* 'to trade', *bral* 'to arrive', *chiat* 'to cut inanimate things', *chô* 'to return', *diar* 'to go backwards', *gaaq* 'to open door', *goot* 'to cut hair', *iat* 'to cut animate things', *looq* 'to peel', *lông* 'to open', *lum* 'to meet', *mbiiq* 'to hit', *môt* 'to enter', *mut* 'to run', *panh* 'to shoot', *par* 'to fly', *peh* 'to play musical instrument', *plak* 'to break', *puah* 'to dry in sun', *prah* 'to wash hair'.

Of these, *aq*, *chiat*, *chô*, *diar*, *goot*, *looq*, *lum*, *iat*, *môt*, *val* also occur with *pa-* causative.

ka- is also an allomorph of the causative prefix. It has only been found with the verb roots *chet* 'to die', *boq* 'to pile up', *suuh* 'to poke'. It is non-contrastive with *pa-*.

<i>Rîm pasuuh Mêt mat</i>	'Rîm makes Mêt poke eye'
<i>Rîm kasuuh Mêt mat</i>	'Rîm makes Mêt poke eye'
<i>Rîm pachet anuq</i>	'Rîm causes the dog to die'
<i>Rîm kachet anuq</i>	'Rîm causes the dog to die'

1.3 Causative Passive Prefix *ha-*

ha- occurs with a few verb roots giving them a meaning of causing an inert or inanimate subject to be in a certain state. Both transitive and intransitive verb roots have been found with *ha-*: *chen* 'to cook', *vrah* 'to scatter', *ôu* 'to put away', *looq* 'to peel', *yur* 'to rise', *ul* 'to hunger'. *hâ-ul* seems to be the only one with a reflexive meaning.

<i>ku hachen aviq</i>	'I cause rice to be cooked'
<i>ku hayur đoo'k</i>	'I cause water to be raised.'
	'I raise water'
<i>ku hayur Rim</i>	'I cause Rim to be raised'
	'I lift up Rim'
<i>(ku payur Rim)</i>	'I cause Rim to get up'
<i>ku ha-ul</i>	'I am made hungry'

Verbs with *ha-* can occur both as main verbs and in adjectival constructions.

1.4 Reciprocal Prefix *ta-*

ta- occurs with verb roots giving them the reciprocal meaning 'I do it to you and you do it to me'. Almost all transitive verbs, but no intransitive verbs, can occur with the reciprocal prefix. When the reciprocal prefix occurs, it requires two actors or a plural actor. (cf. 1.9)

<i>Mèêt loq Rim tanal</i>	'Mèêt and Rim know each other'
<i>nhang tanal</i>	'we know each other'

ta- occurs with such roots as:

<i>kap</i> 'to bite'	<i>takap</i> 'bite each other'
<i>lêi</i> 'to see'	<i>talêi</i> 'see each other'
<i>tak</i> 'to stab'	<i>tatak</i> 'stab each other'
<i>kol</i> 'to buy'	<i>takol</i> 'buy from each other'
<i>nhor</i> 'to love'	<i>tanhor</i> 'love each other'
<i>nhan</i> 'to want'	<i>tanhan</i> 'want each other'
<i>leng</i> 'to kill'	<i>taleng</i> 'kill each other'
<i>pajuak</i> 'to persuade'	<i>tapajuak</i> 'persuade each other'
<i>ayð</i> 'to pity'	<i>tayð</i> 'pity each other'

1.5 Adjectivizer Prefix *ta-* (cf. 2.4, 4.3)

1.5.1 There is a *ta-* adjectivizer prefix which occurs in adjectival constructions.³ With a few exceptions, all transitive verbs can occur with

³ The adjectivizer prefix resembles the affixes called 'attributive' by Jacob, 'passive' by Banker, and 'resultant' by Watson,

this prefix, as well as a few intransitive verbs. See 1.9 for distinguishing this prefix from other homophonous affixes. *e.c.a.* occurs with verbs such as:

<i>ih ao</i>	'sew shirt'	<i>ao ta-ih</i>	'the sewn shirt'
<i>uach bống</i>	'dig hole'	<i>bống ta-uach</i>	'the dug hole'
<i>roh đong</i>	'burn house'	<i>đong taroh</i>	'the burnt house'
<i>palaang têi</i>	'turn palm up'	<i>têi tapalaang</i>	'the turned up palm'
<i>pajuk akóq</i>	'bump head'	<i>akóp tapajuk</i>	'the bumped head'
<i>leng anuq</i>	'kill dog'	<i>anuq taleng</i>	'the killed dog'
<i>lòi chana</i>	'put aside'	<i>chana talòi</i>	'the put aside food'
<i>looq priiq</i>	'peel banana'	<i>priiq talooq</i>	'the peeled banana'
<i>Rim chet</i>	'Rim dies'	<i>Rim tchet</i>	'the dead Rim'
<i>yung plak</i>	'foot breaks'	<i>yung taplak</i>	'the broken foot'

1.5.2 This affix can be identified syntactically in that it always occurs in an adjectival construction. The adjectival function of the prefix is shown by the reversability of the noun and the verb, like that of nouns and adjectives. Predicative verbs cannot reverse positions with either their subject or their object.

<i>ku lêi ao brông</i>	'I see the red shirt'
<i>ku lêi ao ta-ih</i>	'I see the sewn shirt'
<i>ku lêi ta-ih ao</i>	'I see the sewn shirt'
<i>ku ih ao</i>	'I sew the shirt'

The adjectivizer prefix has the allomorph *ka-* which occurs with only a few roots. They are the same verb roots which occur with *ka-* causative prefix.

<i>chet</i> 'to die'	<i>anuq kachet</i>	'the dead dog'
<i>suuh</i> 'to poke'	<i>mat kasuuh</i>	'the poked eye'
<i>boq</i> 'to pile up'	<i>thor kaboq</i>	'the piled up letters'

1.6 Involuntary Prefix *ta-* (cf. 4.2)

There is a *ta-* involuntary prefix which is homophonous with the *ta-* causative, *ta-* reciprocal and *ta-* adjectivizer prefixes. Most transitive verb roots can occur with the reciprocal and adjectivizer prefixes, but the number of verb roots which can occur with the involuntary prefix is

more limited. *e.c.a-* involuntary gives to verbs the meaning 'I did it accidentally', or 'the situation forced me to act against my will'. Both transitive and intransitive verbs may occur with the involuntary prefix.

Rim takluh ao 'Rim tore the shirt accidentally'
ku takabók 'I scratch accidentally (on splinter)'

Following is a list of verbs so far found with the involuntary prefix:

<i>lovi</i> 'throw away'	<i>ku talovi chana</i> 'I throw away food involuntarily'
<i>ngguh</i> 'bump'	<i>ku tangguh akók</i> 'I accidentally bump head'
<i>pajuk</i> 'bump'	<i>ku tapajuk akók</i> 'I accidentally bump head'
<i>lum</i> 'meet'	<i>ku talum Rim</i> 'I met Rim accidentally'
<i>drâng</i> 'starve'	<i>ku tadrâng</i> 'I am starving'
<i>lot</i> 'make mistake'	<i>ku talot</i> 'I make a mistake'
<i>luak</i> 'scald something'	<i>ku taluak</i> 'I accidentally scald (my hand)'
<i>ngjiq</i> 'crack something'	<i>ku tangjiq</i> 'I accidentally crack dish'
<i>katuah</i> 'scrape'	<i>ku takatuah</i> 'I accidentally scrape (on splinter)'
<i>kóóp</i> 'catch'	<i>ku takóóp kadóóng</i> 'I accidentally catch fish'
<i>kabók</i> 'scratch'	<i>ku takabók</i> 'I accidentally scratch (on splinter)'
<i>ntek</i> 'tear'	<i>ku tantek ao</i> 'I accidentally tear shirt'
<i>mbuah</i> 'bump'	<i>ku tambuah</i> 'I bump myself'
<i>kajarik</i> 'scratch'	<i>ku takajarik</i> 'I accidentally scratch (on splinter)'

Usually the transitive roots have an object, but *taloq* and *talóng* do not.

Priiq talooq 'banana peels itself'
palóng talóng 'door swings open'

See 1.9 for a discussion of the difference between the involuntary prefix and other homophonous affixes.

ta- has the minor allomorph *pa-* which has only been found in the following verbs:

ku pa ð êch 'I cannot stay awake so I go to sleep'
ku pampó 'I dream'
ku padóuq jèèn 'I hide money so it will not stolen.'

1.7 Purpose Prefix *ka-* (cf. 4.5 for *ka-* with nouns)

There is a *ka-* prefix which has the meaning of 'doing an action with purpose, effort'. Sometimes there is also the meaning of continuing action with purpose. On some of these examples it has been difficult to get any firm distinction from the native informant.

ku sir mat 'I close eyes as in sleep'
ku kasir mat 'I close eyes momentarily (deliberately)'
ku sâng 'I hear'
ku kasâng 'I strain to hear'
ku têêng 'I work'
ku katêêng 'I work longer than I need to, don't want to stop'
ku gui 'I carry on back'
ku kagui 'I carry on back continually'
ku kól 'I buy'
ku kakól 'I buy many times'
ku geng 'I carry with pole'
ku kageng 'I carry with pole many times'

1.8 Combinations of Prefixes

- (1) *Reciprocal Causative tapa-* in which *ta-* is reciprocal and *pa-* causative.
- (2) *Involuntary Causative tapa-* in which *ta-* is involuntary and *pa-* causative; *taka-* in which *ta-* is involuntary and *ka-* causative.
- (3) *Adjectivized Causative tap₁-* in which *ta-* is adjectivizer and *pa-* causative; *taka-* in which *ta-* is adjectivizer and *ka-* causative.
- (4) *Adjectivized Passive taha-* in which *ta-* is adjectivizer and *ha-* causative passive.
- (5) *Double Causative paka-* in which *pa-* and *ka-* are both causative.

(6) *Causative Passive paha-* in which *pa-* is causative and *ha-* causative passive.

The criteria for distinguishing prefixes by the addition of extra slots, discussed under section 1.9.1, are confirmed by the constructions occurring with combinations of prefixes. When an extra causer slot needs to be added to the construction, an extra causative prefix is added to make it possible. In this way some of the combinations of prefixes are built up. Every verb root which occurs with *tapa-* and *taka-* also occurs with just the causative prefix.

Mêêt loq Rim tapatêêng 'Mêêt and Rim make each other work'

Mêêt patêêng Rim 'Mêêt makes Rim work'

Not every root however which occurs with *pa-* causative can also occur with *tapa-*:

pa-uach 'cause to dig a hole' * *tapa-uach*

pandóh 'cause to wear' * *tapandóh*

1.8.1 *tapa-* reciprocal causative (cf 2.3, 4.2.2) This prefix may occur with both transitive and intransitive roots. Intransitive roots cannot occur with just *ta-* reciprocal because they do not have an object, but they can occur with *tapa-* because an extra slot is added to the construction.

Mêêt loq Rim tapanal dong 'Mêêt and Rim make each other know the house'

Mêêt loq Rim tapagluh 'Mêêt and Rim make each other go outside'

Following is a list of the verb roots which have been found with *tapa-* reciprocal causative: *ayô* 'to pity', *ḥaq* 'to carry on back', *chauq* 'to tie', *chen* 'to cook', *chiat* 'to cut inanimate things', *chô* 'to return', *chóm* 'to be able', *chung* 'to share', *daluaq* 'to push', *đok* 'to go west', *duanh* 'to go east', *glák* 'to carry', *gluh* 'to go outside', *huinh* 'to smell', *huaq* 'to open mouth', *hur* 'to wreck', *kiang* 'to want', *kol* 'to buy', *luk* 'to mix', *kapuat* 'to squeeze', *lóng* 'to open', *mbiiq* 'to hit', *mót* 'to enter', *nal* 'to know', *ngguh* 'to collide', *mpoh* 'to shoot', *mut* 'to run', *rôq* 'to pull out weeds', *saruum* 'to fall', *sâng* 'to hear', *sooq* 'to flee', *sruuk* 'to slip in mud', *suuh* 'to poke', *teng* 'to scold', *têêng* 'to work', *val* 'to return', *yrah* 'to cure', *yur* 'to rise'.

1.8.2 *tapa-* involuntary causative. This prefix is a combination of *ta-* involuntary and *pa-* causative prefixes. Only a few of the verb roots which

occur with *ta-* involuntary prefix can also occur with *tapa-* involuntary causative. They include transitive and intransitive verbs. Following is a list of these roots: *hur* 'to wreck', *râm* 'to hope', *sruuk* 'to slip in mud', *duah* 'to be able'.

ku pahur mei chen 'I cause you to break dish'

ku tahir chen 'I break the dish accidentally'

ku tapahir mei chen 'I accidentally cause you to break the dish'

A few verb roots which cannot take *ta-* simple involuntary can occur with *tapa-* involuntary causative. They are intransitive verbs of motion which are also able to occur with *tapâ-* reciprocal causative but not with *ta-* reciprocal. They have the involuntary meaning 'the situation forces me to go against my will'. These verbs are the only ones occurring with the causative which do not add an extra causer slot to the construction. Instead the causer seems to be understood, the situation which causes an action to take place. Following is a list of these verbs:

val 'to return', *chô* 'to return', *mut* 'to run', *sooq* 'to flee', *duanh* 'to go east', *đok* 'to go west', *saruum* 'to fall', *mót* 'to enter', *diar* 'to go backwards', *gluh* 'to go outside', *ku tapagluh* 'I go outside against my will'.

taka- involuntary causative. This prefix is a combination of *ta-* involuntary and *ka-* causative prefixes. This combination has only been found with *suuh* 'to poke' and *boq* 'to pile up'. It has not yet been found with *chet* 'to die', although it seems reasonable to assume that it can also occur with this verb.

ku takaboq mei tho 'I accidentally cause you to pile up letters.'

1.8.3 *tapa-* adjectivized causative is a combination of *ta-* adjectivizer and *pa-* causative prefixes. (cf 2.4, 4.2.2) Both transitive and intransitive roots can occur with *tapa-* adjectivized causative. Not all verbs which occur with the simple adjectivizer can occur with the adjectivizer causative. The following verbs have been found with this combination of prefixes: *yur* 'to rise', *chet* 'to die', *ayô* 'to pity', *hur* 'to wreck', *palaang* 'to turn up', *ngguh* 'to collide', *mbiiq* 'to hit', *chen* 'to cook', *rôq* 'to pull out weeds', *huaq* 'to open mouth', *glák* 'to carry', *luk* 'to mix', *yuah* 'to cure'.

<i>ku payur Rim</i>	'I make Rim rise'
<i>ku lèi tayur Rim</i>	'I see the risen Rim'
<i>ku lèi tapayur Rim</i>	'I see the made-to-rise Rim'
<i>ku payô Rim dô</i>	'I made Rim pity her'
<i>ku lèi tayô Rim</i>	'I see the 'pitied Rim'
<i>ku lèi tapayô Rim</i>	'I see the made-to-be-pitied Rim'

taka- adjectivized causative is a combination of *ta-* adjectivizer and *ka-* causative prefixes. Only the verbs *boq* 'to pile up', *suuh* 'to poke', and *chet* 'to die' have been found with this combination of prefixes.

<i>ku kachet anuq</i>	'I cause the dog to die'
<i>ku lèi tachet anuq</i>	'I see the dead dog'
<i>ku lèi takachet anuq</i>	'I see the made-dead dog'

1.8.4 Adjectivized Passive. *taha-* is a combination of *ta-* adjectivizer and *ha-* causative passive prefixes. Only the verbs *chen* 'to cook', *yur* 'to rise', *ôu* 'to put away', *vrak* 'to scatter', *looq* 'to peel', have been found with this combination of prefixes.

<i>ku hachen aviq</i>	'I cause rice to be cooked'
<i>ku lèi aviq tachen</i>	'I see the cooked rice'
<i>ku lèi aviq tahachen</i>	'I see the made-to-be-cooked rice'

1.8.5 Double Causative *paka-* in which *pa-* and *ka-* are both causative. All the verbs which occur with *ka-* causative can occur with *paka-*. (cf 1.2. An intransitive verb occurring with the simple causative adds a causer slot to the construction. To provide another causer slot in this construction another causative prefix must be added.

<i>ku pachet anuq</i>	I cause die dog 'I cause the dog to die'
<i>ku kachet anuq</i>	I cause die dog 'I cause the dog to die'
<i>ku pakachet mei anuq</i>	I cause cause die you dog 'I cause you to cause the dog to die'

A transitive verb occurring with the simple causative prefix adds a causer slot to the construction. If another causer is added to this construction, another causative prefix must be added.

<i>ku pasuuh mei mat</i>	I cause poke you eye 'I cause you to poke the eye'
<i>ku kasuuh mei mat</i>	I cause poke you eye 'I cause you to poke the eye'

ku pakasuuh mei ngguai mat I cause cause poke you stick eye 'I cause you to cause the stick to poke the eye'.

1.8.6 Causative Passive *paha-* in which *pa* is causative and *ha-* is causative passive.

<i>ku hayur do'ok</i>	'I cause water to be raised'
<i>ku payur Rim</i>	'I cause Rim to rise'
<i>ku hayur Rim</i>	'I lift Rim when he is inert'
<i>ku pahayur Rim do'ok</i>	I cause cause to be raised water 'I cause Rim to raise water'
<i>ku pahayur Rim dô</i>	I cause cause to be risen Rim him 'I cause Rim to lift him'

1.9 Differentiation and Distribution of the Prefixes.

1.9.1 Structural Differences between the Prefixes. The nominalizer, causative, causative passive, reciprocal, adjectivizer, involuntary and purpose prefixes can be distinguished from each other structurally in the following ways. Nominalizing affixes can be distinguished from other affixes in that they are found on verb roots in noun positions.

<i>ku ten (lôq) tanen</i>	'I hammer (with) a hammer'
The causative can be recognized by the addition of a causer slot.	
<i>Rim goot sok</i>	'Rim cut hair'
<i>Rim tagoot dô sok</i>	Rim cause cut him hair 'Rim causes him to cut hair'
<i>Rim val</i>	'Rim returns'
<i>Rim paval dô</i>	Rim causes return him 'Rim causes him to return'

The object and causer slots are not always filled but are always potential. Occurrences of the causative construction without a causer may be transformed to a construction with a causer. Following are samplings

of constructions without an object and without a causer.

Rim paval Rim cause return 'Rim causes (someone) to return'

Rim tagoot dó Rim cause cut hair him
'Rim causes him to cut (hair)'

The causative passive can be recognized by the form of the prefix and by several features distinct to this prefix. Some verbs with *ha-* add an extra slot to the construction and others do not. These constructions sometimes have a second subject which is always inert or inanimate.

ku hachen aviq I cause to be cooked rice
'I cause rice to be cooked'

ku hayur đơok I cause to be raised water
'I cause water to be raised'

The reciprocal can be recognized by the concurrent obligatory addition of another subject slot.

ku nal Rim 'I know Rim'

ku loq Rim tanal I and Rim know each other
'Rim and I know each other'

nhang tanal 'We know each other'

The adjectivizer can be recognized by its occurrence only in adjectival constructions. Adjectival constructions can be distinguished from other similar-appearing constructions by the reversability of the noun and adjective positions.

ku lèi tagoot sok 'I saw the cut hair'

ku lèi sok tagoot 'I saw the cut hair'

In an *involuntary construction*, *Rim lèi dó tadrâng* 'Rim saw him starving' may occur. But an involuntary construction does not have free reversability of word order to **Rim lèi tadrâng dó*, showing that it is not an adjectivizer construction.

The *involuntary*. When this prefix is added to a verb stem, there is no change in the construction.

Rim loi chana 'Rim throws away food'

Rim taloi chana 'Rim throws away food involuntarily'

The *purpose prefix*. When this prefix is added to a verb stem, there

is no change in the construction. Constructions containing the purpose prefix can be distinguished from involuntary constructions by the difference in the form of the prefix, and by the verb roots occurring with it, which are mutually exclusive with the roots occurring with the involuntary prefix.

ku sâng 'I hear'

ku kasâng 'I strain to hear'

1.9.2 **Distribution of the Prefixes.** Some verb roots which occur with *ta-* causative also occur with *ta-* reciprocal prefix. Following is a sampling of these verbs.

<i>looq</i>	'to peel'	<i>taloq</i>	'cause to peel'
		<i>taloq</i>	'peel each other's (banana)'
<i>lóng</i>	'to open'	<i>talóng</i>	'cause to open'
		<i>talóng</i>	'open each other's (door)'
<i>panh</i>	'to shoot'	<i>tapanh</i>	'cause to shoot'
		<i>tapanh</i>	'shoot each other'
<i>prah</i>	'to wash hair'	<i>taprah</i>	'cause to wash hair'
		<i>taprah</i>	'wash each other's hair'

Only two verbs have been found able to occur with *pa-* causative, *ta-* causative, and *ta-* reciprocal prefixes. They are *mbiiq* 'to hit' and *loob* 'to peel'.

ku pambiiq Rim anuq 'I make Rim hit the dog'

ku tambiiq Rim anuq 'I make Rim hit the dog'

ku loq Rim tambiiq 'Rim and I hit each other'

The following verbs take *ta-* causative, *ta-* involuntary, *ta-* adjectivizer and *ta-* reciprocal prefixes: *looq* 'to peel', *lóng* 'to open', *lum* 'to meet', *plak* 'to break', *panh* 'to shoot', *briah* 'to sew string on drum'.

Just as the *ta-* reciprocal and *pa-* causative prefixes are the most frequent of the simple prefixes, so the *tapa-* reciprocal causative is the most frequent of the combinations of prefixes.

2. Affixes on Adjective Roots

2.1 Nominalizer *pa-*

There are a few examples of the nominalizer converting an adjective to a noun *pa-* is the most common form of the nominalizer, with one

example of *an-*. Following is a list of the adjectives so far found occurring with the nominalizer :

<i>kâng</i> 'thick'	<i>kanâng</i> 'thickness'
<i>êêp</i> 'short'	<i>pa-êêp</i> 'shortness'
<i>dil</i> 'smooth'	<i>padil</i> 'smoothness'
<i>yaal</i> 'long'	<i>payaal</i> 'length'
<i>glâp</i> 'right size'	<i>paglâp</i> 'rightness of size'
<i>dêng</i> 'right size'	<i>padêng</i> 'rightness of size'
<i>dyâp</i> 'enough'	<i>padyâp</i> 'sufficiency'
<i>h'ok</i> 'many'	<i>pa h'ok</i> 'many'
<i>bort</i> 'all'	<i>pabort</i> 'all'
<i>jaaq</i> 'costly'	<i>janaaq</i> 'cost'

The root adjective and derived noun occur together in a question sentence. The order of derived noun and root word is reversible. This contrasts with the nominalized verbs described under sec. 1.1.

mơ kâng kanâng how much thick thickness 'how thick ?'

mơ kanâng kâng how much thickness thick 'how thick ?'

Answer *kâng* 'thick'

2.2 *pa-* Causative

pa- causative occurs with most adjectives. It functions as a verbalizer and adds an object slot to the construction. (cf 1.2) Following is a sampling of adjectives with this prefix :

<i>liam</i> 'good'	<i>ku paliam e.c. atiak</i>	I make good ground 'I make ground good'
<i>môôp</i> 'bad'	<i>ku pamôôp katiak</i>	I make bad ground 'I make ground bad'
<i>rông</i> 'wide'	<i>ku parông palông</i>	I make wide doorway 'I make doorway wide'
<i>ramaq</i> 'fat'	<i>ku paramaq akóón</i>	I make fat child 'I fatten child'
<i>ooch</i> 'thin'	<i>ku pa-ooch akóón</i>	I make thin child 'I make child thin'
<i>nhorop</i> 'dirty'	<i>ku panhorop đong</i>	I make dirty house 'I dirty house'

<i>khung</i> 'rotten'	<i>ku pakhung aviq</i>	I make rotten rice 'I caused rice to rot'
<i>nnaq</i> 'rotten'	<i>ku pannaq aviq</i>	I make rotten rice 'I cause rice to rot'
<i>chariat</i> 'cold'	<i>ku pachariat aviq</i>	I make cold rice 'I make rice cold'
<i>tam</i> 'black'	<i>ku patam nli</i>	I make black skirt 'I make skirt black'

2.3 *tapa-* Reciprocal Causative with Adjectives (cf 1.8.1)

All the adjectives so far found occurring with *pa-* causative can also occur with *tapa-* reciprocal causative.

<i>nhang tapanhorop đong</i>	'we make each other's house dirty'
<i>nhang taparamaq akóón</i>	'we make each other's children fat'
<i>nhang tapachariat aviq</i>	'we make each other's rice cold'

2.4 *tapa-* Adjectivized Causative with Adjectives (cf 1.8.3)

All the adjectives so far found with *pa-* causative can also occur with *tapa-* adjectivized causative.

<i>ku lèi tapanhorop đong</i>	'I see the made dirty house'
<i>ku lèi taparamaq akóón</i>	'I see the made fat child'
<i>ku lèi tapachariat aviq</i>	'I see the made cold rice'

2.5 Adverbialized Adjective Roots *pa-*, *tapa-*, *ta-*

pa- and *tapa-* may occur with adjective roots and function as adverbs.

<i>ku chô paliam</i>	'I return well'	<i>liam</i>	'good'
<i>ku praaq parông</i>	'I speak loudly'	<i>rông</i>	'wide'
<i>ku têêng pamôôp</i>	'I work dirtily'	<i>môôp</i>	'bad'
<i>ku têêng panhorop</i>	'I work dirtily'	<i>nhorop</i>	'dirty'
<i>ku têêng pantua</i>	'I work differently'	<i>ntua</i>	'different'
<i>ku têêng payaal</i>	'I work make long'	<i>yaal</i>	'long'
<i>ku têêng pagamak</i>	'I pretend to be tall'		
	'I work make big'	<i>gamak</i>	'big'
	'I do important work'		

ku têêng pakatriq I work make small *katrìq* 'small'
'I do unimportant work'

Only a few of the above adjective roots can occur with *tapa-* :

ku praaq taparông 'I speak loudly'

ku têêng tapayaal I make long 'I pretend to be tall'

tambreh tambrel (root is *breh brel*) 'figured', is an adjective which can also function as an adverb.

ku ve ao breh brel 'I have a figured shirt'

Causative

ku ve ao tambreh tambrel 'I have a made figured shirt'

Adverbial

ku saraq tambreh tambrel 'I did figured writing'

3. Affixes on Adverb Roots

pa- and *ta-* on adverb roots seem to have a meaning of purpose, or of continuing action with purpose, although it has been difficult to get any firm distinction from the native informant. (cf 1.7) These adverbs occur with verbs of working, speaking, or thinking.

ku praaq padian I speak asking 'I ask' *padian* 'asking'

ku praaq tapadian 'I keep on asking'

ku praaq pachei I speak want to speak well

ku praaq tapachei 'I want to speak well' *pachei* 'want well'

ku ahâm kasuung I breathe out of breath 'I am out of breath'

ku ahâm takasuung *kasuung* 'out of breath'

ku vôiq nsiin 'I go slowly' *nsiin* 'slow'

ku vôiq pansiin ~ *ku vôiq tansiin* 'I go slowly, deliberately'

ku têêng ðah 'I work quickly' *ðah* 'fast'

ku têêng padah 'I work quickly'

ku têêng jih 'I work slowly' *jih* 'slow'

ku têêng pajih 'I work slowly'

ku ahâm panhrat 'I breathe quickly' *nhwat* 'fast'

n'hang vôiq jarom 'we go together' *jarom* 'together'

n'hang vôiq pjarom 'we go together'

4. Affixes on Noun Roots

4.1 Nominalizer -an-

This infix gives the derived noun the meaning of 'content', 'that which is inside'. Only five instances of this have been found.

chè 'a vehicle' *chane* 'load in a vehicle'

jông 'a rice house' *janông* 'load of rice in rice house'

ðong 'a house' *danong* 'household'

tróm 'purple fruit' *taróm* 'juice of purple fruit'

tâm 'a root' *tânâm* 'branches of root'

When the root noun and the derived noun occur together in a sentence, the derived noun immediately precedes the root noun, with no preposition between them.

ku ve chane che 'I have a load on the car'

ku ve janông jông 'I have a rice house full of rice'

ku ve danong ðong 'I have a household in the house'

4.2. Verbalizer *pa-*, *pa-* and *ta-* causative occur with nouns, converting them to verbs. There is also one occurrence of *ha-* causative passive making a noun into a verb, and one occurrence each of *ta-* involuntary and *ta-* adjectiver.

nhuam 'pattern on skirt,' *panhuam* 'to make pattern on skirt'

ahaam 'blood' *pahaam* 'to cause to bleed'

alung 'silver in skirt' *palung* 'to make silver in skirt' or 'sew silver into skirt'

akoonh 'father' *pakoonh* 'to father, beget'

akan 'mother' *pakan* 'to mother'

akóp 'head' *takóp akóp* 'to bump head'

nuut 'a button' *panuut* 'to button'

ateet 'rust' *pateet* 'to rust'

ha- causative passive prefix with a noun :

adiiq 'wind' *hadiiq* 'to be fanned (make wind)'

ta- involuntary prefix :

brurang 'light' *taburang* 'lightning flashes'

ta- adjectivizer prefix :

akóq 'head'

ku lèi takóq akóq 'I see the bumped head'

4.2.1 Combinations of prefixes on noun roots. *tapa-* reciprocal causative which combines *ta-* reciprocal and *pa-* causative verbalizer.

nhang tapanhram nli 'we make a pattern on each other's skirt.'

nhang tapahaam 'we make each other bleed'

nhang tapalung 'we sew silver into each other's skirts'

nhang tapanuut ao 'we button each other's shirts'

There is one example of *tata-*, which combines *ta-* reciprocal and *ta-* causative prefixes.

nhang tatakóq akóq 'we bump each other's heads'

taha- reciprocal causative passive combines *ta-* reciprocal and *ha-* causative passive prefixes.

nhang tahadiiq 'we cause each other to be fanned'

tapa- adjectivized causative combines *ta-* adjectivizer and *pa-* causative prefixes.

ku lèi tapanhram nli 'I see the made patterned skirt'

ku lèi tapahaam Rim 'I see the made to bleed Rim'

ku lèi tapalung nli 'I see the made silver skirt'

ku lèi tapakoonh Rim 'I see the fathered Rim'

taha- adjectivized causative passive combines *ta-* adjectivizer and *ha-* causative passive prefixes.

ku pahadiiq mei Rim 'I cause to be fanned you Rim'

'I cause you to cause Rim to be fanned'

4.3 Adjectivizers *ta-*, *tapa-*

Prefixes occur with a few nouns, converting them to adjectives. It is expected that more examples of the adjectivizer will be found.

adi 'younger child'

akóón tadi 'younger child'

tu 'top'

akóón tapatu 'child of 2nd wife'

tââm 'bottom'

akóón tapatââm 'child of 1st wife'

tór 'end'

đong tatór 'the end house'

4.4 One *ma-*

ma- is a bound allomorph of *mui* 'one', and is the most frequent affix found on nouns. It can also occur on classifiers and adjectives.

masrang 'one arm's spread' *asurang* 'armspread'

makasé 'one month' *kase* 'month'

madiq 'one place' *diq* 'place'

mabeq 'one classifier' *abeq* 'classifier'

mabing 'one full' *bing* 'full'

masââng 'one five' *sââng* 'five'

4.5 Pluralizer *ka-*

ka- occurs with a few nouns and means 'many'.

gaak 'beam' *kagaak* 'many beams'

srq 'home country' *kasrq* 'home country emphasizing many villages'

5. Affixes on Numbers

Prefixes are not found extensively on numbers in Katu.

5.1 Prefix *ma-*

ma- is prefixed to numbers, and is a bound allomorph of *mui* 'one'. Only five, ten, one hundred, which are units, can occur with *ma-*. It is the prefix most often found on numbers.

sââng 'five' *masââng* 'one five'

jét 'ten' *majét* 'one ten'

hariang 'hundred' *mahariang* 'one hundred'

5.2 Prefix *ta-*

ta- can be prefixed to the numbers one, two, three, four, five, ten and a hundred. *ta-* has only been found with numbers occurring with the word 'hours', a borrowed word. The numbers seven (*tapól*), eight (*takól*), and nine (*takiah*) have a *ta-* presyllable so they are not prefixed. Six (*sapat*) does not have a *ta-* presyllable and neither is it prefixed.

<i>mui, tamui</i>	'one'
<i>ḥ ơ ơ, ta ḥ ơ ơ</i>	'two'
<i>pe, tape</i>	'three'
<i>puan, tapuan</i>	'four'
<i>sâng, tasâng</i>	'five'
<i>jêt, tajêt</i>	'ten'
<i>tajêt mui</i>	'eleven'
<i>tape jêt mui</i>	'thirty one'
<i>hariang, tahariang</i>	'hundred'

When the double of a number is given or when two numbers are added together, both numbers are prefixed.

<i>tamui tamui</i>	'one one'	(two)
<i>tasâng tasâng</i>	'five five'	(ten)
<i>tamui ta ḥ ơ ơ</i>	'one two'	(three)

5.3 Prefix ka-

ka- seems to have a meaning of 'many', emphasizing 'how many'.

<i>kape manuih</i>	'three people'
<i>kapuan manuih</i>	'four people'



"COLLECTION CULTURE"

éditée par la Direction des Affaires Culturelles
Ministère de la Culture et de l'Éducation

1. SỰ-LIỆU VIỆT-NAM (Documents sur l'Histoire du Việt-Nam)
par *Tuần-Lý Huỳnh-Khắc-Dụng* (246 pages) 25\$
- 2.3. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ: LỤC-TỈNH NAM-VIỆT
(Monographie complète du Việt-Nam Unifié :
traduit par *Tu-Trai Nguyễn-Tạo*.
Tome I (152 pages) 20\$
Tome II (132 pages) 15\$
- 4.5. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ: TRUNG-PHẦN
(Monographie complète du Việt-Nam Unifié :
Province de Thanh-Hóa)
traduit par *Á-Nam Trần-Tuần-Khai*.
Tome I (122 pages) 15\$
Tome II (174 pages) 15\$
6. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ: TRUNG-PHẦN
(Monographie complète du Viet-Nam Unifié : Centre Việt-Nam)
Les 6 Provinces du Sud Việt-Nam
traduit par *Tu-Trai Nguyễn-Tạo*.
La Capitale (96 pages) 15\$
- 7.8. CỔ-ĐỒ HUẾ (Huế, Ancienne Capitale)
(Histoire, Monuments, Sites et Anthologie) par *Thái-Văn-Kiểm*
(487 pages avec 53 illustrations et cartes) 70\$
- 9.12. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ: TRUNG-PHẦN
(Monographie complète du Việt-Nam Unifié : Centre Việt-Nam)
traduit par *Tu-Trai Nguyễn-Tạo*.
Provinces de Quảng-Trị et Quảng-Bình
(208 pages) 20\$
Province de Thừa-Thiên : Tome I (144 pages) 15\$
Tome II (152 pages) 15\$
Tome III (134 pages) 15\$
- 13.14. VIỆT-NAM NHÂN-VẬT CHÍ VỤNG-BIÊN
(Glossaire des Personnages historiques Vietnamiens)
par *Thái-Văn-Kiểm et Hồ-Đắc-Hàm* (290 pages) 55\$

15. HIGHER EDUCATION IN THE REPUBLIC OF VIETNAM
(L'enseignement supérieur au Viêt-Nam)
"VIETNAM CULTURE SERIES" No. 6
par Nguyễn-Đình-Hòa (32 pages) 6\$
16. LA LITTÉRATURE VIETNAMEIENNE
COLLECTION "ASPECTS CULTURELS DU VIETNAM" No. 7
par Nguyễn-Khắc-Kham (26 pages) 6\$
17. DEMOCRACY IN TRADITIONAL VIETNAMESE SOCIETY
(La Démocratie dans le Viêt-Nam traditionnel)
COLLECTION VIETNAM CULTURE SERIES No. 4
par Nguyễn-Đặng-Thục (12 pages) 6\$
18. INTRODUCTION TO VIETNAMESE POETRY
(Introduction à la Poésie Việtnamienne)
COLLECTION "VIETNAM CULTURE SERIES" No. 3
par Lý-Chánh-Trung (20 pages) 6\$
19. INTRODUCTION TO VIETNAMESE CULTURE
(Introduction à la Culture Việtnamienne)
COLLECTION "VIETNAM CULTURE SERIES" No. 1
par Nguyễn-Khắc-Kham (28 pages) 6\$
20. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN
(Monographie complète du Viêt-Nam unifié : Centre
Việt-Nam) traduit par Tu-Trai Nguyễn-Tạo
Province de Bình-Định (196 pages) 38\$
21. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN
(Monographie complète du Viêt-Nam unifié : Centre
Việt-Nam) traduit par Tu-Trai Nguyễn-Tạo
Province de Quảng-Nam (282 pages) 25\$
22. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN
(Monographie complète du Viêt-Nam unifié : Centre
Việt-Nam) traduit par Tu-Trai Nguyễn-Tạo
Province de Quảng-Ngãi (212 pages) 25\$
23. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN
(Monographie Complète du Viêt-Nam Unifié : Centre
Việt-Nam) traduit par Tu-Trai Nguyễn-Tạo
Provinces de Phú-Yên et Khánh-Hòa (242 trang) 25\$

En vente chez tous les grands libraires à Saigon comme en Province, et à
la Direction des Affaires Culturelles (89, Lê-Văn-Duyệt, Saigon).

CÙNG QUÝ VỊ VĂN HỮU,

Nhân dịp kỷ-niệm Đệ-nhị bách-chu-niên sinh-nhật
đại thi-hào Nguyễn-Du, Bộ Văn-Hoá Giáo-Dục dự
định tổ-chức :

- Một tuần lễ kỷ-niệm Thi-hào Nguyễn-Du
tại Nhà Văn-Hoá vào thượng tuần tháng 10-1965.

- Nhà-Văn-Hóa ấn hành một số Văn-Hóa
Nguyệt-San đặc biệt về Nguyễn-Du và Truyện Kiều.

Đề số báo thêm phần hoàn-hảo, Nhà Văn-Hoá
ước mong được sự cộng-tác của các văn-hữu xa
gần, vị nào có bài vở, tài-liệu khảo-cứu, thi ca,
tranh ảnh liên-quan đến Cự Tiên-Điền Nguyễn-Du
và Truyện Kiều, xin vui lòng gửi về tòa soạn V.H.N.S.,
số 89 Lê-Văn-Duyệt Sài-gòn, điện-thoại : 20.227,
trước ngày 30-8-65 để kịp thời sắp đặt công việc
trình.bày và ấn-loát.

Kính chào và thân-tạ,
V. H. N. S.

VĂN-HOÁ NGUYỆT-SAN
NĂM THỨ XIV, QUYỂN 6
(THÁNG 6, 1965) IN 2.000
CUỐN TẠI NHÀ IN ĐỨC-SINH
173, 173A, 173B ĐƯỜNG
CỎ GIANG — SAIGON.
GIẤY PHÉP XUẤT-BẢN:
NGHỊ-ĐỊNH SỐ 332
CAB/SG NGÀY 5-5-1952

Tòa Soạn: Nha Văn-Hoá (Bộ Văn-Hoá Giáo-Dục)
89, Đường Lê-Văn-Duyệt, Sài-gòn. Đ.T. 20.227
Chủ-nhiệm kiêm Chủ-bút: Nguyễn-Đình-Hòa
Tổng Thư-ký: Phùng-Bá-Khanh
Thư-ký: Nguyễn-Văn-Ninh, Phạm-Tất-Đạt, Nguyễn-Huy-Hiền
Phát-hành: Trịnh-Thị-Yên, Phạm-Thị-Thanh

THẺ-LỆ GỬI BÀI SOẠN ĐĂNG VĂN-HOÁ NGUYỆT-SAN

Tòa-soạn Văn-Hoá Nguyệt-San thành-thực đa-tạ cảm-tình nồng-hậu của các bạn xa gần có bài gửi đăng V.H.N.S. Về vấn-đề bản-thảo, xin trân-trọng lưu-ý các bạn về mấy điểm sau đây:

1. Bài soạn gửi đăng Văn-Hoá Nguyệt-San, xin gửi về Ô. Chủ-bút Văn-Hoá Nguyệt-San, 89, Đường Lê-Văn-Duyệt, Sài-gòn.
2. Bài soạn xin cho đánh máy dòng đôi (có dành lề ở cả 2 bên), hoặc viết rõ-ràng trên một mặt giấy (để giúp ấn-công xếp chữ đỡ thiếu sót, nhầm-lẫn).
3. Đầu bài soạn, xin ghi rõ, ngoài bút-hiệu, tên thực, chức-vụ và địa-chỉ hiện tại của tác-giả để tòa-soạn tiện liên-lạc hội-ý thêm, mỗi khi cần tới.
4. Nếu trong bài, có đoạn văn nào trích-dẫn, xin ghi rõ xuất-xứ (tên tác-giả tên sách, nơi xuất-bản, nhà xuất-bản, năm xuất-bản, và trích-dẫn ở trang nào).

Thí dụ: Nguyễn-Văn-X... Văn-Học Việt-Nam (Sài-gòn: X Xuất-bản-cục, 1960) trang...
Trần-Văn-X... « Diên cổ », Văn-Hoá Nguyệt-San, Tập... Số... (tháng... năm...), trang...

5. Bao nhiêu cước-chú đặt ở cuối mỗi trang, xin ghi số liên-tiếp cho toàn bài.
6. Những danh-từ kỹ-thuật và khoa-học khi dịch ra Việt-văn xin ghi rõ cả nguyên-văn ngoại-ngữ (Anh, Pháp...).
7. Bài nào đã gửi đăng báo khác, xin miễn gửi đăng V.H.N.S. Khi bài đã gửi cho đăng V.H.N.S., mà soạn-giả sau lại muốn gửi bài ấy đăng báo khác, xin báo tin ngay cho tòa-soạn V.H.N.S. để kịp thời hoãn đăng, ngõ hầu tránh sự trùng-điệp.
8. Tòa-soạn tùy-nghị lựa chọn, sửa chữa và xếp đặt các bài đăng V.H.N.S. Những bài đã nhận đăng sẽ đăng dần, còn đăng sớm hay muộn là tùy nhiều lý-do kỹ-thuật, chuyên-môn, v.v..., mong các bạn thông-cảm.
9. Những bản thảo gửi quá ba tháng mà không thấy đăng hay trả lời, có thể coi như là không đăng. Những bài không đăng được, không có lệ trả lại bản thảo.
10. Mỗi tác-giả hoàn-toàn chịu trách-nhiệm về bài của mình.

VĂN-HOÁ NGUYỆT-SAN
NĂM THỨ XIV, QUYỀN 6
(THÁNG 6, 1965) IN 2.000
CUỐN TẠI NHÀ IN ĐỨC-SINH
173, 173A, 173B ĐƯỜNG
CÔ GIANG - SAIGON.
GIẤY PHÉP XUẤT-BẢN :
NGHỊ - ĐỊNH SỐ 332
CAB/SG NGÀY 5-5-1952

Tòa Soạn : Nha Văn-Hoá (Bộ Văn-Hoá Giáo-Dục)
89, Đường Lê-Văn-Duyệt, Sài-gòn. Đ.T. 20.227
Chủ-nhiệm kiêm Chủ-bút : Nguyễn-Đình-Hòa
Tổng Thư-ký : Phùng-Bá-Khanh
Thư-ký : Nguyễn-Văn-Ninh, Phạm-Tất-Đạt, Nguyễn-Huy-Hiền
Phát-hành : Trịnh-Thị-Yên, Phạm-Thị-Thanh

THẺ-LỆ GỬI BÀI SOẠN ĐĂNG VĂN-HOÁ NGUYỆT-SAN

Tòa-soạn Văn-Hoá Nguyệt-San thành-thực đa-tạp cảm-tình nồng-hậu của các bạn xa gần có bài gửi đăng V.H.N.S. Về vấn-đề bản-thảo, xin trân-trọng lưu-ý các bạn về mấy điểm sau đây :

1. Bài soạn gửi đăng Văn-Hoá Nguyệt-San, xin gửi về Ô. Chủ-bút Văn-Hoá Nguyệt-San, 89, Đường Lê-Văn-Duyệt, Sài-gòn.
2. Bài soạn xin cho đánh máy đồng đôi (có dành lề ở cả 2 bên), hoặc viết rõ-ràng trên một mặt giấy (để giúp ăn-công xếp chữ đỡ thiếu sót, nhầm-lẫn).
3. Đầu bài soạn, xin ghi rõ, ngoài bút-hiệu, tên thực, chức-vụ và địa-chỉ hiện tại của tác-giả để tòa-soạn tiện liên-lạc hội-ý thêm, mỗi khi cần tới.
4. Nếu trong bài, có đoạn văn nào trích-dẫn, xin ghi rõ xuất-xứ (tên tác-giả tên sách, nơi xuất-bản, nhà xuất-bản, năm xuất-bản, và trích-dẫn ở trang nào).

Thí dụ : Nguyễn-Văn-X... Văn-Học Việt-Nam (Sài-gòn : X Xuất-bản-cục, 1960) trang...
Trần-Văn-X... « Điện cổ », Văn-Hoá Nguyệt-San, Tập... Số... (tháng... năm...), trang...

5. Bao nhiêu cước-chú đặt ở cuối mỗi trang, xin ghi số liên-tiếp cho toàn bài
6. Những danh-từ kỹ-thuật và khoa-học khi dịch ra Việt-văn xin ghi rõ cả nguyên-văn ngoại-ngữ (Anh, Pháp...).
7. Bài nào đã gửi đăng báo khác, xin miễn gửi đăng V.H.N.S. Khi bài đã gửi cho đăng V.H.N.S., mà soạn-giả sau lại muốn gửi bài ấy đăng báo khác, xin báo tin ngay cho tòa-soạn V.H.N.S. để kịp thời hoãn đăng, ngõ hầu tránh sự trùng-điệp.
8. Tòa-soạn tùy-nghị lựa chọn, sửa chữa và xếp đặt các bài đăng V.H.N.S. Những bài đã nhận đăng sẽ đăng dần, còn đăng sớm hay muộn là tùy nhiều lý-do kỹ-thuật, chuyên-môn, v.v..., mong các bạn thông-cảm.
9. Những bản thảo gửi quá ba tháng mà không thấy đăng hay trả lời, có thể coi như là không đăng. Những bài không đăng được, không có lệ trả lại bản thảo.
10. Mỗi tác-giả hoàn-toàn chịu trách-nhiệm về bài của mình.

CORNELL
UNIVERSITY
OCT 14 1965
LIBRARY

GIÁ BÀN TOÀN QUỐC

1 số (tư nhân) 128

1 số (công sở) 248